Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Tờ trình xin phê duyệt E-HSMT, Báo cáo thẩm định E-HSMT, Quyết định phê duyệt E-HSMT và E-HSMT gói thầu số 442/ĐTRR/GPYTS/VBSC/2025: Phát triển các tính năng phần mềm thuộc Hệ thống giải pháp dữ liệu y tế - giai đoạn 02

Đơn vị trình ký: Bộ phận Mua sắm - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Khối cơ quan - TCT GPDN - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel

Danh sách ký duyệt

STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến
1	NGUYỄN MẠNH HỔ	Tổng Giám đốc - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	08/01/2026 06:38:54	
2	NGUYỄN CHÍ THANH	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	07/01/2026 17:37:25	
3	PHẠM QUANG HIẾU	Trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ - Phòng Khoa học Công nghệ - Khối cơ quan - TCT GPDN - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	07/01/2026 08:06:33	
4	ĐẶNG HỒNG TRIỀU	Trưởng phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Khối cơ quan - TCT GPDN - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	06/01/2026 09:07:33	
5	NGUYỄN	Giám đốc Trung	06/01/2026	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	VIỆT ANH	tâm Khách hàng Y tế - Giáo dục - Trung tâm Khách hàng Y tế - Giáo dục - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	07:46:32	
6	HOÀNG VĂN THỦY	Chuyên viên kế toán phần hành (doanh thu, hàng hóa, chi phí, công nợ, mua sắm, ngân quỹ, xdcb, tscđ) - Trợ lý nghiệp vụ - Phòng Tài chính - Khối cơ quan - TCT GPDN - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	03/01/2026 22:06:43	
7	ĐÀO NGUYÊN TÙNG	Nhân viên Đầu tư mua sắm - Bộ phận Mua sắm - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Khối cơ quan - TCT GPDN - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	31/12/2025 22:05:18	
8	LÊ DUY MINH	Phó Phòng Sản phẩm Y tế - Phòng Sản phẩm Y tế - Trung tâm Xã hội số - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	31/12/2025 21:52:50	

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

HỒ SƠ MỜI THẦU
DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN QUA MẠNG ĐẤU THẦU QUỐC GIA, MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu:	442/ĐTRR/GPYTS/VBSC/2025: "Phát triển các tính năng phần mềm thuộc Hệ thống giải pháp dữ liệu y tế - giai đoạn 02"
Dự án:	Dự án đầu tư nâng cấp Hệ thống Giải pháp Dữ liệu Y tế
Ban hành kèm theo Quyết định:	Quyết định số /QĐ-VTS ngày / /202...

CHỦ ĐẦU TƯ
[Ký tên, đóng dấu pháp nhân]

Đại tá Nguyễn Mạnh Hổ

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Quy chế LCNT	Quy chế lựa chọn nhà thầu tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Ban hành kèm theo Quyết định số 12869/QĐ-CNVTQĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội). Quy chế này được đăng tải trên website: Dauthau.viettel.com.vn
Tập đoàn hoặc Viettel	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Hệ thống	Hệ thống là Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia (muasamcong.mpi.gov.vn).
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-TBMT	Thông báo mời thầu
E-CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng.

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT);
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu);
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật);
- Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính);
- Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)).

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT, E-HSDT và hợp đồng.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư - *Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội* (Đại diện chủ đầu tư: *Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp viễn thông Quân đội*) phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu: 442/ĐTRR/GPYTS/VBSC/2025: "Phát triển các tính năng phần mềm thuộc Hệ thống giải pháp dữ liệu y tế - giai đoạn 02". 1.3. Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp Hệ thống Giải pháp Dữ liệu Y tế 1.4. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập): Gói thầu không chia phần. **1.5. Việc tổ chức LCNT gói thầu này thực hiện theo Quy chế LCNT.**
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu: Vốn góp của chủ sở hữu.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận hoặc môi giới hối lộ; 4.2. Can thiệp trái pháp luật hoặc trái quy định của Tập đoàn vào hoạt động lựa chọn nhà thầu; 4.3. Dàn xếp, thông thầu, gian lận, che giấu hoặc hành vi cố ý khác làm sai lệch thông tin, KQLCNT. Khái niệm những hành vi này được hiểu theo quy định của Luật đấu thầu; 4.4. Chia nhỏ gói thầu trái quy định để chỉ định thầu hoặc để không hình thành gói thầu; 4.5. Tiết lộ, lợi dụng thông tin nội bộ và các thông tin liên quan trong quá trình tổ chức LCNT nhằm trục lợi; 4.6. Không trung thực trong cung cấp hồ sơ, tài liệu; 4.7. Cản trở, đe dọa, mua chuộc thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định hoặc cá nhân khác có liên quan; 4.8. Chuyển nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	phụ đã đề xuất trong E-HSDT, HSĐX mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng. 4.9. Đưa thông tin thất thiệt, không đúng sự thật lên các phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn; 4.10. Lợi dụng việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để gửi đơn thư sai sự thật, gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu; f) Có tên trong Danh sách ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngắn; 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Các điều kiện tại điểm e, f Mục 5.1. 5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:58:54
4349 98_Đào Nguyễn Tùng_09:30 08/01/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Các điều kiện tại điểm d, e Mục 5.1. 5.4. Các nhà thầu có thể liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh để tham dự thầu, đứng tên dự thầu. Trong trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu. 5.5. Các Đơn vị thành viên của Tập đoàn được phép tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn và được mặc định là có tư cách hợp lệ. 5.6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định: Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng: Không có; + Tư vấn kiểm định: Không có; + Tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu (nếu cần thiết): Không có. - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)[1]. - Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} Xi \times Yi$$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

[1] Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Chương I, Chương II, Chương III, Chương IV cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật. - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.4. Hội nghị tiền đấu thầu: không. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.5. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.6. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của hệ thống. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt (trừ trường hợp catalogue đính kèm của hãng sản xuất/nhà sản xuất không có phiên bản tiếng Việt thì chấp nhận bằng tiếng Anh). Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung bản dịch tiếng Việt (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 02 (02A hoặc 02B) chương IV của E-HSMT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 chương IV của E-HSMT (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các tài liệu khác nộp cùng E-HSDT như sau: không yêu cầu.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT. Nhà thầu chịu trách nhiệm thống nhất các thông tin kê khai trên Hệ thống với E-HSDT đính kèm. Trường hợp có sự khai khác giữa các thông tin kê khai trên Hệ thống và thông tin trong E-HSDT đính kèm thì thông tin kê khai trên Hệ thống là căn cứ để đánh giá E-HSDT (ngoại trừ Bảo lãnh dự thầu).
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế. Trường hợp Nhà thầu "được phép" nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương II.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11A Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký 08/01/2026 09:30 _ 0434998 _ Đào Nguyễn Tùng

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột "Danh mục dịch vụ", "Mô tả dịch vụ" theo Mẫu số 11A Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Quy chế LCNT. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo Mẫu số 11A Chương IV.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương III. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương III.
16. Tài liệu chứng minh	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực thực hiện gói thầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu	theo yêu cầu tại Chương II. Trường hợp nhà thầu được mời thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện như sau: Không yêu cầu.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ ký; 08/01/2026 09:30:34 _ 0343498 _ Dao Nguyen Tung _ 09:30 08/01/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể như sau: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 56.865.600 VNĐ . - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 150 ngày tính từ ngày đóng thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký; 0401002038354 _ Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký; 8/1/2026 6:38:54 _ 4534998 _ Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). 18.4. Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư: a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng; b) Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu rút E-HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký; 08/01/2026 09:33:54 Tổng Giám đốc Nguyễn Tùng_ 09:30 08/01/2026 43498_Đào Nguyễn Tùng

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	nhà thầu trong E-HSDT. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời thương thảo hợp đồng và được tính từ ngày thực hiện thương thảo hợp đồng). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi thương thảo hợp đồng nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết trong E-HSDT của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, không được bắt buộc nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu, nhưng nhà thầu phải cam kết về trách nhiệm dự thầu.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại **E-TBMT.** 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Quy chế LCNT; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Quy chế LCNT. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đóng thầu, bao gồm các nội dung chủ

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký 08/01/2026 09:30 _ 0106034998 _ Đào Nguyễn Tùng

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư gửi yêu cầu làm rõ để nhà thầu bổ sung, làm rõ để chứng minh các thông tin này đã tồn tại trước thời điểm đóng thầu, không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã chào trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Đối với thỏa thuận liên danh, được phép làm rõ các nội dung liên quan đến công việc và tỷ lệ thực hiện của các thành viên trong liên danh. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT. 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định: - Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 30% giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu. 27.5. Nhà thầu không được thực hiện hành vi chuyển nhượng thầu: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng. b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư chấp thuận.
28. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	28.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong E-HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm nhưng lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi; c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b khoản này; d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong E-HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 28.2 E-CDNT; đ) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT. 28.2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp: a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với phần dịch vụ: Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong E-HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì **được coi** là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng E-HSDT. Trường hợp hạng mục công việc nêu trong E-HSMT không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong E-HSDT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các E-HSDT. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của E-HSMT được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này. Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong E-HSMT được coi

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký: 08/01/2026 09:30 _ 0338543498 _ Dao Nguyen Tung _ 09:30 08/01/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này; b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp: Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT. 28.3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. 28.4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất: Trường hợp E-HSDT của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 28.2 E-CDNT vẫn được xếp hạng thứ nhất và E-HSDT của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các E-HSDT vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu). 28.5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các Mục 28.1, 28.2, 28.3, 28.4 E-CDNT, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với E-HSDT của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của chủ đầu tư không phù hợp, chính xác.
29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng.	29.1. Nguyên tắc ưu đãi: a) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hoặc các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (Đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc giá đánh giá (Đối với phương pháp giá đánh giá) hoặc điểm kỹ thuật (đối với phương pháp giá cố định) không bằng nhau thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. b) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 29.2 CNDT. 29.2. Việc xác định ưu đãi được thực hiện trong quá trình xếp hạng E-HSDT. Cách áp dụng ưu đãi được thực hiện như sau: - Trường hợp các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (Đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc giá đánh giá (Đối với phương pháp giá đánh giá) hoặc điểm kỹ thuật (đối với phương pháp giá cố định) bằng nhau, ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi dưới đây: + Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan.
30. Đánh giá E-HSDT	30.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định sau để đánh giá E-HSDT. Phương pháp đánh giá E-HSDT là:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	- Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: áp dụng phương pháp giá thấp nhất. 30.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 30.1 E-CDNT, tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại Mục 30.3 hoặc Mục 30.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. 30.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với tất cả phương pháp đánh giá): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại Mục 2 Chương II - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực thực hiện gói thầu thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương II. Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định sau: Xếp hạng nhà thầu: - *Chọn phương pháp giá thấp nhất thì quy định:* Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. 30.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp "giá thấp nhất", các E-HSDT đều không phải sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất). a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 30.3

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	E-CDNT. c) Bước 3: Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại điểm b Mục 30.3 E-CDNT. d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 30.3 E-CDNT. đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo. 30.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT: a) Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Bảo đảm dự thầu: Thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) là căn cứ để đánh giá; c) Trường hợp các thông tin, tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, không đính kèm hoặc kê khai, đính kèm nhưng không đầy đủ, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thông tin, tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại; d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Quy chế LCNT. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin về đối tượng được hưởng ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi; e) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
31. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng	31.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư[1] tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất. c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV; d) Các tài liệu chứng minh về năng lực thực hiện gói thầu mà nhà thầu đã kê khai, đính kèm trong E-HSDT như: Hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp

[1] Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký 0100102038514 Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký; 08/01/2026 06:38:34
4349 98_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	luật…); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); hoặc tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu khác đã kê khai trong E-HSDT. đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). 31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng. Nhà thầu thương thảo thành công sẽ được xét duyệt trúng thầu. 31.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời thương thảo hợp đồng đến nhà thầu. Trong Thông báo phải ghi rõ thời gian, địa điểm thương thảo hợp đồng trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 31.4. Nguyên tắc thương thảo, nội dung thương thảo: a) Nguyên tắc thương thảo: - Chỉ thương thảo những điểm chưa rõ, chưa thống nhất giữa E-HSDT và E-HSMT. Không thương thảo những nội dung đã rõ, đã thống nhất giữa E-HSDT và E-HSMT. b) Nội dung thương thảo hợp đồng: - Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng; - Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong E-HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế; - Thương thảo về nhân sự: Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu; - Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; - Thương thảo về giá (nếu có). Trong trường hợp này, giá sau thương thảo là giá đề nghị trúng thầu.

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 09:30 Tổng Giám đốc Nguyễn Tùng_ 08/01/2026 09:30 A34998_Đào Nguyễn Tùng

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.
32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II; 32.2. Có năng lực thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II; 32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II; 32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định sau: - *Chọn phương pháp giá thấp nhất thì quy định:* "Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất"; Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần. 32.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt và thương thảo hợp đồng thành công. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
33. Hủy thầu	33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) E-HSMT không tuân thủ quy định dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; c) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; d) Đấu thầu trước nhưng Dự án/khoản đầu tư không được phê duyệt theo khoản 5 Điều 25 của Quy chế LCNT. e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 15 Điều 36 Quy chế LCNT. 33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Quy chế LCNT dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký 08/01/2026 09:30 Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký 08/01/2026 09:30 _ 0343998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026 _ 0343998_Dao Nguyen Tung

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 27 của Quy chế LCNT.
34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 34.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
35. Thay đổi khối lượng dịch vụ	35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ (*Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 30%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 30%)* và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT.

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký; 08/01/2026 06:38:54
Tổng Giám đốc Nguyễn Tùng_ 09:30 08/01/2026
4349918_Đào Nguyễn Tùng

36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Chương IV cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng. 37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	38.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Chương IV. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Chương IV hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
39. Giải	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

quyết kiến nghị trong đấu thầu	quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 37 và 38 của Quy chế LCNT. 38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ sau: - Người có thẩm quyền: Ông Tào Đức Thắng - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông quân đội.. + Địa chỉ: Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội + E-mail: ThangTD@viettel.com.vn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu[1] không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11A Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại Bảng số 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung gồm: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế; năng lực tài chính gồm doanh thu bình quân hàng năm; khả năng thực hiện gói thầu (nếu có) để đánh giá năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu; nhân

[1] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

sự chủ chốt (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hiện gói thầu.

Năng lực của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC THỰC HIỆN GÓI THẦU

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
				Nhà thầu liên danh		
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022(2) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu (3).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế(4) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong E-HSDT
3	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03(6)năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 5.686.560.000 (7)VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	**Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự**	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ(8) trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022(9) đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Xây dựng, phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa hoặc bảo trì phần mềm[10]; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 1.705.968.000 VND [11]. Trường hợp gói thầu có nhiều loại dịch vụ khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.				

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào thương thảo hợp đồng. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm và không phải kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại. Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm, doanh thu bình quân hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong năm tính đến thời điểm nộp thầu trên cơ sở báo cáo tài chính kỳ gần nhất.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bảng X

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM

(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Tính chất hợp đồng tương tự	Quy mô hợp đồng tương tự ** (VND)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bảng Y

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự (VND)[(1)]
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
…	…	

Ghi chú:

Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10), (11) Bảng số 01 Chương này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 Quy chế LCNT.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (1)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn(2)
1			*tối thiểu__năm hoặc tối thiểu___hợp đồng*	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2			*tối thiểu__năm hoặc tối thiểu___hợp đồng*	
3				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu.Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 Quy chế LCNT.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
…		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, tiến độ cung cấp dịch vụ, giải pháp, phương pháp luận (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương III. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt[(1)]:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt:

TT	Tiêu chuẩn	Sử dụng tiêu chí: Đạt/Không đạt
1.	**Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc**	
1.1.	Nhà thầu có thuyết minh và được đánh giá đã thể hiện được sự hiểu biết về gói thầu, cam kết chấp nhận mọi điều kiện được nêu trong Chương III, E-HSMT.	**Đạt**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

<table>
<tr><td>1.2.</td><td>Không đáp ứng yêu cầu trên</td><td>Không đạt</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp, biện pháp tổ chức cung cấp sản phẩm</td><td></td></tr>
<tr><td>2.1.</td><td>- Nhà thầu đề xuất giải pháp/biện pháp tổ chức cung cấp sản phẩm để đáp ứng tiến độ, chất lượng sản phẩm bàn giao.
- Nội dung giải pháp rõ ràng, phù hợp, hợp lý với điều kiện của gói thầu.</td><td>Đạt</td></tr>
<tr><td>2.2.</td><td>Không đáp ứng yêu cầu trên</td><td>Không đạt</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Tính đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật</td><td></td></tr>
<tr><td>3.1</td><td>Yêu cầu kỹ thuật được đánh giá là đạt khi:
+ Đạt 100% chỉ tiêu kỹ thuật bắt buộc (M-Mandatory)
+ Đạt >= 50% tổng số chỉ tiêu kĩ thuật tùy chọn (O – Optional)
Yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ quy định tại Mục 1.2, Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật trong E-HSMT.
Nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT Bảng tuyên bố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ (Thông tin chứng minh bằng phương pháp luận/giải pháp kỹ thuật/thuyết minh kỹ thuật hoặc tài liệu khác tương đương) được lập dạng bảng gồm tối thiểu các thông tin với cấu trúc sau theo Mẫu dưới đây:
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</th><th>Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn/ KĐG: Không đánh giá)</th><th>Tuyên bố đáp ứng</th><th>Thông tin chứng minh</th></tr>
<tr><td>(1)</td><td>(2)</td><td>(3)</td><td>(4)</td><td>(5)</td><td>(6)</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
* Những nội dung nào không có trong phương pháp luận/giải pháp kỹ thuật/thuyết minh kỹ thuật, … mà sản dịch vụ thầu vẫn có thể đáp ứng cần có cam kết từ nhà thầu hoặc nhà sản xuất để làm căn cứ đánh giá.</td><td>Đạt</td></tr>
<tr><td>3.2</td><td>Không đáp ứng yêu cầu trên</td><td>Không đạt</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu</td><td></td></tr>
</table>

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

4.1	Nhà thầu có cam kết đáp ứng thời gian thực hiện gói thầu, tiến độ bàn giao sản phẩm đảm bảo chất lượng dịch vụ theo yêu cầu của gói thầu: - Thời gian thực hiện hợp đồng: được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.	**Đạt**
4.2	Nhà thầu không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu nội dung trên.	**Không đạt**
5.	**Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì**	
5.1	Nhà thầu có cam kết: - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng. - Thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót: trong suốt thời gian bảo hành, khi có bất cứ sự cố nào xảy ra, nhà thầu sẵn sàng nhận thông tin yêu cầu dịch vụ 24 giờ/ngày và 07 ngày trong tuần kể cả ngày nghỉ, ngày lễ; có trách nhiệm xử lý sự cố trong thời gian nhanh nhất: + Đối với những lỗi nhẹ, thời gian khắc phục sự cố không được vượt quá 24h kể từ khi nhà thầu nhận được thông báo sự cố. + Đối với những lỗi phức tạp thời gian khắc phục sự cố không được vượt quá 72h kể từ khi nhà thầu nhận được thông báo sự cố.	**Đạt**
5.2	Nhà thầu không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng các yêu cầu nội dung trên.	**Không đạt**
Kết luận		**Đạt/Không đạt**

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không được phép.

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CHƯƠNG III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về Dự án, gói thầu

1.1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp Hệ thống Giải pháp Dữ liệu Y tế.
- Tổng mức đầu tư: 29.114.270.276 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT).
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.
- Đại diện chủ đầu tư: Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp viễn thông Quân đội.
- Nguồn vốn: Vốn góp của chủ sở hữu.
- Tiến độ thực hiện Dự án: Quý IV/2023 đến Quý IV/2027.
- Địa điểm đầu tư: Tại Hà Nội, Việt Nam.
- Quy mô Dự án:

+ Xây dựng mới 03 Hệ thống: Phần mềm hệ thống Báo cáo điều hành và khai thác dữ liệu; Phần mềm Hệ thống kho dữ liệu Y tế - Datalake; Phần mềm Hệ thống Trục chuyển mạch Y tế.

+ Nâng cấp 01 Hệ thống: Phần mềm Hệ thống Hồ sơ sức khoẻ điện tử.

1.1.2. Thông tin chung về Gói thầu

- Số và tên gói thầu: 442/ĐTRR/GPYTS/VBSC/2025: "Phát triển các tính năng phần mềm thuộc Hệ thống giải pháp dữ liệu y tế - giai đoạn 02".
- Giá gói thầu: 5.686.560.00VNĐ.
- Nguồn vốn: Vốn góp của chủ sở hữu.
- Hình thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức LCNT: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian LCNT: 50 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Tháng 01/2026.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 110 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết các hạng mục dịch vụ như sau:

1.2.1. Phần mềm Hệ thống Hồ sơ sức khỏe

1.2.1.1. Yêu cầu về nền tảng Công nghệ

TT	Hạng mục	Mô tả
1	Database	MariaDB
2	Database NoSL	Elasticsearch
3	Backend	JAVA
4	Web Frontend	Angular
5	Cache	Redis Cache
6	Message Queue	Kafka
7	HĐH Server ứng dụng	Linux (Centos/Ubuntu)
8	HĐH Server database	Linux (Centos/Ubuntu)
9	HĐH máy trạm sử dụng phần mềm	MS Windows 7/8/10/11 hoặc mới hơn
10	Mô hình phát triển	Hệ thống phát triển theo mô hình Kiến trúc Microservice
11	Trình duyệt	Đáp ứng trình duyệt Chrome từ version 56, Firefox từ version 57,Cốc cốc từ version 90
12	Công cụ phát triển	IntelliJ IDEA 2024 Community Edition

1.2.1.2. Yêu cầu kỹ thuật

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
A	**Chi tiết chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm**			
I	***Chỉ tiêu chức năng***			
1	**Tính phù hợp chức năng:**Tính phù hợp của chức năng so với nhu cầu người dùng và tiêu chuẩn.			
	API chia sẻ thông tin bệnh nhân			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_1	API hiển thị thông tin bệnh nhân phục vụ tra cứu bệnh nhân	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
	API chia sẻ thông tin sức khỏe theo QĐ 1332/QĐ-BYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_2	API Hiển thị thông tin sức khỏe theo mẫu tại QĐ 1332/QĐ-BYT	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_3	API Xem chi tiết lịch sử khám chữa bệnh theo QĐ 1332/QĐ-BYT	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
	API nhận dữ liệu từ HIS			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_4	API nhận dữ liệu đơn thuốc	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_5	API nhận dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_6	API nhận dữ liệu giấy chứng sinh	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_7	API nhận dữ liệu tử vong	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
	Theo dõi liên thông đơn thuốc			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_8	Xem lịch sử liên thông đơn thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_9	Xuất danh sách lịch sử liên thông đơn thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_10	Đồng bộ lại file liên thông thuốc lỗi	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_11	Xem chi tiết hồ sơ liên thông đơn thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_12	Tải file liên thông đơn thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Theo dõi liên thông giấy khám sức khỏe lái xe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_13	Xem lịch sử liên thông giấy khám sức khỏe lái xe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_14	Xuất danh sách lịch sử liên thông giấy khám sức khỏe lái xe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_15	Đồng bộ lại file liên thông giấy khám sức khỏe lái xe lỗi	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_16	Xem chi tiết hồ sơ liên thông giấy khám sức khỏe lái xe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_17	Tải file liên thông giấy khám sức khỏe lái xe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Theo dõi liên thông giấy chứng sinh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_18	Xem lịch sử liên thông giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_19	Xuất danh sách lịch sử liên thông giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_20	Đồng bộ lại file liên thông giấy chứng sinh lỗi	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_21	Xem chi tiết hồ sơ liên thông giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_22	Tải file liên thông giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Theo dõi liên thông hồ sơ tử vong			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_23	Xem lịch sử liên thông hồ sơ tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_24	Xuất danh sách lịch sử liên thông hồ sơ tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_25	Đồng bộ lại file liên thông hồ sơ tử vong	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_26	Xem chi tiết hồ sơ liên thông hồ sơ tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_27	Tải file liên thông hồ sơ tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Đồng bộ HSSK về kho trung tâm dữ liệu tại Tỉnh/Thành phố			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Chức năng đẩy dữ liệu sức khỏe người dân về Trung tâm dữ liệu Tỉnh/Thành phố			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Theo dõi đồng bộ dữ liệu nhân khẩu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_28	Tra cứu hồ sơ đồng bộ nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_29	Đồng bộ dữ liệu từng nhân khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_30	Đồng bộ dữ liệu nhiều nhân khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Theo dõi đồng bộ dữ liệu hộ khẩu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_31	Tra cứu hồ sơ đồng bộ hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_32	Đồng bộ dữ liệu từng hộ khẩu theo cấu hình	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_33	Đồng bộ dữ liệu nhiều hộ khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Theo dõi đồng bộ dữ liệu Lịch sử khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_34	Tra cứu đồng bộ thông tin lịch sử Khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_35	Đồng bộ dữ liệu Lịch sử khám chữa bệnh và các giấy tờ điều trị của từng bệnh nhân	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_36	Đồng bộ dữ liệu Lịch sử khám chữa bệnh và các giấy tờ điều trị của nhiều bệnh nhân	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Theo dõi đồng bộ dữ liệu tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_37	Tra cứu đồng bộ thông tin tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_38	Đồng bộ dữ liệu thông tin tiêm chủng của từng nhân khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_39	Đồng bộ dữ liệu thông tin tiêm chủng của nhiều nhân khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Theo dõi đồng bộ dữ liệu Hồ sơ sức khỏe theo QĐ 831			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_40	Tra cứu đồng bộ hồ sơ sức khỏe theo QĐ 831/QĐ-BYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_41	Đồng bộ dữ liệu thông tin sức khỏe theo QĐ 831 của từng nhân khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_42	Đồng bộ dữ liệu thông tin sức khỏe theo QĐ 831 của nhiều nhân khẩu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Cấu hình đồng bộ dữ liệu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_43	Danh sách cấu hình tài khoản và API đồng bộ dữ liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_44	Thêm cấu hình tài khoản và API đồng bộ dữ liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_45	Sửa cấu hình tài khoản và API đồng bộ dữ liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_46	Xóa cấu hình tài khoản và API đồng bộ dữ liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Báo cáo thống kê			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Tra cứu dịch vụ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_47	Báo cáo tra cứu dịch vụ	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_48	Xuất báo cáo tra cứu dịch vụ	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Tốc độ gia tăng chi phí			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_49	Báo cáo tốc độ gia tăng chi phí	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_50	Xuất báo cáo tốc độ gia tăng chi phí	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ em (dưới 6 tuổi)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý thông tin trẻ em (dưới 6 tuổi)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_51	Danh sách thông tin trẻ em	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_52	Xem chi tiết hồ sơ sức khỏe trẻ em	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_53	Xuất danh sách thông tin trẻ em	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo trẻ suy dinh dưỡng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_54	Báo cáo trẻ suy dinh dưỡng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_55	Xuất báo cáo trẻ suy dinh dưỡng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo trẻ Thừa cân, béo phì			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_56	Báo cáo Thừa cân, béo phì trẻ em (dưới 6 tuổi)	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_57	Xuất báo cáo Thừa cân, béo phì trẻ em (dưới 6 tuổi)	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo tình hình mắc bệnh ở trẻ em			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_58	Báo cáo tình hình mắc bệnh ở trẻ em	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_59	Xuất báo cáo tình hình mắc bệnh ở trẻ em	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý sức khỏe học đường (6- 18 tuổi)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý thông tin trẻ trong độ tuổi học đường			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_60	Danh sách thông tin trẻ trong độ tuổi học đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_61	Xem chi tiết hồ sơ sức khỏe học sinh trong độ tuổi học đường	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_62	Xuất danh sách thông tin trẻ trong độ tuổi học đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo suy dinh dưỡng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_63	Báo cáo suy dinh dưỡng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_64	Xuất báo cáo suy dinh dưỡng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo Thừa cân, béo phì			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_65	Báo cáo Thừa cân, béo phì	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_66	Xuất báo cáo Thừa cân, béo phì	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo bệnh về mắt			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_67	Báo cáo bệnh về mắt	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_68	Xuất báo cáo bệnh về mắt	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo bệnh tim mạch			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_69	Báo cáo bệnh tim mạch	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_70	Xuất báo cáo bệnh tim mạch	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo bệnh răng miệng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_71	Báo cáo bệnh răng miệng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_72	Xuất báo cáo bệnh răng miệng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo bệnh cơ xương khớp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_73	Báo cáo bệnh cơ xương khớp	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_74	Xuất báo cáo bệnh cơ xương khớp	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo bệnh rối loạn tâm thần			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_75	Báo cáo bệnh rối loạn tâm thần	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_76	Xuất báo cáo bệnh rối loạn tâm thần	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo tình hình mắc bệnh khác			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_77	Báo cáo tình hình mắc bệnh khác	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_78	Xuất báo cáo tình hình mắc bệnh khác	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý sức khỏe người trong độ tuổi lao động (18-60)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý thông tin người trong độ tuổi lao động			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_79	Danh sách thông tin người trong độ tuổi lao động	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_80	Xem chi tiết hồ sơ sức khỏe người trong độ tuổi lao động	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_81	Xuất danh sách thông tin người trong độ tuổi lao động	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình bệnh tật trong thời gian báo cáo			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_82	Báo cáo Tình hình bệnh tật	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_83	Xuất báo cáo Tình hình bệnh tật	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_84	Báo cáo Tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_85	Xuất báo cáo tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình mắc bệnh mãn tính			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_86	Báo cáo bệnh mãn tính	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_87	Xuất báo cáo bệnh mãn tính	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Theo dõi bệnh nghề nghiệp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_88	Danh sách hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_89	Thêm mới hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_90	Sửa hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_91	Xem chi tiết hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_92	Xóa hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_93	Xuất danh sách hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Hồ sơ tai nạn lao động			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_94	Danh sách hồ sơ tai nạn lao động	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_95	Thêm mới hồ sơ tai nạn lao động	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_96	Sửa hồ sơ tai nạn lao động	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_97	Xem chi tiết hồ sơ tai nạn lao động	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_98	Xóa hồ sơ tai nạn lao động	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_99	Xuất danh sách hồ sơ tai nạn lao động	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý thông tin tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hồ sơ tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _ Dao Nguyen Tung _ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_100	Danh sách thông tin hồ sơ tiêm chủng	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_101	Thêm mới hồ sơ tiêm chủng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_102	Sửa hồ sơ tiêm chủng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_103	Xóa hồ sơ tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_104	Chi tiết hồ sơ tiêm chủng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_105	Xuất danh sách hồ sơ tiêm chủng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Danh sách người dân Tiêm chủng trong chương trình TCMR			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_106	Danh sách người dân Tiêm chủng trong chương trình TCMR	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_107	Xuất danh sách người dân Tiêm chủng trong chương trình TCMR	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Danh sách người dân Tiêm chủng các loại vắc xin khác			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_108	Danh sách người dân Tiêm chủng các loại vắc xin khác	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_109	Xuất danh sách người dân Tiêm chủng các loại vắc xin khác	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình mắc và tử vong do các bệnh có tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_110	Báo cáo mắc và tử vong do các bệnh có tiêm chủng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_111	Xuất báo cáo mắc và tử vong do các bệnh có tiêm chủng	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý bệnh nhân không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý đối tượng tăng huyết áp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_112	Danh sách thông tin đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_113	Thêm mới đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_114	Import đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_115	Danh sách import đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_116	Sửa đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_117	Chi tiết đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_118	Chi tiết lịch sử khám và điều trị bệnh tăng huyết áp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_119	Xóa đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_120	Xuất danh sách thông tin đối tượng tăng huyết áp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý đối tượng đái tháo đường			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_121	Danh sách thông tin đối tượng đái tháo đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_122	Thêm mới đối tượng đái tháo đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_123	Import đối tượng đái tháo đường	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_124	Danh sách import đối tượng đái tháo đường	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_125	Sửa đối tượng đái tháo đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_126	Chi tiết đối tượng đái tháo đường	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_127	Chi tiết lịch sử khám và điều trị bệnh đái tháo đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_128	Xóa đối tượng đái tháo đường	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_129	Xuất danh sách đối tượng đái tháo đường	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý đối tượng COPD-Hen			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_130	Danh sách thông tin đối tượng COPD-Hen	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_131	Thêm mới đối tượng COPD-Hen	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_132	Import đối tượng COPD-Hen	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_133	Danh sách import đối tượng Hen-COPD	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_134	Sửa đối tượng COPD-Hen	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_135	Chi tiết đối tượng COPD-Hen	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_136	Chi tiết lịch sử khám và điều trị bệnh COPD-Hen	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_137	Xóa đối tượng COPD-Hen	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_138	Xuất danh sách thông tin đối tượng COPD-Hen	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý đối tượng tâm thần phân liệt			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_139	Danh sách đối tượng tâm thần phân liệt	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_140	Thêm mới đối tượng tâm thần phân liệt	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_141	Sửa đối tượng tâm thần phân liệt	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_142	Chi tiết đối tượng tâm thần phân liệt	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_143	Chi tiết lịch sử khám và điều trị tâm thần phân liệt	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_144	Xóa đối tượng tâm thần phân liệt	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_145	Xuất danh sách đối tượng tâm thần phân liệt	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_146	Danh sách thông tin đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_147	Thêm mới đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_148	Sửa đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_149	Chi tiết đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_150	Chi tiết lịch sử khám và điều trị bệnh không lây nhiễm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_151	Xóa đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_152	Xuất danh sách đối tượng mắc Bệnh không lây nhiễm khác	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý đối tượng nguy cơ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_153	Danh sách thông tin đối tượng nguy cơ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_154	Xuất danh sách thông tin đối tượng nguy cơ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Lịch sử điều trị bệnh nhân không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_155	Danh sách lịch sử điều trị	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_156	Xuất danh sách lịch sử điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_157	Xem chi tiết lịch sử điều trị	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_158	Xóa lịch sử điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý BN và tình hình mắc bệnh truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_159	Danh sách đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_160	Thêm mới đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_161	Import đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_162	Danh sách import đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_163	Sửa đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_164	Xóa đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_165	Chi tiết đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_166	Chi tiết lịch sử khám và điều trị bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_167	Xuất danh sách đối tượng mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh theo từng địa bàn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_168	Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh theo từng địa bàn	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_169	Xuất Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh theo từng địa bàn	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh theo từng cơ sở y tế			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_170	Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh theo từng cơ sở y tế	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_171	Xuất Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh theo từng cơ sở y tế	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_172	Báo cáo tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_173	Xuất báo cáo tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý bệnh HIV/AIDS			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hồ sơ chăm sóc và điều trị HIV/AIDS			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_174	Danh sách bệnh nhân HIV/AIDS	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_175	Xuất danh sách bệnh nhân HIV/AIDS	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_176	Thêm bệnh nhân HIV/AIDS	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_177	Sửa bệnh nhân HIV	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_178	Xem chi tiết bệnh nhân HIV	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_179	Xóa bệnh nhân HIV	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân HIV/AIDS			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_180	Danh sách lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân HIV/AIDS	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_181	Xuất danh sách lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân HIV/AIDS	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý bệnh nhân ung thư			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý bệnh nhân ung thư			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_182	Danh sách bệnh nhân ung thư	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_183	Xem chi tiết thông tin bệnh nhân ung thư	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_184	Xem Lịch sử khám bệnh nhân ung thư	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_185	Xem chi tiết Lịch sử khám bệnh nhân ung thư	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_186	Xuất danh sách bệnh nhân ung thư	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình mắc ung thư			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_187	Biểu đồ tình hình mắc ung thư theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_188	Biểu đồ tình hình mắc ung thư theo giới tính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_189	Biểu đồ tình hình mắc ung thư theo độ tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_190	Báo cáo tình hình mắc và tử vong do ung thư	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_191	Xuất báo cáo tình hình mắc và tử vong do ung thư	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý mắc và tử vong do tai nạn thương tích			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý đối tượng tai nạn thương tích			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_192	Danh sách đối tượng tai nạn thương tích	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_193	Thêm mới đối tượng tai nạn thương tích	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_194	Sửa đối tượng tai nạn thương tích	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_195	Xem chi tiết đối tượng tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_196	Xóa hồ sơ đối tượng tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_197	Xuất danh sách đối tượng tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Tình hình mắc và tử vong do tai nạn thương tích			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_198	Báo cáo tình hình mắc và tử vong do tai nạn thương tích	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_199	Xuất báo cáo tình hình mắc và tử vong do tai nạn thương tích	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Quản lý bệnh nghề nghiệp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hồ sơ mắc bệnh nghề nghiệp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_200	Danh sách người dân mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_201	Xuất danh sách người dân mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_202	Xóa người dân mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_203	Thêm hồ sơ người dân mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_204	Sửa hồ sơ người dân mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_205	Xem chi tiết người dân mắc bệnh nghề nghiệp - Thông tin hành chính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_206	Xem chi tiết người dân mắc bệnh nghề nghiệp - Lịch sử khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_207	Xem chi tiết người dân mắc bệnh nghề nghiệp - Lịch sử khám định kỳ cho người mắc bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_208	Xem chi tiết người dân mắc bệnh nghề nghiệp - Lịch sử khám bệnh chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_209	Xem chi tiết người dân mắc bệnh nghề nghiệp - Tóm tắt diễn biến sức khỏe hàng năm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Lịch sử khám định kỳ bệnh nghề nghiệp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_210	Màn hình tìm kiếm nhân khẩu trên danh sách nhân khẩu để chọn khai báo thông tin khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_211	Thêm kết quả khám định kỳ bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_212	Sửa kết quả khám định kỳ bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_213	Tìm kiếm chỉ số từ danh sách	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_214	Xem chi tiết kết quả khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_215	Xóa kết quả khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý BN và tình hình mắc bệnh sốt rét			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý Danh sách người dân mắc bệnh sốt rét			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_216	Danh sách đối tượng mắc bệnh sốt rét	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_217	Thêm mới đối tượng mắc bệnh sốt rét	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_218	Sửa đối tượng mắc bệnh sốt rét	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_219	Xem chi tiết đối tượng mắc bệnh sốt rét	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_220	Xóa hồ sơ đối tượng mắc bệnh sốt rét	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_221	Xuất danh sách đối tượng mắc bệnh sốt rét	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh sốt rét			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_222	Báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh sốt rét	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_223	Xuất báo cáo tổng hợp số ca mắc bệnh	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tiện ích (cung cấp các tiện ích phục vụ chuẩn hóa, xử lý dữ liệu hồ sơ sức khỏe)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Tài khoản không đổi mật khẩu mặc định			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_224	Danh sách Tài khoản không đổi mật khẩu mặc định	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_225	Khóa/Mở khóa tài khoản không đổi mật khẩu mặc định	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Tài khoản mật khẩu yếu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_226	Danh sách tài khoản mật khẩu yếu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_227	Khóa/Mở khóa tài khoản mật khẩu yếu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Tài khoản không sử dụng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_228	Danh sách tài khoản không sử dụng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_229	Khóa/Mở khóa tài khoản không sử dụng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý chứng từ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý hồ sơ khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý Giấy chuyển tuyến đi			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_230	Danh sách Giấy chuyển tuyến đi	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_231	Thêm mới Giấy chuyển tuyến đi	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_232	Sửa Giấy chuyển tuyến đi	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_233	Xuất danh sách giấy chuyển tuyến đi	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_234	Giấy chuyển tuyến đi - Chọn nhân khẩu từ HSSK	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_235	Xác nhận chuyển giấy chuyển tuyến	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_236	Xóa Giấy chuyển tuyến đi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý Giấy chuyển tuyến đến			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_237	Danh sách giấy chuyển tuyến đến	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_238	Xuất danh sách giấy chuyển tuyến đến	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_239	Xem chi tiết giấy chuyển tuyến đến	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_240	Xác nhận giấy chuyển tuyến đến	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý Giấy hẹn khám lại			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_241	Danh sách Giấy hẹn khám lại	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_242	Thêm mới Giấy hẹn khám lại	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_243	Sửa Giấy hẹn khám lại	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_244	Xuất danh sách giấy hẹn khám lại	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_245	Giấy hẹn khám lại - Chọn nhân khẩu từ HSSK	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_246	Xóa Giấy hẹn khám lại	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý thông tin điều trị bệnh nhân lao			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_247	Danh sách điều trị bệnh nhân lao	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_248	Thêm mới thông tin điều trị bệnh nhân lao	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_249	Sửa thông tin điều trị bệnh nhân lao	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin .
CN_250	Xuất danh sách điều trị bệnh nhân lao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_251	Thông tin điều trị bệnh nhân lao - Chọn nhân khẩu từ HSSK	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_252	Xóa thông tin điều trị bệnh nhân lao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý đơn thuốc điện tử			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_253	Danh sách đơn thuốc điện tử	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_254	Xem chi tiết đơn thuốc điện tử	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_255	Xuất danh sách đơn thuốc điện tử	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Nâng cấp tính năng theo quyết định của BYT, Chính phủ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Nâng cấp Hồ sơ sức khỏe theo Quyết định 3176/QĐ-BYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hồ sơ kèm theo: Giấy chuyển tuyến			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_256	Danh sách giấy chuyển tuyến theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_257	Xem chi tiết giấy chuyển tuyến theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Hồ sơ kèm theo: Giấy hẹn khám lại			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_258	Danh sách giấy hẹn khám lại theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_259	Xem chi tiết giấy hẹn khám lại theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Bệnh theo dõi và quản lý: Bệnh lao			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_260	Danh sách thông tin bệnh lao theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Chỉnh sửa 3 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin chỉnh sửa 3 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin chỉnh sửa 3 trường thông tin.
CN_261	Xem chi tiết thông tin bệnh lao theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Bệnh theo dõi và quản lý: Bệnh không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_262	Danh sách thông tin bệnh không lây nhiễm theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Chỉnh sửa 2 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin chỉnh sửa 2 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin chỉnh sửa 2 trường thông tin.
CN_263	Xem chi tiết thông tin bệnh không lây nhiễm theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Bệnh theo dõi và quản lý: Bệnh HIV			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_264	Danh sách thông tin bệnh HIV theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Chỉnh sửa 3 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin chỉnh sửa 3 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin chỉnh sửa 3 trường thông tin.
CN_265	Xem chi tiết thông tin bệnh HIV theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Bệnh theo dõi và quản lý: Bệnh truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_266	Danh sách thông tin bệnh truyền nhiễm theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_267	Xem chi tiết thông tin bệnh truyền nhiễm theo người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Hồ sơ kèm theo: Đơn thuốc điện tử			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_268	Danh sách Đơn thuốc điện tử	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_269	Xem chi tiết Đơn thuốc điện tử	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Nâng cấp phân quyền dữ liệu do thay đổi địa giới hành chính			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Bổ sung chức năng do thay đổi địa giới hành chính			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_270	Tra cứu danh sách hồ sơ sức khỏe theo địa bàn cũ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Nâng cấp chức năng HSSK thay đổi địa giới hành chính			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Trang chủ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_271	Tìm kiếm màn hình Trang chủ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn tại 25 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn tại 25 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn tại 25 biểu đồ.
CN_272	Xem chi tiết biểu đồ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 11 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 11 biểu đồ . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 11 biểu đồ .

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_273	Tìm kiếm biểu đồ Chỉ tiêu thống kê nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn tại 4 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn tại 4 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn tại 4 biểu đồ.
CN_274	Tìm kiếm biểu đồ Mô hình bệnh tật	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn tại 3 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn tại 3 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn tại 3 biểu đồ.
	Hồ sơ sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_275	Tìm kiếm nâng cao Hồ sơ sức khỏe người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn .
CN_276	Xuất danh sách hồ sơ sức khoẻ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Khám sức khỏe người cao tuổi			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_277	Tìm kiếm danh sách khám sức khỏe người cao tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_278	Thêm mới khám sức khỏe người cao tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_279	Sửa khám sức khỏe người cao tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn cập nhật Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn cập nhật thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn cập nhật

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_280	Xuất danh sách khám sức khỏe người cao tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Khám sàng lọc			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_281	Nhập kết quả khám sàng lọc từ file	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện.
	Khám sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo công tác khám sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_282	Báo cáo công tác khám sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_283	Xuất báo cáo Báo cáo công tác khám sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo danh sách sức khỏe loại 3,4,5			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_284	Báo cáo danh sách sức khỏe loại 3,4,5	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_285	Xuất Báo cáo danh sách sức khỏe loại 3,4,5	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo xếp loại sức khỏe theo đơn vị			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_286	Báo cáo xếp loại sức khỏe theo đơn vị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_287	Xuất Báo cáo xếp loại sức khỏe theo đơn vị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Nhập kết quả khám sức khỏe từ file			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_288	Nhập kết quả khám sức khỏe từ file	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo khám sức khỏe định kỳ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_289	Báo cáo khám sức khỏe định kỳ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_290	Xuất Báo cáo khám sức khỏe định kỳ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo tại 3 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo tại 3 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo tại 3 biểu đồ.
	Nhập dữ liệu sức khỏe từ file			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_291	Import dữ liệu khám sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Hồ sơ chứng từ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Ca bệnh tử vong			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_292	Tìm kiếm nâng cao Danh sách bệnh nhân tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_293	Xuất danh sách bệnh nhân tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_294	Thêm mới bệnh nhân từ vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_295	Sửa bệnh nhân tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_296	In chẩn đoán tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_297	Tìm kiếm nâng cao danh sách bệnh nhân Tử vong tại CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_298	Xuất danh sách bệnh nhân Tử vong tại CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_299	Thêm mới ca bệnh Tử vong tại CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_300	Sửa ca bệnh Tử vong tại CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_301	Tìm kiếm nâng cao danh sách bệnh nhân Tử vong trên đường đến CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_302	Xuất danh sách bệnh nhân Tử vong trên đường đến CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_303	Thêm mới ca bệnh tử vong trên đường đến CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_304	Sửa ca bệnh tử vong trên đường đến CSKCB	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_305	Tìm kiếm nâng cao danh sách bệnh nhân Tử vong ngoại trú	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_306	Xuất danh sách bệnh nhân Tử vong ngoại trú	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_307	Thêm mới bệnh nhân Tử vong ngoại trú	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_308	Sửa bệnh nhân Tử vong ngoại trú	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_309	Tìm kiếm nâng cao danh sách bệnh nhân Tử vong tại nhà	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_310	Xuất danh sách bệnh nhân Tử vong tại nhà	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_311	Thêm mới ca bệnh Tử vong tại nhà	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_312	Sửa bệnh nhân tử vong tại nhà	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Sổ theo dõi tử vong			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_313	Tìm kiếm sổ theo dõi tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_314	Xuất sổ theo dõi tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_315	In chẩn đoán tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_316	Xuất giấy báo tử	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện .
	Giấy chứng sinh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_317	Tìm kiếm nâng cao Danh sách giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_318	Xuất danh sách giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_319	Thêm giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_320	Sửa giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_321	In giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_322	Xem giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện .
CN_323	Tìm kiếm nâng cao Danh sách giấy chứng sinh mang thai hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_324	Xuất danh sách giấy chứng sinh mang thai hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_325	Thêm giấy chứng sinh mang thai hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_326	Sửa giấy chứng sinh mang thai hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_327	In giấy chứng sinh mang thai hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_328	Xem giấy chứng sinh mang thai hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện .
	Giấy tờ khám và điều trị			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Giấy chứng nhận Giám định y khoa			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_329	Tìm kiếm Giấy chứng nhận Giám định y khoa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_330	Xuất danh sách Giấy chứng nhận Giám định y khoa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_331	Thêm mới giấy chứng nhận giám định y khoa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_332	Sửa giấy chứng nhận giám định y khoa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Giấy ra viện			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_333	Tìm kiếm Giấy ra viện	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_334	Xuất danh sách Giấy ra viện	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_335	Thêm mới Giấy ra viện	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_336	Sửa Giấy ra viện	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
	Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_337	Tìm kiếm Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				kiểm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_338	Xuất danh sách Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_339	Thêm mới Giấy nghỉ dưỡng thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_340	Sửa Giấy nghỉ dưỡng thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
	Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_341	Tìm kiếm Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_342	Xuất danh sách Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_343	Thêm mới Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_344	Sửa Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Tóm tắt hồ sơ bệnh án			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_345	Tìm kiếm Tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_346	Xuất danh sách Tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_347	Thêm mới Tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_348	Sửa Tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
	Đối tượng Mục B- 831/QĐ-BYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Tiền sử dị ứng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_349	Tìm kiếm Tiền sử dị ứng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_350	Xuất danh sách Tiền sử dị ứng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Tiền sử bệnh tật gia đình			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_351	Tìm kiếm tiền sử bệnh tật gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_352	Xuất danh sách tiền sử bệnh tật gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Tiền sử dị ứng gia đình			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_353	Tìm kiếm tiền sử dị ứng gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_354	Xuất danh sách tiền sử dị ứng gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Tiền sử khuyết tật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_355	Tìm kiếm tiền sử khuyết tật	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_356	Xuất danh sách tiền sử khuyết tật	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Hồ sơ bệnh án liên thông XML 4210/130			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_357	Tìm kiếm Hồ sơ bệnh án liên thông XML 4210/130	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_358	Xuất danh sách hồ sơ bệnh án liên thông XML 4210/130	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Dân số			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hộ khẩu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_359	Tìm kiếm hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_360	Xuất danh sách hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_361	Thêm hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_362	Xem chi tiết hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiển thị thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiển thị thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiển thị thông tin quận huyện.
CN_363	Sửa hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_364	Chuyển hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_365	Chuyển đi hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_366	In thông tin hộ gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiển thị thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiển thị thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiển thị thông tin quận huyện.
	Nhân khẩu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_367	Tìm kiếm nâng cao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_368	Xuất danh sách nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_369	Thêm nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.
CN_370	Import nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin không lưu thông tin quận/huyện.
CN_371	Xem chi tiết nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiển thị thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiển thị thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiển thị thông tin quận huyện.
CN_372	Sửa nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa Thay đổi API không lưu thông tin quận huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa thay đổi api không lưu thông tin quận huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_373	Tách sổ hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi API lưu thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api lưu thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api lưu thông tin .
CN_374	Chuyển đi nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi API lưu thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api lưu thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api lưu thông tin .
CN_375	Xem thông tin hồ sơ sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quân/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quân/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quân/huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_376	Chuyển nhân khẩu vào kho KXĐ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không lưu thông tin quân/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu thông tin quân/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu thông tin quân/huyện.
CN_377	Chuyển sổ hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi API lưu thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api lưu thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api lưu thông tin .
	Lịch sử chuyển đi			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_378	Lịch sử chuyển đi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi API không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Lịch sử chuyển đi hộ khẩu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_379	Lịch sử chuyển đi hộ khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi API không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện.
	Nhân khẩu không xác định			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_380	Tìm kiếm nhân khẩu không xác định	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:3

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_381	Xuất danh sách nhân khẩu không xác định	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_382	Chi tiết nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện.
CN_383	Lịch sử chuyển nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_384	Chuyển nhân khẩu KXĐ về địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện Thay đổi API không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện.
	Tìm kiếm Chuyển nhân khẩu vào kho KXĐ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_385	Tìm kiếm Chuyển nhân khẩu vào kho KXĐ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_386	Xuất danh sách Chuyển nhân khẩu vào kho KXĐ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_387	Chi tiết nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện.
CN_388	Chuyển nhân khẩu đã chọn vào kho KXĐ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không lưu thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện.
	Tra cứu nhân khẩu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_389	Tìm kiếm nhân khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_390	Xuất danh sách nhân khẩu tra cứu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_391	Thông tin tin chi tiết hồ sơ sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_392	Chuyển nhân khẩu về địa bàn khi nhân khẩu là chủ hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quận/huyện Bỏ combobox Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện bỏ combobox quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện bỏ combobox quận/huyện.
CN_393	Chuyển nhân khẩu về địa bàn khi nhân khẩu không là chủ hộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không hiện thông tin quận/huyện Bỏ combobox Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện bỏ combobox quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không hiện thông tin quận/huyện bỏ combobox quận/huyện.
	Hồ sơ KCB theo CSYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_394	Tìm kiếm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_395	Thông tin hành chính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không lưu thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện .
CN_396	Cập nhập thông tin hành chính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện Thay đổi API không lưu thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện thay đổi api không lưu thông tin quận/huyện .
	Lọc/Gộp trùng đối tượng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_397	Danh sách nhân khẩu trùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_398	Xuất danh sách nhân khẩu trùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_399	Thông tin nhân khẩu bị gộp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_400	Thông tin nhân khẩu gốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ.
CN_401	Gộp thông tin hành chính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Sửa API không gộp thông tin quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin sửa api không gộp thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin sửa api không gộp thông tin quận/huyện.
CN_402	Tìm kiếm lịch sử gộp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ.
	Chuẩn hóa mã định danh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_403	Tìm kiếm danh sách chuẩn hóa mã định danh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Đối soát dữ liệu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Chuẩn hóa xác minh dữ liệu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_404	Tìm kiếm danh sách hồ sơ chưa chuẩn hóa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_405	Xuất danh sách hồ sơ chưa chuẩn hóa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_406	Tìm kiếm nhân khẩu không xác định địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_407	Xuất danh sách nhân khẩu không xác định địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Tiến độ chuẩn hóa hồ sơ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_408	Tìm kiếm tiến độ chuẩn hóa hồ sơ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_409	Xuất danh sách tiến độ chuẩn hóa hồ sơ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_410	Xem chi tiết tiến độ chuẩn hóa hồ sơ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ.
	Báo cáo đối soát dân số			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_411	Báo cáo đối soát dân số	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_412	Xuất báo cáo đối soát dân số	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_413	Thêm dân số	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ .
	Báo cáo đối soát dữ liệu khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_414	Báo cáo đối soát dữ liệu khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_415	Xuất báo cáo đối soát dữ liệu khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Hồ sơ trùng với XML 4210/130			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_416	Tìm kiếm Hồ sơ trùng với XML 4210/130	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				kiểm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_417	Xuất danh sách hồ sơ trùng với XML 4210/130	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Sổ sách TT37			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Sổ khám bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_418	Tìm kiếm Sổ khám bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_419	Xuất danh sách Sổ khám bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ đẻ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_420	Tìm kiếm Sổ đẻ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_421	Xuất danh sách Sổ đẻ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ tránh thai			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_422	Tìm kiếm Sổ tránh thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_423	Xuất danh sách sổ tránh thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ phá thai			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_424	Tìm kiếm Sổ phá thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_425	Xuất danh sách Sổ phá thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ quản lý bệnh nhân sốt rét			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_426	Tìm kiếm Sổ quản lý bệnh nhân sốt rét	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_427	Xuất danh sách Sổ quản lý bệnh nhân sốt rét	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ quản lý bệnh nhân tâm thần			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_428	Tìm kiếm Sổ quản lý bệnh nhân tâm thần	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_429	Xuất danh sách Sổ quản lý bệnh nhân tâm thần	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ quản lý bệnh nhân lao			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_430	Tìm kiếm Sổ quán lý bệnh nhân lao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_431	Xuất danh sách Sổ quán lý bệnh nhân lao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ quản lý bệnh nhân HIV			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_432	Tìm kiếm Sổ quán lý bệnh nhân HIV	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_433	Xuất danh sách Sổ quán lý bệnh nhân HIV	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ quản lý bệnh nhân phong			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_434	Tìm kiếm bệnh nhân phong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_435	Xuất danh sách bệnh nhân phong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ khám thai			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_436	Tìm kiếm Sổ khám thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_437	Xuất danh sách Sổ khám thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo thống kê bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_438	Báo cáo thống kê bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_439	Xuất báo cáo thống kê bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Sổ quản lý bệnh không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_440	Tìm kiếm Sổ quản lý bệnh không lây nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_441	Xuất danh sách Sổ quản lý bệnh không lây nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo bệnh không lây theo địa bàn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_442	Báo cáo bệnh không lây theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_443	Xuất báo cáo bệnh không lây theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo lũy kế bệnh mãn tính			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_444	Báo cáo lũy kế bệnh mãn tính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				kiểm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_445	Xuất Báo cáo lũy kế bệnh mãn tính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo lượt khám chữa bệnh không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_446	Báo cáo lượt khám chữa bệnh không lây nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_447	Xuất báo cáo lượt khám chữa bệnh không lây nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Danh sách bệnh nhân truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_448	Tìm kiếm danh sách bệnh nhân truyền nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_449	Xuất danh sách bệnh nhân truyền nhiễm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo tổng hợp			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_450	Báo cáo tổng hợp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_451	Xuất báo cáo tổng hợp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo bệnh truyền nhiễm theo địa bàn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_452	Báo cáo bệnh truyền nhiễm theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_453	Xuất báo cáo bệnh truyền nhiễm theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo theo CSYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_454	Báo cáo theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_455	Xuất báo cáo theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo Tai nạn thương tích			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Báo cáo tai nạn thương tích			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_456	Báo cáo tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_457	Xuất Báo cáo tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Thống kê tai nạn thương tích			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_458	Tìm kiếm Thống kê tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
	Báo cáo Dân số			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Báo cáo Đánh giá tình trạng dinh dưỡng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_459	Báo cáo đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:3

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_460	Xuất dữ liệu thống kê đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_461	Xuất danh sách thống kê đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Chiều cao của thanh niên theo chuẩn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_462	Báo cáo chiều cao của thanh niên theo chuẩn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				kiểm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_463	Xuất dữ liệu thống kê chiều cao của thanh niên theo chuẩn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_464	Xuất danh sách chiều cao của thanh niên theo chuẩn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Tỷ lệ giới tính khi sinh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_465	Báo cáo tỷ lệ giới tính khi sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_466	Xuất dữ liệu thống kê tỷ lệ giới tính khi sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_467	Xuất danh sách thống kê tỷ lệ giới tính khi sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_468	Xem chi tiết danh sách dân số	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ, nơi sinh tại 6 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ, nơi sinh tại 6 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ, nơi sinh tại 6 biểu đồ.
CN_469	Popup xem chi tiết tại cột Đơn vị hành chính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query: không hiện chi tiết danh sách theo Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query: không hiện chi tiết danh sách theo quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query: không hiện chi tiết danh sách theo quận/huyện .
	Báo cáo nhóm máu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_470	Báo cáo nhóm máu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_471	Xuất báo cáo nhóm máu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Dân số có số thẻ BHYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_472	Báo cáo dân số có số thẻ BHYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_473	Xuất báo cáo dân số có số thẻ BHYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Cơ cấu dân số theo độ tuổi			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_474	Báo cáo cơ cấu dân số theo độ tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_475	Xuất báo cáo cơ cấu dân số theo độ tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Số lượt khám bệnh BHYT theo cơ sở y tế/ năm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_476	Báo cáo số lượt khám bệnh BHYT theo cơ sở y tế/ năm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_477	Xuất báo cáo số lượt khám bệnh BHYT theo cơ sở y tế/ năm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Thống kê khác			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Báo cáo Phân tích hộ gia đình			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_478	Báo cáo phân tích hộ gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_479	Xuất dữ liệu thống kê phân tích hộ gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_480	Xuất báo cáo thống kê phân tích hộ gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_481	Xem chi tiết danh sách phân tích hộ gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 5 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 5 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 5 biểu đồ.
	Báo cáo Biến động hồ sơ sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_482	Báo cáo Biến động hồ sơ sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:3

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_483	Xuất báo cáo Biến động hồ sơ sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Thống kê bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_484	Thống kê bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_485	Xuất thống kê bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Tiến độ khám lập/ khởi tạo hồ sơ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_486	Báo cáo tiến độ khám lập/khởi tạo hồ sơ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_487	Xuất báo cáo tiến độ khám lập/khởi tạo hồ sơ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_488	Xem chi tiết danh sách của Tiến độ khám lập/khởi tạo hồ sơ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 9 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 9 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 9 biểu đồ.
	Báo cáo Tình hình sức khỏe người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_489	Báo cáo Tình hình sức khỏe người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_490	Xuất báo cáo Tình hình sức khỏe người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Biểu đồ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Biểu đồ Khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_491	Tìm kiếm biểu đồ khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:3

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_492	Xem chi tiết biểu đồ khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 9 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 9 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 9 biểu đồ.
CN_493	Tìm kiếm biểu đồ Chi tiết chỉ tiêu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
	Giám sát bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_494	Tìm kiếm biểu đồ Giám sát bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_495	Xem chi tiết biểu đồ Giám sát bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 4 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 4 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 4 biểu đồ.
	Thống kê bệnh theo năm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_496	Tìm kiếm biểu đồ thống kê bệnh theo năm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_497	Xem chi tiết biểu đồ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 5 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 5 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 5 biểu đồ.
	Thống kê bệnh theo thời gian			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_498	Tìm kiếm biểu đồ thống kê bệnh theo thời gian	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_499	Xem chi tiết biểu đồ thống kê bệnh theo thời gian	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 2 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 2 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 2 biểu đồ.
	Báo cáo Thống kê hoạt động khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_500	Báo cáo thống kê hoạt động khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_501	Xuất báo cáo thống kê hoạt động khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
CN_502	Xem chi tiết thống kê hoạt động khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 8 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 8 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 8 biểu đồ.
	Gia tăng lượt khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ha da ky; 08/01/2026 06:38:4

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_503	Báo cáo Gia tăng lượt khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_504	Xuất báo cáo Gia tăng lượt khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Biểu đồ Dân số			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_505	Tìm kiếm biểu đồ Dân số	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_506	Xem chi tiết biểu đồ Dân số	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 11 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 11 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 11 biểu đồ.
	Bệnh nhân sử dụng dịch vụ nhiều lần			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_507	Tìm kiếm Bệnh nhân sử dụng dịch vụ nhiều lần	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_508	Xuất Bệnh nhân sử dụng dịch vụ nhiều lần	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Biểu đồ Tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_509	Tìm kiếm biểu đồ Tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_510	Chi tiết biểu đồ Tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột Địa chỉ tại 4 biểu đồ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 4 biểu đồ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				bỏ địa chỉ quận/huyện trong cột địa chỉ tại 4 biểu đồ.
	Lịch sử tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_511	Danh sách lịch sử tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_512	Xuất danh sách lịch sử tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Sổ tiêm chủng trẻ em			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_513	Danh sách sổ tiêm chủng trẻ em	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_514	Xuất danh sách sổ tiêm chủng trẻ em	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Sổ tiêm uốn ván phụ nữ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_515	Danh sách sổ uốn ván phụ nữ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_516	Xuất danh sách sổ uốn ván phụ nữ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại cột Địa chỉ Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại cột địa chỉ thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Hồ sơ thanh toán BHYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_517	Báo cáo hồ sơ thanh toán BHYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
	Báo cáo Thống kê chi phí khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_518	Báo cáo Thống kê chi phí khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_519	Xuất báo cáo thống kê chi phí khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Thống kê các CSKCB gửi số liệu nhiều nhất			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_520	Báo cáo Thống kê các CSKCB gửi số liệu nhiều nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_521	Xuất báo cáo thống kê các CSKCB gửi số liệu nhiều nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Thống kê các CSKCB gửi số liệu ít nhất			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_522	Báo cáo Thống kê các CSKCB gửi số liệu ít nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_523	Xuất báo cáo thống kê các CSKCB gửi số liệu ít nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo Thống kê các CSKCB không gửi số liệu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_524	Báo cáo Thống kê các CSKCB không gửi số liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_525	Xuất báo cáo thống kê các CSKCB không gửi số liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo Thống kê số liệu tổng hợp theo địa bàn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_526	Báo cáo Thống kê số liệu tổng hợp theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_527	Xuất báo cáo thống kê số liệu tổng hợp theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Quản trị			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Danh mục			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Bác sĩ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:4

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_528	Tìm kiếm bác sĩ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_529	Thêm mới bác sĩ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện .
CN_530	Import bác sĩ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi API không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi api không lưu quận/huyện .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_531	Xem chi tiết bác sĩ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Xem chi tiết không hiển thị Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin xem chi tiết không hiển thị quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin xem chi tiết không hiển thị quận/huyện .
CN_532	Sửa bác sĩ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện .
CN_533	Xuất danh sách bác sĩ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Cơ sở y tế			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_534	Tìm kiếm danh mục cơ sở y tế	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_535	Thêm mới cơ sở y tế	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện .
CN_536	Sửa cơ sở y tế	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại màn thêm mới Thay đổi API không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm mới thay đổi api không lưu quận/huyện .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Lịch sử gộp địa bàn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_537	Lịch sử gộp địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
	Gộp thôn/xóm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_538	Tìm kiếm thôn/xóm gốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_539	Tìm kiếm thôn/xóm bị gộp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
	Theo dõi liên thông			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Lịch sử đồng bộ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_540	Tìm kiếm lịch sử đồng bộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_541	Xuất danh sánh lịch sử đồng bộ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Lịch sử đồng bộ 4210			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_542	Tìm kiếm lịch sử đồng bộ 4210	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_543	Xuất danh sách lịch sử đồng bộ 4210	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Lịch sử đồng bộ 130			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_544	Tìm kiếm lịch sử đồng bộ 130	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_545	Xuất danh sách lịch sử đồng bộ 130	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Lịch sử liên thông tiêm chủng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_546	Tìm kiếm lịch sử liên thông tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_547	Xuất lịch sử liên thông tiêm chủng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Quản trị hệ thống			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý người dùng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_548	Tìm kiếm quản lý người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_549	Thêm người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại màn thêm, không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm, không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn thêm, không lưu quận/huyện .
CN_550	Sửa người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ thông tin Quận/huyện tại màn sửa, không lưu Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn sửa, không lưu quận/huyện . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ thông tin quận/huyện tại màn sửa, không lưu quận/huyện .
	Lịch sử thao tác			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_551	Tìm kiếm lịch sử thao tác	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
	Danh sách IP			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_552	Tìm kiếm Danh sách IP	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_553	Thêm mới IP	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn thêm mới, không lưu thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới, không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn thêm mới, không lưu thông tin quận/huyện.
CN_554	Sửa IP	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn sửa không lưu thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn sửa không lưu thông tin quận/huyện.
	Lịch sử đăng nhập			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_555	Tìm kiếm lịch sử đăng nhập	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_556	Xuất lịch sử đăng nhập	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Báo cáo lịch sử đăng nhập			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_557	Báo cáo lịch sử đăng nhập	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn tìm kiếm Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện khi truy vấn	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn tìm kiếm thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện khi truy vấn.
CN_558	Xuất Báo cáo lịch sử đăng nhập	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi query tìm kiếm bỏ trường Quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi query tìm kiếm bỏ trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				quận/huyện trong câu truy vấn xuất báo cáo.
	Thông tin cá nhân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_559	Xem thông tin cá nhân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Bỏ combobox Quận/huyện tại màn xem thông tin không lưu thông tin Quận/huyện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn xem thông tin không lưu thông tin quận/huyện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin bỏ combobox quận/huyện tại màn xem thông tin không lưu thông tin quận/huyện.
	Chỉnh sửa các chức năng theo yêu cầu của tỉnh - Dashboard cho lãnh đạo khai thác HSSKĐT	**Dashboard tự phát triển, không sử dụng Tableau**		Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dashboard tự phát triển, không sử dụng tableau. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dashboard tự phát triển, không sử dụng tableau.
	Dashboard Tình hình KCB theo tháng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_560	Theo dõi lượt điều trị nội trú/ngoại trú theo tháng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_561	Theo dõi lượt ra/vào bệnh viện theo tháng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_562	Thống kê nhóm bệnh phổ biến	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_563	Tai nạn thương tích	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_564	Số lượt tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_565	Số lượt cấp cứu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Tình hình KCB theo CSYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_566	Biểu đồ số lượt khám bệnh theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_567	Biểu đồ ca tử vong theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_568	Biểu đồ theo dõi lượt ra, vào bệnh viện theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_569	Biểu đồ lượt khám bệnh, nội trú, ngoại trú theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_570	Biểu đồ tai nạn thương tích theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_571	Biểu đồ thông tin dịch vụ kỹ thuật theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_572	Biểu đồ thông tin chi phí KCB theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_573	Biểu đồ thông tin lượt cấp cứu theo CSYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Tình hình KCB theo địa bàn			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_574	Biểu đồ số lượt khám bệnh theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_575	Biểu đồ theo dõi lượt ra, vào bệnh viện theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_576	Biểu đồ tai nạn thương tích theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_577	Biểu đồ lượt khám bệnh, nội trú, ngoại trú theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_578	Biểu đồ thông tin lượt cấp cứu theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_579	Biểu đồ thông tin chi phí KCB theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
	Dashboard Hiệu suất Khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_580	10 CSKCB có lượt khám cao nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_581	10 nhóm bệnh có lượt khám cao nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_582	10 CSYT có bệnh nhân nội trú cao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_583	10 CSYT có tỷ lệ khám BHYT cao nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_584	10 CSYT có số ngày điều trị cao nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_585	10 CSYT tiếp nhận nhiều ca TNGT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống Dashboard mới cho lãnh đạo	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện, biểu đồ được vẽ trên hệ thống dashboard mới cho lãnh đạo.
CN_586	10 Nhóm dịch vụ sử dụng nhiều nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_587	10 hoạt chất sử dụng nhiều nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Hoạt động Khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_588	Thống kê hoạt động khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_589	Biểu đồ tình hình KCB ngoại trú	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_590	Biểu đồ tình hình KCB nội trú	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Tình hình triển khai Khám sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_591	Theo tổng số người khám	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_592	Biểu đồ độ tuổi khám	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_593	Biểu đồ mức độ trầm cảm, lo âu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_594	Thống kê lượt mắc theo từng bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_595	Thống kê tình hình phát hiện bệnh trong Khám sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_596	Biểu đồ tổng hợp tình hình khám sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_597	Biểu đồ tình hình Khám sức khỏe tại các địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Bệnh HIV/AIDS			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_598	Thống kê số liệu bệnh nhân HIV/AIDS	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_599	Tình hình mắc - tử vong theo nhóm tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_600	Biểu đồ theo số lượng phát hiện mới	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_601	Biểu đồ theo số lượng mắc bệnh lũy kế đến thời điểm hiện tại	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Bệnh ung thư			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_602	Biểu đồ số liệu bệnh nhân ung thư theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_603	Tình hình tử vong	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_604	Biểu đồ tỷ lệ mắc bệnh ung thư theo các nhóm bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_605	Thống kê số liệu mắc bệnh ung thư theo các nhóm bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Dashboard Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_606	Thống kê Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý thông tin bà mẹ và trẻ em			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_607	Danh sách phụ nữ trong độ tuổi sinh sản	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_608	Xem chi tiết hồ sơ sức khỏe phụ nữ trong độ tuổi sinh sản	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_609	Xuất danh sách phụ nữ trong độ tuổi sinh sản	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Sổ kế hoạch hóa gia đình			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_610	Danh sách sổ kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_611	Thêm mới sổ kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_612	Sổ kế hoạch hóa gia đình - Chọn bệnh nhân từ danh sách Hồ sơ sức khỏe	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_613	Sửa thông tin kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_614	Xuất danh sách sổ kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_615	Xóa thông tin kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Sổ đẻ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_616	Danh sách sổ đẻ	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_617	Thêm mới sổ đẻ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_618	Sổ đẻ - Chọn bệnh nhân từ danh sách Hồ sơ sức khỏe	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_619	Sửa thông tin sổ đẻ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_620	Chi tiết trường hợp đẻ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_621	Xuất danh sách Sổ đẻ	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_622	Xóa thông tin sổ đẻ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Sổ phá thai			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_623	Danh sách sổ phá thai	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_624	Thêm mới sổ phá thai	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_625	Sổ phá thai - Chọn bệnh nhân từ danh sách Hồ sơ sức khỏe	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_626	Sửa sổ phá thai	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

434998 _ Dao Nguyen Tung _ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_627	Xuất danh sách sổ phá thai	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_628	Xóa thông tin sổ phá thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_629	Xem chi tiết sổ phá thai	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_630	Xem danh sách Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_631	Thêm mới Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_632	Sửa Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_633	Tiếp nhận Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_634	Chi tiết Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_635	Xóa thông tin sổ ghi chép ban đầu về dân sô - kế hoạch hóa gia đình	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_636	Xuất danh sách sổ ghi chép ban đầu về dân số	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (trên 60)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý thông tin người cao tuổi (trên 60 tuổi)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_637	Danh sách thông tin người cao tuổi	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_638	Xem chi tiết hồ sơ người cao tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_639	Xuất danh sách thông tin người cao tuổi	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Tình hình mắc bệnh người cao tuổi			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_640	Báo cáo Tình hình mắc bệnh người cao tuổi	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_641	Xuất báo cáo Tình hình mắc bệnh người cao tuổi	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý khuyết tật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý bệnh nhân khuyết tật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_642	Danh sách bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_643	Thêm mới bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_644	Chọn bệnh nhân từ danh sách Hồ sơ sức khỏe	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_645	Sửa thông tin khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_646	Xuất danh sách bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_647	Chi tiết thông tin khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_648	Xóa thông tin khuyết tật	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_649	Danh sách lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_650	Thêm mới lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_651	Chọn nhân khẩu từ HSSK	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_652	Sửa lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_653	Xem chi tiết lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin.
CN_654	Xóa lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_655	Xuất danh sách lịch sử khám sức khỏe bệnh nhân khuyết tật	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo tình hình mắc khuyết tật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_656	Báo cáo tình hình mắc khuyết tật	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_657	Xuất báo cáo tình hình mắc khuyết tật	Tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng tra cứu dữ liệu và xem báo cáo. dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	CỔNG THÔNG TIN SỨC KHỎE NGƯỜI DÂN - PHIÊN BẢN WEB			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý tài khoản			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_658	Đăng ký tài khoản	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_659	Đăng xuất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_660	Đăng nhập bằng tài khoản/mật khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_661	Đăng nhập bằng CCCD/SĐT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_662	Quên mật khẩu bằng OTP	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_663	Quên mật khẩu bằng xác thực qua mail	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_664	Xác thực OTP	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_665	Đổi mật khẩu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_666	Quản lý, cập nhật tài khoản cá nhân	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Quản lý hồ sơ người thân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý hồ sơ người thân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_667	Danh sách người thân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_668	Thêm người thân	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_669	Sửa người thân	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_670	Hủy thông tin người thân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_671	Liên kết hồ sơ sức khỏe	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Màn hình theo dõi Tổng quan sức khỏe người thân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_672	Màn hình tổng quan tình hình sức khỏe người thân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_673	Cảnh báo dữ liệu sức khỏe vượt ngưỡng	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Quản lý chi tiết hồ sơ sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Cập nhật thông tin			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_674	Chỉnh sửa thông tin cá nhân	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
CN_675	Đổi ảnh cá nhân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_676	Đổi ảnh bìa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_677	Đồng bộ làm mới dữ liệu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Tiền sử			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Đơn thuốc điện tử			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_678	Danh sách đơn thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_679	Xem chi tiết đơn thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Tiền sử xét nghiệm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_680	Danh sách tiền sử xét nghiệm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_681	Xem chi tiết xét nghiệm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Tiền sử chẩn đoán hình ảnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_682	Danh sách tiền sử chẩn đoán hình ảnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_683	Xem hình ảnh PACS VIEWER (Ảnh DICOM)	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_684	Xem hình ảnh IMAGE đính kèm (Ảnh JPEG,…)	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Thăm dò chức năng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_685	Danh sách Thăm dò chức năng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_686	Xem chi tiết Thăm dò chức năng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Dịch vụ y tế sử dụng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_687	Danh sách Dịch vụ y tế sử dụng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_688	Xem chi tiết Dịch vụ y tế sử dụng	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Hồ sơ thanh toán BHYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_689	Xem hồ sơ thanh toán BHYT	Dự kiến trên 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Bác sĩ điều trị			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_690	Danh sách bác sĩ điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Cây phả hệ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_691	Xem cây phả hệ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Hồ sơ khám bệnh, chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_692	Danh sách giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_693	Xem chi tiết giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Giấy hẹn khám lại			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_694	Danh sách giấy hẹn khám lại	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_695	Xem chi tiết giấy hẹn khám lại	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Giấy ra viện			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_696	Danh sách giấy ra viện	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_697	Xem chi tiết giấy ra viện	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Giấy chứng sinh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_698	Danh sách giấy chứng sinh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_699	Xem chi tiết giấy chứng sinh	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_700	Danh sách giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_701	Xem chi tiết giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_702	Danh sách giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_703	Xem chi tiết giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Giấy giám định y khoa			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_704	Danh sách giấy giám định y khoa	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_705	Xem chi tiết giấy giám định y khoa	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Tóm tắt hồ sơ bệnh án			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_706	Danh sách Tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến dưới 10 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
CN_707	Xem chi tiết tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin Thay đổi thiết kế giao diện	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin thay đổi thiết kế giao diện.
	Hồ sơ giấy tờ khám			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Hồ sơ giấy tờ đính kèm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_708	Danh sách hồ sơ, giấy tờ đính kèm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_709	Khai báo hồ sơ, giấy tờ đính kèm mới	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_710	Sửa thông tin hồ sơ, giấy tờ đính kèm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_711	Xóa thông tin hồ sơ, giấy tờ đính kèm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_712	Xem chi tiết hồ sơ, giấy tờ đính kèm	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Hồ sơ giấy tờ khám chữa bệnh đính kèm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_713	Danh sách hồ sơ giấy tờ khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_714	Khai báo hồ sơ giấy tờ khám chữa bệnh	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_715	Sửa thông tin hồ sơ giấy tờ khám chữa bệnh	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
CN_716	Xóa thông tin hồ sơ giấy tờ khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_717	Xem chi tiết hồ sơ giấy tờ khám chữa bệnh	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Đa ngôn ngữ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_718	Thay đổi ngôn ngữ ở màn hình Đăng nhập	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_719	Thay đổi ngôn ngữ ở màn hình Cài đặt	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_720	Dịch ngôn ngữ (Việt - Anh)	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Phản ánh thông tin về dữ liệu sức khỏe cá nhân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_721	Danh sách phản ánh của người dân	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_722	Khai báo thông tin phản ánh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_723	Sửa thông tin phản ánh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_724	Xóa thông tin phản ánh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_725	Xem chi tiết thông tin phản ánh	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

484998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_726	Gửi thông tin phản ánh	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_727	Thu hồi phản ánh	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Lưu logs			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_728	Lưu Logs nghiệp vụ ở các màn hình dữ liệu	Dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến từ 5 - 10 bước xử lý nghiệp vụ.
	Gợi ý hướng dẫn y tế dựa trên dữ liệu bệnh của người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Nhật ký điều trị			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_729	Danh sách nhật ký điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_730	Thêm nhật ký điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

434998 _ Dao Nguyen Tung _ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_731	Sửa nhật ký điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_732	Xóa nhật ký điều trị	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Thiết lập ngưỡng cảnh báo			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_733	Thiết lập ngưỡng cảnh báo sức khỏe	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin.
	Dòng thời gian về sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_734	Gợi ý cảnh báo sức khỏe vượt ngưỡng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_735	Dòng thời gian diễn biến cập nhật sức khỏe	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .
	Thông báo			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_736	Thông báo các thay đổi người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_737	Xem chi tiết thông tin thông báo	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý lịch sử truy cập			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_738	Xem lịch sử truy cập hệ thống	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý thông báo nhắc nhở			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_739	Danh sách thông báo nhắc nhở	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_740	Thêm mới thông báo nhắc nhở	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_741	Sửa thông báo nhắc nhở	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_742	Xóa thông báo nhắc nhở	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản trị cổng dữ liệu người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Quản lý thông báo người dùng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_743	Danh sách thông báo người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_744	Thêm mới thông báo người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_745	Sửa thông báo người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_746	Xóa thông báo người dùng	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý phản ánh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_747	Danh sách thông tin phản ánh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_748	Xem chi tiết thông tin phản ánh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_749	Xử lý phản ánh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Quản lý tài khoản người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_750	Danh sách tài khoản đăng ký	Dự kiến 10 - 20 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 10 - 20 trường thông tin .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_751	Xem hồ sơ đăng ký	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_752	Gán hồ sơ sức khỏe cho tài khoản	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_753	Phân loại tài khoản đăng ký	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_754	Đổi mật khẩu tài khoản đăng ký	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_755	Khóa/mở hồ sơ đăng ký	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_756	Đánh dấu/hủy đánh dấu hồ sơ đăng ký	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_757	Xem lịch sử truy cập tài khoản	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	Thống kê tài khoản đăng ký			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_758	Biểu đồ thống kê đăng ký theo giới tính	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_759	Biểu đồ thống kê đăng ký theo địa bàn	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_760	Biểu đồ thống kê đăng ký theo nhóm tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_761	Biểu đồ thống kê đăng ký theo thời gian	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
CN_762	Biểu đồ thống kê hoạt động của tài khoản	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_763	Biểu đồ thống kê tỷ lệ định danh, phê duyệt tài khoản	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 10 trường thông tin.
	HỒ SƠ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ CHO NGÀNH Y TẾ - PHIÊN BẢN MOBILE (IOS/ANDROID)			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Trang chủ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_764	Giao diện chức năng trang chủ	Dự kiến dưới 5 trường thông tin Chức năng phát triển mới trên app	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin chức năng phát triển mới trên app. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin chức năng phát triển mới trên app.
	Đăng nhập với Tài khoản ngành Y tế			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_765	Kết quả hôm nay, Thống kê nhân khẩu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_766	Biểu đồ Tỉ lệ mắc bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_767	Biểu đồ Tiến độ lập hồ sơ sức khỏe	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_768	Biểu đồ 10 bệnh phổ biến	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_769	Biểu đồ Thống kê số lượt KCB	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_770	Thống kê mô hình bệnh tật - tử vong theo chương bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_771	Thống kê bệnh tật theo nhóm chỉ tiêu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_772	Thiết lập số lượng 5 bệnh truyền nhiễm cần điều hành hiển thị trang chủ	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_773	Biểu đồ thống kê tình hình mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Đăng nhập với Tài khoản Bệnh viện: Biểu đồ điều hành bệnh viện- Tổng quan bệnh viện			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_774	Làm mới dữ liệu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_775	Cấu hình hiển thị dữ liệu theo thời gian	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_776	Thống kê tổng hợp số liệu theo lượt khám, người bệnh, chuyển viện, cấp cứu,…	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_777	Thống kê người bệnh nội trú theo khoa phòng	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_778	Biểu đồ doanh thu ngày	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_779	Biểu đồ thống kê theo dịch vụ Khám chữa bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_780	Biểu đồ thống kê lượt tiếp đón bệnh nhân theo tuần	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_781	Biểu đồ cơ cấu doanh thu (ngoại trú, nội trú)	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_782	Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo đối tượng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Quản lý Account			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_783	Đăng nhập bằng tài khoản/mật khẩu	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_784	Đăng nhập bằng vân tay	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_785	Đăng nhập bằng Face Id	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_786	Quên mật khẩu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_787	Đổi mật khẩu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_788	Đăng xuất	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Cài đặt tài khoản			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_789	Cài đặt tính năng đăng nhập vân tay	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_790	Cài đặt tính năng đăng nhập Face Id	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_791	Xử lý nghiệp vụ lấy dữ liệu, hiển thị và lưu cache thông tin tài khoản đăng nhập thành công	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Xem và cập nhật thông tin cá nhân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_792	Xem và cập nhật thông tin cá nhân	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_793	Cập nhật ảnh đại diện	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Quản lý danh sách người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_794	Danh sách hồ sơ theo địa bàn quản lý	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
	Xem chi tiết hồ sơ sức khỏe người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_795	Xem chi tiết thông tin cá nhân	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_796	Xem thông tin thẻ Bảo hiểm y tế	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_797	Xem thông tin giấy tờ kèm theo	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_798	Xem thông tin đầu mối liên hệ	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_799	Xem thông tin thành viên gia đình	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_800	Xem Tổng quan hồ sơ: Thông tin chung các chỉ số sức khỏe	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_801	Xem Tiền sử dị ứng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_802	Xem Tiền sử bệnh tật	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_803	Xem Tiền sử phẫu thuật	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_804	Xem Tiền sử sản khoa	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_805	Xem lịch sử sử dụng Thuốc	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_806	Xem chi tiết lịch sử sử dụng Thuốc	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_807	Xem lịch sử Xét nghiệm	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_808	Xem chi tiết kết quả Xét nghiệm	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_809	Xem danh sách Chẩn đoán hình ảnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_810	Xem chi tiết kết quả Chẩn đoán hình ảnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_811	Chức năng xem lịch sử Chuyển tuyến	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_812	Xem lịch sử khám sức khỏe	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_813	Xem chi tiết lịch sử khám sức khỏe	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_814	Xem lịch sử khám chữa bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_815	Xem chi tiết lịch sử khám chữa bệnh theo QĐ 1332/QĐ-BYT	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_816	Xem danh sách lịch sử tiêm chủng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_817	Xem chi tiết mũi tiêm trong lịch sử tiêm chủng	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
	Biểu đồ thống kê			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Biểu đồ và thống kê về liên thông dữ liệu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_818	Thống kê lượt KCB và liên thông dữ liệu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_819	Biểu đồ Danh sách 10 đơn vị có kết quả khám chữa bệnh nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_820	Biểu đồ Danh sách 10 đơn vị thường xuyên sử dụng hệ thống	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_821	Biểu đồ Danh sách 10 đơn vị ít sử dụng hệ thống	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_822	Chức năng xem danh sách các cơ sở KCB không gửi dữ liệu	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Tình hình tạo lập Hồ sơ sức khỏe			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_823	Thống kê số liệu người dân	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_824	Biểu đồ Thống kê nhân khẩu theo giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_825	Biểu đồ Tỉ lệ người dân được quản lý sức khỏe điện tử	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_826	Biểu đồ Thống kê dân số theo nhóm tuổi	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_827	Biểu đồ tỷ lệ người dân có nhóm máu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_828	Biểu đồ tỷ lệ người dân có kết quả KCB	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_829	Biểu đồ Thống kê dân số theo địa bàn	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tình hình sức khỏe người dân			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_830	10 bệnh có lượt mắc nhiều nhất	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_831	Biểu đồ phân bố bệnh theo năm	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_832	Biểu đồ phân bố bệnh nhân theo giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_833	Biểu đồ phân bố bệnh nhân theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_834	Biểu đồ phân bố bệnh nhân theo nhóm tuổi	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_835	Biểu đồ phân bố bệnh nhân theo địa bản	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tổng quan tình hình Khám chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_836	Thống kê tình hình KCB theo nhóm bệnh	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_837	Biểu đồ thống kê bệnh nhân theo độ tuổi	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_838	Biểu đồ kết quả điều trị	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_839	Biểu đồ đối tượng đến khám	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_840	Biểu đồ tình trạng ra viện	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_841	Biểu đồ 10 bệnh thường gặp	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_842	Biểu đồ theo hình thức KCB	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_843	Biểu đồ phân bổ chi phí KCB	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_844	Thống kê hoạt động khám chữa bệnh	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_845	Biểu đồ tình hình KCB ngoại trú	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_846	Biểu đồ tình hình KCB nội trú	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Tổng quan tình hình khám chữa bệnh theo ngày			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_847	Thống kê tình hình KCB theo ngày (Số lượt khám, Khám BHYT, Cấp cứu,….)	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_848	Biểu đồ theo dõi lượt khám theo ngày	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_849	Biểu đồ theo dõi lượt ra/vào bệnh viện theo ngày	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_850	Biểu đồ theo dõi lượt điều trị nội trú/ngoại trú theo ngày	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_851	Biểu đồ theo dõi tình hình KCB sử dụng thẻ BHYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_852	Biểu đồ theo dõi tình hình cấp cứu và tử vong theo ngày	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_853	Biểu đồ theo dõi tình hình tai nạn thương tích theo ngày	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tổng quan tình hình khám chữa bệnh theo tháng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_854	Biểu đồ theo dõi lượt điều trị nội trú/ngoại trú theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_855	Biểu đồ theo dõi lượt ra/vào bệnh viện theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_856	Biểu đồ thống kê nhóm bệnh phổ biến theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_857	Biểu đồ thống kê tai nạn thương tích theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_858	Biểu đồ thống kê số lượt tử vong theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_859	Biểu đồ thống kê số lượt cấp cứu theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_860	Biểu đồ thống kê tổng số ngày điều trị nội trú theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_861	Biểu đồ thống kê chi phí KCB theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_862	Biểu đồ thống kê đối tượng bệnh nhân đến khám (BHXH, dịch vụ) theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tình trạng chuyển tuyến			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_863	Thống kê tình hình chuyển tuyến KCB BHYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_864	Biểu đồ thống kê tình hình chuyển tuyến theo độ tuổi	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_865	Biểu đồ thống kê tình hình chuyển tuyến theo giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_866	Biểu đồ thống kê nhóm bệnh có tỷ lệ chuyển tuyến cao	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_867	Biểu đồ thống kê 10 bệnh có tỷ lệ chuyển tuyến nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Mô hình bệnh tật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_868	Thống kê mô hình bệnh tật - tử vong theo chương bệnh	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_869	Thống kê bệnh tật theo nhóm chỉ tiêu	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_870	Biểu đồ 10 nhóm bệnh mắc nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_871	Biểu đồ 10 bệnh có thời gian điều trị nội trú dài nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_872	Biểu đồ 10 chương bệnh thường gặp	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_873	Biểu đồ 10 bệnh tử vong nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Bệnh truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Tổng hợp bệnh truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_874	Bảng danh sách tình hình mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_875	Biểu đồ theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm A phải báo cáo không muộn quá 24h	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_876	Biểu đồ theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm B phải báo cáo không muộn quá 24h	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_877	Biểu đồ theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm B phải báo cáo không muộn quá 48h	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Chi tiết theo bệnh truyền nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_878	Tổng hợp số liệu mắc bệnh truyền nhiễm	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_879	Biểu đồ chi tiết mắc bệnh truyền nhiễm theo nhóm tuổi và giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_880	Biểu đồ chi tiết mắc bệnh truyền nhiễm theo địa bàn	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_881	Biểu đồ chi tiết mắc bệnh truyền nhiễm theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Bệnh không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Tổng hợp bệnh không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_882	Bảng danh sách tình hình mắc bệnh không lây nhiễm trên địa bàn	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
	Chi tiết theo bệnh không lây nhiễm			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_883	Tổng hợp số liệu mắc bệnh không lây nhiễm	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_884	Biểu đồ chi tiết mắc bệnh không lây nhiễm theo nhóm tuổi và giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_885	Biểu đồ chi tiết mắc bệnh không lây nhiễm theo địa bàn	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_886	Biểu đồ chi tiết mắc bệnh không lây nhiễm theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Bệnh HIV/AIDS			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_887	Tổng hợp số liệu mắc bệnh theo địa bàn	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_888	Tổng hợp số liệu mắc - tử vong theo nhóm tuổi	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_889	Biểu đồ số lượt mắc bệnh phát hiện	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Bệnh ung thư			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_890	Biểu đồ số liệu bệnh nhân ung thư theo địa bàn	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_891	Báo cáo tình hình tử vong	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_892	Biểu đồ tỷ lệ mắc bệnh ung thư theo các nhóm bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_893	Thống kê số liệu mắc bệnh ung thư theo các nhóm bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Hiệu suất Khám bệnh, chữa bệnh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_894	10 CSKCB có lượt khám cao nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_895	10 nhóm bệnh có lượt khám cao nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_896	10 CSYT có bệnh nhân nội trú cao	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_897	10 CSYT có tỷ lệ khám BHYT cao nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_898	10 CSYT có số ngày điều trị cao nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_899	10 CSYT tiếp nhận nhiều ca TNGT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_900	10 Nhóm dịch vụ sử dụng nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_901	10 hoạt chất sử dụng nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tình hình sử dụng cận lâm sàng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_902	Biểu đồ số xét nghiệm theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_903	Biểu đồ số xét nghiệm theo CSYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_904	Biểu đồ số lần chụp Xquang theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_905	Biểu đồ số lần chụp Xquang theo CSYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_906	Biểu đồ số lần siêu âm theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_907	Biểu đồ số lần siêu âm theo CSYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_908	Biểu đồ số lần chụp CT/MRI theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_909	Biểu đồ số lần chụp CT/MRI theo CSYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tình hình phẫu thuật, thủ thuật			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_910	Biểu đồ số phẫu thuật, thủ thuật theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_911	Biểu đồ số phẫu thuật, thủ thuật theo CSYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_912	Biểu đồ cơ cấu phân loại phẫu thuật, thủ thuật	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Tra cứu ổ dịch			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_913	Tìm kiếm ổ dịch	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_914	Xen chi tiết ổ dịch	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Dashboard điều hành dược			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_915	Biểu đồ 10 nhóm thuốc tốn nhiều chi phí nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_916	Biểu đồ 10 nhóm thuốc được sử dụng nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Phân hệ Tích hợp các Dashboard giám sát trên hệ thống MCC lên App			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
	Biểu đồ điều hành bệnh viện: Tổng quan về bệnh viện			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_917	Làm mới dữ liệu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_918	Số liệu tổng hợp (ngoại trú, nhập viện, cấp cứu, Trong viện, doanh thu,…)	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_919	Biểu đồ dịch vụ khám đã kê theo khoa phòng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_920	Biểu đồ điều trị nội trú theo khoa phòng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Biểu đồ điều hành bệnh viện: Hiệu suất lâm sàng			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_921	Tỷ lệ tử vong theo khoa/bệnh	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_922	Thời gian nằm viện trung bình	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_923	Tỷ lệ chuyển viện	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_924	Số ca phẫu thuật	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Biểu đồ điều hành bệnh viện: Tổng quan về doanh thu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_925	Làm mới dữ liệu	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
CN_926	Cấu hình hiển thị dữ liệu theo thời gian	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_927	Biểu đồ doanh thu theo nguồn KCB (BHYT, Dịch vụ)	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_928	Biểu đồ doanh thu theo dịch vụ y tế	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_929	Biểu đồ doanh thu theo tuần	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_930	Biểu đồ doanh thu theo tháng	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_931	Biểu đồ doanh thu theo khoảng thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_932	Top 20 loại dịch vụ được kê nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_933	Top 20 loại thuốc được kê nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_934	Top 20 loại vật tư được kê sử dụng nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_935	Top 10 nhóm loại dịch vụ được kê nhiều nhất	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Biểu đồ điều hành bệnh viện: Cảnh báo thuốc - vật tư			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_936	Cảnh báo thuốc	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_937	Cảnh báo hóa chất	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_938	Cảnh báo máu và chế phẩm máu	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_939	Cảnh báo VTYT	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_940	Thống kê trang thiết bị y tế	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Tìm kiếm và tra cứu hồ sơ bệnh án tại viện			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_941	Tìm bệnh án theo bệnh nhân	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_942	Tìm bệnh án theo CSKCB	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_943	Tìm bệnh án theo bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_944	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin bệnh nhân	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_945	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin vào viện	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_946	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin điều trị	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_947	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin y lệnh thuốc vật tư	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_948	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin phiếu chỉ định	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_949	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin kết quả CĐHA	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_950	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin kết quả Xét nghiệm	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_951	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin giấy chuyển viện	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_952	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin hồ sơ cấp cứu	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_953	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin phiếu thủ thuật	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
CN_954	Xem chi tiết bệnh án - Thông tin phiếu phẫu thuật	Dự kiến trên 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến trên 10 trường thông tin.
	Biểu đồ điều hành bệnh viện: Bảo hiểm y tế			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_955	Tổng hợp số liệu chi trả BHYT (Lượt khám, Chi phí, BHTT, BNTT, BN CCT, Tiền thuốc)	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_956	Biểu đồ tỷ lệ chi phí chi trả BHYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_957	Biểu đồ phân bổ chi phí KCB BHYT	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Dashboard bệnh tim mạch			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_958	Thống kê mắc bệnh tim mạch theo độ tuổi, giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_959	Biểu đồ mắc bệnh tim mạch theo độ tuổi, giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_960	Biểu đồ mắc bệnh tim mạch theo nguyên nhân gây bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_961	Biểu đồ mắc bệnh tim mạch theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Dashboard bệnh thần kinh			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_962	Thống kê mắc bệnh thần kinh theo độ tuổi, giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_963	Biểu đồ mắc bệnh thần kinh theo độ tuổi, giới tính	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_964	Biểu đồ mắc bệnh thần kinh theo nguyên nhân gây bệnh	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_965	Biểu đồ mắc bệnh thần kinh theo thời gian	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Biểu đồ điều hành bệnh viện: Thống kê doanh thu			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_966	Thống kê doanh thu theo thời gian, loại dịch vụ, bác sỹ	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_967	Biểu đồ doanh thu theo tuần	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_968	Biểu đồ lượng khám chữa bệnh theo tuần	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
	Phân hệ Tích hợp các cảnh báo giám sát từ MCC lên App			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_969	Danh sách dữ liệu bệnh được cảnh báo	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_970	Giao xử lý cảnh báo	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Phân hệ Tích hợp xử lý, giải quyết công việc kết hợp với hệ thống MCC trên App			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_971	Thống kê danh sách công việc cần xử lí	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_972	Xử lý công việc	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_973	Thống kê tình hình xử lý công việc	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Đa ngôn ngữ			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_974	Thay đổi ngôn ngữ ở màn hình Đăng nhập	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_975	Thay đổi ngôn ngữ ở màn hình Cài đặt	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_976	Dịch ngôn ngữ (Việt - Anh)	Dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 bước xử lý nghiệp vụ.
	Quản lý log thiết bị đăng nhập			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .
CN_977	Xem danh sách thiết bị đăng nhập	Dự kiến 5 - 10 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến 5 - 10 trường thông tin.
CN_978	Hủy thiết bị đăng nhập	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
	Quản lý thông báo			Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng . Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng .

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_979	Hiển thị thông báo	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
CN_980	Xem chi tiết nội dung thông báo	Dự kiến dưới 5 trường thông tin	M	Đạt: Hệ thống cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin. Không đạt: Hệ thống không cung cấp chức năng dự kiến dưới 5 trường thông tin.
2	**Tính chính xác:** Là mô tả mức độ chính xác trong nghiệp vụ, tính toán của hệ thống.		M	
CN_981	Thời gian chờ cán bộ y tế lưu thông tin nhân khẩu	Thời gian chờ cán bộ y tế lưu thông tin nhân khẩu	M	Kết quả đạt: Thông tin lưu trong CSDL giống với dữ liệu nhập Kết quả không đạt: Thông tin lưu trong CSDL không giống dữ liệu nhập
3	**Khả năng tương tác:** Khả năng trao đổi dữ liệu của hệ thống: các định dạng dữ liệu đầu vào, đầu ra, các quy tắc về dữ liệu bắt buộc tuân thủ; dữ liệu trao đổi giữa hệ thống và các hệ thống liên quan. Phương thức/ chuẩn giao tiếp giữa các hệ thống khác nhau.		M	
CN_982	Khả năng liên thông dữ liệu từ HIS	Khả năng liên thông dữ liệu với hệ thống HIS	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
CN_983	Khả năng kết nối CSDL BHXH VN	Khả năng kết nối CSDL BHXH VN	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_984	Khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu HSSK về kho trung tâm dữ liệu tại Tỉnh/thành phố	Khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu HSSK về kho trung tâm dữ liệu tại Tỉnh/thành phố	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
4	**Tính bảo mật:** Khả năng kiểm soát truy cập của các vai trò người sử dụng vào hệ thống hoặc dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của dữ liệu.		M	
CN_985	Phân quyền, vai trò cho tài khoản đơn vị	- Quyền admin hệ thống, SYT có đầy đủ luồng báo cáo, quản lý danh mục, cấu hình danh mục, quản trị hệ thống. Có quyền quản trị, phân quyền cho tài khoản SYT, TTYT, TYT. Các quyền cấu hình các tham số chung cho ứng dụng - Quyền TTYT, TYT có đầy đủ luồng báo cáo, quản lý danh mục, cấu hình danh mục	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
5	***Chỉ tiêu chức năng ATTT ứng dụng***		M	
CN_986	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Có giao diện quản lý tài khoản người sử dụng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_987	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập quản trị, cấu hình phần mềm.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_988	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy truy cập sử dụng phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_989	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống, Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương		
CN_990	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng yêu cầu người dùng đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_991	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_992	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_993	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_994	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_995	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_996	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có giao diện cho phép thiết lập chính sách về giới hạn	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định.		
CN_997	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng cảnh báo tới người sử dụng khi vi phạm chính sách	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_998	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_999	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động vô hiệu hóa tài khoản nếu vi phạm chính sách trên	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1000	Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng, Chức năng bảo đảm mật khẩu được mã hóa trước khi gửi qua môi trường mạng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1001	Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về xác thực đa nhân tố.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1002	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm không nhận được yêu cầu từ người dùng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_1003	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Hiển thị thông báo, đóng phiên kết nối đã hết hạn thời gian timeout và yêu cầu đăng nhập lại	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1004	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1005	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có chức năng thực thi chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1006	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1007	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Phân loại nhóm tài khoản theo ít nhất 03 nhóm: i. Tài khoản người sử dụng thông thường; ii. Tài khoản quản trị mức sử dụng; iii. Tài khoản quản trị mức phát triển, vận hành.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1008	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		dụng, Có chức năng thực thi chính sách phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau ở trên.		
CN_1009	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập quyền cho các tài khoản.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1010	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền cho các tài khoản ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1011	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về cổng quản trị ứng dụng và cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1012	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có chức năng thực thi chính sách tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1013	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1014	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có chức năng thực thi chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị hệ thống ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_1015	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Phần mềm cung cấp chức năng ghi nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1016	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Nhật ký hệ thống được phân loại theo ít nhất 05 nhóm: i. Nhật ký truy cập Phần mềm; ii. Nhật ký đăng nhập khi quản trị Phần mềm; iii. Nhật ký các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động; iv. Nhật ký quản lý tài khoản; v. Nhật ký thay đổi cấu hình Phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1017	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1018	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Cho phép quản trị viên cấu hình khoảng thời gian lưu trữ nhật ký qua giao diện trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1019	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Lưu trữ nhật ký với ít nhất 05 thông tin: i. Thời điểm sinh nhật ký; ii. Phân nhóm nhật ký; iii. Mô tả thao tác/lỗi; iv. Đối tượng thực hiện thao tác/sinh lỗi; v. Mức độ quan trọng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1020	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có giao diện cho phép	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản quản trị.		
CN_1021	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1022	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập chính sách về sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1023	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng, Có chức năng cho phép thực hiện việc sao lưu dự phòng theo chính sách ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1024	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân loại dữ liệu được lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1025	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có chức năng cho phép lưu trữ dữ liệu theo tên định dạng đối với từng loại dữ liệu tại mục trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1026	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_1027	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng thủ công cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1028	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng tự động cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_1029	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép khôi phục dữ liệu, cấu hình hệ thống từ dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống lưu trữ tập trung	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
II	**Chỉ tiêu phi chức năng**			
1	**Kiến trúc và công nghệ:** Design hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống.			
PCN_1	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Các công nghệ lựa chọn bắt buộc tuân thủ danh mục công nghệ được quy hoạch theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023) hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_2	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Sản phẩm khi phát triển phải Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS đảm bảo Có các cơ chế caching để tăng tốc độ xử lý đối với các dữ liệu thường xuyên được sử dụng ở tất cả các tầng: giao diện, logic, database. Có cơ chế in memory cho các dữ liệu thường xuyên được sử dụng và đáp ứng xử lý thời gian thực	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_3	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Đối với các module giao tiếp với các hệ thống viễn thông: Tuân theo giao thức chuẩn của viễn thông (3GPP, RFC). (*Ghi chú: đối với sản phẩm không có giao tiếp với các hệ thống viễn thông thì không cần đưa tiêu chí đánh giá này vào bộ CTKT)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_4	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Có tài liệu Design mức cao (HLD) cho sản phẩm HT CNTT. Trong đó cần mô tả chức năng của các thành phần, các giao thức kết nối	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_5	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các tầng của ứng dụng phải được phân tách một cách độc lập, các tầng có thể chỉnh sửa một cách độc lập mà không ảnh hưởng tới các tầng khác: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_6	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các module được phân tách một cách độc lập về dữ liệu, về nghiệp vụ, đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_7	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Hệ thống dễ dàng mở rộng/giảm dung lượng theo từng module mà không gây downtime.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_8	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Không sử dụng các thư viện, phần mềm,…vi phạm bản quyền. Không sử dụng dạng trial khi triển khai chính thức hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Khi sử dụng license, hệ thống phải đảm bảo thời hạn license xuyên suốt thời gian cung cấp cho khách hàng.		
PCN_9	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Hệ thống hỗ trợ sử dụng CSDL mã mở	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_10	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Với các hệ thống sử dụng các thư viện Opensource, các phần mềm của bên thứ 3 thì version sử dụng phải đảm bảo không được EOL/EOS và có thời gian hỗ trợ tối thiểu đáp ứng theo yêu cầu của Viettel.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_11	Tuân thủ quy định về hạ tầng triển khai	Sản phẩm khi hoàn thành phát triển phải hoạt động được trên nền tảng ảo hóa/container (trừ BigData, DB bao gồm cả NoSQL, các ứng dụng hiệu năng cao,...). Các TH đặc biệt phải có báo cáo và kết luận của Chủ tịch Hội đồng kiến trúc công nghệ của TCT. (*Ghi chú: Trong TH đặc biệt mà sản phẩm bắt buộc phải đi kèm theo phần cứng riêng biệt thì phải nêu rõ lý do trong bộ CTKT).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_12	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo cơ chế cân bằng tải: Có các cơ chế phân tải để tăng khả năng xử lý: cơ chế load balancer cho phép nhiều máy cùng xử lý các tác vụ giống nhau đối với các tác vụ có tần suất sử dụng lớn; cơ chế xử lý song song trên nhiều tiến trình khác nhau trên cùng máy chủ để nâng cao hiệu năng hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_13	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp tự động phát hiện và điều tiết lưu lượng thông qua bộ cân bằng tải (LB) hoặc Reverse Proxy hoặc công cụ tương đương (có khả năng giám sát tính sẵn sàng và điều chỉnh lưu lượng tải theo các mode tối thiểu gồm: simple round	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		robin, Least-Loaded Round Robin, Weighted Round Robin)."		
PCN_14	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp phân tầng (layer) độc lập: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu,…Design độc lập dữ liệu: đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_15	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Đối với các module phục vụ trực tiếp khác hàng: Khi restart module không được ảnh hưởng đến khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_16	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Có giải pháp đảm bảo tài nguyên dùng chung không bị xung đột: Connection: DB connection, FTP connection, File hander, Socket connection (WS,…)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_17	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có khả năng dễ dàng scale về phần cứng, app, database mà không cần phải có thời gian downtime hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_18	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có cơ chế cho phép thí điểm áp dụng tính năng mới trên tập thuê bao/giao dịch cấu hình riêng (tập thuê bao/giao dịch có chọn lọc) khi nâng cấp hệ thống để đánh giá trước khi áp dụng diện rộng cho toàn bộ khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_19	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Web/webservice có cơ chế cho phép cách ly riêng node ứng dụng ra khỏi cụm đang hoạt động để nâng cấp, sau khi hoàn thành thì join lại để tiến tới zezo downtime đối với các hệ thống quan trọng trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_20	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cần có mô tả rõ các số lượng/cấu hình phần cứng cần thiết cho các mức số lượng thuê bao, CCU tăng trưởng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_21	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cung cấp công cụ upcode tự động	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_22	Khả năng vận hành	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng vận hành: Cung cấp cơ chế switch online không gây downtime hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_23	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống tự động nâng cấp khi có phiên bản mới (có thông báo và xác nhận của người dùng)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_24	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các module trong cùng một dịch vụ giao tiếp nhiều hoặc giữa ứng dụng và DB không đặt tại nhiều tổng trạm khác nhau. (* Ghi chú: + Với hệ thống đặt trên hạ tầng Viettel Cloud: Loại yêu cầu là M. + Các TH còn lại: Loại yêu cầu là O/KĐG).	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_25	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các chức năng báo cáo không sử dụng chung database với hệ thống cung cấp dịch vụ. Có thể tách dạng schema hoặc mức vật lý/instance. Hạ tầng cung cấp cho ứng dụng không dùng chung với ứng dụng khác (có thể chung hạ tầng vật lý nếu sử dụng ảo hóa).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_26	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các Ứng dụng, CSDL có sự phân cách sử dụng tài nguyên	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_27	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Bộ cài có thể cài đặt trên	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		các thiết bị khác nhau như máy tính, điện thoại, máy tính bảng, appstore		
PCN_28	Khả năng cài đặt phần mềm	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng cài đặt phần mềm: Có tài liệu sizing và test case đầy đủ hỗ trợ công tác CPM - Capacity and Performance Management. Sizing và design có mô tả cụ thể các metric phục vụ VHKT: CPU, Ram, IOPS, latency, TPS, QPS	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_29	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Có thể chuyển cho bên thứ 3 cài đặt.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_30	Tính bảo mật - ATTT	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo Tính bảo mật - ATTT: Đảm bảo tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_31	Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai: Có giải pháp thực hiện giới hạn tài nguyên dùng chung cho nhiều ứng dụng về RAM, CPU, IOPS... tránh việc xung đột tài nguyên giữa các tiến trình.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_32	Đảm bảo về tính dự phòng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo tương thích với hạ tầng phần cứng nhằm đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 849/QĐ-CNVTQĐ ban hành ngày 28/06/2024 v/v Quy định đảm bảo dự phòng hệ thống Công nghệ thông tin trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc văn bản mới thay thế/tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_33	Đảm bảo tính dự phòng (*Ghi chú: đối với sản phẩm phần mềm được hiểu là các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng)	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo có tính dự phòng. - Đối với sản phẩm: các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng. - Đối với sản phẩm có thiết bị phần cứng đi kèm (bắt buộc) thì ngoài mức độ dự phòng về module, các thiết bị phần cứng đi kèm cũng phải đảm bảo dự phòng 1+1 về phần cứng và kết nối.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_34	Tính tin cậy	Yêu cầu ứng dụng phải có cấu hình ngưỡng kiểm soát đầu vào, đầu ra để tự bảo vệ trong trường hợp đột biến đầu vào. Có cơ chế bảo vệ Database: Giới hạn số lượng connection vào DB được cấu hình trên từng module của ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_35	Tính tin cậy	Cho phép cấu hình ngưỡng kiểm soát được TPS của các Service Có cơ chế tự bảo vệ và tự động từ chối tiếp nhận thêm các giao dịch nếu vượt quá ngưỡng theo từng module như cho phép giới hạn khả năng xử lý của ứng dụng, số lượng yêu cầu xử lý được trong 1 khoảng thời gian. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải Có cơ chế kiểm soát và xử lý timeout, lỗi khi giao tiếp giữa các hệ thống, giữa các module trong hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_36	Tính tin cậy	Những yêu cầu quá thời gian timeout thì giải phóng, reject những yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_37	Tính tin cậy	Có cơ chế cô lập các module đang bị lỗi (không phân tải vào các module chậm, treo, down), từ chối không tiếp nhận đầu vào khi vượt ngưỡng xử lý của hệ thống. Không làm gián đoạn toàn bộ 100% dịch vụ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_38	Tính tin cậy	Đối với mô hình xử lý request trên queue, hệ thống tự động từ chối yêu cầu khi chạm ngưỡng đầy queue và gửi cảnh báo cho quản trị hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_39	Tính tin cậy	Cho phép triển khai chế độ thay đổi từ FIFO sang LIFO. Chiến lược này dựa trên giả thiết ở các dịch vụ tương tự web search, khi thời gian chờ quá 10s thì nhiều khả năng người dùng đã từ bỏ và làm mới trình duyệt, việc xử lý yêu cầu cũ không còn ý nghĩa nữa.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho ra ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_40	Tính tin cậy	Cung cấp cơ chế phân loại mức độ quan trọng của từng tác vụ. Khi cao tải các tác vụ có mức quan trọng thấp sẽ tự động bị từ chối trước. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_41	Tính tin cậy	Cung cấp khả năng từ chối yêu cầu, theo ít nhất một trong các ngưỡng sau: + Thiết lập ngưỡng tài nguyên/ người dùng. Ví dụ: Mỗi người dùng chỉ đáp ứng một lượng tải nhất định như Google quy định mỗi người dùng Gmail được phép tiêu thụ tối đa 4000 CPU/ giây). + Thiết lập ngưỡng phản hồi trên client. Ví dụ: Ứng dụng mobile tự động nhận diện số lượng yêu cầu được phản hồi/ số lượng yêu cầu phát sinh, nếu quá ngưỡng thì tự động từ chối yêu cầu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_42	Tính tin cậy	Hỗ trợ chế độ cung cấp dịch vụ xuống cấp/ Graceful Degradation. Đây là khả năng của hệ thống để tiếp tục hoạt động mặc dù gặp phải sự cố hoặc vấn đề. Khi hệ thống gặp sự cố hoặc tải đầu vào tăng cao, hệ thống sẽ không dừng hoàn toàn mà thay vào đó sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ dưới một hình thức giới hạn hoặc với chất lượng thấp hơn (cung cấp dịch vụ với mức chất lượng thấp hơn, chi phí ít hơn như: chỉ tiếp nhận, gửi thông báo về yêu cầu đã được tiếp nhận hoặc rút gọn không gian tìm kiếm)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_43	Tính tin cậy	Sản phẩm khi phát triển phải đáp ứng và phù hợp với cơ chế dự phòng của toàn bộ hệ thống (trong trường hợp sản phẩm đi kèm với phần cứng bắt buộc). Trong trường hợp xảy ra sự cố, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường khi hệ thống thực hiện các cơ chế dự phòng (active-stanby,...), cơ chế lật mặt tự động.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ha da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_44	Tính tin cậy	Cho phép thiết lập kịch bản hành động (ví dụ: restart tiến trình, failover...) khi phát hiện tiến trình không phản hồi/chậm phản hồi/cao tải	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_45	Khả năng phục hồi	Thời gian khôi phục hệ thống khi bị tấn công hoặc hệ thống bị lỗi (*cơ sở để các đơn vị chủ dịch vụ xây dựng phương án sao lưu dữ liệu*) bao gồm: - RTO: 12h - RPO: 12h	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_46	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_47	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo toàn bộ tác động lên hệ thống đều được ghi log đầy đủ (bao gồm cả log đăng nhập/ thoát và log nghiệp vụ). Ghi chú: Đối với các hệ thống bàn giao mức baseline chưa thể đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ yêu cầu; cho phép bàn giao kèm điều kiện giải trình giải trình chi tiết chứng minh hệ thống đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ đến khi từ bàn giao đến khi bàn giao toàn bộ. Chính sách ghi log file của hệ thống: Có thể thiết lập ghi log theo ngày, theo dung lượng, theo số lượng file log, cắt log, xóa log. Đảm bảo dung lượng file log không quá 100Mb, lưu log online tối thiểu 30 ngày trên server phân vùng ứng dụng, tối thiểu 90 ngày với file log nén và 6 tháng lưu trên server log tập trung (dạng file nén). Đối với log giao dịch (log đăng nhập, log xử lý giao dịch...) đảm bảo lưu log theo chuẩn chung, phải chỉ ra được ai tác động gì và tác động từ đâu. Cấu trúc log ứng dụng theo Phụ lục PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng Log phải thể hiện được ứng dụng có đang hoạt động hay không: Trong thời gian nhất định bắt buộc ghi ra log trạng thái process nếu không	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		có giao dịch. - Không được ghi log nhạy cảm. Trường hợp có ghi log nhạy cảm phải mã hóa thông tin. - Các bảng Log trên DB phải có cơ chế tự mở rộng, tự quay vòng. - Đối với ứng dụng do đơn vị phần mềm code: Phải có 3 loại log, cụ thể: + Log full (log nghiệp vụ) của toàn bộ tính năng format theo PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng + Log exception: Không quy định cấu trúc nhưng phải chỉ tường minh Exception là gì? Class, hàm xử lý & dữ liệu đầu vào của giao dịch. + Log KPI (trong trường hợp ứng dụng có tiến trình import log KPI vào bảng KPI_LOG). Trường hợp đã ghi log trực tiếp vào DB thì không cần có log này. Log phải thể hiện được KPI: số lượng yêu cầu (TPS, TPM, number of requests), tốc độ xử lý từng khối (các khối trong module, chờ db phản hồi) & tỷ lệ giao dịch thành công, số lượng response/request. Không bật chế độ debug, phải định nghĩa bộ mã lỗi trong log khi ứng dụng hoạt động bất thường. - Đối với ứng dụng Open Source: Không cần format log theo chuẩn Tập đoàn nhưng đảm bảo 2 tiêu chí sau: + Ghi log thể hiện được trạng thái của ứng dụng open Source (đang làm việc hay treo) + Log phải thể hiện được KPI tốc độ xử lý & tỷ lệ giao dịch thành công.		
PCN_48	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Phải thiết lập các tham số giới hạn dung lượng log tạo ra trên mỗi hệ thống, tối thiểu gồm: Giới hạn số lượng file log tối đa và giới hạn kích thước file log tối đa nhằm hạn chế hiện tượng quá tải lưu trữ. Ví dụ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Đối với hệ thống sử dụng Log4j cần thiết lập tham số: + MaxBackupIndex: Giới hạn số file log tối đa được ghi dựa + MaxFileSize: Giới hạn kích thước file log tối đa tùy theo tính chất ứng dụng		
PCN_49	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đẩy log/ file dữ liệu ra vùng lưu trữ tập trung	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_50	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế phản hồi thông báo cho người dùng trong các tình huống khi vượt ngưỡng, khi hệ thống bị lỗi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_51	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Quản lý lỗi/cảnh báo/log: Cung cấp các cảnh báo dựa trên các tham số thiết lập trước (điều chỉnh được); Toàn bộ các cảnh báo/lỗi/log được phân loại/lọc để dễ dàng theo dõi; Các cảnh báo được cung cấp với độ trễ <1 phút. Hỗ trợ cảnh báo bằng âm thanh, email, sms; Lưu log hệ thống, tiến trình và log tác động của người dùng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_52	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_53	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log được ghi trên tất cả các Module trong hệ thống. Giữa các Module phải có cơ chế ghi log để nhận dạng, liên kết được từng giao dịch trên các Module với nhau (ví dụ như ID của giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_54	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đặt log theo từng mức để bật/tắt, theo dõi kiểm tra khi cần (ví dụ như chế độ Information, chế độ Debug, chế độ trace chi tiết một giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_55	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log phải được ghi có cấu trúc để có thể dễ import được vào các hệ thống quản lý log tập trung, sử dụng các format log tiêu chuẩn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_56	Khả năng hạn chế lỗi người dùng	Có tính năng kiểm tra dữ liệu, cung cấp các ràng buộc để người dùng không thể lựa chọn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		sai Có tính năng preview kết quả trong một số trường hợp cần thiết (vd: review văn bản trước khi trình ký trên voffice) Hỗ trợ cảnh báo thời gian thực (vd: kiểm tra trùng password) Tuân thủ theo các thông lệ Có tính năng xác nhận đối với các tác vụ quan trọng, đảm bảo người dùng hiểu đúng trước khi thực hiện		
PCN_57	Tính tự mô tả	Sản phẩm có khả năng thể hiện các thông tin một cách hợp lý khi người dùng cần, khiến cho người dùng có thể hiểu ngay tính năng đó mà không cần phụ thuộc quá nhiều vào tài liệu hướng dẫn.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_58	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Đảm bảo bản chạy của ứng dụng và dữ liệu khách hàng an toàn, không mất trong mọi trường hợp. + Bản chạy ứng dụng phải được backup định kỳ hàng ngày, lưu trữ tối thiểu 3 version gần nhất. + Thông tin dữ liệu khách hàng, file/media: Backup sang hệ thống backup định kỳ (tối thiểu mức tháng nếu dữ liệu không có dự phòng, mức ngày với dữ liệu không có dự phòng) + Thời gian lưu trữ: Đối với dữ liệu backup cấu hình & system log: Lưu tối thiểu 30 ngày; Đối với dữ liệu file/media: Lưu lâu dài (không xác định thời gian, trừ trường hợp có quy định riêng). + Việc xây dựng các module phải chỉ ra các Phân vùng ổ đĩa backup và phải nằm trên hệ thống ổ đĩa lưu trữ khác với phân vùng chứa dữ liệu (khác storage, khác server).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_59	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Cho phép thiết lập tự động sao lưu dữ liệu định kỳ theo nhiều mức và theo các cơ chế sao lưu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_60	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống - Có cơ chế tự động kết nối lại database khi mất kết nối. - Có cơ chế tự động kết nối lại đến module khác trong luồng xử lý nghiệp vụ. - Ứng dụng chạy dạng OS service (có khả năng tự bật khi OS restart) và khi ứng dụng down phải có cơ chế tự động khôi phục. - Luồng nghiệp vụ lỗi được hiểu là down ứng dụng hoặc ứng dụng vẫn chạy nhưng không có kết nối nên không xử lý nghiệp vụ.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_61	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có cơ chế đảm bảo đồng bộ dữ liệu giữa các module, phân hệ trong các hệ thống khác nhau trong cùng 1 luồng nghiệp vụ. Có khả năng tự rollback/retry để đảm bảo tính đồng bộ tự động mà không cần tác động thủ công.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_62	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Mô tả rõ cơ chế đồng bộ trong luồng nghiệp vụ, cơ chế retry, cơ chế tự khắc phục lỗi mất đồng bộ trong luồng nghiệp vụ đó.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_63	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Giới hạn số lượt retry được phép thực hiện theo + Tính trên request. Ví dụ: tối đa 1 request được retry 3 lần + Tính trên client. Ví dụ: một client được phép retry tối đã 10% số lượng request + Giám sát số lần retry trên từng tác vụ, khi số lượng retry tăng đến một ngưỡng, có thể thiết lập chế độ phản hồi lỗi: “Quá tải, không thử lại”	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_64	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi. Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_65	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Cho phép khôi phục dữ liệu từ các bản sao lưu gần nhất.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_66	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Sản phẩm khi phát triển tuân thủ tiêu chuẩn Cloud-Native theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_67	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Đạt tối thiểu mức độ trung bình (level 3) về mức độ áp dụng CICD theo hướng dẫn HD.CNVTQĐ.CNTT.35 hoặc văn bản thay thế tương đương: Văn hóa & cách thức tổ chức: - Xóa dần ranh giới dev/ops, DBA,CM,Operations dần trở thành một phần của team hoặc ít nhất thường xuyên làm việc với team - Áp dụng agile cơ bản; - Mỗi team một backlog; Công việc được sắp xếp thứ tự ưu tiên - Release sau mỗi sprint - Có thực hiện đánh giá định kỳ 6 tháng các vấn đề về bảo mật. Thiết kế & Kiến trúc (Design & Architecture): - Quản lý API - Quản lý Library - File config ETL jobs được lưu trong SCM - File config được tự động test và chuyển giao đến "ETL Tools" khi commit - Áp dụng Feature Toggle (Feature Hiding/Feature Flag) - Phân rã microservices từ module, Áp dụng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Branch by Abstraction Quản lý Source (SC): - Code base được đánh phiên bản - Thực hiện committest - Luôn đảm bảo bản build từ nhánh tích hợp về cơ bản là chạy được (đảm bảo commit test) - Đối với Dev done nghĩa là code đã pass unit test và automated functional test Quản lý dữ liệu (Data Management): - Thay đổi tới datastore được kiểm soát và đánh phiên bản - Feature engineering thực hiện thủ công - Chỉ thực hiện Feature engineering khi cần huấn luyện lại mô hình ML Kiểm thử (Test + QA): - Có môi trường test tương tự production - Độ phủ unit test đảm bảo 50% code base - Review chéo code - Test liên tục trong quá trình làm, không dồn về cuối - Định kỳ quét, phân tích chất lượng source code tĩnh - Kiểm thử hiệu năng, bảo mật thủ công - Kiểm thử chức năng tự động(với tất cả các luồng nghiệp vụ chính), Tester không cần tập trung chính vào kiểm thử hồi quy - Thực hiện quét ATTT Build: - Điều khiển việc build qua cấu hình trên Source Control, tự động kích hoạt build khi commit, không dùng cơ chế polling từ CI Server - Bản Build được quản lý bởi công cụ, đánh phiên bản tự động - Chỉ build 1 kiểu, tạo ra 1 kết quả duy nhất không phụ thuộc vào mục đích sử dụng bản		

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		build cho môi trường test/production) Quản lý Cấu hình (Configuration management): - Toàn bộ cấu hình được quản lý trong SCM (scripted config changes) Quản lý huấn luyện ML model (Model Training Management): - Không sử dụng "Automated ML Pipeline", model retraining được thực hiện thủ công - Lưu trữ và đánh phiên bản cho tất cả các ML model sau mỗi lần huấn luyện Triển khai (Deployment): - Tự động deploy lên môi trường test - Nhấn nút (push button) để deploy lên môi trường production sau khi kiểm thử thành công (đảm bảo pass unit test, automation test, security test) trên môi trường staging Thông tin & báo cáo (Info & Report): - Có chỉ tiêu đánh giá cơ sở - Đo lường các chỉ tiêu - Báo cáo chất lượng được lập lịch để báo cáo định kỳ - Team + những người liên quan xem được báo cáo - Người ngoài dự án có thể đăng ký (subscribe) nhận kết quả build - Có thể xem được lịch sử báo cáo - Có thể trace thông tin đến pipeline		
PCN_68	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có bản Design các công nghệ đặc thù (storm, dpdk, sr-iov...) với version tương ứng	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_69	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có tài liệu đánh giá tính sẵn sàng với cloud native, như: khả năng Containerize và khả năng tích hợp với Container Orchestration Engine (như Kuberenetes)	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ha da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_70	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có đầy đủ các tài liệu về Design kiến trúc, mô hình triển khai, mô hình phân rã chức năng, hướng dẫn vận hành hệ thống. Biểu diễn dưới dạng các diagram, đầu vào, đầu ra và chuẩn giao tiếp. Có tài liệu đặc tả yêu cầu hoặc tài liệu Phân tích yêu cầu phần mềm.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_71	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Hệ thống tuân thủ theo các tiêu chuẩn giám sát dịch vụ theo phụ lục. Toàn bộ Lisence, KPI, tham số sizing, năng lực của hệ thống phải được giám sát. Việc giám sát thực hiện tập trung đẩy cảnh báo giám sát lên NOCPRO. Nội dung chi tiết các tiêu chí cần giám sát tối thiểu trong "PL_VHKT.08_Checklist danh gia Giam sat". Hệ thống giám sát do đơn vị phát triển đưa ra và được tích hợp lên hệ thống nocpro.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_72	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo hỗ trợ việc quản trị qua giao diện dòng lệnh (SSH, Telnet,…) và hỗ trợ giao thức SNMP ver2c trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_73	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp đầy đủ các công cụ hỗ trợ vận hành, giám sát, cảnh báo hệ thống: cung cấp các giao diện, web service để có thể chủ động giám sát tình trạng của dịch vụ (health check chủ động)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_74	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp công cụ tập trung cho phép xuất toàn bộ các trạng thái của các tiến trình, hệ điều hành trong vòng 1 tháng phục vụ cho công tác kiểm tra hệ thống khi có lỗi xảy ra.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_75	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Đối với từng Module trong hệ thống, giám sát online được các thông số tại từng thời điểm: số lượng giao dịch tải đầu vào/khả năng đáp ứng, thời gian xử lý từng giao dịch/KPI cho phép, tổng số giao dịch xử lý lỗi/tổng giao	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		dịch vào, tổng số giao dịch xử lý thành công/tổng giao dịch vào.		
PCN_76	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Quản trị hệ thống có thể thay đổi được các tham số nghiệp vụ hệ thống, ngưỡng đáp ứng của hệ thống, đa ngôn ngữ, tiền tệ…	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_77	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển phải có khả năng tích hợp linh hoạt cho phép sẵn sàng tích hợp với các hệ thống giám sát, quản lý tập trung (Đối với các sản phẩm phục vụ nội bộ trong TĐ là hệ thống AOM, MM, IIM,… của VTNet)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_78	Tiêu chuẩn KPI	Toàn bộ các tính năng chính của hệ thống phải có quy định KPI về tốc độ xử lý và tỷ lệ giao dịch thành công. Các con số này phải phân biệt vào đo được trên từng module xử lý khác nhau. Có quy định KPI và đưa KPI lên hệ thống báo cáo, giám sát KPI. Có cấu hình test/đo KPI tự động trên các công cụ như jmeter, SoapUI… của toàn bộ các chức năng đo KPI phục vụ test, kiểm thử hiệu năng sau khi nâng cấp.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_79	Tiêu chuẩn KPI	Hệ thống đo KPI có giao diện phục vụ việc theo dõi giám sát toàn bộ KPI cho các giao dịch chính của ứng dụng thể hiện được ngưỡng trên dưới và cảnh báo khi KPI sụt giảm hoặc tăng vọt so với ngưỡng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_80	Tiêu chuẩn KPI	Có các báo cáo KPI phân tích xu thế chất lượng hệ thống để cảnh báo sớm. Cho phép so sánh KPI với giá trị trước 5 phút, 1 tiếng, thời gian cùng ngày, thời gian cùng tuần	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_81	Tiêu chuẩn KPI	Đảm bảo các tiêu chí tích hợp KPI, KQI tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) ban hành ngày 30/09/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_82	Các tiêu chuẩn khác	- Sử dụng VSA tập trung quản lý, phân quyền người dùng: + Với hệ thống là nội bộ Tập đoàn, đăng nhập người dùng cán bộ nhân viên Viettel bắt buộc phải xác thực SSO (hệ thống xác thực và đăng nhập tập trung của Tập đoàn). + Với hệ thống cho khách hàng ngoài, không yêu cầu xác thực SSO (SSO: single sign on - hệ thống đăng nhập tập trung của Tập đoàn). - Thời gian khởi động (start) khôi phục toàn bộ dịch vụ trong trường hợp sự cố hạ tầng hàng loạt kể từ thời điểm khắc phục <10p: Trong trường hợp lỗi mạng, lỗi hạ tầng ... Ảnh hưởng đến toàn bộ các node ứng dụng thì thời gian khởi động (start) hoàn toàn dịch vụ không quá 10p kể từ khi khắc phục. - Ứng dụng trong suốt với người sử dụng. Người sử dụng không cần sử dụng user ứng dụng trong quá trình VHKT: Cần tích hợp lên hệ thống NIAM trước khi bàn giao, hoặc có giải pháp khác đảm bảo. - Đảm bảo không có tiến trình chạy ngầm hoặc đặt job chạy trên database, crontab trên server nhưng không giám sát được: Toàn bộ các thành phần của ứng dụng phải giám sát được.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_83	Các tiêu chuẩn khác	Quản lý tập trung cho việc thực hiện toàn bộ các công việc cấu hình, tác động hệ thống bao gồm: Start, stop tiến trình, cấu hình tham số tiến tình, ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_84	Các tiêu chuẩn khác	Có module tập trung để quản trị, khai báo các thay đổi trong hệ thống (ví dụ như OSS của viễn thông, CMS...). Trên giao diện này cho phép: + Thay đổi, cấu hình được các tham số như chính sách, danh mục, các ngưỡng trên các	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ha da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		module,... + Reload các tham số cấu hình hệ thống như sản phẩm, gói cước, chương trình khuyến mại, và dữ liệu danh mục mà không cần phải khởi động lại hệ thống. + Cấu hình, hiển thị được toàn bộ các cảnh báo, lỗi trên toàn bộ hệ thống. Cho phép tạo định nghĩa và phân loại mức độ các cảnh báo. + Giám sát được hoạt động ứng dụng online, nhìn cảnh báo online qua màn hình, âm thanh, email, sms. + Có các báo cáo về KPI chi tiết, tổng hợp. + Có giao diện, giao thức cho phép các hệ thống khác truy nhập vào để lấy các thông tin như cảnh báo,...		
PCN_85	Yêu cầu đảm bảo quản trị dữ liệu nhạy cảm (DLNC)	Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập theo Điều 7 Quy định 2187/QĐ-CNVTQĐ về Dữ liệu nhạy cảm hoặc văn bản thay thế tương đương. Đối với hệ thống chứa DLNC - Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_86	Khả năng tương thích	Hệ thống hỗ trợ các loại trình duyệt phổ biến như Firefox và Chrome	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_87	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của trình duyệt: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới của trình duyệt không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_88	Khả năng tương thích	Hỗ trợ ứng dụng máy khách PC trên hệ điều hành tối thiểu Windows, Viettel OS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_89	Khả năng tương thích	Hỗ trợ sử dụng được trên nền tảng di động Android và IOS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)		
PCN_90	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của hệ điều hành mobile: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_91	Khả năng tương thích	Hệ thống Website yêu cầu Design tương thích đa thiết bị (PC, Tablet, Mobile...)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
2	***Tính khả dụng***			
2.1	**Trải nghiệm người dùng (UX)**			
PCN_92	Đảm bảo trải nghiệm người dùng của sản phẩm tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản xuất phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) có hiệu lực từ ngày 01/10/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	Sản phẩm đảm bảo tuân thủ theo PL06.QT.VTS.QLCL.16.1.1_Quy dinh danh gia tieu chi UX và các phụ lúc khác có liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm trong Quy trình QT.VTS.QLCL.16.1.1.	M	**ĐẠT**: Khi sản phẩm Tỉ lệ Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist và Không Fail 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. **KHÔNG ĐẠT:** + Khi sản phẩm Pass < 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist + Khi sản phẩm Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist nhưng Fail một trong 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. - Lưu ý: Nếu sản phẩm Fail tiêu chí UX_25 - Critical interaction issue (chứa lỗi rất nghiêm trọng/sản phẩm hỏng), bộ phận đánh giá UX có thể kết luận sản phẩm Không đạt UX mà không cần kiểm tra các tiêu chí khác.
3	**Độ khả dụng**			
PCN_93	Xác định độ khả dụng hệ thống theo guideline phân loại mức độ quan trọng hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin số GL.CNVTQĐ.CNTT.03 hoặc văn bản tương đương. *** Đơn vị cung cấp thông tin: Chu kỳ đánh giá (tuần/tháng/năm) và thời gian**	(Dựa trên thông số tính toán, đơn vị cung cấp độ khả dụng tại đây) - Chu kỳ đánh giá: 06 tháng - Thời gian downtime cho phép: 01 giờ - Mức độ khả dụng của hệ thống: ≥ 99,8%	M	ĐẠT: Đáp ứng CTKT KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	downtime của hệ thống để xác định độ khả dụng của hệ thống cho phép.			
4	***Yêu cầu về chất lượng mã nguồn***			
PCN_94	Tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn	Source code tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn tại HD.00.CNTT.22 văn bản tương đương, thay thế hiện hành.	M	Không còn lỗi Blocker, Critical.
5	***Tính hiệu quả***			
5.1	***Thời gian xử lý.*** *(Thời gian xử lý của các nhóm chức năng/chức năng hệ thống)*			
	Thời gian xử lý: - Thời gian xử lý của giao dịch tính từ khi người dùng gửi yêu cầu giao dịch đến khi người dùng nhận kết quả trả về từ hệ thống. - Thời gian xử lý của chức năng là giá trị 95th tốc độ xử lý của giao dịch trên chức năng đó.	Ngoài các chức năng có yêu cầu đặc thù về tốc độ xử lý, tối thiểu tất cả các chức năng hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phản hồi theo bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ CNTT (TC_CNVTQĐ_CNTT_25 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành) của Tập đoàn hoặc tiêu chuẩn TC.VTS.QLCL.01 của TCT GPDN hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành. Đối với các sản phẩm dịch vụ Video và Call VoIP thực hiện theo bộ tiêu chuẩn chất lượng hiệu năng cho sản phẩm/dịch vụ Video và Call VoIP (TC.VTS.QLCL.19 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành). Kịch bản kiểm thử với các tiêu chí đánh giá hiệu năng hệ thống cụ thể như sau:		
	Trường hợp test 01: 100 CCU			
PCN_95	Chức năng Thêm mới nhân khẩu	Chức năng: Thêm mới nhân khẩu + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99.027.249	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_96	Chức năng Tìm kiếm nhân khẩu	Chức năng: Tìm kiếm nhân khẩu + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 12 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99.027.249	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_97	Chức năng Xem thông tin hồ sơ sức khỏe	Chức năng: Xem thông tin hồ sơ sức khỏe + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 10 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99.027.249	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_98	Chức năng Thêm mới lịch sử khám chữa bệnh	Chức năng: Thêm mới lịch sử khám chữa bệnh + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 80.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_99	Chức năng Báo cáo lịch sử đồng bộ 130	Chức năng: Báo cáo lịch sử đồng bộ 130 + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 14 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 85.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_100	Chức năng Báo cáo tiến độ chuẩn hóa hồ sơ	Chức năng: Báo cáo tiến độ chuẩn hóa hồ sơ + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99.027.249	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_101	Tình hình sức khỏe người dân>> 10 bệnh có lượt mắc nhiều nhất	Chức năng: 10 bệnh có lượt mắc nhiều nhất + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 80.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_102	Thêm mới thẻ BHYT	Chức năng: Thêm mới thẻ BHYT + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 12 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99,134,438	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Trường hợp test 02: 100 CCU			
PCN_103	Đăng nhập hệ thống	Chức năng: Đăng nhập hệ thống + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 6.847	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_104	Tìm bệnh án theo bệnh nhân	Chức năng:Tìm bệnh án theo bệnh nhân + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 80.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_105	Biểu dồ và thống kê về liên thông dữ liệu>> Thống kê lượt KCB và liên thông dữ liệu	Chức năng:Thống kê lượt KCB và liên thông dữ liệu + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 12 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 80.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_106	Chức năng Thêm mới hộ khẩu	Chức năng: Thêm mới hộ khẩu + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 12 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 22,848,992	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_107	Tình hình tạo lập Hồ sơ sức khỏe >> Thống kê số liệu người dân	Chức năng: Thống kê số liệu người dân + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99.027.249	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_108	Chức năng sửa lịch sử khám chữa bệnh	Chức năng: Sửa lịch sử khám chữa bệnh + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 5s, với + CCU: 13 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 80.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_109	Mô hình bệnh tật>> Biểu đồ 10 nhóm bệnh mắc nhiều nhất	Chức năng: Biểu đồ 10 nhóm bệnh mắc nhiều nhất + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 12 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 80.248.619	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_110	Import nhân khẩu	Chức năng: Import nhân khẩu + Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với + CCU: 12 + CPU 95% percentile <=75% + RAM 95% percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công > 98% + Số lượng bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 99.027.249	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
5.2	**Khả năng đáp ứng:** Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được *(Số lượng người dùng/số lượng giao dịch đồng thời trên hệ thống* *Số tác vụ được thực hiện thành công trong 1 khoảng thời gian xác định)*			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_111	Thông lượng hệ thống có thể đáp ứng được Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được	Có đề xuất tài nguyên, tài liệu tính toán đảm bảo tải, tài nguyên đáp ứng theo yêu cầu	**M**	
PCN_112	- Số người dùng tối đa hệ thống đáp ứng được.	- Hệ thống đáp ứng dịch vụ cho 6847 người dùng tính đến tháng 6/2025	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
PCN_113	- Số lượng người dùng đồng thời (CCU)	- Hệ thống đáp ứng được 100 người dùng đồng thời	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
6	***Tính bảo mật:*** Đảm bảo tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL - Tuân thủ quy định ATTT, ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Điều 34, 35, 36 của Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ Quyết định ban hành "Quy chế quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội"	Sản phẩm khi xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chí về tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn/hạ tầng/hệ quản trị CSDL - Đảm bảo sản phẩm sau khi phát triển phải tuân thủ toàn bộ các quy định về ATTT và ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ (hoặc văn bản thay thế, tương đương)		
6.1	***Chỉ tiêu phi chức năng ứng dụng***			
PCN_114	Lỗi phân quyền (Broken Access control)	Sản phẩm không có lỗi về phân quyền khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng leo thang đặc quyền, chiếm quyền giữa các tài khoản trong hệ thống. Kiểm tra các loại quyền: quyền dữ liệu, quyền thực thi chức năng, quyền truy cập	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_115	Xác thực (Authentication)	Sản phẩm không có lỗi về xác thực khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng xác thực, định danh người dùng trước khi truy cập vào dữ liệu hệ thống, thực thi các chức năng.	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_116	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra: - Sử dụng thư viện, Framework phiên bản cũ có lỗ hổng ATTT	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_117	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		kiểm tra việc: - Sử dụng tài khoản mặc định hoặc cấu hình mặc định của thư viện, framework (không xác thực, không xóa bỏ các thư mục thừa không sử dụng)		KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_118	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Directory listning	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_119	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: CORS misconfiguration	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_120	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Debug enable (Strace trace / Error message)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_121	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: SQL/NoSQL Injeciton	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_122	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Cross-Site Scripting (XSS)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_123	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Command Inection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_124	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: LDAP injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_125	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: XML Injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_126	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Template Injection (SSTI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_127	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Request Forgery (SSRF)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_128	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: CSRF injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_129	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Code injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_130	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Local file include (LFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_131	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Remote File include (RFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_132	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Path tranversal / Directory tranversal	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_133	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Lỗi Upload file không hợp lệ	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_134	Insecure Deserialization	Sản phẩm không có Insecure Deserialization khi thực hiện việc kiểm tra việc: Kiểm tra lỗi liên quan đến việc Deserialization dữ liệu không an toàn	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_135	Xử lý business logic	Sản phẩm không có Xử lý business logic khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Đảm bảo ATTT trong xử lý business logic (công trừ tiền, nghiệp vụ hệ thống) - Đảm bảo ATTT khi sử dụng SMS/OTP: giới hạn số lần nhập mã sai; chỉ sinh mã mới khi mã cũ hết hiệu lực; giới hạn số SMS theo từng SĐT/ngày	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
7	***Chỉ tiêu về Quản trị dữ liệu (Chỉ tiêu áp dụng cho các hệ thống từ mức Quan trọng được xác định theo Guideline phân mức độ quan trọng hệ thống UDCNTT số GL.CNVTQĐ.CNTT.03)***			
7.1	***Quản trị dữ liệu***			
PCN_136	Xác định dữ liệu trọng yếu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định dữ liệu trọng yếu và chủ sở hữu của dữ liệu	M	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*
PCN_137	Mô hình vận hành hoạt động Quản trị dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định được các vai trò: - Chủ sở hữu dữ liệu (Data owner) và Chủ sở hữu ứng dụng (Application owner) - Quản trị nghiệp vụ dữ liệu (Business Data Steward) - Quản trị kỹ thuật dữ liệu (Technical Data Steward)	O	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*
7.2	***Bảo mật dữ liệu***			
PCN_138	Khả năng phân cấp bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân cấp bảo mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_139	Khả năng phân loại bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo danh mục dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_140	Khả năng phân loại dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo thuộc tính bí mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_141	Định nghĩa các vai trò (role) và phân quyền dữ liệu tương ứng	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân quyền theo vai trò	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_142	Làm mờ - masking dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được mã hóa, làm mờ theo các theo quy định của đơn vị hoặc các yêu cầu nghiệp vụ liên quan	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_143	Sử dụng và chia sẻ dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log các luồng chia sẻ dữ liệu: nguồn, đích, thời gian, tần suất, hình thức chia sẻ, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_144	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log tác động truy cập dữ liệu gồm thông tin IP, tài khoản, thời gian, dữ liệu truy cập, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_145	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log và có cảnh báo giao dịch bất thường: số lượng tài khoản truy cập dữ liệu vượt ngưỡng, số lượng giao dịch biến động bất thường…	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.3	***Chất lượng dữ liệu***			
PCN_146	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Toàn vẹn dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_147	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_148	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán khác bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_149	Tính đầy đủ (Dữ liệu thu thập theo yêu cầu phải đầy đủ về số lượng so với nguồn)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Đảm dữ liệu luôn đầy đủ, không có giá trị null	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_150	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán ở các bảng khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_151	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán trong cùng 01 bản ghi	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_152	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán giữa các bản ghi khác nhau trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_153	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu nhóm đối tượng nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_154	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu cả dataset nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_155	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_156	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định theo từng nhóm đối tượng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_157	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian của bảng phải thỏa mãn thời gian quy định trong 1 khoảng thời gian so với bảng nguồn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_158	Tính duy nhất (Không tồn tại dữ liệu trùng lặp trong một tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Không có bản ghi trùng khóa chính trong dataset	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_159	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Loại dữ liệu của các trường phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_160	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_161	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải tuân theo theo format định dạng của một trường dữ liệu khác	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_162	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_163	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong cùng bảng dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_164	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong các bảng dữ liệu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
	Quản lý Siêu dữ liệu			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_165	Khả năng lưu trữ siêu dữ liệu (Đảm bảo mỗi đơn vị có 1 giải pháp lưu trữ kho siêu dữ liệu)	Xây dựng kho lưu trữ dữ liệu trọng yếu gồm 2 chức năng: - Bảng thuật ngữ nghiệp vụ - Từ điển dữ liệu	KDG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_166	Kiến trúc siêu dữ liệu (Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc theo bộ tiêu chuẩn Siêu dữ liệu)	Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc: - Kiến trúc tập trung - Kiến trúc phân tán - Kiến trúc hỗn hợp - Kiến trúc hai chiều	KDG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_167	Đặc tả siêu dữ liệu (Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính cần có)	Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính: Thông tin đối tượng dữ liệu, Thông tin hệ thống, Thông tin luồng dữ liệu, Thông tin thuật ngữ nghiệp vụ	KDG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_168	Quy ước đặt tên (Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên)	Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên	KDG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_169	Định nghĩa dữ liệu (Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn)	Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn	KDG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.4	***Lưu trữ và vận hành dữ liệu***			
PCN_170	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có quyền DBA trên DB trừ user người quản trị	M	Đáp ứng checklist
PCN_171	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có các quyền SYS: SELECT any tables, Delete any tables, Insert any tables, Drop any tables, update any tables trên hệ thống	M	Đáp ứng checklist
PCN_172	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Khoá tất cả các tài khoản mặc định không sử dụng trên DB. Đối với các tài khoản mặc định cần sử dụng, phải thực hiện đổi mật khẩu	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_173	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không sử dụng các tài khoản root trên OS (*nix) để cài đặt DB.	M	Đáp ứng checklist
PCN_174	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Mỗi user trên DB phải thiết lập ngưỡng giới hạn session xác định	M	Đáp ứng checklist
PCN_175	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Đảm bảo đưa DB lên hệ thống giám sát cảnh báo (cảnh báo được các thông số quan trọng của DB)	M	Đáp ứng checklist
PCN_176	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_177	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Thực hiện backup hàng ngày, lưu tối thiểu 03 bản/03 ngày Bản backup phải lưu ở disk group khác hoặc lưu ở FTP, hay server khác	M	Đáp ứng checklist
PCN_178	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Với các hệ thống DBQT, RQT: phải có DB DR. DB DR phải đặt ở site khác với site của DB chạy chính	M	Đáp ứng checklist
PCN_179	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các tablespace lớn, lưu dữ liệu log phải chia partition và tự động truncate dữ liệu cũ (xoay vòng dữ liệu)	M	Đáp ứng checklist
PCN_180	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông	O	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		qua việc kiểm tra: Định dạng tên partition đối với các bảng đánh partition theo thời gian DATAyyyy, DATAyyyymm hoặc DATAyyyymmdd tùy theo loại partition theo năm, tháng hay ngày		
PCN_181	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Drop tất cả các bảng không sử dụng, các bảng của user cá nhân cần đặt	M	Đáp ứng checklist
PCN_182	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Toàn bộ các object không có trong định nghĩa trong tài liệu Design CSDL phải xóa khỏi hệ thống (trừ các object mặc định của hệ thống).	M	Đáp ứng checklist
PCN_183	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu tải phải đo đếm và giám sát được, có kpi iops < 80%	M	Đáp ứng checklist
PCN_184	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu có hiệu suất sử dụng dung lượng nhỏ hơn 80%, đối với dữ liệu chính của cơ sở dữ liệu phải được lưu trữ trên SAN	M	Đáp ứng checklist
PCN_185	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Phân vùng lưu trữ dữ liêu, backup, log là các phân vùng khác nhau	M	Đáp ứng checklist
PCN_186	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Đối với DB hệ thống ĐBQT, RQT: Phải có DB DR. DB DR phải đặt tại site khác với site của DB chạy chính. Năng lực DR tương đương với primary Có biên bản chứng minh năng lực của DR	O	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thông qua các kịch bản kiểm thử chạy hoàn toàn trên DR.		
PCN_187	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_188	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Lịch định kỳ kiểm thử khả năng khôi phục có phân loại tần suất thực hiện của các hệ thống dịch vụ theo mức độ quan trọng ví dụ: - Các hệ thống CNTT mức độ Đặc biệt quan trọng (Critical) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 1 lần/ năm - Các hệ thống CNTT quan trọng mức cao (High) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 2 năm/ lần - Các hệ thống CNTT quan trọng mức độ trung bình và thấp (Medium và Low) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 3 năm / lần	M	Đáp ứng checklist
III	***Chỉ tiêu về cam kết, dịch vụ và các yêu cầu khác***			
III.1	***Yêu cầu tài liệu bàn giao VHKT***			
YCK_1	Tài liệu Database Design	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục II.3. Tài liệu Database Design). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL13 (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ) hoặc biểu mẫu BM.03.QT.VTS.CNTT.02 (QT.VTS.CNTT.02).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_2	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục IV. Tài liệu hướng dẫn sử dụng). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		BM.06.QT.VTS.CNTT.02_Tai lieu Huong dan su dung (QT.VTS.CNTT.02).		
YCK_3	Tài liệu kiểm thử và SLA	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục V. Tài liệu kiểm thử và SLA) *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL16_Mau bieu Testcase (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_4	Tài liệu LLD (Low Level Design)	Tài liệu LLD (Low Level Design)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
III.2	Unit test	Code coverage tối thiểu 50% đối với code mới (Chỉ tính với đầu việc phát triển)	M	Đạt: Đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật. Không đạt: Không đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật.

1.2.1.3. Sản phẩm bàn giao

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm/ Tài liệu bàn giao	Số lượng
1	Phần mềm Hệ thống Hồ sơ sức khỏe	Mã nguồn (SourceCode) tương ứng với SourceCode mới nhất đang triển khai trên Server khách hàng đã qua kiểm thử nội bộ, UAT và đảm bảo các yêu cầu Chức năng, ATTT ứng dụng, Mã nguồn, UIUX, Hiệu năng, Unit test theo quy định của Viettel	Ghi 03 đĩa
	Tài liệu bàn giao	Tài liệu Database Design	
		Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	
		Tài liệu kiểm thử và SLA	
		Tài liệu LLD (Low Level Design)	
		Chuyển giao các tài liệu khác (nếu có)	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

1.2.2. Phần mềm Hệ thống Báo cáo điều hành và khai thác dữ liệu

1.2.2.1. Yêu cầu về nền tảng Công nghệ

TT	Hạng mục	Mô tả
1	Database	MariaDB
2	Database NoSL	Elasticsearch
3	Backend	JAVA
4	Web Frontend	Angular
5	Cache	Redis Cache
6	Message Queue	Kafka
7	HĐH Server ứng dụng	Linux (Centos/Ubuntu)
8	HĐH Server database	Linux (Centos/Ubuntu)
9	HĐH máy trạm sử dụng phần mềm	MS Windows 7/8/10/11 hoặc mới hơn
10	Mô hình phát triển	Hệ thống phát triển theo mô hình Kiến trúc Microservice
11	Trình duyệt	Đáp ứng trình duyệt Chrome từ version 56, Firefox từ version 57,Cốc cốc từ version 90
12	Công cụ phát triển	IntelliJ IDEA 2024 Community Edition

1.2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
A	**Chi tiết chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm**			
I	***Chỉ tiêu chức năng***			
1	**Tính phù hợp chức năng:**Tính phù hợp của chức năng so với nhu cầu người dùng và tiêu chuẩn.			
	Quản trị hệ thống			
	Quản lý Văn bản - Tài liệu			
CN_1	Tìm kiếm văn bản - tài liệu	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_2	Thêm mới tài liệu	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_3	Sửa tài liệu	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_4	Xoá tài liệu	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_5	Tải xuống văn bản - tài liệu	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Lịch sử đăng nhập			
CN_6	Tìm kiếm Lịch sử đăng nhập	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_7	Xuất danh sách lịch sử đăng nhập	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý thông báo			
CN_8	Tìm kiếm thông báo	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_9	Chi tiết thông báo	Dự kiến 10-20 trường thông tin Thông tin chi tiết thông báo khác, nhiều hơn thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Danh mục			
	Quản lý nhóm thuốc			
CN_10	Tìm kiếm nhóm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_11	Thêm nhóm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_12	Chỉnh sửa nhóm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_13	Xem chi tiết nhóm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_14	Xóa nhóm thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 buộc dữ liệu với các bảng phân bổ, điều chuyển dược, Báo cáo Tỷ lệ sử dụng thuốc theo nhóm tác dụng dược lý	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_15	Thêm thuốc vào nhóm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_16	Thêm hoạt chất vào nhóm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_17	Xóa hoạt chất khỏi nhóm thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu với các bảng phân bổ,	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		điều chuyển dược, Báo cáo Tỷ lệ sử dụng thuốc theo nhóm tác dụng dược lý		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý hoạt chất			
CN_18	Tìm kiếm hoạt chất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_19	Thêm hoạt chất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_20	Chỉnh sửa hoạt chất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_21	Xem chi tiết hoạt chất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_22	Xóa hoạt chất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu với các bảng nhóm thuốc, phân bổ, điều chuyển dược, Báo cáo Tỷ lệ sử dụng thuốc theo nhóm tác dụng dược lý	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý nhu cầu mua sắm tập trung			
CN_23	Danh sách thuộc nhu cầu mua sắm tập trung	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_24	Import nhu cầu mua sắm	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_25	Duyệt nhu cầu mua sắm tập trung	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_26	Chỉnh sửa nhu cầu mua sắm tập trung	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_27	Xóa nhu cầu mua sắm tập trung	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu với các bảng phân bổ, điều chuyển dược, Báo cáo dược tổng hợp	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý cơ sở bán lẻ thuốc			
CN_28	Danh sách cơ sở	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_29	Thêm cơ sở	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_30	Chỉnh sửa thông tin cơ sở	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_31	Xóa cơ sở	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý điều chuyển dược			
CN_32	Danh sách yêu cầu điều chuyển	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_33	Chi tiết điều chuyển	Dự kiến 10-20 trường thông tin Thông tin chi tiết khác với thông tin tìm kiếm. Chi tiết thông tin dành cho người dùng là cơ sở và người dùng là Sở	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_34	Tìm kiếm tên thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_35	Thêm thuốc để điều chuyển	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_36	Xóa thuốc để điều chuyển	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_37	Thêm mới điều chuyển dược	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_38	Chỉnh sửa điều chuyển	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_39	Xóa điều chuyển	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_40	Duyệt điều chuyển	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_41	Trích xuất file excel cơ sở	Dự kiến 10-20 trường thông tin Thông tin file xuất ra khác với thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_42	Trích xuất file excel của Sở	Dự kiến 10-20 trường thông tin Thông tin file xuất ra khác với thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_43	Lịch sử dữ liệu điều chuyển	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_44	Đính kèm file quyết định điều chuyển	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý báo cáo phản ứng có hại của thuốc từ đơn vị khám, chữa bệnh			
CN_45	Thêm mới thông tin bệnh nhân	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_46	Thêm mới thông tin phản ứng có hại	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_47	Thêm thông tin xét nghiệm	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_48	Xóa thông tin xét nghiệm	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_49	Tìm kiếm thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_50	Thêm mới thuốc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_51	Xóa thuốc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_52	Thêm thông tin thẩm định ADR	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_53	Thêm thông tin về người báo cáo	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_54	Chỉnh sửa thông tin báo cáo	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_55	Xóa thông tin báo cáo	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_56	Gửi báo cáo	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_57	Duyệt báo cáo	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý bệnh án			
	Quản lý hồ sơ bệnh án			
CN_58	Danh sách mẫu bệnh án	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_59	Danh sách hồ sơ bệnh án	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_60	Thông tin hành chính	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_61	Thông tin hỏi bệnh	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_62	Thông tin khám bệnh	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_63	Thông tin tổng kết	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_64	Thông tin tóm tắt hồ sơ bệnh án	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_65	Thông tin chi tiết bệnh án	Dự kiến trên 20 trường thông tin Thông tin chi tiết bệnh án khác với thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_66	Danh sách phiếu theo bệnh án	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_67	Thông tin Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_68	Thông tin Giấy chứng nhận phẫu thuật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_69	Thông tin Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_70	Thông tin Phiếu khám chuyên khoa	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_71	Thông tin Phiếu gây mê hồi sức	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_72	Thông tin Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_73	Thông tin Phiếu theo dõi truyền dịch	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_74	Thông tin Phiếu chiếu/ chụp X-quang	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_75	Thông tin Phiếu chụp cắt lớp vi tính	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_76	Thông tin Phiếu chụp cộng hưởng từ	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_77	Thông tin Phiếu siêu âm	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_78	Thông tin Phiếu điện tim	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_79	Thông tin Phiếu điện não	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_80	Thông tin Phiếu nội soi	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_81	Thông tin Phiếu đo chức năng hô hấp	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_82	Thông tin Phiếu xét nghiệm (chung)	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_83	Thông tin Phiếu xét nghiệm Huyết học	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_84	Thông tin Phiếu xét nghiệm nước dịch	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_85	Thông tin Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_86	Thông tin Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_87	Thông tin Phiếu xét nghiệm vi sinh	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_88	Thông tin Trích biên bản hội chẩn	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_89	Thông tin Trích biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_90	Thông tin Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_91	Thông tin Phiếu theo dõi điều trị	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_92	Thông tin Phiếu chăm sóc cấp 1	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_93	Thông tin Phiếu chăm sóc cấp 2	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_94	Thông tin Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_95	Thông tin Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_96	Thông tin Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_97	Thông tin Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_98	Thông tin Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_99	Thông tin Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_100	Thông tin Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_101	Thông tin Biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_102	Thông tin Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý lưu trữ hồ sơ bệnh án giấy			
CN_103	Danh sách hồ sơ bệnh án giấy	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_104	Thêm mới hồ sơ bệnh án giấy vào kho lưu trữ	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_105	Chỉnh sửa thông tin lưu trữ hồ sơ bệnh án giấy	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_106	Xem chi tiết thông tin lưu trữ hồ sơ bệnh án giấy trong kho	Dưới 10 trường thông tin Thông tin chi tiết hồ sơ bao gồm nhiều hơn, khác thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_107	Chuyển hồ sơ bệnh án giấy tại các kho lưu trữ	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_108	Xem Lịch sử chuyển hồ sơ bệnh án giấy tại các kho lưu trữ	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Dashboard			
	Tổng quan khám chữa bệnh			
CN_109	Tổng số BN đăng ký phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_110	Tổng số lượt khám theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_111	Tổng số chuyển viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_112	Ngoại trú chuyển viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_113	Nội trú chuyển viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_114	Tổng số bệnh nhân vào viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_115	Tổng số Bệnh nhân ra viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_116	Số bệnh nhân Ra viện nặng phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_117	Tổng số bệnh nhân tử vong phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_118	Tổng số bệnh nhân vào cấp cứu phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_119	Số Bệnh nhân khám là: Nam giới phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_120	Số Bệnh nhân khám là: Nữ giới phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_121	Số Bệnh nhân khám Dưới 6 tuổi phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_122	Thống kê số lượt tiếp đón theo ngày phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Thống kê hoạt động KCB theo phòng khám			
CN_123	Tổng lượt kcb theo phòng khám	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_124	Số lượt BHYT khám	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_125	Số lượt Viện phí khám	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_126	Số lượt Khám nhập viện	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_127	Số lượt Khám chuyển viện	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_128	Số lượt Điều trị ngoại trú	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Thống kê hoạt động điều trị theo khoa			
CN_129	Màn hình Thống kê hoạt động điều trị theo khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_130	Tổng bệnh nhân vào khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_131	Tổng BN chuyển khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_132	BN hiện đang điều trị	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_133	Tổng số BN ra viện	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_134	Tổng số BN chuyển viện	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_135	Tổng số BN tử vong	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Doanh thu bệnh viện			
CN_136	Top 20 loại dịch vụ được kê nhiều nhất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_137	Top 20 loại thuốc được kê nhiều nhất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_138	Top 20 loại vật tư được kê sử dụng nhiều nhất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_139	Top 10 nhóm loại dịch vụ được kê nhiều nhất	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Hiệu suất KCB			
	Thống kê nội trú theo khoa			
CN_140	Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_141	Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa: hiện có	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_142	Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa: Vào khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_143	Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa: Ra khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_144	Số giường thực kê theo khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_145	Công suất sử dụng giường bệnh theo khoa	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Điều hành công việc			
	Giám sát cảnh báo			
	Quản lý cảnh báo			
CN_146	Tìm kiếm cảnh báo	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_147	Chi tiết cảnh báo	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_148	Xóa cảnh báo	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_149	Gửi cảnh báo	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Cấu hình query cảnh báo			
CN_150	Tìm kiếm ngưỡng chỉ tiêu đã gán	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_151	Thêm mới cấu hình query cảnh báo	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_152	Sửa cấu hình query cảnh báo	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_153	Xóa cấu hình query cảnh báo	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lý ổ dịch			
CN_154	Tìm kiếm ổ dịch	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_155	Xem chi tiết ổ dịch	Dự kiến trên 20 trường thông tin Thông tin chi tiết ổ dịch nhiều hơn thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_156	Thêm thông tin ổ dịch	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_157	Sửa thông tin ổ dịch	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_158	Xóa ổ dịch	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_159	Thêm thông tin ca bệnh	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_160	Sửa thông tin ca bệnh	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_161	Xóa thông tin ca bệnh	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Quản lí công việc			
CN_162	Tìm kiếm công việc	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_163	Xem chi tiết công việc	Dự kiến 10-20 trường thông tin Thông tin chi tiết công việc nhiều hơn thông tin tìm kiếm	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_164	Thêm công việc	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_165	Sửa công việc	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_166	Xóa công việc	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_167	Giao việc	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo			
	Báo cáo Tỷ lệ sử dụng thuốc theo nhóm tác dụng dược lý			
CN_168	Tìm kiếm báo cáo	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_169	Xuất báo cáo excel	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo đánh giá phản ứng thuốc (ADR)			
CN_170	Xem báo cáo	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_171	Trích xuất file excel báo cáo đánh giá phản ứng thuốc ADR	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo 4 cấp theo thông tư 37/2049/TT-BYT			
	Báo cáo tuyến Xã/Phường/Thị Trấn			
	Biểu 1/BCX - Thông tin chung			
CN_172	Tìm kiếm báo cáo biểu 1 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_173	Thêm báo cáo biểu 1 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_174	Sửa báo cáo biểu 1 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_175	Xóa báo cáo biểu 1 tuyến xã	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_176	Xuất báo cáo biểu 1 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 2/BCX - Tình hình nhân lực y tế xã			
CN_177	Tìm kiếm báo cáo biểu 2 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_178	Thêm báo cáo biểu 2 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_179	Sửa báo cáo biểu 2 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_180	Xóa báo cáo biểu 2 tuyến xã	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có trên 3 ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_181	Xuất báo cáo biểu 2 tuyến xã	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 3/BCX - Hoạt động chăm sóc bà mẹ và trẻ em			
CN_182	Tìm kiếm báo cáo biểu 3	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_183	Thêm báo cáo biểu 3	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_184	Sửa báo cáo biểu 3	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_185	Xóa báo cáo biểu 3	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_186	Xuất báo cáo biểu 3	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 6/BCX - Hoạt động phòng chống sốt rét, HIV/AIDS, tai nạn thương tích và sức khỏe tâm thần			
CN_187	Tìm kiếm báo cáo biểu 6	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_188	Thêm báo cáo biểu 6	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_189	Sửa báo cáo biểu 6	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_190	Xóa báo cáo biểu 6	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_191	Xuất báo cáo biểu 6	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 8/BCX - Tình hình tử vong tại cộng đồng			
CN_192	Tìm kiếm báo cáo biểu 8 tuyến xã	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_193	Thêm báo cáo biểu 8 tuyến xã	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_194	Sửa báo cáo biểu 8 tuyến xã	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_195	Xóa báo cáo biểu 8 tuyến xã	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_196	Xuất báo cáo biểu 8 tuyến xã	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo tuyến tỉnh			
	Biểu 1/BCT - Thông tin chung			
CN_197	Tìm kiếm báo cáo biểu 1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_198	Thêm báo cáo biểu 1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_199	Sửa báo cáo biểu 1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_200	Xóa báo cáo biểu 1	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_201	Xuất báo cáo biểu 1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 2/BCT - Tình hình thu, chi ngân sách y tế			
CN_202	Tìm kiếm báo cáo biểu 2	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_203	Thêm báo cáo biểu 2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_204	Sửa báo cáo biểu 2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_205	Xóa báo cáo biểu 2	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_206	Xuất báo cáo biểu 2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 3/BCT - Tình hình nhân lực y tế toàn tỉnh			
	Biểu 3.1/BCH Tình hình nhân lực y tế toàn tỉnh			
CN_207	Tìm kiếm báo cáo biểu 3.1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_208	Thêm báo cáo biểu 3.1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_209	Sửa báo cáo biểu 3.1	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_210	Xóa báo cáo biểu 3.1	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_211	Xuất báo cáo biểu 3.1	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 3.2/BCH Tình hình nhân lực y tế toàn tỉnh			
CN_212	Tìm kiếm báo cáo biểu 3.2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_213	Thêm báo cáo biểu 3.2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_214	Sửa báo cáo biểu 3.2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_215	Xóa báo cáo biểu 3.2	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_216	Xuất báo cáo biểu 3.2	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 3.3/BCH Tình hình nhân lực y tế toàn tỉnh			
CN_217	Tìm kiếm báo cáo biểu 3.3	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_218	Thêm báo cáo biểu 3.3	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_219	Sửa báo cáo biểu 3.3	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_220	Xóa báo cáo biểu 3.3	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_221	Xuất báo cáo biểu 3.3	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 4/BCT - Hoạt động chăm sóc bà mẹ			
CN_222	Tìm kiếm báo cáo biểu 4	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_223	Thêm báo cáo biểu 4	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_224	Sửa báo cáo biểu 4	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_225	Xóa báo cáo biểu 4	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_226	Xuất báo cáo biểu 4	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 5/BCT - Tình hình mắc và tử vong do tai biến sản khoa.			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_227	Tìm kiếm báo cáo biểu 5	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_228	Thêm báo cáo biểu 5	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_229	Sửa báo cáo biểu 5	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_230	Xóa báo cáo biểu 5	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_231	Xuất báo cáo biểu 5	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 7/BCT - Hoạt động KHHGĐ và phá thai			
CN_232	Tìm kiếm báo cáo biểu 7	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_233	Thêm báo cáo biểu 7	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_234	Sửa báo cáo biểu 7	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_235	Xóa báo cáo biểu 7	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_236	Xuất báo cáo biểu 7	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 8/BCT - Tình hình sức khỏe trẻ em			
CN_237	Tìm kiếm báo cáo biểu 8	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_238	Thêm báo cáo biểu 8	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_239	Sửa báo cáo biểu 8	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_240	Xóa báo cáo biểu 8	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_241	Xuất báo cáo biểu 8	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Biểu 11/BCT - Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch			
CN_242	Tìm kiếm báo cáo biểu 11	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_243	Thêm báo cáo biểu 11	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_244	Sửa báo cáo biểu 11	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_245	Xóa báo cáo biểu 11	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_246	Xuất báo cáo biểu 11	Dự kiến trên 20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Các báo cáo thống kê khác			
	Báo cáo kết quả giám sát dịch tuần			
CN_247	Tìm kiếm Báo cáo kết quả giám sát dịch tuần	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_248	Thêm mới Báo cáo kết quả giám sát dịch tuần	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_249	Chỉnh sửa Báo cáo kết quả giám sát dịch tuần	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_250	Xóa Báo cáo kết quả giám sát dịch tuần	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_251	Xuất báo cáo kết quả giám sát dịch tuần	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện mắt			
CN_252	Tìm kiếm Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện mắt	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_253	Thêm mới Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện mắt	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_254	Chỉnh sửa Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện mắt	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_255	Xóa Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện mắt	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_256	Xuất báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện mắt	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Lao			
CN_257	Tìm kiếm Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Lao	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_258	Thêm mới Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Lao	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_259	Chỉnh sửa Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Lao	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_260	Xóa Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Lao	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_261	Xuất báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Lao	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Tâm thần			
CN_262	Tìm kiếm Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Tâm thần	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_263	Thêm mới Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Tâm thần	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_264	Chỉnh sửa Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Tâm thần	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_265	Xóa Báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Tâm thần	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_266	Xuất báo cáo khám chữa bệnh tháng bệnh viện Tâm thần	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Báo cáo kết quả tiêm chủng cho trẻ em trên 1 tuổi			
CN_267	Tìm kiếm báo cáo kết quả tiêm chủng cho trẻ em trên1 tuổi	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_268	Thêm mới báo cáo kết quả tiêm chủng cho trẻ em trên 1 tuổi	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_269	Chỉnh sửa báo cáo kết quả tiêm chủng cho trẻ em trên 1 tuổi	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_270	Xóa báo cáo kết quả tiêm chủng cho trẻ em trên 1 tuổi	Dự kiến dưới 10 trường thông tin. Có ràng buộc dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_271	Xuất báo cáo kết quả tiêm chủng cho trẻ em trên 1 tuổi	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Khám chữa bệnh theo CSYT			
CN_272	Số ca tử vong/CSYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_273	Bệnh nhân ra/vào viện/ CSYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_274	Lượt khám bệnh-nội trú-ngoại trú	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_275	Theo dõi tình hình tai nạn thương tích	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_276	Thống kê chi phí KCB	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Tình hình KCB theo ngày			
CN_277	Tổng số hồ sơ khám bệnh	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_278	Tổng số hồ sơ BH	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_279	Tổng số hồ sơ không BH	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_280	Lượt cấp cứu	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_281	Lượt tử vong	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_282	Theo dõi tổng lượt khám theo ngày	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_283	Theo dõi lượt ra/vào bệnh viện theo ngày	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_284	Theo dõi lượt điều trị nội trú/ngoại trú theo ngày	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_285	Theo dõi lượt khám chữa bệnh sử dụng BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_286	Theo dõi tình hình cấp cứu và tử vong theo ngày	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_287	Theo dõi tình hình tai nạn thương tích theo ngày	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Điều hành tháng			
CN_288	Thông tin sử dụng DVYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_289	Theo dõi lượt ra/ vào bệnh viện theo tháng	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_290	Theo dõi lượt điều trị nội trú/ngoại trú theo tháng	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_291	Theo dõi KCB sử dụng BHYT	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_292	Thống kê nhóm bệnh phổ biến	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_293	Tai nạn thương tích theo tháng	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_294	Thống kê chi phí KCB theo tháng	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_295	Số lượt cấp cứu theo tháng	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_296	Số lượt tử vong theo tháng	Dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Điều hành bệnh truyền nhiễm			
CN_297	Theo dõi bệnh tiêu chảy	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_298	Theo dõi bệnh Sởi	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_299	Thống kê ca bệnh	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_300	Theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm A phải báo cáo không muộn quá 24h (đặc biệt	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	nguy hiểm, lây lan, phát tán rộng, tử vong cao)			Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_301	Theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm B phải báo cáo không muộn quá 24h (đặc biệt nguy hiểm, lây lan, phát tán rộng, tử vong cao)	Dự kiến 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Các API cho APP ngành y tế			
	Các API nhận cảnh báo và giám sát		M	
CN_302	API cảnh báo công việc chưa xử lý	Dự kiến từ 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_303	API cảnh báo số ca mắc theo bệnh truyền nhiễm	Dự kiến từ 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_304	API chi tiết cảnh báo	Dự kiến từ 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_305	API cảnh báo đơn vị chưa liên thông dữ liệu kcb	Dự kiến từ 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_306	API cảnh báo ổ dịch mới phát hiện	Dự kiến từ 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
2	**Khả năng tương tác:** Khả năng trao đổi dữ liệu của hệ thống: các định dạng dữ liệu đầu vào, đầu ra, các quy tắc về dữ liệu bắt buộc tuân thủ; dữ liệu trao đổi giữa hệ thống và các hệ thống liên quan. Phương thức/ chuẩn giao tiếp giữa các hệ thống khác nhau.			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_307	Các module/service từ hệ thống ngoài khi kết nối đến đều phải có xác thực khi giao tiếp và gửi lệnh thực thi	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Các module/service từ hệ thống ngoài khi kết nối đến đều phải có xác thực khi giao tiếp và gửi lệnh thực thi	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
CN_308	Thực hiện được đối soát, trace log và xử lý sự cố giữa hai hệ thống khác nhau	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thực hiện được đối soát, trace log và xử lý sự cố giữa hai hệ thống khác nhau	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
CN_309	Lưu lịch sử giao dịch, tìm được nội dung request và response của từng giao dịch	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Lưu lịch sử giao dịch, tìm được nội dung request và response của từng giao dịch	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
3	**Tính bảo mật:** Khả năng kiểm soát truy cập của các vai trò người sử dụng vào hệ thống hoặc dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của dữ liệu.			
CN_310	Phân quyền, vai trò cho tài khoản đơn vị	- Quyền admin hệ thống, SYT có đầy đủ luồng báo cáo, quản lý danh mục, cấu hình danh mục, quản trị hệ thống. Có quyền quản trị, phân quyền cho tài khoản SYT, TTYT, TYT. Các quyền cấu hình các tham số chung cho ứng dụng - Quyền TTYT, TYT có đầy đủ luồng báo cáo, quản lý danh mục, cấu hình danh mục	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
4	**Chỉ tiêu chức năng ATTT ứng dụng**			
CN_311	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Có giao diện quản lý tài khoản người sử dụng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_312	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập quản trị, cấu hình phần mềm.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_313	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy truy cập sử dụng phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_314	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống, Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_315	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng yêu cầu người dùng đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_316	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_317	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_318	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_319	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_320	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_321	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có giao diện cho phép thiết lập chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_322	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng cảnh báo tới người sử dụng khi vi phạm chính sách	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_323	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_324	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động vô hiệu hóa tài khoản nếu vi phạm chính sách trên	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_325	Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng, Chức năng bảo đảm mật khẩu được mã hóa trước khi gửi qua môi trường mạng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_326	Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về xác thực đa nhân tố.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_327	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm không nhận được yêu cầu từ người dùng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_328	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Hiển thị thông báo, đóng phiên kết nối đã hết hạn thời gian timeout và yêu cầu đăng nhập lại	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_329	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_330	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có chức năng thực thi chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_331	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản		
CN_332	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Phân loại nhóm tài khoản theo ít nhất 03 nhóm: i. Tài khoản người sử dụng thông thường; ii. Tài khoản quản trị mức sử dụng; iii. Tài khoản quản trị mức phát triển, vận hành.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_333	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có chức năng thực thi chính sách phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_334	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập quyền cho các tài khoản.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_335	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền cho các tài khoản ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_336	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về cổng quản trị ứng dụng và cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_337	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có chức năng thực thi chính sách tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_338	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_339	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có chức năng thực thi chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị hệ thống ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_340	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Phần mềm cung cấp chức năng ghi nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_341	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Nhật ký hệ thống được phân loại theo ít nhất 05 nhóm: i. Nhật ký truy cập Phần mềm; ii. Nhật ký đăng nhập khi quản trị Phần	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		mềm; iii. Nhật ký các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động; iv. Nhật ký quản lý tài khoản; v. Nhật ký thay đổi cấu hình Phần mềm		
CN_342	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_343	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Cho phép quản trị viên cấu hình khoảng thời gian lưu trữ nhật ký qua giao diện trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_344	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Lưu trữ nhật ký với ít nhất 05 thông tin: i. Thời điểm sinh nhật ký; ii. Phân nhóm nhật ký; iii. Mô tả thao tác/lỗi; iv. Đối tượng thực hiện thao tác/sinh lỗi; v. Mức độ quan trọng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_345	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_346	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền ở trên.		KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_347	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập chính sách về sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_348	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng, Có chức năng cho phép thực hiện việc sao lưu dự phòng theo chính sách ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_349	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân loại dữ liệu được lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_350	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có chức năng cho phép lưu trữ dữ liệu theo tên định dạng đối với từng loại dữ liệu tại mục trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_351	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_352	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		dự phòng thủ công cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.		
CN_353	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng tự động cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_354	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép khôi phục dữ liệu, cấu hình hệ thống từ dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống lưu trữ tập trung	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
II	**Chỉ tiêu phi chức năng**			
1	**Kiến trúc và công nghệ:** Design hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống.			
PCN_1	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Các công nghệ lựa chọn bắt buộc tuân thủ danh mục công nghệ được quy hoạch theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023) hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_2	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Sản phẩm khi phát triển phải Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS đảm bảo Có các cơ chế caching để tăng tốc độ xử lý đối với các dữ liệu thường xuyên được sử dụng ở tất cả các tầng: giao diện, logic, database. Có cơ chế in memory cho các dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thường xuyên được sử dụng và đáp ứng xử lý thời gian thực		
PCN_3	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Đối với các module giao tiếp với các hệ thống viễn thông: Tuân theo giao thức chuẩn của viễn thông (3GPP, RFC). (*Ghi chú: đối với sản phẩm không có giao tiếp với các hệ thống viễn thông thì không cần đưa tiêu chí đánh giá này vào bộ CTKT)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_4	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Có tài liệu Design mức cao (HLD) cho sản phẩm HT CNTT. Trong đó cần mô tả chức năng của các thành phần, các giao thức kết nối	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_5	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các tầng của ứng dụng phải được phân tách một cách độc lập, các tầng có thể chỉnh sửa một cách độc lập mà không ảnh hưởng tới các tầng khác: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_6	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các module được phân tách một cách độc lập về dữ liệu, về nghiệp vụ, đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_7	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Hệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thống dễ dàng mở rộng/giảm dung lượng theo từng module mà không gây downtime.		
PCN_8	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Không sử dụng các thư viện, phần mềm,…vi phạm bản quyền. Không sử dụng dạng trial khi triển khai chính thức hệ thống. Khi sử dụng license, hệ thống phải đảm bảo thời hạn license xuyên suốt thời gian cung cấp cho khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_9	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Hệ thống hỗ trợ sử dụng CSDL mã mở	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_10	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Với các hệ thống sử dụng các thư viện Opensource, các phần mềm của bên thứ 3 thì version sử dụng phải đảm bảo không được EOL/EOS và có thời gian hỗ trợ tối thiểu đáp ứng theo yêu cầu của Viettel.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_11	Tuân thủ quy định về hạ tầng triển khai	Sản phẩm khi hoàn thành phát triển phải hoạt động được trên nền tảng ảo hóa/container (trừ BigData, DB bao gồm cả NoSQL, các ứng dụng hiệu năng cao,...). Các TH đặc biệt phải có báo cáo và kết luận của Chủ tịch Hội đồng kiến trúc công nghệ của TCT. (*Ghi chú: Trong TH đặc biệt mà sản phẩm bắt buộc phải đi kèm theo phần cứng riêng biệt thì phải nêu rõ lý do trong bộ CTKT).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_12	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo cơ chế cân bằng tải: Có các cơ chế phân tải để tăng khả năng xử lý: cơ chế load balancer	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		cho phép nhiều máy cùng xử lý các tác vụ giống nhau đối với các tác vụ có tần suất sử dụng lớn; cơ chế xử lý song song trên nhiều tiến trình khác nhau trên cùng máy chủ để nâng cao hiệu năng hệ thống.		
PCN_13	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp tự động phát hiện và điều tiết lưu lượng thông qua bộ cân bằng tải (LB) hoặc Reverse Proxy hoặc công cụ tương đương (có khả năng giám sát tính sẵn sàng và điều chỉnh lưu lượng tải theo các mode tối thiểu gồm: simple round robin, Least-Loaded Round Robin, Weighted Round Robin)."	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_14	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp phân tầng (layer) độc lập: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu,…Design độc lập dữ liệu: đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_15	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Đối với các module phục vụ trực tiếp khác hàng: Khi restart module không được ảnh hưởng đến khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_16	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Có giải pháp đảm bảo tài nguyên dùng chung không bị xung đột: Connection: DB connection, FTP connection, File hander, Socket connection (WS,…)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_17	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có khả năng dễ dàng scale về phần cứng, app,	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		database mà không cần phải có thời gian downtime hệ thống.		
PCN_18	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có cơ chế cho phép thí điểm áp dụng tính năng mới trên tập thuê bao/giao dịch cấu hình riêng (tập thuê bao/giao dịch có chọn lọc) khi nâng cấp hệ thống để đánh giá trước khi áp dụng diện rộng cho toàn bộ khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_19	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Web/webservice có cơ chế cho phép cách ly riêng node ứng dụng ra khỏi cụm đang hoạt động để nâng cấp, sau khi hoàn thành thì join lại để tiến tới zezo downtime đối với các hệ thống quan trọng trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_20	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cần có mô tả rõ các số lượng/cấu hình phần cứng cần thiết cho các mức số lượng thuê bao, CCU tăng trưởng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_21	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cung cấp công cụ upcode tự động	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_22	Khả năng vận hành	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng vận hành: Cung cấp cơ chế switch online không gây downtime hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_23	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống tự động nâng cấp khi có phiên bản mới (có thông báo và xác nhận của người dùng)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_24	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các module trong cùng một dịch vụ giao tiếp nhiều	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		hoặc giữa ứng dụng và DB không đặt tại nhiều tổng trạm khác nhau. (* Ghi chú: + Với hệ thống đặt trên hạ tầng Viettel Cloud: Loại yêu cầu là M. + Các TH còn lại: Loại yêu cầu là O/KĐG).		
PCN_25	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các chức năng báo cáo không sử dụng chung database với hệ thống cung cấp dịch vụ. Có thể tách dạng schema hoặc mức vật lý/instance. Hạ tầng cung cấp cho ứng dụng không dùng chung với ứng dụng khác (có thể chung hạ tầng vật lý nếu sử dụng ảo hóa).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_26	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các Ứng dụng, CSDL có sự phân cách sử dụng tài nguyên	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_27	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Bộ cài có thể cài đặt trên các thiết bị khác nhau như máy tính, điện thoại, máy tính bảng, appstore	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_28	Khả năng cài đặt phần mềm	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng cài đặt phần mềm: Có tài liệu sizing và test case đầy đủ hỗ trợ công tác CPM - Capacity and Performance Management. Sizing và design có mô tả cụ thể các metric phục vụ VHKT: CPU, Ram, IOPS, latency, TPS, QPS	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_29	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Có thể chuyển cho bên thứ 3 cài đặt.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_30	Tính bảo mật - ATTT	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo Tính bảo mật - ATTT: Đảm bảo tính bảo mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL		
PCN_31	Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai: Có giải pháp thực hiện giới hạn tài nguyên dùng chung cho nhiều ứng dụng về RAM, CPU, IOPS... tránh việc xung đột tài nguyên giữa các tiến trình.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_32	Đảm bảo về tính dự phòng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo tương thích với hạ tầng phần cứng nhằm đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 849/QĐ-CNVTQĐ ban hành ngày 28/06/2024 v/v Quy định đảm bảo dự phòng hệ thống Công nghệ thông tin trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc văn bản mới thay thế/tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_33	Đảm bảo tính dự phòng (*Ghi chú: đối với sản phẩm phần mềm được hiểu là các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng)	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo có tính dự phòng. - Đối với sản phẩm: các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng. - Đối với sản phẩm có thiết bị phần cứng đi kèm (bắt buộc) thì ngoài mức độ dự phòng về module, các thiết bị phần cứng đi kèm cũng phải đảm bảo dự phòng 1+1 về phần cứng và kết nối.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_34	Tính tin cậy	Yêu cầu ứng dụng phải có cấu hình ngưỡng kiểm soát đầu vào, đầu ra để tự bảo vệ trong trường hợp đột biến đầu vào. Có cơ chế bảo vệ Database: Giới hạn số lượng connection vào DB được cấu hình trên từng module của ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_35	Tính tin cậy	Cho phép cấu hình ngưỡng kiểm soát được TPS của các Service Có cơ chế tự bảo vệ và tự động từ chối tiếp nhận thêm các giao dịch nếu vượt quá	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		ngưỡng theo từng module như cho phép giới hạn khả năng xử lý của ứng dụng, số lượng yêu cầu xử lý được trong 1 khoảng thời gian. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải Có cơ chế kiểm soát và xử lý timeout, lỗi khi giao tiếp giữa các hệ thống, giữa các module trong hệ thống		
PCN_36	Tính tin cậy	Những yêu cầu quá thời gian timeout thì giải phóng, reject những yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_37	Tính tin cậy	Có cơ chế cô lập các module đang bị lỗi (không phân tải vào các module chậm, treo, down), từ chối không tiếp nhận đầu vào khi vượt ngưỡng xử lý của hệ thống. Không làm gián đoạn toàn bộ 100% dịch vụ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_38	Tính tin cậy	Đối với mô hình xử lý request trên queue, hệ thống tự động từ chối yêu cầu khi chạm ngưỡng đầy queue và gửi cảnh báo cho quản trị hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_39	Tính tin cậy	Cho phép triển khai chế độ thay đổi từ FIFO sang LIFO. Chiến lược này dựa trên giả thiết ở các dịch vụ tương tự web search, khi thời gian chờ quá 10s thì nhiều khả năng người dùng đã từ bỏ và làm mới trình duyệt, việc xử lý yêu cầu cũ không còn ý nghĩa nữa.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_40	Tính tin cậy	Cung cấp cơ chế phân loại mức độ quan trọng của từng tác vụ. Khi cao tải các tác vụ có mức quan trọng thấp sẽ tự động bị từ chối trước. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải		
PCN_41	Tính tin cậy	Cung cấp khả năng từ chối yêu cầu, theo ít nhất một trong các ngưỡng sau: + Thiết lập ngưỡng tài nguyên/ người dùng. Ví dụ: Mỗi người dùng chỉ đáp ứng một lượng tải nhất định như Google quy định mỗi người dùng Gmail được phép tiêu thụ tối đa 4000 CPU/ giây). + Thiết lập ngưỡng phản hồi trên client. Ví dụ: Ứng dụng mobile tự động nhận diện số lượng yêu cầu được phản hồi/ số lượng yêu cầu phát sinh, nếu quá ngưỡng thì tự động từ chối yêu cầu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_42	Tính tin cậy	Hỗ trợ chế độ cung cấp dịch vụ xuống cấp/ Graceful Degradation. Đây là khả năng của hệ thống để tiếp tục hoạt động mặc dù gặp phải sự cố hoặc vấn đề. Khi hệ thống gặp sự cố hoặc tải đầu vào tăng cao, hệ thống sẽ không dừng hoàn toàn mà thay vào đó sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ dưới một hình thức giới hạn hoặc với chất lượng thấp hơn (cung cấp dịch vụ với mức chất lượng thấp hơn, chi phí ít hơn như: chỉ tiếp nhận, gửi thông báo về yêu cầu đã được tiếp nhận hoặc rút gọn không gian tìm kiếm)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_43	Tính tin cậy	Sản phẩm khi phát triển phải đáp ứng và phù hợp với cơ chế dự phòng của toàn bộ hệ thống (trong trường hợp sản phẩm đi kèm với phần cứng bắt buộc). Trong trường hợp xảy ra sự cố, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường khi hệ thống thực hiện các cơ chế dự phòng (active-stanby,...), cơ chế lật mặt tự động.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_44	Tính tin cậy	Cho phép thiết lập kịch bản hành động (ví dụ: restart tiến trình, failover...) khi phát hiện tiến trình không phản hồi/chậm phản hồi/cao tải	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_45	Khả năng phục hồi	Thời gian khôi phục hệ thống khi bị tấn công hoặc hệ thống bị lỗi (*cơ sở để các đơn vị chủ dịch vụ xây dựng phương án sao lưu dữ liệu*) bao gồm: - RTO: (*là khoảng thời gian tối đa mà hệ thống, ứng dụng, hoặc quy trình kinh doanh cần phải được khôi phục sau một sự cố để tránh những hậu quả không thể chấp nhận được. Nói cách khác, RTO là giới hạn thời gian mà một tổ chức có thể chịu được khi dịch vụ hoặc hệ thống bị gián đoạn*) - RPO: (*là khoảng thời gian tối đa mà tổ chức có thể chấp nhận mất dữ liệu, tính từ thời điểm xảy ra sự cố trở về trước. RPO quyết định mức độ thường xuyên của việc sao lưu dữ liệu để đảm bảo khi xảy ra sự cố, dữ liệu mất đi là ít nhất có thể*).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_46	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_47	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo toàn bộ tác động lên hệ thống đều được ghi log đầy đủ (bao gồm cả log đăng nhập/ thoát và log nghiệp vụ). Ghi chú: Đối với các hệ thống bàn giao mức baseline chưa thể đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ yêu cầu; cho phép bàn giao kèm điều kiện giải trình giải trình chi tiết chứng minh hệ thống đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ đến khi từ bàn giao đến khi bàn giao toàn bộ.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Chính sách ghi log file của hệ thống: Có thể thiết lập ghi log theo ngày, theo dung lượng, theo số lượng file log, cắt log, xóa log. Đảm bảo dung lượng file log không quá 100Mb, lưu log online tối thiểu 30 ngày trên server phân vùng ứng dụng, tối thiểu 90 ngày với file log nén và 6 tháng lưu trên server log tập trung (dạng file nén). Đối với log giao dịch (log đăng nhập, log xử lý giao dịch...) đảm bảo lưu log theo chuẩn chung, phải chỉ ra được ai tác động gì và tác động từ đâu. Cấu trúc log ứng dụng theo Phụ lục PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng Log phải thể hiện được ứng dụng có đang hoạt động hay không: Trong thời gian nhất định bắt buộc ghi ra log trạng thái process nếu không có giao dịch. - Không được ghi log nhạy cảm. Trường hợp có ghi log nhạy cảm phải mã hóa thông tin. - Các bảng Log trên DB phải có cơ chế tự mở rộng, tự quay vòng. - Đối với ứng dụng do đơn vị phần mềm code: Phải có 3 loại log, cụ thể: + Log full (log nghiệp vụ) của toàn bộ tính năng format theo PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng + Log exception: Không quy định cấu trúc nhưng phải chỉ tường minh Exception là gì? Class, hàm xử lý & dữ liệu đầu vào của giao dịch. + Log KPI (trong trường hợp ứng dụng có tiến trình import log KPI vào bảng		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		KPI_LOG). Trường hợp đã ghi log trực tiếp vào DB thì không cần có log này. Log phải thể hiện được KPI: số lượng yêu cầu (TPS, TPM, number of requests), tốc độ xử lý từng khối (các khối trong module, chờ db phản hồi) & tỷ lệ giao dịch thành công, số lượng response/request. Không bật chế độ debug, phải định nghĩa bộ mã lỗi trong log khi ứng dụng hoạt động bất thường. - Đối với ứng dụng Open Source: Không cần format log theo chuẩn Tập đoàn nhưng đảm bảo 2 tiêu chí sau: + Ghi log thể hiện được trạng thái của ứng dụng open Source (đang làm việc hay treo) + Log phải thể hiện được KPI tốc độ xử lý & tỷ lệ giao dịch thành công.		
PCN_48	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Phải thiết lập các tham số giới hạn dung lượng log tạo ra trên mỗi hệ thống, tối thiểu gồm: Giới hạn số lượng file log tối đa và giới hạn kích thước file log tối đa nhằm hạn chế hiện tượng quá tải lưu trữ. Ví dụ Đối với hệ thống sử dụng Log4j cần thiết lập tham số: + MaxBackupIndex: Giới hạn số file log tối đa được ghi dựa + MaxFileSize: Giới hạn kích thước file log tối đa tùy theo tính chất ứng dụng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_49	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đẩy log/ file dữ liệu ra vùng lưu trữ tập trung	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_50	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế phản hồi thông báo cho người dùng trong các tình huống khi vượt ngưỡng, khi hệ thống bị lỗi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_51	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Quản lý lỗi/cảnh báo/log: Cung cấp các cảnh báo dựa trên các tham số thiết lập trước (điều chỉnh được); Toàn bộ các cảnh báo/lỗi/log được phân loại/lọc để dễ dàng theo dõi; Các cảnh báo được cung cấp với độ trễ <1 phút. Hỗ trợ cảnh báo bằng âm thanh, email, sms; Lưu log hệ thống, tiến trình và log tác động của người dùng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_52	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_53	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log được ghi trên tất cả các Module trong hệ thống. Giữa các Module phải có cơ chế ghi log để nhận dạng, liên kết được từng giao dịch trên các Module với nhau (ví dụ như ID của giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_54	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đặt log theo từng mức để bật/tắt, theo dõi kiểm tra khi cần (ví dụ như chế độ Information, chế độ Debug, chế độ trace chi tiết một giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_55	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log phải được ghi có cấu trúc để có thể dễ import được vào các hệ thống quản lý log tập trung, sử dụng các format log tiêu chuẩn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_56	Khả năng hạn chế lỗi người dùng	Có tính năng kiểm tra dữ liệu, cung cấp các ràng buộc để người dùng không thể lựa chọn sai Có tính năng preview kết quả trong một số trường hợp cần thiết (vd: review văn bản trước khi trình ký trên voffice) Hỗ trợ cảnh báo thời gian thực (vd: kiểm tra trùng password) Tuân thủ theo các thông lệ Có tính năng xác nhận đối với các tác vụ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		quan trọng, đảm bảo người dùng hiểu đúng trước khi thực hiện		
PCN_57	Tính tự mô tả	Sản phẩm có khả năng thể hiện các thông tin một cách hợp lý khi người dùng cần, khiến cho người dùng có thể hiểu ngay tính năng đó mà không cần phụ thuộc quá nhiều vào tài liệu hướng dẫn.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_58	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Đảm bảo bản chạy của ứng dụng và dữ liệu khách hàng an toàn, không mất trong mọi trường hợp. + Bản chạy ứng dụng phải được backup định kỳ hàng ngày, lưu trữ tối thiểu 3 version gần nhất. + Thông tin dữ liệu khách hàng, file/media: Backup sang hệ thống backup định kỳ (tối thiểu mức tháng nếu dữ liệu không có dự phòng, mức ngày với dữ liệu không có dự phòng) + Thời gian lưu trữ: Đối với dữ liệu backup cấu hình & system log: Lưu tối thiểu 30 ngày; Đối với dữ liệu file/media: Lưu lâu dài (không xác định thời gian, trừ trường hợp có quy định riêng). + Việc xây dựng các module phải chỉ ra các Phân vùng ổ đĩa backup và phải nằm trên hệ thống ổ đĩa lưu trữ khác với phân vùng chứa dữ liệu (khác storage, khác server).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_59	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Cho phép thiết lập tự động sao lưu dữ liệu định kỳ theo nhiều mức và theo các cơ chế sao lưu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_60	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Có cơ chế tự động kết nối lại database khi mất kết nối. - Có cơ chế tự động kết nối lại đến module khác trong luồng xử lý nghiệp vụ. - Ứng dụng chạy dạng OS service (có khả năng tự bật khi OS restart) và khi ứng dụng down phải có cơ chế tự động khôi phục. - Luồng nghiệp vụ lỗi được hiểu là down ứng dụng hoặc ứng dụng vẫn chạy nhưng không có kết nối nên không xử lý nghiệp vụ.		
PCN_61	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có cơ chế đảm bảo đồng bộ dữ liệu giữa các module, phân hệ trong các hệ thống khác nhau trong cùng 1 luồng nghiệp vụ. Có khả năng tự rollback/retry để đảm bảo tính đồng bộ tự động mà không cần tác động thủ công.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_62	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Mô tả rõ cơ chế đồng bộ trong luồng nghiệp vụ, cơ chế retry, cơ chế tự khắc phục lỗi mất đồng bộ trong luồng nghiệp vụ đó.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_63	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Giới hạn số lượt retry được phép thực hiện theo + Tính trên request. Ví dụ: tối đa 1 request được retry 3 lần + Tính trên client. Ví dụ: một client được phép retry tối đã 10% số lượng request + Giám sát số lần retry trên từng tác vụ, khi số lượng retry tăng đến một ngưỡng, có thể thiết lập chế độ phản hồi lỗi: "Quá tải, không thử lại"	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_64	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_65	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Cho phép khôi phục dữ liệu từ các bản sao lưu gần nhất.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_66	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Sản phẩm khi phát triển tuân thủ tiêu chuẩn Cloud-Native theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_67	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Đạt tối thiểu mức độ trung bình (level 3) về mức độ áp dụng CICD theo hướng dẫn HD.CNVTQĐ.CNTT.35 hoặc văn bản thay thế tương đương: Văn hóa & cách thức tổ chức: - Xóa dần ranh giới dev/ops, DBA,CM,Operations dần trở thành một phần của team hoặc ít nhất thường xuyên làm việc với team - Áp dụng agile cơ bản; - Mỗi team một backlog; Công việc được sắp xếp thứ tự ưu tiên - Release sau mỗi sprint - Có thực hiện đánh giá định kỳ 6 tháng các vấn đề về bảo mật. Thiết kế & Kiến trúc (Design & Architecture): - Quản lý API - Quản lý Library - File config ETL jobs được lưu trong SCM - File config được tự động test và chuyển giao đến "ETL Tools" khi commit - Áp dụng Feature Toggle (Feature Hiding/Feature Flag) - Phân rã microservices từ module, Áp	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		dụng Branch by Abstraction Quản lý Source (SC): - Code base được đánh phiên bản - Thực hiện committest - Luôn đảm bảo bản build từ nhánh tích hợp về cơ bản là chạy được (đảm bảo commit test) - Đối với Dev done nghĩa là code đã pass unit test và automated functional test Quản lý dữ liệu (Data Management): - Thay đổi tới datastore được kiểm soát và đánh phiên bản - Feature engineering thực hiện thủ công - Chỉ thực hiện Feature engineering khi cần huấn luyện lại mô hình ML Kiểm thử (Test + QA): - Có môi trường test tương tự production - Độ phủ unit test đảm bảo 50% code base - Review chéo code - Test liên tục trong quá trình làm, không dồn về cuối - Định kỳ quét, phân tích chất lượng source code tĩnh - Kiểm thử hiệu năng, bảo mật thủ công - Kiểm thử chức năng tự động(với tất cả các luồng nghiệp vụ chính), Tester không cần tập trung chính vào kiểm thử hồi quy - Thực hiện quét ATTT Build: - Điều khiển việc build qua cấu hình trên Source Control, tự động kích hoạt build khi commit, không dùng cơ chế polling từ CI Server - Bản Build được quản lý bởi công cụ, đánh phiên bản tự động		

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Chỉ build 1 kiểu, tạo ra 1 kết quả duy nhất không phụ thuộc vào mục đích sử dụng bản build cho môi trường test/production) Quản lý Cấu hình (Configuration management): - Toàn bộ cấu hình được quản lý trong SCM (scripted config changes) Quản lý huấn luyện ML model (Model Training Management): - Không sử dụng "Automated ML Pipeline", model retraining được thực hiện thủ công - Lưu trữ và đánh phiên bản cho tất cả các ML model sau mỗi lần huấn luyện Triển khai (Deployment): - Tự động deploy lên môi trường test - Nhấn nút (push button) để deploy lên môi trường production sau khi kiểm thử thành công (đảm bảo pass unit test, automation test, security test) trên môi trường staging Thông tin & báo cáo (Info & Report): - Có chỉ tiêu đánh giá cơ sở - Đo lường các chỉ tiêu - Báo cáo chất lượng được lập lịch để báo cáo định kỳ - Team + những người liên quan xem được báo cáo - Người ngoài dự án có thể đăng ký (subscribe) nhận kết quả build - Có thể xem được lịch sử báo cáo - Có thể trace thông tin đến pipeline		
PCN_68	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có bản Design các công nghệ đặc thù (storm, dpdk, sr-iov...) với version tương ứng	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_69	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có tài liệu đánh giá tính sẵn sàng với cloud native, như: khả năng Containerize và khả năng tích hợp với Container Orchestration Engine (như Kuberenetes)	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_70	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có đầy đủ các tài liệu về Design kiến trúc, mô hình triển khai, mô hình phân rã chức năng, hướng dẫn vận hành hệ thống. Biểu diễn dưới dạng các diagram, đầu vào, đầu ra và chuẩn giao tiếp. Có tài liệu đặc tả yêu cầu hoặc tài liệu Phân tích yêu cầu phần mềm.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_71	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Hệ thống tuân thủ theo các tiêu chuẩn giám sát dịch vụ theo phụ lục. Toàn bộ Lisence, KPI, tham số sizing, năng lực của hệ thống phải được giám sát. Việc giám sát thực hiện tập trung đẩy cảnh báo giám sát lên NOCPRO. Nội dung chi tiết các tiêu chí cần giám sát tối thiểu trong "PL_VHKT.08_Checklist danh gia Giam sat". Hệ thống giám sát do đơn vị phát triển đưa ra và được tích hợp lên hệ thống nocpro.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_72	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo hỗ trợ việc quản trị qua giao diện dòng lệnh (SSH, Telnet,…) và hỗ trợ giao thức SNMP ver2c trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_73	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp đầy đủ các công cụ hỗ trợ vận hành, giám sát, cảnh báo hệ thống: cung cấp các giao diện, web service để có thể chủ động giám sát tình trạng của dịch vụ (health check chủ động)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_74	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp công cụ tập trung cho phép xuất toàn bộ các trạng thái của các tiến trình, hệ điều hành trong vòng 1 tháng phục vụ cho	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		công tác kiểm tra hệ thống khi có lỗi xảy ra.		
PCN_75	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Đối với từng Module trong hệ thống, giám sát online được các thông số tại từng thời điểm: số lượng giao dịch tải đầu vào/khả năng đáp ứng, thời gian xử lý từng giao dịch/KPI cho phép, tổng số giao dịch xử lý lỗi/tổng giao dịch vào, tổng số giao dịch xử lý thành công/tổng giao dịch vào.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_76	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Quản trị hệ thống có thể thay đổi được các tham số nghiệp vụ hệ thống, ngưỡng đáp ứng của hệ thống, đa ngôn ngữ, tiền tệ…	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_77	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển phải có khả năng tích hợp linh hoạt cho phép sẵn sàng tích hợp với các hệ thống giám sát, quản lý tập trung (Đối với các sản phẩm phục vụ nội bộ trong TĐ là hệ thống AOM, MM, IIM,… của VTNet)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_78	Tiêu chuẩn KPI	Toàn bộ các tính năng chính của hệ thống phải có quy định KPI về tốc độ xử lý và tỷ lệ giao dịch thành công. Các con số này phải phân biệt vào đo được trên từng module xử lý khác nhau. Có quy định KPI và đưa KPI lên hệ thống báo cáo, giám sát KPI. Có cấu hình test/đo KPI tự động trên các công cụ như jmeter, SoapUI… của toàn bộ các chức năng đo KPI phục vụ test, kiểm thử hiệu năng sau khi nâng cấp.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_79	Tiêu chuẩn KPI	Hệ thống đo KPI có giao diện phục vụ việc theo dõi giám sát toàn bộ KPI cho các giao dịch chính của ứng dụng thể hiện được ngưỡng trên dưới và cảnh báo khi KPI sụt giảm hoặc tăng vọt so với ngưỡng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_80	Tiêu chuẩn KPI	Có các báo cáo KPI phân tích xu thế chất lượng hệ thống để cảnh báo sớm. Cho phép so sánh KPI với giá trị trước 5 phút, 1 tiếng, thời gian cùng ngày, thời gian cùng tuần	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_81	Tiêu chuẩn KPI	Đảm bảo các tiêu chí tích hợp KPI, KQI tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) ban hành ngày 30/09/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_82	Các tiêu chuẩn khác	- Sử dụng VSA tập trung quản lý, phân quyền người dùng: + Với hệ thống là nội bộ Tập đoàn, đăng nhập người dùng cán bộ nhân viên Viettel bắt buộc phải xác thực SSO (hệ thống xác thực và đăng nhập tập trung của Tập đoàn). + Với hệ thống cho khách hàng ngoài, không yêu cầu xác thực SSO (SSO: single sign on - hệ thống đăng nhập tập trung của Tập đoàn). - Thời gian khởi động (start) khôi phục toàn bộ dịch vụ trong trường hợp sự cố hạ tầng hàng loạt kể từ thời điểm khắc phục <10p: Trong trường hợp lỗi mạng, lỗi hạ tầng ... Ảnh hưởng đến toàn bộ các node ứng dụng thì thời gian khởi động (start) hoàn toàn dịch vụ không quá 10p kể từ khi khắc phục. - Ứng dụng trong suốt với người sử dụng. Người sử dụng không cần sử dụng user ứng dụng trong quá trình VHKT: Cần tích hợp lên hệ thống NIAM trước khi bàn giao, hoặc có giải pháp khác đảm bảo. - Đảm bảo không có tiến trình chạy ngầm	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		hoặc đặt job chạy trên database, crontab trên server nhưng không giám sát được: Toàn bộ các thành phần của ứng dụng phải giám sát được.		
PCN_83	Các tiêu chuẩn khác	Quản lý tập trung cho việc thực hiện toàn bộ các công việc cấu hình, tác động hệ thống bao gồm: Start, stop tiến trình, cấu hình tham số tiến tình, ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_84	Các tiêu chuẩn khác	Có module tập trung để quản trị, khai báo các thay đổi trong hệ thống (ví dụ như OSS của viễn thông, CMS...). Trên giao diện này cho phép: + Thay đổi, cấu hình được các tham số như chính sách, danh mục, các ngưỡng trên các module,... + Reload các tham số cấu hình hệ thống như sản phẩm, gói cước, chương trình khuyến mại, và dữ liệu danh mục mà không cần phải khởi động lại hệ thống. + Cấu hình, hiển thị được toàn bộ các cảnh báo, lỗi trên toàn bộ hệ thống. Cho phép tạo định nghĩa và phân loại mức độ các cảnh báo. + Giám sát được hoạt động ứng dụng online, nhìn cảnh báo online qua màn hình, âm thanh, email, sms. + Có các báo cáo về KPI chi tiết, tổng hợp. + Có giao diện, giao thức cho phép các hệ thống khác truy nhập vào để lấy các thông tin như cảnh báo,...	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_85	Yêu cầu đảm bảo quản trị dữ liệu nhạy cảm (DLNC)	Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập theo Điều 7 Quy định 2187/QĐ-CNVTQĐ về Dữ liệu nhạy cảm hoặc văn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		bản thay thế tương đương. Đối với hệ thống chứa DLNC - Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập.		
PCN_86	Khả năng tương thích	Hệ thống hỗ trợ các loại trình duyệt phổ biến như Firefox và Chrome	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_87	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của trình duyệt: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới của trình duyệt không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_88	Khả năng tương thích	Hỗ trợ ứng dụng máy khách PC trên hệ điều hành tối thiểu Windows, Viettel OS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_89	Khả năng tương thích	Hỗ trợ sử dụng được trên nền tảng di động Android và IOS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_90	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của hệ điều hành mobile: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_91	Khả năng tương thích	Hệ thống Website yêu cầu Design tương thích đa thiết bị (PC, Tablet, Mobile...)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
2	***Tính khả dụng***			
2.1	**Trải nghiệm người dùng (UX)**			
PCN_92	Đảm bảo trải nghiệm người dùng của sản phẩm tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản xuất phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) có hiệu lực từ	Sản phẩm đảm bảo tuân thủ theo PL06.QT.VTS.QLCL.16.1.1_Quy dinh danh gia tieu chi UX và các phụ lúc khác có liên quan đến công tác đảm bảo chất	M	**ĐẠT**: Khi sản phẩm Tỉ lệ Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist và Không Fail 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	ngày 01/10/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	lượng sản phẩm phần mềm trong Quy trình QT.VTS.QLCL.16.1.1.		**KHÔNG ĐẠT:** + Khi sản phẩm Pass < 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist + Khi sản phẩm Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist nhưng Fail một trong 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. - Lưu ý: Nếu sản phẩm Fail tiêu chí UX_25 - Critical interaction issue (chứa lỗi rất nghiêm trọng/sản phẩm hỏng), bộ phận đánh giá UX có thể kết luận sản phẩm Không đạt UX mà không cần kiểm tra các tiêu chí khác.
3	**Độ khả dụng**			
PCN_93	Xác định độ khả dụng hệ thống theo guideline phân loại mức độ quan trọng hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin số GL.CNVTQĐ.CNTT.03 hoặc văn bản tương đương. *** Đơn vị cung cấp thông tin: Chu kỳ đánh giá (tuần/tháng/năm) và thời gian downtime của hệ thống để xác định độ khả dụng của hệ thống cho phép.**	(Dựa trên thông số tính toán, đơn vị cung cấp độ khả dụng tại đây) - Chu kỳ đánh giá: 06 tháng - Thời gian downtime cho phép: 01 giờ - Mức độ khả dụng của hệ thống: ≥ 99,8%	M	ĐẠT: Đáp ứng CTKT KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT
4	***Yêu cầu về chất lượng mã nguồn***			
PCN_94	Tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn	Source code tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn tại HD.00.CNTT.22 văn bản tương đương, thay thế hiện hành.	M	Không còn lỗi Blocker, Critical.
5	***Tính hiệu quả***			
5.1	***Thời gian xử lý.*** *(Thời gian xử lý của các nhóm chức năng/chức năng hệ thống)*			
PCN_95	**Thời gian xử lý:** - Thời gian xử lý của giao dịch tính từ khi người dùng gửi yêu cầu giao dịch đến khi người dùng nhận kết quả trả về từ hệ thống. - Thời gian xử lý của chức năng là giá trị	Ngoài các chức năng có yêu cầu đặc thù về tốc độ xử lý, tối thiểu tất cả các chức năng hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phản hồi theo bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ CNTT (TC_CNVTQĐ_CNTT_25 hoặc văn bản	M	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	95th tốc độ xử lý của giao dịch trên chức năng đó.	thay thế tương đương hiện hành) của Tập đoàn hoặc tiêu chuẩn TC.VTS.QLCL.01 của TCT GPDN hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành. Đối với các sản phẩm dịch vụ Video và Call VoIP thực hiện theo bộ tiêu chuẩn chất lượng hiệu năng cho sản phẩm/dịch vụ Video và Call VoIP (TC.VTS.QLCL.19 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành). Kịch bản kiểm thử với các tiêu chí đánh giá hiệu năng hệ thống cụ thể như sau:		
	Trường hợp test 01: 180CCU			
PCN_96	*Tạo mới cấu hình Dashboard*	Tạo mới cấu hình Dashboard Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 10.000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_97	*Chức năng Xem Dashboard*	Xem dashboard Điều hành dược Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 10.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_99	*Chức năng Danh sách thuốc thuộc danh mục khung*	Xem Danh sách thuốc thuộc danh mục khung Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 10.000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_100	*Chức năng Xem Dashboard HIV/AIDS*	Xem dashboard Dashboard HIV/AIDS Thời gian xử lý (s): <= 10s	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 100.000 bản ghi		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_101	*Tạo mới Danh mục thuốc thầu*	Tạo mới Danh mục thuốc thầu Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 18.000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Trường hợp test 02: 180 CCU			
PCN_102	*Chức năng Thêm mới cấu hình chỉ tiêu chung*	Thêm mới cấu hình chỉ tiêu chung Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 1000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_103	*Chức năng Thêm mới cấu hình chỉ tiêu biểu đồ*	Thêm mới cấu hình chỉ tiêu biểu đồ Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 500 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_104	*Chức năng Thêm mới cấu hình querry cảnh báo*	Thêm mới cấu hình query cảnh báo Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 27.000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_105	*Chức năng Xem Báo cáo dược tổng hợp*	Xem Báo cáo dược tổng hợp Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu:.5.000.000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_106	*Chức năng Xem Danh sách yêu cầu điều chuyển*	Xem Danh sách yêu cầu điều chuyển Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 36 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 12.000 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
5.2	**Khả năng đáp ứng:** Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được *(Số lượng người dùng/số lượng giao dịch đồng thời trên hệ thống Số tác vụ được thực hiện thành công trong 1 khoảng thời gian xác định)*			
PCN_107	Thông lượng hệ thống có thể đáp ứng được Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được	Có đề xuất tài nguyên, tài liệu tính toán đảm bảo tải, tài nguyên đáp ứng theo yêu cầu	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
PCN_108	- Số người dùng tối đa hệ thống đáp ứng được.	Năm 2026 dự kiến hệ thống cung cấp dịch vụ cho 1785 người dùng.	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
PCN_109	- Số lượng người dùng đồng thời (CCU)	- Hệ thống có thể đáp ứng được 180 số người dùng đồng thời các chức năng của hệ thống.	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
6	***Tính bảo mật:*** Đảm bảo tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL - Tuân thủ quy định ATTT, ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Điều 34,	Sản phẩm khi xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chí về tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn/hạ tầng/hệ quản trị CSDL - Đảm bảo sản phẩm sau khi phát		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	35, 36 của Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ Quyết định ban hành "Quy chế quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội"	triển phải tuân thủ toàn bộ các quy định về ATTT và ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ (hoặc văn bản thay thế, tương đương)		
6.1	***Chỉ tiêu phi chức năng ứng dụng***			
PCN_110	Lỗi phân quyền (Broken Access control)	Sản phẩm không có lỗi về phân quyền khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng leo thang đặc quyền, chiếm quyền giữa các tài khoản trong hệ thống. Kiểm tra các loại quyền: quyền dữ liệu, quyền thực thi chức năng, quyền truy cập	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_111	Xác thực (Authentication)	Sản phẩm không có lỗi về xác thực khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng xác thực, định danh người dùng trước khi truy cập vào dữ liệu hệ thống, thực thi các chức năng.	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_112	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra: - Sử dụng thư viện, Framework phiên bản cũ có lỗ hổng ATTT	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_113	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Sử dụng tài khoản mặc định hoặc cấu hình mặc định của thư viện, framework (không xác thực, không xóa bỏ các thư mục thừa không sử dụng)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_114	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Directory listning	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_115	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		hiện việc kiểm tra việc: CORS misconfiguration		KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_116	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Debug enable (Strace trace / Error message)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_117	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: SQL/NoSQL Injeciton	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_118	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Cross-Site Scripting (XSS)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_119	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Command Inection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_120	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: LDAP injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_121	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: XML Injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_122	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Template Injection (SSTI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_123	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Request Forgery (SSRF)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_124	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: CSRF injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_125	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Code injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_126	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Local file include (LFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_127	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Remote File include (RFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_128	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Path tranversal / Directory tranversal	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_129	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Lỗi Upload file không hợp lệ	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_130	Insecure Deserialization	Sản phẩm không có Insecure Deserialization khi thực hiện việc kiểm tra việc: Kiểm tra lỗi liên quan đến việc Deserialization dữ liệu không an toàn	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_131	Xử lý business logic	Sản phẩm không có Xử lý business logic khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Đảm bảo ATTT trong xử lý business logic (công trừ tiền, nghiệp vụ hệ thống) - Đảm bảo ATTT khi sử dụng SMS/OTP: giới hạn số lần nhập mã sai; chỉ sinh mã	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		mới khi mã cũ hết hiệu lực; giới hạn số SMS theo từng SĐT/ngày		
7	***- Các chỉ tiêu sau tuân theo Guideline phân mức độ quan trọng hệ thống UDCNTT số GL.CNVTQĐ.CNTT.03:*** ***+ Xác định dữ liệu trọng yếu*** ***+ Khả năng phân loại dữ liệu*** ***+ Định nghĩa các vai trò (role) và phân quyền dữ liệu tương ứng*** ***+ Làm mờ - masking dữ liệu*** ***- Các chỉ tiêu còn lại chỉ xem xét trong trường hợp Viettel VHKT, trường hợp đặc thù khác hoặc theo Hợp đồng***			
7.1	***Quản trị dữ liệu***			
PCN_132	Xác định dữ liệu trọng yếu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định dữ liệu trọng yếu và chủ sở hữu của dữ liệu	M	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*
PCN_133	Mô hình vận hành hoạt động Quản trị dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định được các vai trò: - Chủ sở hữu dữ liệu (Data owner) và Chủ sở hữu ứng dụng (Application owner) - Quản trị nghiệp vụ dữ liệu (Business Data Steward) - Quản trị kỹ thuật dữ liệu (Technical Data Steward)	O	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*
7.2	***Bảo mật dữ liệu***			
PCN_134	Khả năng phân cấp bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân cấp bảo mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_135	Khả năng phân loại bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo danh mục dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_136	Khả năng phân loại dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo thuộc tính bí mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_137	Định nghĩa các vai trò (role) và phân quyền dữ liệu tương ứng	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân quyền theo vai trò	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_138	Làm mờ - masking dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được mã hóa, làm mờ theo các theo	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		quy định của đơn vị hoặc các yêu cầu nghiệp vụ liên quan		
PCN_139	Sử dụng và chia sẻ dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log các luồng chia sẻ dữ liệu: nguồn, đích, thời gian, tần suất, hình thức chia sẻ, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_140	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log tác động truy cập dữ liệu gồm thông tin IP, tài khoản, thời gian, dữ liệu truy cập, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_141	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log và có cảnh báo giao dịch bất thường: số lượng tài khoản truy cập dữ liệu vượt ngưỡng, số lượng giao dịch biến động bất thường…	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.3	***Chất lượng dữ liệu***			
PCN_142	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Toàn vẹn dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_143	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_144	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán khác bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_145	Tính đầy đủ (Dữ liệu thu thập theo yêu cầu phải đầy đủ về số lượng so với nguồn)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Đảm dữ liệu luôn đầy đủ, không có giá trị null	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_146	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán ở các bảng khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_147	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán trong cùng 01 bản ghi	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_148	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán giữa các bản ghi khác nhau trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_149	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu nhóm đối tượng nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_150	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu cả dataset nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_151	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_152	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định theo từng nhóm đối tượng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_153	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian của bảng phải thỏa mãn thời gian quy định trong 1 khoảng thời gian so với bảng nguồn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_154	Tính duy nhất (Không tồn tại dữ liệu trùng lặp trong một tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Không có bản ghi trùng khóa chính trong dataset	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_155	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Loại dữ liệu của các trường phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_156	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_157	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải tuân theo theo format định dạng của một trường dữ liệu khác	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_158	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_159	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong cùng bảng dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_160	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong các bảng dữ liệu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.4	***Quản lý Siêu dữ liệu***			
PCN_161	Khả năng lưu trữ siêu dữ liệu (Đảm bảo mỗi đơn vị có 1 giải pháp lưu trữ kho siêu dữ liệu)	Xây dựng kho lưu trữ dữ liệu trọng yếu gồm 2 chức năng: - Bảng thuật ngữ nghiệp vụ - Từ điển dữ liệu	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_162	Kiến trúc siêu dữ liệu (Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc theo bộ tiêu chuẩn Siêu dữ liệu)	Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc: - Kiến trúc tập trung - Kiến trúc phân tán - Kiến trúc hỗn hợp - Kiến trúc hai chiều	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_163	Đặc tả siêu dữ liệu (Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính cần có)	Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính: Thông tin đối tượng dữ liệu, Thông tin hệ thống, Thông tin luồng dữ liệu, Thông tin thuật ngữ nghiệp vụ	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_164	Quy ước đặt tên (Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên)	Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_165	Định nghĩa dữ liệu (Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn)	Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.5	***Lưu trữ và vận hành dữ liệu***			
PCN_166	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có quyền DBA trên DB trừ user người quản trị	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_167	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có các quyền SYS: SELECT any tables, Delete any tables, Insert any tables, Drop any tables, update any tables trên hệ thống	M	Đáp ứng checklist
PCN_168	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Khoá tất cả các tài khoản mặc định không sử dụng trên DB. Đối với các tài khoản mặc định cần sử dụng, phải thực hiện đổi mật khẩu	M	Đáp ứng checklist
PCN_169	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không sử dụng các tài khoản root trên OS (*nix) để cài đặt DB.	M	Đáp ứng checklist
PCN_170	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Mỗi user trên DB phải thiết lập ngưỡng giới hạn session xác định	M	Đáp ứng checklist
PCN_171	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Đảm bảo đưa DB lên hệ thống giám sát cảnh báo (cảnh báo được các thông số quan trọng của DB)	M	Đáp ứng checklist
PCN_172	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_173	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Thực hiện backup hàng ngày, lưu tối thiểu 03 bản/03 ngày	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Bản backup phải lưu ở disk group khác hoặc lưu ở FTP, hay server khác		
PCN_174	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Với các hệ thống DBQT, RQT: phải có DB DR. DB DR phải đặt ở site khác với site của DB chạy chính	M	Đáp ứng checklist
PCN_175	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các tablespace lớn, lưu dữ liệu log phải chia partition và tự động truncate dữ liệu cũ (xoay vòng dữ liệu)	M	Đáp ứng checklist
PCN_176	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Định dạng tên partition đối với các bảng đánh partition theo thời gian DATAyyyy, DATAyyyymm hoặc DATAyyyymmdd tùy theo loại partition theo năm, tháng hay ngày	O	Đáp ứng checklist
PCN_177	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Drop tất cả các bảng không sử dụng, các bảng của user cá nhân cần đặt	M	Đáp ứng checklist
PCN_178	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Toàn bộ các object không có trong định nghĩa trong tài liệu Design CSDL phải xóa khỏi hệ thống (trừ các object mặc định của hệ thống).	M	Đáp ứng checklist
PCN_179	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu tải phải đo đếm và giám sát được, có kpi iops < 80%		
PCN_180	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu có hiệu suất sử dụng dung lượng nhỏ hơn 80%, đối với dữ liệu chính của cơ sở dữ liệu phải được lưu trữ trên SAN	M	Đáp ứng checklist
PCN_181	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Phân vùng lưu trữ dữ liêu, backup, log là các phân vùng khác nhau	M	Đáp ứng checklist
PCN_182	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Đối với DB hệ thống ĐBQT, RQT: Phải có DB DR. DB DR phải đặt tại site khác với site của DB chạy chính. Năng lực DR tương đương với primary Có biên bản chứng minh năng lực của DR thông qua các kịch bản kiểm thử chạy hoàn toàn trên DR.	O	Đáp ứng checklist
PCN_184	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_185	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Lịch định kỳ kiểm thử khả năng khôi phục có phân loại tần	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		suất thực hiện của các hệ thống dịch vụ theo mức độ quan trọng ví dụ: - Các hệ thống CNTT mức độ Đặc biệt quan trọng (Critical) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 1 lần/ năm - Các hệ thống CNTT quan trọng mức cao (High) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 2 năm/ lần - Các hệ thống CNTT quan trọng mức độ trung bình và thấp (Medium và Low) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 3 năm / lần		
III	***Chỉ tiêu về cam kết, dịch vụ và các yêu cầu khác***			
III.1	***Yêu cầu tài liệu bàn giao VHKT***			
YCK_1	Tài liệu Database Design	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục II.3). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL13 (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ) hoặc biểu mẫu BM.03.QT.VTS.CNTT.02 (QT.VTS.CNTT.02).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_2	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục IV. Tài liệu hướng dẫn sử dụng). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo BM.06.QT.VTS.CNTT.02_Tai lieu Huong dan su dung (QT.VTS.CNTT.02).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_3	Tài liệu kiểm thử và SLA	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục V. Tài liệu kiểm thử và SLA) *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL16_Mau bieu Testcase (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_4	Tài liệu LLD (Low Level Design)	Tài liệu LLD (Low Level Design)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
YCK_5	Unit test	Code coverage tối thiểu 50% đối với code mới (Chỉ tính với đầu việc phát triển)	M	Đạt: Đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật. Không đạt: Không đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật.

1.2.2.3. Sản phẩm bàn giao

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm/ Tài liệu bàn giao	Số lượng
1	Phần mềm Hệ thống Báo cáo điều hành và khai thác dữ liệu	Mã nguồn (SourceCode) tương ứng với SourceCode mới nhất đang triển khai trên Server khách hàng đã qua kiểm thử nội bộ, UAT và đảm bảo các yêu cầu Chức năng, ATTT ứng dụng, Mã nguồn, UIUX, Hiệu năng, Unit test theo quy định của Viettel	Ghi 03 đĩa
	Tài liệu bàn giao	Tài liệu Database Design	
		Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	
		Tài liệu kiểm thử và SLA	
		Tài liệu LLD (Low Level Design)	
		Chuyển giao các tài liệu khác (nếu có)	

1.2.3. Phần mềm Hệ thống Kho dữ liệu Y tế - Datalake

1.2.3.1. Yêu cầu về nền tảng Công nghệ

TT	Hạng mục	Mô tả
1	Database	MariaDB
2	Backend	JAVA, Python

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

3	Web Frontend	Angular/React
4	Message Queue	Kafka
5	HĐH Server ứng dụng	Linux (Centos/Ubuntu)
6	HĐH Server database	Linux (Centos/Ubuntu)
7	HĐH máy trạm sử dụng phần mềm	MS Windows 7/8/10/11 hoặc mới hơn
8	Mô hình phát triển	Hệ thống phát triển theo mô hình Kiến trúc Microservice
9	Công cụ lưu trữ	Hadoop/Minio
10	Công cụ xử lý	Apache Airflow, Spark
11	Các công nghệ khác	Jupiter notebook, Superset
12	Trình duyệt	Đáp ứng trình duyệt Chrome từ version 56, Firefox từ version 57,Cốc cốc từ version 90
13	Công cụ phát triển	IntelliJ IDEA 2024 Community Edition

1.2.3.2. Yêu cầu kỹ thuật

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
A	**Chi tiết chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm**			
I	***Chỉ tiêu chức năng***			
1	**Tính phù hợp chức năng:**Tính phù hợp của chức năng so với nhu cầu người dùng và tiêu chuẩn.			
	Tích hợp dữ liệu bệnh án điện tử từ HIS			
	Đồng bộ dữ liệu bệnh án ngoại trú			
CN_01	API xác thực truy cập	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_02	API nhận file bệnh án ngoại trú	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_03	Thêm mới thông tin bệnh nhân	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ -Kết nối, kiểm tra xác thực, check path, kiểm tra quyền - Đọc dữ liệu từ path file xml -Validate thông tin bệnh nhân,xử lý dữ liệu, convert kiểu dữ liệu, … - Lưu thông tin bìa cơ bản của bệnh án, hành chính của bệnh nhân,bảo hiểm y tế của bệnh nhân,thông tin tiền sử cơ bản của bệnh nhân - Move file sang thư mục (thành công/thất bại) - Ghi log bước thực hiện (thành công/thất bại, nguyên nhân thất bại)	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_04	Cập nhật thông tin bệnh nhân	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_05	Thêm mới thông tin hỏi bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_06	Cập nhật thông tin hỏi bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_07	Thêm mới thông tin khám bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_08	Cập nhật thông tin khám bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_09	Thêm mới thông tin tổng kết	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_10	Cập nhật thông tin tổng kết	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_11	Thêm mới thông tin ký số	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_12	Cập nhật thông tin ký số	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Đồng bộ dữ liệu phiếu của bệnh án			
CN_13	Thêm mới Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	"Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ -Kết nối, kiểm tra xác thực, check path, kiểm tra quyền, Đọc dữ liệu từ path file xml - Lấy thông tin giấy, xử lý dữ liệu, convert kiểu dữ liệu, … - Lưu thông tin cam kết của bác sĩ,thông tin cam kết của người được phẫu thuật - Move file sang thư mục (thành công/thất bại) - Ghi log bước thực hiện (thành công/thất bại, nguyên nhân thất bại)"	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_14	Cập nhật Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_15	Thêm mới Giấy chứng nhận phẫu thuật	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_16	Cập nhật Giấy chứng nhận phẫu thuật	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_17	Thêm mới Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ -Kết nối, kiểm tra xác thực, check path, kiểm tra quyền, Đọc dữ liệu từ path file xml - Lấy thông tin khám chữa bệnh theo yêu cầu, dịch vụ yêu cầu, tiền khám,... - Xử lý dữ liệu, convert kiểu dữ liệu - Lưu thông tin dịch vụ khám chữa bệnh, tiền khám,... - Move file sang thư mục (thành công/thất bại) - Ghi log bước thực hiện (thành công/thất bại, nguyên nhân thất bại)	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_18	Cập nhật Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_19	Thêm mới Phiếu khám chuyên khoa	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_20	Cập nhật Phiếu khám chuyên khoa	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_21	Thêm mới Phiếu gây mê hồi sức	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_22	Cập nhật Phiếu gây mê hồi sức	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_23	Thêm mới Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_24	Cập nhật Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_25	Thêm mới Phiếu theo dõi truyền dịch	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_26	Cập nhật Phiếu theo dõi truyền dịch	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_27	Thêm mới Phiếu chiếu/ chụp X-quang	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_28	Cập nhật Phiếu chiếu/ chụp X-quang	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_29	Thêm mới Phiếu chụp cắt lớp vi tính	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_30	Cập nhật Phiếu chụp cắt lớp vi tính	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_31	Thêm mới Phiếu chụp cộng hưởng từ	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_32	Cập nhật Phiếu chụp cộng hưởng từ	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_33	Thêm mới Phiếu siêu âm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_34	Cập nhật Phiếu siêu âm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_35	Thêm mới Phiếu điện tim	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_36	Cập nhật Phiếu điện tim	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_37	Thêm mới Phiếu điện não	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_38	Cập nhật Phiếu điện não	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_39	Thêm mới Phiếu nội soi	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_40	Cập nhật Phiếu nội soi	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_41	Thêm mới Phiếu đo chức năng hô hấp	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_42	Cập nhật Phiếu đo chức năng hô hấp	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_42	Thêm mới Phiếu xét nghiệm (chung)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_44	Cập nhật Phiếu xét nghiệm (chung)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_45	Thêm mới Phiếu xét nghiệm Huyết học	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ - Kết nối, kiểm tra xác thực, check path, kiểm tra quyền, Đọc dữ liệu từ path file xml - Lấy thông tin thông tin phiếu, thông tin cơ bản người bệnh, thông tin tế bào máu, thông tin nhóm máu và đông máu, xử lý dữ liệu, convert kiểu dữ liệu, … - Xử lý dữ liệu, convert kiểu dữ liệu - Lưu thông tin cơ bản của người bệnh, tế bào máu ngoại vi, nhóm máu và đông máu - Move file sang thư mục (thành công/thất bại) - Ghi log bước thực hiện (thành công/thất bại, nguyên nhân thất bại)"	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_46	Cập nhật Phiếu xét nghiệm Huyết học	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_47	Thêm mới Phiếu xét nghiệm nước dịch	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_48	Cập nhật Phiếu xét nghiệm nước dịch	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho ta ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_49	Thêm mới Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_50	Cập nhật Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_51	Thêm mới Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_52	Cập nhật Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_53	Thêm mới Phiếu xét nghiệm vi sinh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_54	Cập nhật Phiếu xét nghiệm vi sinh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_55	Thêm mới thông tin phiếu Trích biên bản hội chẩn	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_56	Cập nhật thông tin phiếu Trích biên bản hội chẩn	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_57	Thêm mới Trích biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_58	Cập nhật Trích biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_59	Thêm mới Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_60	Cập nhật Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_61	Thêm mới Phiếu theo dõi điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_62	Cập nhật Phiếu theo dõi điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_63	Thêm mới Phiếu chăm sóc cấp 1	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_64	Cập nhật Phiếu chăm sóc cấp 1	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_65	Thêm mới Phiếu chăm sóc cấp 2	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_66	Cập nhật Phiếu chăm sóc cấp 2	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_67	Thêm mới Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_68	Cập nhật Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_69	Thêm mới Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_70	Cập nhật Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_71	Thêm mới Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_72	Cập nhật Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_73	Thêm mới Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_74	Cập nhật Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_75	Thêm mới Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_76	Cập nhật Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_77	Thêm mới Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_78	Cập nhật Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_79	Thêm mới Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_80	Cập nhật Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_81	Thêm mới Biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_82	Cập nhật Biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_83	Thêm mới Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_84	Cập nhật Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_85	Thêm mới Thông tin Phiếu khám vào trạm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_86	Cập nhật Thông tin Phiếu khám vào trạm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_87	Thêm mới Thông tin Đơn thuốc	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_88	Cập nhật Thông tin Đơn thuốc	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_89	Thêm mới thông tin Phiếu chăm sóc	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_90	Cập nhật Thông tin Phiếu chăm sóc	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_91	Thêm mới Thông tin Phiếu dịch truyền	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_92	Cập nhật Thông tin Phiếu dịch truyền	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_93	Thêm mới Thông tin Phiếu chỉ định	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_94	Cập nhật Thông tin Phiếu chỉ định	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_95	Thêm mới Thông tin Kết quả CLS	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_96	Cập nhật Thông tin Kết quả CLS	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_97	Thêm mới Thông tin Tờ điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_98	Cập nhật Thông tin Tờ điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_99	Thêm mới Thông tin Phiếu tiền sử dị ứng	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_100	Cập nhật Thông tin Phiếu tiền sử dị ứng	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_101	Thêm mới Thông tin Giấy nghỉ ốm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_102	Cập nhật Thông tin Giấy nghỉ ốm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_103	Thêm mới Thông tin Giấy chuyển viện	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_104	Cập nhật Thông tin Giấy chuyển viện	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_105	Thêm mới Thông tin Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_106	Cập nhật Thông tin Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	6. Chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho hệ thống khác			
	6.2. Chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho hệ thống MCC			
CN_107	API Biểu đồ số lượt KCB so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_108	API Biểu đồ Số lượt BN viện phí và BN BHYT so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ - Kiểm tra xác thực tài khoản - Kiểm tra quyền của tài khoản -Truy vấn Số lượt BN viện phí năm nay -Truy vấn BN BHYT năm nay -Truy vấn Số lượt BN viện phí năm trước -Truy vấn BN BHYT năm trước - Mapping, chuyển đổi kiểu dữ liệu, trả ra dữ liệu - Xử lý lỗi và thông báo trả về	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_109	API Tỷ lệ phân bổ BN theo nhóm đơn vị so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_110	API Số lượt KCB tại các BV tuyến tỉnh so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_111	API Số lượt KCB tại TTYT có giường bệnh – bệnh viện ngành – BV đa khoa tư nhân so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_112	API Tổng số lượt BN điều trị ngoại trú so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_113	API Tổng số lượt BN điều trị nội trú so với năm trước	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_114	API Biểu đồ 10 nhóm thuốc tốn nhiều chi phí nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_115	API Biểu đồ 10 nhóm thuốc được sử dụng nhiều nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_116	API Phân bố ca bệnh trên địa bàn	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_117	API Diễn biến ca bệnh theo thời gian	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_118	API Công suất sử dụng giường bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_119	API Thống kê tử vong tại viện theo tuổi	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_120	API Tổng số BN đăng ký phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_121	API Tổng số lượt khám theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_122	API Tổng số chuyển viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_123	API Ngoại trú chuyển viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_124	API Nội trú chuyển viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_125	API Tổng số bệnh nhân vào viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_126	API Tổng số Bệnh nhân ra viện phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_127	API Số bệnh nhân Ra viện nặng phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_128	API Tổng số bệnh nhân tử vong phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_129	API Tổng số bệnh nhân vào cấp cứu phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_130	API Số Bệnh nhân khám là: Nam giới phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_131	API Số Bệnh nhân khám là: Nữ giới phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_132	API Số Bệnh nhân khám Dưới 6 tuổi phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_133	API Thống kê số lượt tiếp đón theo ngày phân chia theo BHYT, Không BHYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_134	API Tổng lượt kcb theo phòng khám	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_135	API Số lượt BHYT khám	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_136	API Số lượt Viện phí khám	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_137	API Số lượt Khám nhập viện	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_138	API Số lượt Khám chuyển viện	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_139	API Số lượt Điều trị ngoại trú	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_140	API Thống kê hoạt động điều trị theo khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_141	API Tổng bệnh nhân vào khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_142	API Tổng BN chuyển khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_143	API BN hiện đang điều trị	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_144	API Tổng số BN ra viện	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_145	API Tổng số BN chuyển viện	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_146	API Tổng số BN tử vong	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_147	API Top 20 loại dịch vụ được kê nhiều nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_148	API Top 20 loại thuốc được kê nhiều nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_149	API Top 20 loại vật tư được kê sử dụng nhiều nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_150	API Top 10 nhóm loại dịch vụ được kê nhiều nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_151	API Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_152	API Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa: hiện có	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_153	API Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa: Vào khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_154	API Thống kê Người bệnh nội trú theo khoa: Ra khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_155	API Số giường thực kê theo khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_156	API Công suất sử dụng giường bệnh theo khoa	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_157	API Bệnh án theo bệnh nhân	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ - Kiểm tra quyền thông tin tài khoản - Kiểm tra token hợp lệ - Lấy thông tin bệnh án theo bệnh nhân - Xử lý dữ liệu và thông báo trả về - Trả dữ liệu về cho client - Lưu log thực hiện	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_158	API Chi tiết bệnh án theo bệnh nhân	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_159	API Bệnh án theo mã bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_160	API Chi tiết bệnh án tra cứu theo mã bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_161	API Bệnh án Theo khoa, thời gian, bác sĩ điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_162	API Chi tiết bệnh án tra cứu theo khoa, thời gian, bác sĩ điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_163	API Lịch sử kết quả điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_164	API Chi tiết bệnh án tương tự	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_165	API Danh sách dữ liệu bệnh được cảnh báo	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_166	API Danh sách người bệnh khám chữa bệnh nhiều lần	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_167	API Lịch sử khám chữa bệnh của bệnh nhân	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_168	API Các cơ sở KCB gửi số liệu nhiều trong 3 ngày gần nhất	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_169	API bệnh tiêu chảy	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_170	API bệnh Sởi	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_171	API ca bệnh truyền nhiễm	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_172	API bệnh truyền nhiễm nhóm A phải báo cáo không muộn quá 24h (đặc biệt nguy hiểm, lây lan, phát tán rộng, tử vong cao)	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_173	API bệnh truyền nhiễm nhóm B phải báo cáo không muộn quá 24h (đặc biệt nguy hiểm, lây lan, phát tán rộng, tử vong cao)	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_174	API Báo cáo tình hình khỏi bệnh, tử vong tại viện theo bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_175	API Báo cáo bệnh thần kinh theo ca bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_176	API Báo cáo bệnh thần kinh theo nguyên nhân bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_177	API Báo cáo phân loại đột quỵ theo ca bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_178	API Báo cáo bệnh đột quỵ theo nguyên nhân bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_179	API Báo cáo bệnh suy tim theo ca bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_180	API Báo cáo bệnh suy tim theo nguyên nhân bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_181	API Báo cáo bệnh động mạch vành theo ca bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_182	API Báo cáo bệnh động mạch vành theo nguyên nhân bệnh	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_183	API Báo cáo tình hình liên thông dữ liệu checkin KCB theo CSYT	Dự kiến nhỏ hơn 5 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_184	API lấy dữ liệu Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_185	API lấy dữ liệu Giấy chứng nhận phẫu thuật	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_186	API lấy dữ liệu Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_187	API lấy dữ liệu Phiếu khám chuyên khoa	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_188	API lấy dữ liệu Phiếu gây mê hồi sức	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_189	API lấy dữ liệu Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_190	API lấy dữ liệu Phiếu theo dõi truyền dịch	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_191	API lấy dữ liệu Phiếu chiếu/ chụp X-quang	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_192	API lấy dữ liệu Phiếu chụp cắt lớp vi tính	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_193	API lấy dữ liệu Phiếu chụp cộng hưởng từ	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_194	API lấy dữ liệu Phiếu siêu âm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_195	API lấy dữ liệu Phiếu điện tim	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_196	API lấy dữ liệu Phiếu điện não	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_197	API lấy dữ liệu Phiếu nội soi	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_198	API lấy dữ liệu Phiếu đo chức năng hô hấp	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_199	API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm (chung)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_200	API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm Huyết học	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_201	API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm nước dịch	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_202	API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_203	API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_204	API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm vi sinh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_205	API lấy dữ liệu Trích biên bản hội chẩn	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_206	API lấy dữ liệu Trích biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_207	API lấy dữ liệu Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_208	API lấy dữ liệu Phiếu theo dõi điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_209	API lấy dữ liệu Phiếu chăm sóc cấp 1	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_210	API lấy dữ liệu Phiếu chăm sóc cấp 2	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_211	API lấy dữ liệu Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_212	API lấy dữ liệu Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_213	API lấy dữ liệu Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_214	API lấy dữ liệu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_215	API lấy dữ liệu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_216	API lấy dữ liệu Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_217	API lấy dữ liệu Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_218	API lấy dữ liệu Biên bản kiểm thảo tử vong	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_219	API lấy dữ liệu Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_220	API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu khám vào trạm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_221	API lấy dữ liệu Thông tin Đơn thuốc	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_222	API lấy dữ liệu thông tin Phiếu chăm sóc	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_223	API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu dịch truyền	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_224	API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu chỉ định	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_225	API lấy dữ liệu Thông tin Kết quả CLS	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_226	API lấy dữ liệu Thông tin Tờ điều trị	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_227	API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu tiền sử dị ứng	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_228	API lấy dữ liệu Thông tin Giấy nghỉ ốm	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_229	API lấy dữ liệu Thông tin Giấy chuyển viện	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_230	API lấy dữ liệu Thông tin Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_231	API Tổng hợp bệnh án	Dự kiến 5-10 bước xử lý nghiệp vụ	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Nâng cấp chức năng thay đổi theo địa giới hành chính			
CN_232	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_chi_tiet_kham_lap_hs_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		
CN_233	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_chi_tiet_quan_ly_sk_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_234	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_chi_tiet_ty_le_bhyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_235	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_chuan_hoa_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_236	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_gioi_tinh_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_237	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ho_gia_dinh_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_238	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_hoc_van_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_239	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_kham_lap_hs_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_240	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_lien_thong_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_241	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_nhom_mau_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_242	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_nhom_tuoi_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_243	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_quan_ly_sk_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_244	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_thong_ke_nhan_khau_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_245	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_tt_hon_nhan_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_246	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_le_bhyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_247	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_le_cccd_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_248	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_le_qlsk_theo_nam_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		
CN_249	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_le_sdt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_250	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_le_thuoc_hgd_theo_nam_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_251	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_le_thuoc_ho_gd_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_252	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_ds_ty_so_gioi_tinh_khi_sinh_nga y	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_253	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_d	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_254	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_benh_khong_lay_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_255	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_benh_mt_khac_theo_dia_ban_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_256	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_benh_nang_tu_vong_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_257	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_benh_truyen_nhiem_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_258	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_benh_truyen_nhiem_nhom_a_24h_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_259	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	mcc_kcb_benh_truyen_nhiem_nhom_b_24h_ngay	vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_260	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_benh_truyen_nhiem_nhom_b_48h_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_261	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_cap_cuu_tu_vong_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_262	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_chi_phi_binh_quan_ngay	Thay đổi truy vấnThay đổi trường trong DBBỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấnBỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouseChạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_263	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_chi_phi_doi_tuong_bhyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_264	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_chi_tiet_benh_khong_lay_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_265	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_chi_tiet_benh_truyen_nhiem_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_266	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_chi_tiet_theo_loai_kcb_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_267	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_chuyen_tuyen_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_268	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_dai_thao_duong_theo_dia_ban_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_269	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_dh_benh_truyen_nhiem	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_270	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_dieu_tri_noi_tru_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_271	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_doi_tuong_kham_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_272	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_dvkt_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_273	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_gioi_tinh_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_274	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_hinh_thuc_kham_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_275	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_ket_qua_dieu_tri_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		
CN_276	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_luot_noi_tru_ngoai_tru_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_277	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_luot_ra_vao_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_278	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_benh_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_279	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_benh_pho_bien_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_280	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_benh_thoi_gian_noi_tru_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_281	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_csyt_kham_bhyt_nhieu_nhat_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_282	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_csyt_noi_tru_nhieu_nhat_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_283	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_tuoi_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_284	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_nhom_tuoi_tu_vong_tai_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_285	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_noi_tru_ngoai_tru_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_286	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_so_ho_so_bhyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_287	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_su_dung_bhyt_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_288	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_dieu_tri_ban_dau_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_289	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_giao_thong_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_290	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_hien_truong_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_291	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_nghe_nghiep_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		
CN_292	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_nguyen_nhan_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_293	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_thuong_tich_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_294	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tai_nan_ton_thuong_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_295	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tang_huyet_ap_mac_moi_theo_dia_ban_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_296	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tang_huyet_ap_theo_dia_ban_ngay	Thay đổi truy vấnThay đổi trường trong DBBỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấnBỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouseChạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKTKết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_297	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_thong_ke_benh	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_298	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_thong_ke_hs_kcb_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_299	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tinh_hinh_benh_tat_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_300	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tinh_trang_ra_vien_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_301	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tong_luot_kham_chi_phi_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_302	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tong_luot_kham_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_303	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_kcb_tu_vong_so_sinh_csyt_ngay	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_304	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_week_a1	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_305	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_b1	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_306	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_b2	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_307	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_b3	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu		
CN_308	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_b4	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_309	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_b5	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_310	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_c1	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_311	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_c2	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_312	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_c3_1	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_313	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng bd_ex_rp_month_c3_2	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_314	Tổng hợp dữ liệu cho datawarehouse tổng hợp bảng mcc_report_kcb_pto	Thay đổi truy vấn Thay đổi trường trong DB Bỏ Quận, Huyện trong các câu truy vấn Bỏ trường mã huyện, tên huyện khi insert vào datawarehouse Chạy lại các job tổng hợp dữ liệu	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
2	**Khả năng tương tác:** Khả năng trao đổi dữ liệu của hệ thống: các định dạng dữ liệu đầu vào, đầu ra, các quy tắc về dữ liệu bắt buộc tuân thủ; dữ liệu trao đổi giữa hệ thống và các hệ thống liên quan. Phương thức/ chuẩn giao tiếp giữa các hệ thống khác nhau.			
CN_315	Các module/service từ hệ thống ngoài khi kết nối đến đều phải có xác thực khi giao tiếp và gửi lệnh thực thi	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Các module/service từ hệ thống ngoài khi kết nối đến đều phải có xác thực khi giao tiếp và gửi lệnh thực thi	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
CN_316	Thực hiện được đối soát, trace log và xử lý sự cố giữa hai hệ thống khác nhau	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thực hiện được đối soát, trace log và xử lý sự cố giữa hai hệ thống khác nhau	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
CN_317	Lưu lịch sử giao dịch, tìm được nội dung request và response của từng giao dịch	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Lưu lịch sử giao dịch, tìm được nội dung request và response của từng giao dịch	M	Đạt: Hệ thống lưu được thông tin lịch sử của giao dịch Không đạt: Hệ thống không đạt theo yêu cầu trên
3	**Tính bảo mật:** Khả năng kiểm soát truy cập của các vai trò người sử dụng vào hệ thống hoặc dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của dữ liệu.			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_318	Phân quyền, vai trò cho tài khoản đơn vị	- Quyền admin hệ thống, có đầy đủ quyền tất cả các chức năng và quản lý tài khoản - Quyền admin cơ sở: Có đầy đủ quyền tất cả các chức năng, không có quyền quản lý tài khoản - Quyền người dùng thông thường: Có quyền xem các chức năng do admin hệ thống chọn	M	*Kết quả Đạt:* *Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT* *Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT*
4	**Chỉ tiêu chức năng ATTT ứng dụng**			
CN_319	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Có giao diện quản lý tài khoản người sử dụng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_320	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập quản trị, cấu hình phần mềm.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_321	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy truy cập sử dụng phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_322	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống, Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_323	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng yêu cầu người dùng đặt mật	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định		
CN_324	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_325	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_326	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_327	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
CN_328	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_329	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có giao diện cho phép thiết lập chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_330	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng cảnh báo tới người sử dụng khi vi phạm chính sách	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_331	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_332	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động vô hiệu hóa tài khoản nếu vi phạm chính sách trên	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_333	Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng, Chức năng bảo đảm mật khẩu được mã hóa trước khi gửi qua môi trường mạng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_334	Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về xác thực đa nhân tố.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_335	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm không nhận được yêu cầu từ người dùng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_336	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Hiển thị thông báo, đóng phiên kết nối đã hết hạn thời gian timeout và yêu cầu đăng nhập lại	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_337	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_338	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có chức năng thực thi chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_339	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_340	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Phân loại nhóm tài khoản theo ít nhất 03 nhóm: i. Tài khoản người sử dụng thông	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thường; ii. Tài khoản quản trị mức sử dụng; iii. Tài khoản quản trị mức phát triển, vận hành.		
CN_341	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có chức năng thực thi chính sách phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_342	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập quyền cho các tài khoản.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_343	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền cho các tài khoản ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_344	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về cổng quản trị ứng dụng và cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_345	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có chức năng thực thi chính sách tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng ở trên.		KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_346	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_347	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có chức năng thực thi chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị hệ thống ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_348	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Phần mềm cung cấp chức năng ghi nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_349	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Nhật ký hệ thống được phân loại theo ít nhất 05 nhóm: i. Nhật ký truy cập Phần mềm; ii. Nhật ký đăng nhập khi quản trị Phần mềm; iii. Nhật ký các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động; iv. Nhật ký quản lý tài khoản; v. Nhật ký thay đổi cấu hình Phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_350	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_351	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Cho phép quản trị viên cấu hình khoảng thời gian lưu trữ nhật ký qua giao diện trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_352	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Lưu trữ nhật ký với ít nhất 05 thông tin: i. Thời điểm sinh nhật ký; ii. Phân nhóm nhật ký; iii. Mô tả thao tác/lỗi; iv. Đối tượng thực hiện thao tác/sinh lỗi; v. Mức độ quan trọng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_353	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_354	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_355	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập chính sách về sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_356	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng, Có chức năng cho phép thực hiện việc sao lưu dự phòng theo chính sách ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_357	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân loại dữ liệu được lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_358	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có chức năng cho phép lưu trữ dữ liệu theo tên định dạng đối với từng loại dữ liệu tại mục trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_359	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_360	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng thủ công cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_361	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng tự động cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_362	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép khôi phục dữ liệu, cấu hình hệ thống từ dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống lưu trữ tập trung	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kan toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
II	**Chỉ tiêu phi chức năng**			
1	**Kiến trúc và công nghệ:** Design hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống.			
PCN_1	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Các công nghệ lựa chọn bắt buộc tuân thủ danh mục công nghệ được quy hoạch theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023) hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_2	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Sản phẩm khi phát triển phải Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS đảm bảo Có các cơ chế caching để tăng tốc độ xử lý đối với các dữ liệu thường xuyên được sử dụng ở tất cả các tầng: giao diện, logic, database. Có cơ chế in memory cho các dữ liệu thường xuyên được sử dụng và đáp ứng xử lý thời gian thực	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_3	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Đối với các module giao tiếp với các hệ thống viễn thông: Tuân theo giao thức chuẩn của viễn thông (3GPP, RFC). (*Ghi chú: đối với sản phẩm không có giao tiếp với các hệ thống viễn thông thì không cần đưa tiêu chí đánh giá này vào bộ CTKT)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_4	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Có tài liệu Design mức cao (HLD) cho sản phẩm HT CNTT. Trong đó cần mô tả chức năng của các thành phần, các giao thức kết nối	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_5	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các tầng của ứng dụng phải được phân tách một cách độc lập, các tầng có thể chỉnh sửa một cách độc lập mà không ảnh hưởng tới các tầng khác: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_6	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các module được phân tách một cách độc lập về dữ liệu, về nghiệp vụ, đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_7	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Hệ thống dễ dàng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		mở rộng/giảm dung lượng theo từng module mà không gây downtime.		
PCN_8	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Không sử dụng các thư viện, phần mềm,…vi phạm bản quyền. Không sử dụng dạng trial khi triển khai chính thức hệ thống. Khi sử dụng license, hệ thống phải đảm bảo thời hạn license xuyên suốt thời gian cung cấp cho khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_9	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Hệ thống hỗ trợ sử dụng CSDL mã mở	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_10	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Với các hệ thống sử dụng các thư viện Opensource, các phần mềm của bên thứ 3 thì version sử dụng phải đảm bảo không được EOL/EOS và có thời gian hỗ trợ tối thiểu đáp ứng theo yêu cầu của Viettel.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_11	Tuân thủ quy định về hạ tầng triển khai	Sản phẩm khi hoàn thành phát triển phải hoạt động được trên nền tảng ảo hóa/container (trừ BigData, DB bao gồm cả NoSQL, các ứng dụng hiệu năng cao,...). Các TH đặc biệt phải có báo cáo và kết luận của Chủ tịch Hội đồng kiến trúc công nghệ của TCT. (*Ghi chú: Trong TH đặc biệt mà sản phẩm bắt buộc phải đi kèm theo phần cứng riêng biệt thì phải nêu rõ lý do trong bộ CTKT).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_12	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo cơ chế cân bằng tải: Có các cơ chế phân tải để tăng khả năng xử lý: cơ chế load balancer cho phép nhiều máy cùng xử lý các tác vụ giống nhau đối	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		với các tác vụ có tần suất sử dụng lớn; cơ chế xử lý song song trên nhiều tiến trình khác nhau trên cùng máy chủ để nâng cao hiệu năng hệ thống.		
PCN_13	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp tự động phát hiện và điều tiết lưu lượng thông qua bộ cân bằng tải (LB) hoặc Reverse Proxy hoặc công cụ tương đương (có khả năng giám sát tính sẵn sàng và điều chỉnh lưu lượng tải theo các mode tối thiểu gồm: simple round robin, Least-Loaded Round Robin, Weighted Round Robin)."	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_14	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp phân tầng (layer) độc lập: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu,…Design độc lập dữ liệu: đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_15	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Đối với các module phục vụ trực tiếp khác hàng: Khi restart module không được ảnh hưởng đến khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_16	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Có giải pháp đảm bảo tài nguyên dùng chung không bị xung đột: Connection: DB connection, FTP connection, File hander, Socket connection (WS,…)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_17	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có khả năng dễ dàng scale về phần cứng, app, database mà không cần phải có thời gian downtime hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_18	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có cơ chế cho phép thí điểm áp dụng tính năng mới trên tập thuê bao/giao dịch cấu hình riêng (tập thuê bao/giao dịch có chọn lọc) khi nâng cấp hệ thống để đánh giá trước khi áp dụng diện rộng cho toàn bộ khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_19	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Web/webservice có cơ chế cho phép cách ly riêng node ứng dụng ra khỏi cụm đang hoạt động để nâng cấp, sau khi hoàn thành thì join lại để tiến tới zezo downtime đối với các hệ thống quan trọng trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_20	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cần có mô tả rõ các số lượng/cấu hình phần cứng cần thiết cho các mức số lượng thuê bao, CCU tăng trưởng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_21	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cung cấp công cụ upcode tự động	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_22	Khả năng vận hành	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng vận hành: Cung cấp cơ chế switch online không gây downtime hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_23	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống tự động nâng cấp khi có phiên bản mới (có thông báo và xác nhận của người dùng)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_24	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các module trong cùng một dịch vụ giao tiếp nhiều hoặc giữa ứng dụng và DB không đặt tại nhiều tổng trạm khác	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		nhau. (* Ghi chú: + Với hệ thống đặt trên hạ tầng Viettel Cloud: Loại yêu cầu là M. + Các TH còn lại: Loại yêu cầu là O/KĐG).		
PCN_25	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các chức năng báo cáo không sử dụng chung database với hệ thống cung cấp dịch vụ. Có thể tách dạng schema hoặc mức vật lý/instance. Hạ tầng cung cấp cho ứng dụng không dùng chung với ứng dụng khác (có thể chung hạ tầng vật lý nếu sử dụng ảo hóa).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_26	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các Ứng dụng, CSDL có sự phân cách sử dụng tài nguyên	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_27	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Bộ cài có thể cài đặt trên các thiết bị khác nhau như máy tính, điện thoại, máy tính bảng, appstore	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_28	Khả năng cài đặt phần mềm	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng cài đặt phần mềm: Có tài liệu sizing và test case đầy đủ hỗ trợ công tác CPM - Capacity and Performance Management. Sizing và design có mô tả cụ thể các metric phục vụ VHKT: CPU, Ram, IOPS, latency, TPS, QPS	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_29	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Có thể chuyển cho bên thứ 3 cài đặt.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_30	Tính bảo mật - ATTT	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo Tính bảo mật - ATTT: Đảm bảo tính	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL		
PCN_31	Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai: Có giải pháp thực hiện giới hạn tài nguyên dùng chung cho nhiều ứng dụng về RAM, CPU, IOPS... tránh việc xung đột tài nguyên giữa các tiến trình.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_32	Đảm bảo về tính dự phòng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo tương thích với hạ tầng phần cứng nhằm đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 849/QĐ-CNVTQĐ ban hành ngày 28/06/2024 v/v Quy định đảm bảo dự phòng hệ thống Công nghệ thông tin trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc văn bản mới thay thế/tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_33	Đảm bảo tính dự phòng (*Ghi chú: đối với sản phẩm phần mềm được hiểu là các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng)	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo có tính dự phòng. - Đối với sản phẩm: các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng. - Đối với sản phẩm có thiết bị phần cứng đi kèm (bắt buộc) thì ngoài mức độ dự phòng về module, các thiết bị phần cứng đi kèm cũng phải đảm bảo dự phòng 1+1 về phần cứng và kết nối.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_34	Tính tin cậy	Yêu cầu ứng dụng phải có cấu hình ngưỡng kiểm soát đầu vào, đầu ra để tự bảo vệ trong trường hợp đột biến đầu vào. Có cơ chế bảo vệ Database: Giới hạn số lượng connection vào DB được cấu hình trên từng module của ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_35	Tính tin cậy	Cho phép cấu hình ngưỡng kiểm soát được TPS của các Service Có cơ chế tự bảo vệ và tự động từ chối tiếp nhận thêm các giao dịch nếu vượt quá ngưỡng theo từng module như cho phép giới hạn khả năng xử lý của ứng dụng, số lượng yêu cầu xử lý được trong 1 khoảng thời gian. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải Có cơ chế kiểm soát và xử lý timeout, lỗi khi giao tiếp giữa các hệ thống, giữa các module trong hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_36	Tính tin cậy	Những yêu cầu quá thời gian timeout thì giải phóng, reject những yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_37	Tính tin cậy	Có cơ chế cô lập các module đang bị lỗi (không phân tải vào các module chậm, treo, down), từ chối không tiếp nhận đầu vào khi vượt ngưỡng xử lý của hệ thống. Không làm gián đoạn toàn bộ 100% dịch vụ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_38	Tính tin cậy	Đối với mô hình xử lý request trên queue, hệ thống tự động từ chối yêu cầu khi chạm ngưỡng đầy queue và gửi cảnh báo cho quản trị hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_39	Tính tin cậy	Cho phép triển khai chế độ thay đổi từ FIFO sang LIFO. Chiến lược này dựa trên giả thiết ở các dịch vụ tương tự web search, khi thời gian chờ quá 10s thì nhiều khả năng người dùng đã từ bỏ và làm mới trình duyệt, việc xử lý yêu cầu cũ không còn ý nghĩa nữa.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_40	Tính tin cậy	Cung cấp cơ chế phân loại mức độ quan trọng của từng tác vụ. Khi cao tải các tác vụ có mức quan trọng thấp sẽ tự động bị từ chối trước.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải		
PCN_41	Tính tin cậy	Cung cấp khả năng từ chối yêu cầu, theo ít nhất một trong các ngưỡng sau: + Thiết lập ngưỡng tài nguyên/ người dùng. Ví dụ: Mỗi người dùng chỉ đáp ứng một lượng tải nhất định như Google quy định mỗi người dùng Gmail được phép tiêu thụ tối đa 4000 CPU/ giây). + Thiết lập ngưỡng phản hồi trên client. Ví dụ: Ứng dụng mobile tự động nhận diện số lượng yêu cầu được phản hồi/ số lượng yêu cầu phát sinh, nếu quá ngưỡng thì tự động từ chối yêu cầu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_42	Tính tin cậy	Hỗ trợ chế độ cung cấp dịch vụ xuống cấp/ Graceful Degradation. Đây là khả năng của hệ thống để tiếp tục hoạt động mặc dù gặp phải sự cố hoặc vấn đề. Khi hệ thống gặp sự cố hoặc tải đầu vào tăng cao, hệ thống sẽ không dừng hoàn toàn mà thay vào đó sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ dưới một hình thức giới hạn hoặc với chất lượng thấp hơn (cung cấp dịch vụ với mức chất lượng thấp hơn, chi phí ít hơn như: chỉ tiếp nhận, gửi thông báo về yêu cầu đã được tiếp nhận hoặc rút gọn không gian tìm kiếm)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_43	Tính tin cậy	Sản phẩm khi phát triển phải đáp ứng và phù hợp với cơ chế dự phòng của toàn bộ hệ thống (trong trường hợp sản phẩm đi kèm với phần cứng bắt buộc). Trong trường hợp xảy ra sự cố, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường khi hệ thống thực hiện các cơ chế dự	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		phòng (active-stanby,...), cơ chế lật mặt tự động.		
PCN_44	Tính tin cậy	Cho phép thiết lập kịch bản hành động (ví dụ: restart tiến trình, failover...) khi phát hiện tiến trình không phản hồi/chậm phản hồi/cao tải	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_45	Khả năng phục hồi	Thời gian khôi phục hệ thống khi bị tấn công hoặc hệ thống bị lỗi (*cơ sở để các đơn vị chủ dịch vụ xây dựng phương án sao lưu dữ liệu*) bao gồm: - RTO: 12h - RPO: 12h	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_46	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_47	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo toàn bộ tác động lên hệ thống đều được ghi log đầy đủ (bao gồm cả log đăng nhập/ thoát và log nghiệp vụ). Ghi chú: Đối với các hệ thống bàn giao mức baseline chưa thể đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ yêu cầu; cho phép bàn giao kèm điều kiện giải trình giải trình chi tiết chứng minh hệ thống đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ đến khi từ bàn giao đến khi bàn giao toàn bộ. Chính sách ghi log file của hệ thống: Có thể thiết lập ghi log theo ngày, theo dung lượng, theo số lượng file log, cắt log, xóa log. Đảm bảo dung lượng file log không quá 100Mb, lưu log online tối thiểu 30 ngày trên server phân vùng ứng dụng, tối thiểu 90 ngày với file log nén và 6 tháng lưu trên server log tập trung (dạng file nén). Đối với log giao dịch (log đăng nhập,	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		log xử lý giao dịch...) đảm bảo lưu log theo chuẩn chung, phải chỉ ra được ai tác động gì và tác động từ đâu. Cấu trúc log ứng dụng theo Phụ lục PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng Log phải thể hiện được ứng dụng có đang hoạt động hay không: Trong thời gian nhất định bắt buộc ghi ra log trạng thái process nếu không có giao dịch. - Không được ghi log nhạy cảm. Trường hợp có ghi log nhạy cảm phải mã hóa thông tin. - Các bảng Log trên DB phải có cơ chế tự mở rộng, tự quay vòng. - Đối với ứng dụng do đơn vị phần mềm code: Phải có 3 loại log, cụ thể: + Log full (log nghiệp vụ) của toàn bộ tính năng format theo PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng + Log exception: Không quy định cấu trúc nhưng phải chỉ tường minh Exception là gì? Class, hàm xử lý & dữ liệu đầu vào của giao dịch. + Log KPI (trong trường hợp ứng dụng có tiến trình import log KPI vào bảng KPI_LOG). Trường hợp đã ghi log trực tiếp vào DB thì không cần có log này. Log phải thể hiện được KPI: số lượng yêu cầu (TPS, TPM, number of requests), tốc độ xử lý từng khối (các khối trong module, chờ db phản hồi) & tỷ lệ giao dịch thành công, số lượng response/request. Không bật chế độ debug, phải định nghĩa bộ mã lỗi trong log khi ứng dụng hoạt động bất thường.		

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Đối với ứng dụng Open Source: Không cần format log theo chuẩn Tập đoàn nhưng đảm bảo 2 tiêu chí sau: + Ghi log thể hiện được trạng thái của ứng dụng open Source (đang làm việc hay treo) + Log phải thể hiện được KPI tốc độ xử lý & tỷ lệ giao dịch thành công.		
PCN_48	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Phải thiết lập các tham số giới hạn dung lượng log tạo ra trên mỗi hệ thống, tối thiểu gồm: Giới hạn số lượng file log tối đa và giới hạn kích thước file log tối đa nhằm hạn chế hiện tượng quá tải lưu trữ. Ví dụ Đối với hệ thống sử dụng Log4j cần thiết lập tham số: + MaxBackupIndex: Giới hạn số file log tối đa được ghi dựa + MaxFileSize: Giới hạn kích thước file log tối đa tùy theo tính chất ứng dụng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_49	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đẩy log/ file dữ liệu ra vùng lưu trữ tập trung	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_50	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế phản hồi thông báo cho người dùng trong các tình huống khi vượt ngưỡng, khi hệ thống bị lỗi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_51	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Quản lý lỗi/cảnh báo/log: Cung cấp các cảnh báo dựa trên các tham số thiết lập trước (điều chỉnh được); Toàn bộ các cảnh báo/lỗi/log được phân loại/lọc để dễ dàng theo dõi; Các cảnh báo được cung cấp với độ trễ <1 phút. Hỗ trợ cảnh báo bằng âm thanh, email, sms; Lưu log hệ thống, tiến trình và log tác động của người dùng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_52	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_53	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log được ghi trên tất cả các Module trong hệ thống. Giữa các Module phải có cơ chế ghi log để nhận dạng, liên kết được từng giao dịch trên các Module với nhau (ví dụ như ID của giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_54	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đặt log theo từng mức để bật/tắt, theo dõi kiểm tra khi cần (ví dụ như chế độ Information, chế độ Debug, chế độ trace chi tiết một giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_55	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log phải được ghi có cấu trúc để có thể dễ import được vào các hệ thống quản lý log tập trung, sử dụng các format log tiêu chuẩn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_56	Khả năng hạn chế lỗi người dùng	Có tính năng kiểm tra dữ liệu, cung cấp các ràng buộc để người dùng không thể lựa chọn sai Có tính năng preview kết quả trong một số trường hợp cần thiết (vd: review văn bản trước khi trình ký trên voffice) Hỗ trợ cảnh báo thời gian thực (vd: kiểm tra trùng password) Tuân thủ theo các thông lệ Có tính năng xác nhận đối với các tác vụ quan trọng, đảm bảo người dùng hiểu đúng trước khi thực hiện	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_57	Tính tự mô tả	Sản phẩm có khả năng thể hiện các thông tin một cách hợp lý khi người dùng cần, khiến cho người dùng có thể hiểu ngay tính năng đó mà không cần phụ thuộc quá nhiều vào tài liệu hướng dẫn.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_58	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Đảm bảo bản chạy của ứng dụng và dữ liệu khách hàng an toàn, không mất trong mọi trường hợp. + Bản chạy ứng dụng phải được backup định kỳ hàng ngày, lưu trữ tối thiểu 3 version gần nhất. + Thông tin dữ liệu khách hàng, file/media: Backup sang hệ thống backup định kỳ (tối thiểu mức tháng nếu dữ liệu không có dự phòng, mức ngày với dữ liệu không có dự phòng) + Thời gian lưu trữ: Đối với dữ liệu backup cấu hình & system log: Lưu tối thiểu 30 ngày; Đối với dữ liệu file/media: Lưu lâu dài (không xác định thời gian, trừ trường hợp có quy định riêng). + Việc xây dựng các module phải chỉ ra các Phân vùng ổ đĩa backup và phải nằm trên hệ thống ổ đĩa lưu trữ khác với phân vùng chứa dữ liệu (khác storage, khác server).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_59	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Cho phép thiết lập tự động sao lưu dữ liệu định kỳ theo nhiều mức và theo các cơ chế sao lưu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_60	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống - Có cơ chế tự động kết nối lại database khi mất kết nối. - Có cơ chế tự động kết nối lại đến module khác trong luồng xử lý nghiệp vụ. - Ứng dụng chạy dạng OS service (có khả năng tự bật khi OS restart) và khi ứng dụng down phải có cơ chế tự động	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		khôi phục. - Luồng nghiệp vụ lỗi được hiểu là down ứng dụng hoặc ứng dụng vẫn chạy nhưng không có kết nối nên không xử lý nghiệp vụ.		
PCN_61	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có cơ chế đảm bảo đồng bộ dữ liệu giữa các module, phân hệ trong các hệ thống khác nhau trong cùng 1 luồng nghiệp vụ. Có khả năng tự rollback/retry để đảm bảo tính đồng bộ tự động mà không cần tác động thủ công.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_62	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Mô tả rõ cơ chế đồng bộ trong luồng nghiệp vụ, cơ chế retry, cơ chế tự khắc phục lỗi mất đồng bộ trong luồng nghiệp vụ đó.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_63	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Giới hạn số lượt retry được phép thực hiện theo + Tính trên request. Ví dụ: tối đa 1 request được retry 3 lần + Tính trên client. Ví dụ: một client được phép retry tối đã 10% số lượng request + Giám sát số lần retry trên từng tác vụ, khi số lượng retry tăng đến một ngưỡng, có thể thiết lập chế độ phản hồi lỗi: "Quá tải, không thử lại"	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_64	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_65	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Cho phép khôi phục dữ liệu từ các bản sao lưu gần nhất.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_66	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Sản phẩm khi phát triển tuân thủ tiêu chuẩn Cloud-Native theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023)		
PCN_67	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Đạt tối thiểu mức độ trung bình (level 3) về mức độ áp dụng CICD theo hướng dẫn HD.CNVTQĐ.CNTT.35 hoặc văn bản thay thế tương đương: Văn hóa & cách thức tổ chức: - Xóa dần ranh giới dev/ops, DBA,CM,Operations dần trở thành một phần của team hoặc ít nhất thường xuyên làm việc với team - Áp dụng agile cơ bản; - Mỗi team một backlog; Công việc được sắp xếp thứ tự ưu tiên - Release sau mỗi sprint - Có thực hiện đánh giá định kỳ 6 tháng các vấn đề về bảo mật. Thiết kế & Kiến trúc (Design & Architecture): - Quản lý API - Quản lý Library - File config ETL jobs được lưu trong SCM - File config được tự động test và chuyển giao đến "ETL Tools" khi commit - Áp dụng Feature Toggle (Feature Hiding/Feature Flag) - Phân rã microservices từ module, Áp dụng Branch by Abstraction Quản lý Source (SC): - Code base được đánh phiên bản - Thực hiện committest - Luôn đảm bảo bản build từ nhánh tích hợp về cơ bản là chạy được (đảm bảo commit test)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Đối với Dev done nghĩa là code đã pass unit test và automated functional test Quản lý dữ liệu (Data Management): - Thay đổi tới datastore được kiểm soát và đánh phiên bản - Feature engineering thực hiện thủ công - Chỉ thực hiện Feature engineering khi cần huấn luyện lại mô hình ML Kiểm thử (Test + QA): - Có môi trường test tương tự production - Độ phủ unit test đảm bảo 50% code base - Review chéo code - Test liên tục trong quá trình làm, không dồn về cuối - Định kỳ quét, phân tích chất lượng source code tĩnh - Kiểm thử hiệu năng, bảo mật thủ công - Kiểm thử chức năng tự động(với tất cả các luồng nghiệp vụ chính), Tester không cần tập trung chính vào kiểm thử hồi quy - Thực hiện quét ATTT Build: - Điều khiển việc build qua cấu hình trên Source Control, tự động kích hoạt build khi commit, không dùng cơ chế polling từ CI Server - Bản Build được quản lý bởi công cụ, đánh phiên bản tự động - Chỉ build 1 kiểu, tạo ra 1 kết quả duy nhất không phụ thuộc vào mục đích sử dụng bản build cho môi trường test/production)		

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Quản lý Cấu hình (Configuration management): - Toàn bộ cấu hình được quản lý trong SCM (scripted config changes) Quản lý huấn luyện ML model (Model Training Management): - Không sử dụng "Automated ML Pipeline", model retraining được thực hiện thủ công - Lưu trữ và đánh phiên bản cho tất cả các ML model sau mỗi lần huấn luyện Triển khai (Deployment): - Tự động deploy lên môi trường test - Nhấn nút (push button) để deploy lên môi trường production sau khi kiểm thử thành công (đảm bảo pass unit test, automation test, security test) trên môi trường staging Thông tin & báo cáo (Info & Report): - Có chỉ tiêu đánh giá cơ sở - Đo lường các chỉ tiêu - Báo cáo chất lượng được lập lịch để báo cáo định kỳ - Team + những người liên quan xem được báo cáo - Người ngoài dự án có thể đăng ký (subscribe) nhận kết quả build - Có thể xem được lịch sử báo cáo - Có thể trace thông tin đến pipeline		
PCN_68	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có bản Design các công nghệ đặc thù (storm, dpdk, sr-iov...) với version tương ứng	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_69	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có tài liệu đánh giá tính sẵn sàng với cloud native, như: khả năng Containerize và khả năng tích hợp với Container Orchestration Engine (như Kuberenetes)	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho ký; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_70	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có đầy đủ các tài liệu về Design kiến trúc, mô hình triển khai, mô hình phân rã chức năng, hướng dẫn vận hành hệ thống. Biểu diễn dưới dạng các diagram, đầu vào, đầu ra và chuẩn giao tiếp. Có tài liệu đặc tả yêu cầu hoặc tài liệu Phân tích yêu cầu phần mềm.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_71	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Hệ thống tuân thủ theo các tiêu chuẩn giám sát dịch vụ theo phụ lục. Toàn bộ Lisence, KPI, tham số sizing, năng lực của hệ thống phải được giám sát. Việc giám sát thực hiện tập trung đẩy cảnh báo giám sát lên NOCPRO. Nội dung chi tiết các tiêu chí cần giám sát tối thiểu trong "PL_VHKT.08_Checklist danh gia Giam sat". Hệ thống giám sát do đơn vị phát triển đưa ra và được tích hợp lên hệ thống nocpro.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_72	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo hỗ trợ việc quản trị qua giao diện dòng lệnh (SSH, Telnet,…) và hỗ trợ giao thức SNMP ver2c trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_73	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp đầy đủ các công cụ hỗ trợ vận hành, giám sát, cảnh báo hệ thống: cung cấp các giao diện, web service để có thể chủ động giám sát tình trạng của dịch vụ (health check chủ động)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_74	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp công cụ tập trung cho phép xuất toàn bộ các trạng thái của các tiến trình, hệ điều hành trong vòng 1 tháng phục vụ cho công tác kiểm tra hệ thống khi có lỗi xảy ra.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_75	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Đối với từng Module trong hệ thống, giám sát online được các thông số tại	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hà ký, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		từng thời điểm: số lượng giao dịch tải đầu vào/khả năng đáp ứng, thời gian xử lý từng giao dịch/KPI cho phép, tổng số giao dịch xử lý lỗi/tổng giao dịch vào, tổng số giao dịch xử lý thành công/tổng giao dịch vào.		KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_76	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Quản trị hệ thống có thể thay đổi được các tham số nghiệp vụ hệ thống, ngưỡng đáp ứng của hệ thống, đa ngôn ngữ, tiền tệ…	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_77	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển phải có khả năng tích hợp linh hoạt cho phép sẵn sàng tích hợp với các hệ thống giám sát, quản lý tập trung (Đối với các sản phẩm phục vụ nội bộ trong TĐ là hệ thống AOM, MM, IIM,… của VTNet)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_78	Tiêu chuẩn KPI	Toàn bộ các tính năng chính của hệ thống phải có quy định KPI về tốc độ xử lý và tỷ lệ giao dịch thành công. Các con số này phải phân biệt vào đo được trên từng module xử lý khác nhau. Có quy định KPI và đưa KPI lên hệ thống báo cáo, giám sát KPI. Có cấu hình test/đo KPI tự động trên các công cụ như jmeter, SoapUI… của toàn bộ các chức năng đo KPI phục vụ test, kiểm thử hiệu năng sau khi nâng cấp.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_79	Tiêu chuẩn KPI	Hệ thống đo KPI có giao diện phục vụ việc theo dõi giám sát toàn bộ KPI cho các giao dịch chính của ứng dụng thể hiện được ngưỡng trên dưới và cảnh báo khi KPI sụt giảm hoặc tăng vọt so với ngưỡng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_80	Tiêu chuẩn KPI	Có các báo cáo KPI phân tích xu thế chất lượng hệ thống để cảnh báo sớm. Cho phép so sánh KPI với giá trị trước 5 phút, 1 tiếng, thời gian cùng ngày, thời gian cùng tuần	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_81	Tiêu chuẩn KPI	Đảm bảo các tiêu chí tích hợp KPI, KQI tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) ban hành ngày 30/09/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_82	Các tiêu chuẩn khác	- Sử dụng VSA tập trung quản lý, phân quyền người dùng: + Với hệ thống là nội bộ Tập đoàn, đăng nhập người dùng cán bộ nhân viên Viettel bắt buộc phải xác thực SSO (hệ thống xác thực và đăng nhập tập trung của Tập đoàn). + Với hệ thống cho khách hàng ngoài, không yêu cầu xác thực SSO (SSO: single sign on - hệ thống đăng nhập tập trung của Tập đoàn). - Thời gian khởi động (start) khôi phục toàn bộ dịch vụ trong trường hợp sự cố hạ tầng hàng loạt kể từ thời điểm khắc phục <10p: Trong trường hợp lỗi mạng, lỗi hạ tầng ... Ảnh hưởng đến toàn bộ các node ứng dụng thì thời gian khởi động (start) hoàn toàn dịch vụ không quá 10p kể từ khi khắc phục. - Ứng dụng trong suốt với người sử dụng. Người sử dụng không cần sử dụng user ứng dụng trong quá trình VHKT: Cần tích hợp lên hệ thống NIAM trước khi bàn giao, hoặc có giải pháp khác đảm bảo. - Đảm bảo không có tiến trình chạy ngầm hoặc đặt job chạy trên database,	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		crontab trên server nhưng không giám sát được: Toàn bộ các thành phần của ứng dụng phải giám sát được.		
PCN_83	Các tiêu chuẩn khác	Quản lý tập trung cho việc thực hiện toàn bộ các công việc cấu hình, tác động hệ thống bao gồm: Start, stop tiến trình, cấu hình tham số tiến tình, ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_84	Các tiêu chuẩn khác	Có module tập trung để quản trị, khai báo các thay đổi trong hệ thống (ví dụ như OSS của viễn thông, CMS...). Trên giao diện này cho phép: + Thay đổi, cấu hình được các tham số như chính sách, danh mục, các ngưỡng trên các module,... + Reload các tham số cấu hình hệ thống như sản phẩm, gói cước, chương trình khuyến mại, và dữ liệu danh mục mà không cần phải khởi động lại hệ thống. + Cấu hình, hiển thị được toàn bộ các cảnh báo, lỗi trên toàn bộ hệ thống. Cho phép tạo định nghĩa và phân loại mức độ các cảnh báo. + Giám sát được hoạt động ứng dụng online, nhìn cảnh báo online qua màn hình, âm thanh, email, sms. + Có các báo cáo về KPI chi tiết, tổng hợp. + Có giao diện, giao thức cho phép các hệ thống khác truy nhập vào để lấy các thông tin như cảnh báo,...	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_85	Yêu cầu đảm bảo quản trị dữ liệu nhạy cảm (DLNC)	Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập theo Điều 7 Quy định 2187/QĐ-CNVTQĐ về Dữ liệu nhạy cảm hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Đối với hệ thống chứa DLNC - Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập.		
PCN_86	Khả năng tương thích	Hệ thống hỗ trợ các loại trình duyệt phổ biến như Firefox và Chrome	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_87	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của trình duyệt: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới của trình duyệt không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_88	Khả năng tương thích	Hỗ trợ ứng dụng máy khách PC trên hệ điều hành tối thiểu Windows, Viettel OS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_89	Khả năng tương thích	Hỗ trợ sử dụng được trên nền tảng di động Android và IOS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_90	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của hệ điều hành mobile: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_91	Khả năng tương thích	Hệ thống Website yêu cầu Design tương thích đa thiết bị (PC, Tablet, Mobile...)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
2	***Tính khả dụng***			
2.1	**Trải nghiệm người dùng (UX)**			
PCN_92	Đảm bảo trải nghiệm người dùng của sản phẩm tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản xuất phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) có hiệu lực từ ngày 01/10/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	Sản phẩm đảm bảo tuân thủ theo PL06.QT.VTS.QLCL.16.1.1_Quy dinh danh gia tieu chi UX và các phụ lúc khác có liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm trong Quy trình QT.VTS.QLCL.16.1.1.	M	**ĐẠT**: Khi sản phẩm Tỉ lệ Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist và Không Fail 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. **KHÔNG ĐẠT:** + Khi sản phẩm Pass < 80% Theo

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				phụ lục 06.1: UX Checklist + Khi sản phẩm Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist nhưng Fail một trong 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. - Lưu ý: Nếu sản phẩm Fail tiêu chí UX_25 - Critical interaction issue (chứa lỗi rất nghiêm trọng/sản phẩm hỏng), bộ phận đánh giá UX có thể kết luận sản phẩm Không đạt UX mà không cần kiểm tra các tiêu chí khác.
3	**Độ khả dụng**			
PCN_93	Xác định độ khả dụng hệ thống theo guideline phân loại mức độ quan trọng hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin số GL.CNVTQĐ.CNTT.03 hoặc văn bản tương đương.	(Dựa trên thông số tính toán, đơn vị cung cấp độ khả dụng tại đây) - Chu kỳ đánh giá: 06 tháng - Thời gian downtime cho phép: 01 giờ - Mức độ khả dụng của hệ thống: ≥ 99,8%	M	ĐẠT: Đáp ứng CTKT KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT
4	**Yêu cầu về chất lượng mã nguồn**			
PCN_94	Tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn	Source code tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn tại HD.00.CNTT.22 văn bản tương đương, thay thế hiện hành.	M	Không còn lỗi Blocker, Critical.
5	***Tính hiệu quả***			
5.1	***Thời gian xử lý.*** *(Thời gian xử lý của các nhóm chức năng/chức năng hệ thống)*			
PCN_95	**Thời gian xử lý:** - Thời gian xử lý của giao dịch tính từ khi người dùng gửi yêu cầu giao dịch đến khi người dùng nhận kết quả trả về từ hệ thống. - Thời gian xử lý của chức năng là giá trị 95th tốc độ xử lý của giao dịch trên chức năng đó.	Ngoài các chức năng có yêu cầu đặc thù về tốc độ xử lý, tối thiểu tất cả các chức năng hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phản hồi theo bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ CNTT (TC_CNVTQĐ_CNTT_25 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành) của Tập đoàn hoặc tiêu chuẩn TC.VTS.QLCL.01 của TCT GPDN hoặc văn bản thay thế tương	M	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		đương hiện hành. Đối với các sản phẩm dịch vụ Video và Call VoIP thực hiện theo bộ tiêu chuẩn chất lượng hiệu năng cho sản phẩm/dịch vụ Video và Call VoIP (TC.VTS.QLCL.19 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành). Kịch bản kiểm thử với các tiêu chí đánh giá hiệu năng hệ thống cụ thể như sau:		
	Trường hợp test 01: 180 ccu			
PCN_96	Tìm kiếm job	-Tên chức năng: Tìm kiếm job - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 45 - Thời gian xử lý (s): <= 10s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 1800	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_97	Tìm kiếm variable	-Tên chức năng: Tìm kiếm variable - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 45 - Thời gian xử lý (s): <= 10s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 1800	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_98	Tìm kiếm job runs	-Tên chức năng: Tìm kiếm job - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 45 - Thời gian xử lý (s): <= 10s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 162.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_99	Tìm kiếm Task instances	-Tên chức năng: Tìm kiếm job - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 45 - Thời gian xử lý (s): <= 10s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 162.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Trường hợp test 02:			
PCN_100	Tổng hợp dữ liệu Biểu đồ số lượt KCB so với năm trước	-Tên chức năng: Tổng hợp dữ liệu Biểu đồ số lượt KCB so với năm trước + Định kỳ tổng hợp lại dữ liệu sau: 1 ngày + Thời gian xử lý (s): <= 60 phút + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% + Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 9.000.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_101	Tổng hợp dữ liệu Biểu đồ Số lượt BN viện phí và BN BHYT so với năm trước	-Tên chức năng: Tổng hợp dữ liệu Biểu đồ Số lượt BN viện phí và BN BHYT so với năm trước + Định kỳ tổng hợp lại dữ liệu sau: 1 ngày + Thời gian xử lý (s): <= 60 phút + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% + Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 9.000.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Trường hợp test 03: 150tps			
PCN_102	API Biểu đồ Số lượt BN viện phí và BN BHYT so với năm trước	-Tên chức năng: API Biểu đồ Số lượt BN viện phí và BN BHYT so với năm trước	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		+ Số lượng tps: 50 + Thời gian xử lý (s): <=5s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% + Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 630.000		Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_103	API Tỷ lệ phân bổ BN theo nhóm đơn vị so với năm trước	-Tên chức năng: API Tỷ lệ phân bổ BN theo nhóm đơn vị so với năm trước + Số lượng tps: 50 + Thời gian xử lý (s): <=5s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% + Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 630.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_104	API Tỷ lệ phân bổ BN theo nhóm đơn vị so với năm trước	-Tên chức năng: API Tỷ lệ phân bổ BN theo nhóm đơn vị so với năm trước + Số lượng tps: 50 + Thời gian xử lý (s): <=5s + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80% + Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% + Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 630.000	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
5.2	**Khả năng đáp ứng:** Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được *(Số lượng người dùng/số lượng giao dịch đồng thời trên hệ thống Số tác vụ được thực hiện thành công trong 1 khoảng thời gian xác định)*			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_105	Thông lượng hệ thống có thể đáp ứng được Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được	Có đề xuất tài nguyên, tài liệu tính toán đảm bảo tải, tài nguyên đáp ứng theo yêu cầu	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
PCN_106	- Số người dùng tối đa hệ thống đáp ứng được.	Năm 2026 dự kiến hệ thống cung cấp dịch vụ cho 1785 người dùng.	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
PCN_107	- Số lượng người dùng đồng thời (CCU)	- Hệ thống có thể đáp ứng được 180 số người dùng đồng thời các chức năng của hệ thống.	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
6	***Tính bảo mật:*** Đảm bảo tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL - Tuân thủ quy định ATTT, ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Điều 34, 35, 36 của Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ Quyết định ban hành "Quy chế quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội"	Sản phẩm khi xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chí về tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn/hạ tầng/hệ quản trị CSDL - Đảm bảo sản phẩm sau khi phát triển phải tuân thủ toàn bộ các quy định về ATTT và ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ (hoặc văn bản thay thế, tương đương)		
6.1	***Chỉ tiêu phi chức năng ứng dụng***			
PCN_108	Lỗi phân quyền (Broken Access control)	Sản phẩm không có lỗi về phân quyền khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng leo thang đặc quyền, chiếm quyền giữa các tài khoản trong hệ thống. Kiểm tra các loại quyền: quyền dữ liệu, quyền thực thi chức năng, quyền truy cập	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_109	Xác thực (Authentication)	Sản phẩm không có lỗi về xác thực khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng xác thực, định danh người dùng trước khi truy cập vào dữ liệu hệ thống, thực thi các chức năng.	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_110	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		khi thực hiện việc kiểm tra: - Sử dụng thư viện, Framework phiên bản cũ có lỗ hổng ATTT		KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_111	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Sử dụng tài khoản mặc định hoặc cấu hình mặc định của thư viện, framework (không xác thực, không xóa bỏ các thư mục thừa không sử dụng)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_112	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Directory listning	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_113	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: CORS misconfiguration	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_114	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Debug enable (Strace trace / Error message)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_115	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: SQL/NoSQL Injeciton	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_116	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Cross-Site Scripting (XSS)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_117	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Command Inection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_118	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: LDAP injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_119	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: XML Injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_120	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Template Injection (SSTI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_121	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Request Forgery (SSRF)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_122	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: CSRF injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_123	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Code injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_124	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Local file include (LFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_125	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Remote File include (RFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_126	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Path tranversal / Directory tranversal	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_127	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Lỗi Upload file không hợp lệ	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_128	Insecure Deserialization	Sản phẩm không có Insecure Deserialization khi thực hiện việc kiểm tra việc: Kiểm tra lỗi liên quan đến việc Deserialization dữ liệu không an toàn	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_129	Xử lý business logic	Sản phẩm không có Xử lý business logic khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Đảm bảo ATTT trong xử lý business logic (công trừ tiền, nghiệp vụ hệ thống) - Đảm bảo ATTT khi sử dụng SMS/OTP: giới hạn số lần nhập mã sai; chỉ sinh mã mới khi mã cũ hết hiệu lực; giới hạn số SMS theo từng SĐT/ngày	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
7	***Chỉ tiêu về Quản trị dữ liệu (Chỉ tiêu áp dụng cho các hệ thống từ mức Quan trọng được xác định theo Guideline phân mức độ quan trọng hệ thống UDCNTT số GL.CNVTQĐ.CNTT.03. Chỉ tiêu này không bắt buộc áp dụng với đối tượng là KH ngoài Viettel, căn cứ thực hiện theo HĐ cung cấp sản phẩm)***			
7.1	***Quản trị dữ liệu***			
PCN_130	Xác định dữ liệu trọng yếu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định dữ liệu trọng yếu và chủ sở hữu của dữ liệu	M	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*
PCN_131	Mô hình vận hành hoạt động Quản trị dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định được các vai trò: - Chủ sở hữu dữ liệu (Data owner) và Chủ sở hữu ứng dụng (Application owner) - Quản trị nghiệp vụ dữ liệu (Business	O	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Data Steward) - Quản trị kỹ thuật dữ liệu (Technical Data Steward)		
7.2	***Bảo mật dữ liệu***			
PCN_132	Khả năng phân cấp bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân cấp bảo mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_133	Khả năng phân loại bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo danh mục dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_134	Khả năng phân loại dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo thuộc tính bí mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_135	Định nghĩa các vai trò (role) và phân quyền dữ liệu tương ứng	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân quyền theo vai trò	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_136	Làm mờ - masking dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được mã hóa, làm mờ theo các theo quy định của đơn vị hoặc các yêu cầu nghiệp vụ liên quan	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_137	Sử dụng và chia sẻ dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log các luồng chia sẻ dữ liệu: nguồn, đích, thời gian, tần suất, hình thức chia sẻ, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_138	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log tác động truy cập dữ liệu gồm thông tin IP, tài khoản, thời gian, dữ liệu truy cập, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_139	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log và có cảnh báo giao dịch bất thường: số lượng tài khoản truy cập dữ liệu vượt ngưỡng, số lượng giao dịch biến động bất thường…	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.3	***Chất lượng dữ liệu***			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_140	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Toàn vẹn dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_141	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_142	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán khác bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_143	Tính đầy đủ (Dữ liệu thu thập theo yêu cầu phải đầy đủ về số lượng so với nguồn)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Đảm dữ liệu luôn đầy đủ, không có giá trị null	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_144	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán ở các bảng khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_145	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán trong cùng 01 bản ghi	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_146	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán giữa các bản ghi khác nhau trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_147	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu nhóm đối tượng nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_148	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu cả dataset nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_149	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_150	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định theo từng nhóm đối tượng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_151	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian của bảng phải thỏa mãn thời gian quy định trong 1 khoảng thời gian so với bảng nguồn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_152	Tính duy nhất (Không tồn tại dữ liệu trùng lặp trong một tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Không có bản ghi trùng khóa chính trong dataset	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_153	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Loại dữ liệu của các trường phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_154	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_155	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải tuân theo theo format định dạng của một trường dữ liệu khác	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_156	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_157	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong cùng bảng dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_158	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong các bảng dữ liệu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.4	***Quản lý Siêu dữ liệu***			
PCN_159	Khả năng lưu trữ siêu dữ liệu (Đảm bảo mỗi đơn vị có 1 giải pháp lưu trữ kho siêu dữ liệu)	Xây dựng kho lưu trữ dữ liệu trọng yếu gồm 2 chức năng: - Bảng thuật ngữ nghiệp vụ - Từ điển dữ liệu	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_160	Kiến trúc siêu dữ liệu (Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc theo bộ tiêu chuẩn Siêu dữ liệu)	Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc: - Kiến trúc tập trung - Kiến trúc phân tán - Kiến trúc hỗn hợp - Kiến trúc hai chiều	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_161	Đặc tả siêu dữ liệu (Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính cần có)	Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính: Thông tin đối tượng dữ liệu,	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Thông tin hệ thống, Thông tin luồng dữ liệu, Thông tin thuật ngữ nghiệp vụ		
PCN_162	Quy ước đặt tên (Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên)	Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_163	Định nghĩa dữ liệu (Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn)	Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.5	***Lưu trữ và vận hành dữ liệu***			
PCN_164	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có quyền DBA trên DB trừ user người quản trị	M	Đáp ứng checklist
PCN_165	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có các quyền SYS: SELECT any tables, Delete any tables, Insert any tables, Drop any tables, update any tables trên hệ thống	M	Đáp ứng checklist
PCN_166	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Khoá tất cả các tài khoản mặc định không sử dụng trên DB. Đối với các tài khoản mặc định cần sử dụng, phải thực hiện đổi mật khẩu	M	Đáp ứng checklist
PCN_167	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không sử dụng các tài khoản root trên OS (*nix) để cài đặt DB.	M	Đáp ứng checklist
PCN_168	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Mỗi user trên DB	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		phải thiết lập ngưỡng giới hạn session xác định		
PCN_169	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Đảm bảo đưa DB lên hệ thống giám sát cảnh báo (cảnh báo được các thông số quan trọng của DB)	M	Đáp ứng checklist
PCN_170	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_171	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Thực hiện backup hàng ngày, lưu tối thiểu 03 bản/03 ngày Bản backup phải lưu ở disk group khác hoặc lưu ở FTP, hay server khác	M	Đáp ứng checklist
PCN_172	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Với các hệ thống DBQT, RQT: phải có DB DR. DB DR phải đặt ở site khác với site của DB chạy chính	M	Đáp ứng checklist
PCN_173	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các tablespace lớn, lưu dữ liệu log phải chia partition và tự động truncate dữ liệu cũ (xoay vòng dữ liệu)	M	Đáp ứng checklist
PCN_174	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Định dạng tên partition đối với các bảng đánh partition theo thời gian	O	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		DATAyyyy, DATAyyyymm hoặc DATAyyyymmdd tùy theo loại partition theo năm, tháng hay ngày		
PCN_175	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Drop tất cả các bảng không sử dụng, các bảng của user cá nhân cần đặt	M	Đáp ứng checklist
PCN_176	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Toàn bộ các object không có trong định nghĩa trong tài liệu Design CSDL phải xóa khỏi hệ thống (trừ các object mặc định của hệ thống).	M	Đáp ứng checklist
PCN_177	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu tải phải đo đếm và giám sát được, có kpi iops < 80%	M	Đáp ứng checklist
PCN_178	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu có hiệu suất sử dụng dung lượng nhỏ hơn 80%, đối với dữ liệu chính của cơ sở dữ liệu phải được lưu trữ trên SAN	M	Đáp ứng checklist
PCN_179	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Phân vùng lưu trữ dữ liêu, backup, log là các phân vùng khác nhau	M	Đáp ứng checklist
PCN_180	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Đối với DB hệ thống ĐBQT, RQT: Phải có DB DR. DB DR phải đặt tại site khác với site của DB chạy chính.	O	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		Năng lực DR tương đương với primary Có biên bản chứng minh năng lực của DR thông qua các kịch bản kiểm thử chạy hoàn toàn trên DR.		
PCN_181	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_182	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Lịch định kỳ kiểm thử khả năng khôi phục có phân loại tần suất thực hiện của các hệ thống dịch vụ theo mức độ quan trọng ví dụ: - Các hệ thống CNTT mức độ Đặc biệt quan trọng (Critical) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 1 lần/ năm - Các hệ thống CNTT quan trọng mức cao (High) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 2 năm/ lần - Các hệ thống CNTT quan trọng mức độ trung bình và thấp (Medium và Low) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 3 năm / lần	M	Đáp ứng checklist
III	***Chỉ tiêu về cam kết, dịch vụ và các yêu cầu khác***			
III.1	***Yêu cầu tài liệu bàn giao VHKT***			
YCK_1	Tài liệu Database Design	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục II.3). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL13 (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ) hoặc*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		biểu mẫu BM.03.QT.VTS.CNTT.02 (QT.VTS.CNTT.02).		
YCK_2	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục IV. Tài liệu hướng dẫn sử dụng). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo BM.06.QT.VTS.CNTT.02_Tai lieu Huong dan su dung (QT.VTS.CNTT.02).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_3	Tài liệu kiểm thử và SLA	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục V. Tài liệu kiểm thử và SLA) *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL16_Mau bieu Testcase (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_4	Tài liệu LLD (Low Level Design)	Tài liệu LLD (Low Level Design)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
V.2	Unit test	Code coverage tối thiểu 50% đối với code mới (Chỉ tính với đầu việc phát triển)	M	Đạt: Đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật. Không đạt: Không đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật.

1.2.3.3. Sản phẩm bàn giao

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm/ Tài liệu bàn giao	Số lượng
1	Phần mềm Hệ thống Kho dữ liệu Y tế - Datalake	Mã nguồn (SourceCode) tương ứng với SourceCode mới nhất đang triển khai trên Server khách hàng đã qua kiểm thử nội bộ, UAT và đảm bảo các yêu cầu Chức năng, ATTT ứng dụng, Mã nguồn, UIUX, Hiệu năng, Unit test theo quy định của Viettel	Ghi 03 đĩa
	Tài liệu bàn giao	Tài liệu Database Design	
		Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	
		Tài liệu kiểm thử và SLA	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm/ Tài liệu bàn giao	Số lượng
		Tài liệu LLD (Low Level Design)	
		Chuyển giao các tài liệu khác (nếu có)	

1.2.4. Phần mềm Hệ thống Trục chuyển mạch Y tế

1.2.4.1. Yêu cầu về nền tảng Công nghệ

TT	Hạng mục	Mô tả
1	Database	MariaDB/Postgresql/Mongodb
2	Backend	JAVA
3	Web Frontend	Angular
4	HĐH Server ứng dụng	Linux (Centos/Ubuntu)
5	HĐH Server database	Linux (Centos/Ubuntu)
6	HĐH máy trạm sử dụng phần mềm	MS Windows 7/8/10/11 hoặc mới hơn
7	Mô hình phát triển	Hệ thống phát triển theo mô hình Kiến trúc Microservice
8	Các công nghệ khác	Apache camel, Gravitee
9	Trình duyệt	Đáp ứng trình duyệt Chrome từ version 56, Firefox từ version 57,Cốc cốc từ version 90
10	Công cụ phát triển	IntelliJ IDEA 2024 Community Edition

1.2.4.2. Yêu cầu kỹ thuật

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
A	**Chi tiết chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm**			
I	***Chỉ tiêu chức năng***			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
1	**Tính phù hợp chức năng:**Tính phù hợp của chức năng so với nhu cầu người dùng và tiêu chuẩn.			
	Triển khai tự động dự án tích hợp			
CN_1	Thiết lập địa chỉ Harbor tập trung	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_2	Danh sách thư viện camel đã build	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_3	Xử lý nghiệp vụ triển khai camel lên hạ tầng	- Lấy dữ liệu cấu hình địa chỉ Harbor đã thiết lập - Tạo kết nối đến địa chỉ Harbor - Thực hiện build dự án ra file camel - Thực hiện đóng gói file camel thành docker file - Thực hiện đẩy docker file lên Harbor - Thực hiện chạy lệnh giải mã docker file và chạy file jar camel - Thực hiện tạo pod trên server k8s chạy dịch vụ. - Trả về trạng thái khởi tạo của pod k8s.	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_4	Tạo biểu đồ theo dõi các pod camel	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Dashboard theo dõi			
CN_5	Biểu đồ theo dõi số Dự án tích hợp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_6	Biểu đồ theo dõi số API tích hợp	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_7	Biểu đồ thống kê số server hoạt động	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_8	Biểu đồ số luồng hoạt động	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_9	Biểu đồ theo dõi bản tin truyền thành công / thất bại	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_10	Biểu đồ theo dõi hiệu năng CPU	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_11	Biểu đồ theo dõi lượng sử dụng bộ nhớ	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_12	Biểu đồ theo dõi các API gọi nhiều nhất	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Các công cụ hỗ trợ định tuyến			
	Công cụ cấu hình điều hướng			
CN_13	Xây dựng công cụ điều hướng theo nội dung bản tin (Content-Based)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_14	Xây dựng công cụ chặn bản tin theo điều kiện (Message-Filter)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_15	Xây dựng công cụ điều hướng bản tin đến nhiều người nhận (Recipient-List)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_16	Xây dựng công cụ tách bản tin thành nhiều phần nhỏ (Splitter)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_17	Xây dựng công cụ tổng hợp các bản tin liên quan đến nhau (Aggregator)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_18	Xây dựng công cụ điều hướng bản tin qua các endpoint (Routing-slip)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Công cụ điều hành dữ liệu			
CN_19	Xây dựng công cụ đọc dữ liệu từ file (File_con)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_20	Xây dựng công cụ ghi file đầu ra vào thư mục (File_pro)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_21	Xây dựng công cụ thay đổi nội dung chính của Bản tin (Set-Body)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_22	Xây dựng công cụ gán giá trị cho một header của Bản tin (Set-Header)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Công cụ gửi nhận bản tin			
	RabbitMQ			
CN_23	Xây dựng công cụ nhận bản tin từ RabbitMQ	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_24	Xây dựng công cụ gửi bản tin đến RabbitMQ	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Pulsar			
CN_25	Xây dựng công cụ nhận bản tin từ Pulsar	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_26	Xây dựng công cụ gửi bản tin đến Pulsar	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	MQTT			
CN_27	Xây dựng công cụ nhận bản tin từ MQTT	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_28	Xây dựng công cụ gửi bản tin đến MQTT	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Công cụ kết nối Cơ sở dữ liệu			
	SQL			
CN_29	Xây dựng công cụ đọc dữ liệu từ CSDL dạng SQL	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_30	Xây dựng công cụ ghi dữ liệu vào CSDL dạng SQL	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	MongoDB			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_31	Xây dựng công cụ đọc dữ liệu từ MongoDB	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_32	Xây dựng công cụ ghi dữ liệu vào MongoDB	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Redis			
CN_33	Xây dựng công cụ đọc dữ liệu từ Redis	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_34	Xây dựng công cụ ghi dữ liệu vào Redis	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	JDBC			
CN_35	Xây dựng công cụ đọc dữ liệu từ CSDL bằng JDBC	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_36	Xây dựng công cụ ghi dữ liệu vào CSDL bằng JDBC	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Công cụ thao tác dữ liệu qua mạng			
	Restlet			
CN_37	Xây dựng công cụ nhận dữ liệu qua Rest hỗ trợ bằng Restlet Framework	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Công cụ lập lịch			
CN_38	Xây dựng công cụ lập lịch chi tiết tự động chạy luồng (Scheduler)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_39	Xây dựng công cụ đặt thời gian chạy luồng định kỳ (Timer)	Dự kiến từ 10-20 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến cho hệ thống HIS lên Kho dữ liệu y tế			
CN_40	Màn hình tích hợp API gửi file Bệnh án XML lên Trục	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_41	Xây dựng công cụ xử lý dữ liệu thành các phiếu theo nghiệp vụ	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_42	Màn hình điều hướng các phiếu đến các endpoint tương ứng	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến chia sẻ dữ liệu của Kho dữ liệu y tế			
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức			
CN_43	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_44	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_45	Màn hình cung cấp API chia sẻ dữ liệu Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy chứng nhận phẫu thuật			
CN_46	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy chứng nhận phẫu thuật từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_47	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy chứng nhận phẫu thuật	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_48	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy chứng nhận phẫu thuật	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu			
CN_49	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_50	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_51	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu khám chuyên khoa			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_52	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu khám chuyên khoa từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_53	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu khám chuyên khoa	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_54	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu khám chuyên khoa	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu gây mê hồi sức			
CN_55	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu gây mê hồi sức từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_56	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu gây mê hồi sức	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_57	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu gây mê hồi sức	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật			
CN_58	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_59	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_60	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu theo dõi truyền dịch			
CN_61	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu theo dõi truyền dịch từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_62	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu theo dõi truyền dịch	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_63	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu theo dõi truyền dịch	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu chiếu/ chụp X-quang			
CN_64	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu chiếu/ chụp X-quang từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_65	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu chiếu/ chụp X-quang	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_66	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu chiếu/ chụp X-quang	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu chụp cắt lớp vi tính			
CN_67	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu chụp cắt lớp vi tính	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_68	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu chụp cắt lớp vi tính	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_69	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu chụp cắt lớp vi tính	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu chụp cộng hưởng từ			
CN_70	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu chụp cộng hưởng từ từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_71	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu chụp cộng hưởng từ	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_72	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu chụp cộng hưởng từ	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu siêu âm			
CN_73	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu siêu âm từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_74	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu siêu âm	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_75	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu siêu âm	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu điện tim			
CN_76	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu điện tim từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_77	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu điện tim	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_78	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu điện tim	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu điện não			
CN_79	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu điện não từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_80	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu điện não	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_81	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu điện não	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu nội soi			
CN_82	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu nội soi từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_83	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu nội soi	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_84	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu nội soi	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu đo chức năng hô hấp			
CN_85	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu đo chức năng hô hấp từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_86	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu đo chức năng hô hấp	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_87	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu đo chức năng hô hấp	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu xét nghiệm (chung)			
CN_88	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm (chung) từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_89	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu xét nghiệm (chung)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_90	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu xét nghiệm (chung)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu xét nghiệm Huyết học			
CN_91	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm Huyết học từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_92	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu xét nghiệm Huyết học	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_93	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu xét nghiệm Huyết học	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu xét nghiệm nước dịch			
CN_94	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm nước dịch từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_95	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu xét nghiệm nước dịch	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_96	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu xét nghiệm nước dịch	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu			
CN_97	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_98	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_99	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò			
CN_100	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_101	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_102	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu xét nghiệm vi sinh			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_103	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu xét nghiệm vi sinh từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_104	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu xét nghiệm vi sinh	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_105	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu xét nghiệm vi sinh	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Trích biên bản hội chẩn			
CN_106	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Trích biên bản hội chẩn từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_107	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Trích biên bản hội chẩn	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_108	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Trích biên bản hội chẩn	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Trích biên bản kiểm thảo tử vong			
CN_109	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Trích biên bản kiểm thảo tử vong từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_110	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Trích biên bản kiểm thảo tử vong	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_111	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Trích biên bản kiểm thảo tử vong	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu khám bệnh vào viện (chung)			
CN_112	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu khám bệnh vào viện (chung) từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_113	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_114	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu theo dõi điều trị			
CN_115	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu theo dõi điều trị từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_116	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu theo dõi điều trị	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_117	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu theo dõi điều trị	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu chăm sóc cấp 1			
CN_118	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu chăm sóc cấp 1 từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_119	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu chăm sóc cấp 1	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_120	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu chăm sóc cấp 1	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu chăm sóc cấp 2			
CN_121	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu chăm sóc cấp 2 từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_122	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu chăm sóc cấp 2	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_123	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu chăm sóc cấp 2	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu			
CN_124	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu nhận định phân loại	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	người bệnh tại khoa cấp cứu từ Kho dữ liệu y tế			Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_125	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_126	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú			
CN_127	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_128	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_129	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh			
CN_130	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_131	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy cam kết	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh			Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_132	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)			
CN_133	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ) từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_134	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_135	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)			
CN_136	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng) từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_137	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_138	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Phiếu bàn giao người bệnh	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)			Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh			
CN_139	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_140	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_141	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)			
CN_142	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh) từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_143	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_144	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Biên bản kiểm thảo tử vong			
CN_145	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Biên bản kiểm thảo tử vong từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_146	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Biên bản kiểm thảo tử vong	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_147	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Biên bản kiểm thảo tử vong	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan			
CN_148	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_149	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_150	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Giấy đề nghị cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án/tài liệu liên quan	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Thông tin Phiếu khám vào trạm			
CN_151	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu khám vào trạm từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_152	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Thông tin Phiếu khám vào trạm	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_153	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Thông tin Phiếu khám vào trạm	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Thông tin Đơn thuốc			
CN_154	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu thông tin Thông tin Đơn thuốc từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_155	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Thông tin Đơn thuốc	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_156	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Thông tin Đơn thuốc	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông thông tin Phiếu chăm sóc			
CN_157	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu thông tin Phiếu chăm sóc từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_158	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu thông tin Phiếu chăm sóc	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_159	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu thông tin Phiếu chăm sóc	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Thông tin Phiếu dịch truyền			
CN_160	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu dịch truyền từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_161	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Thông tin Phiếu dịch truyền	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_162	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Thông tin Phiếu dịch truyền	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên Thông tin Phiếu chỉ định			
CN_163	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Thông tin Phiếu chỉ định từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_164	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Thông tin Phiếu chỉ định	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_165	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Thông tin Phiếu chỉ định	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến liên thông Thông tin Tờ điều trị			

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_166	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu Thông tin Tờ điều trị từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_167	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu Thông tin Tờ điều trị	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_168	Màn hình tạo API chia sẻ dữ liệu Thông tin Tờ điều trị	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến chia sẻ dữ liệu của Kho dữ liệu y tế lên Trung tâm điều phối quốc gia (Hệ thống GMedical)	Sẵn sàng tích hợp với Trung tâm điều phối quốc gia		Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến đồng bộ dữ liệu bệnh án lên hệ thống Gmedical			
CN_169	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu dữ liệu bệnh án theo chuẩn Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_170	Màn hình tích hợp API gửi dữ liệu lên Trung tâm điều phối quốc gia theo chuẩn đầu vào API	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản chia sẻ dữ liệu bệnh án từ Gmedical			
CN_171	Màn hình tích hợp API lấy dữ liệu bệnh án từ Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_172	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu dạng file dữ liệu bệnh án sang kiểu dữ liệu tường minh dạng JSON	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Xây dựng kịch bản chia sẻ thông tin lịch sử khám chữa bệnh từ Gmedical			
CN_173	Màn hình tích hợp API lấy thông tin lịch sử khám chữa bệnh từ Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản chia sẻ thông tin sổ sức khỏe điện tử từ Gmedical			
CN_174	Màn hình tích hợp API lấy thông tin sổ sức khỏe điện tử từ Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến đồng bộ đơn thuốc điện tử lên hệ thống Gmedical			
CN_175	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu dữ liệu đơn thuốc điện tử theo chuẩn Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_176	Màn hình tích hợp API gửi dữ liệu đơn thuốc điện tử lên Hệ thống GMedical theo chuẩn đầu vào API	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản định tuyến đồng bộ các bảng chỉ tiêu lên hệ thống Gmedical			
CN_177	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu dữ liệu các bảng chỉ tiêu theo chuẩn Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_178	Màn hình tích hợp API gửi dữ liệu các bảng chỉ tiêu lên Hệ thống GMedical theo chuẩn đầu vào API	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	Xây dựng kịch bản định tuyến cập nhật thông tin bán thuốc của nhà thuốc lên hệ thống Gmedical			
CN_179	Màn hình tích hợp API lấy thông tin bán thuốc của nhà thuốc từ Kho dữ liệu y tế	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_180	Xây dựng công cụ chuyển đổi dữ liệu gốc thành mẫu dữ liệu thông tin bán thuốc theo chuẩn Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
CN_181	Màn hình tích hợp API gửi thông tin bán thuốc lên Hệ thống GMedical theo chuẩn đầu vào API	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản chia sẻ thông tin đơn thuốc từ hệ thống Gmedical			
CN_182	Màn hình tích hợp API lấy thông tin đơn thuốc từ Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản chia sẻ thông tin đơn thuốc theo mã đơn thuốc từ hệ thống Gmedical			
CN_183	Màn hình tích hợp API lấy thông tin đơn thuốc theo mã đơn thuốc từ Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản chia sẻ thông tin đơn thuốc từ hệ thống Gmedical			
CN_184	Màn hình tích hợp API lấy thông tin đơn thuốc từ Gmedical	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
				Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Xây dựng kịch bản API lấy token của Gmedical			
CN_185	Màn hình tích hợp API lấy accessToken của Gmedical để gọi các API khác	CN bao gồm UI và service Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Đa ngôn ngữ			
CN_186	Thay đổi ngôn ngữ (Việt - Anh)	Dự kiến dưới 10 trường thông tin	M	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
2	**Tính chính xác:** Là mô tả mức độ chính xác trong nghiệp vụ, tính toán của hệ thống.			
CN_187	Biểu đồ theo dõi số Dự án tích hợp	Biểu đồ theo dõi số Dự án tích hợp tìm kiếm theo thời gian tuần, ngày, tên dự án tích hợp	M	Kết quả đạt: Số liệu thống kê với mỗi điều kiện tìm kiếm phải khớp với số liệu tra cứu tương ứng theo trạng thái trên hệ thống Kết quả **không đạt: Số liệu không khớp nhau**
3	**Khả năng tương tác:** Khả năng trao đổi dữ liệu của hệ thống: các định dạng dữ liệu đầu vào, đầu ra, các quy tắc về dữ liệu bắt buộc tuân thủ; dữ liệu trao đổi giữa hệ thống và các hệ thống liên quan. Phương thức/ chuẩn giao tiếp giữa các hệ thống khác nhau.			
CN_188	Khả năng liên thông dữ liệu với hệ thống Kho dữ liệu	Khả năng liên thông dữ liệu với hệ thống Kho dữ liệu	M	-Kết quả Đạt: - Các thông tin dữ liệu liên thông được lưu đầy vào hệ thống Kho dữ liệu -Kết quả Không Đạt: - Không liên thông được dữ liệu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_189	Khả năng liên thông dữ liệu với hệ thống Báo cáo điều hành và khai thác dữ liệu y tế	Khả năng liên thông dữ liệu với hệ thống Báo cáo điều hành và khai thác dữ liệu y tế	M	-Kết quả Đạt: - Các thông tin dữ liệu liên thông được hiển thị trên hệ thống Báo cáo điều hành và khai thác dữ liệu y tế. -Kết quả Không Đạt: - Không liên thông được dữ liệu
4	**Tính bảo mật:** Khả năng kiểm soát truy cập của các vai trò người sử dụng vào hệ thống hoặc dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của dữ liệu.			
CN_190	Phân quyền, vai trò cho tài khoản đơn vị	- Quyền admin hệ thống, có đầy đủ luồng quản lý danh mục, cấu hình danh mục, quản trị hệ thống, giám sát thống kê. Có quyền quản trị, phân quyền cho tài khoản người dùng ở tuyến dưới. Các quyền cấu hình các tham số chung cho ứng dụng - Quyền chuyên viên có các luồng cấu hình api, giám sát thống kê.	M	*Kết quả Đạt:* *Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT* *Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT*
5	***Chỉ tiêu chức năng ATTT ứng dụng***			
CN_191	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Có giao diện quản lý tài khoản người sử dụng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_192	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập quản trị, cấu hình phần mềm.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_193	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm, Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy truy cập sử dụng phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_194	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống, Thông tin xác thực được lưu trữ	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương		
CN_195	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng yêu cầu người dùng đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_196	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_197	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_198	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Có chức năng cho phép thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_199	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_200	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng, Mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_201	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có giao diện cho phép thiết lập chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_202	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng cảnh báo tới người sử dụng khi vi phạm chính sách	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_203	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_204	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định, Có chức năng tự động vô hiệu hóa tài khoản nếu vi phạm chính sách trên	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_205	Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng, Chức năng bảo đảm mật khẩu được mã hóa trước khi gửi qua môi trường mạng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_206	Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về xác thực đa nhân tố.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_207	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm không nhận được yêu cầu từ người dùng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_208	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout)	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout), Hiển thị thông báo, đóng phiên kết nối đã hết hạn thời gian timeout và yêu cầu đăng nhập lại	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_209	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_210	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa, Có chức năng thực thi chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_211	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_212	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Phân loại nhóm tài khoản theo ít nhất 03 nhóm: i. Tài khoản người sử dụng thông thường; ii. Tài khoản quản trị mức sử dụng; iii. Tài khoản quản trị mức phát triển, vận hành.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_213	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/ nhóm người sử dụng, Có chức năng thực thi chính sách phân quyền và cấp quyền tối	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau ở trên.		
CN_214	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập quyền cho các tài khoản.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_215	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền cho các tài khoản ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_216	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về cổng quản trị ứng dụng và cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_217	Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thay đổi, tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng., Có chức năng thực thi chính sách tách biệt cổng quản trị ứng dụng với cổng cung cấp dịch vụ ứng dụng ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_218	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_219	Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép khóa tạm thời quản trị ứng dụng trong khoảng thời gian ngoài giờ làm việc., Có chức năng thực thi chính sách về	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		khoảng thời gian được phép thực hiện thao tác quản trị hệ thống ở trên.		
CN_220	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Phần mềm cung cấp chức năng ghi nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_221	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin., Nhật ký hệ thống được phân loại theo ít nhất 05 nhóm: i. Nhật ký truy cập Phần mềm; ii. Nhật ký đăng nhập khi quản trị Phần mềm; iii. Nhật ký các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động; iv. Nhật ký quản lý tài khoản; v. Nhật ký thay đổi cấu hình Phần mềm	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_222	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về nhật ký hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_223	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Cho phép quản trị viên cấu hình khoảng thời gian lưu trữ nhật ký qua giao diện trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_224	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung., Lưu trữ nhật ký với ít nhất 05 thông tin: i. Thời điểm sinh nhật ký; ii. Phân nhóm nhật ký; iii. Mô tả thao tác/lỗi; iv. Đối tượng thực hiện thao tác/sinh lỗi; v. Mức độ quan trọng	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
CN_225	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản quản trị.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_226	Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phân quyền truy cập, quản lý dữ liệu nhật ký hệ thống đối với các tài khoản có chức năng quản trị hệ thống khác nhau., Có chức năng thực thi chính sách phân quyền ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_227	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng.	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng., Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập chính sách về sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_228	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng, Có chức năng cho phép thực hiện việc sao lưu dự phòng theo chính sách ở trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_229	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân loại dữ liệu được lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_230	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập, Có chức năng cho phép lưu trữ dữ liệu theo tên định dạng đối với từng loại dữ liệu tại mục trên.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_231	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung.		
CN_232	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng thủ công cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_233	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép thực hiện sao lưu dự phòng tự động cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống lên hệ thống lưu trữ tập trung.	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
CN_234	Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung	Sản phẩm khi phát triển Có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để gửi dữ liệu dự phòng về hệ thống lưu trữ tập trung, Có chức năng cho phép khôi phục dữ liệu, cấu hình hệ thống từ dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống lưu trữ tập trung	M	Thực hiện đánh giá ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn
II	**Chỉ tiêu phi chức năng**			
1	**Kiến trúc và công nghệ:** Design hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống.			
PCN_1	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Các công nghệ lựa chọn bắt buộc tuân thủ danh mục công nghệ được quy hoạch theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023) hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_2	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Sản phẩm khi phát triển phải Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS đảm bảo Có các cơ chế caching để tăng tốc độ xử lý đối với các dữ liệu thường xuyên được sử dụng ở tất cả các tầng: giao diện,	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		logic, database. Có cơ chế in memory cho các dữ liệu thường xuyên được sử dụng và đáp ứng xử lý thời gian thực		
PCN_3	Tuân thủ quy hoạch công nghệ của Tổng công ty VTS	Đối với các module giao tiếp với các hệ thống viễn thông: Tuân theo giao thức chuẩn của viễn thông (3GPP, RFC). (*Ghi chú: đối với sản phẩm không có giao tiếp với các hệ thống viễn thông thì không cần đưa tiêu chí đánh giá này vào bộ CTKT)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_4	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Có tài liệu Design mức cao (HLD) cho sản phẩm HT CNTT. Trong đó cần mô tả chức năng của các thành phần, các giao thức kết nối	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_5	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các tầng của ứng dụng phải được phân tách một cách độc lập, các tầng có thể chỉnh sửa một cách độc lập mà không ảnh hưởng tới các tầng khác: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_6	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Các module được phân tách một cách độc lập về dữ liệu, về nghiệp vụ, đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_7	Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải có Design sản phẩm/hệ thống đáp ứng các chuẩn công nghệ mới, tối ưu cho hệ thống đảm bảo Hệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thống dễ dàng mở rộng/giảm dung lượng theo từng module mà không gây downtime.		
PCN_8	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Không sử dụng các thư viện, phần mềm,…vi phạm bản quyền. Không sử dụng dạng trial khi triển khai chính thức hệ thống. Khi sử dụng license, hệ thống phải đảm bảo thời hạn license xuyên suốt thời gian cung cấp cho khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_9	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Hệ thống hỗ trợ sử dụng CSDL mã mở	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_10	Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo các yêu cầu về license trong hệ thống: Với các hệ thống sử dụng các thư viện Opensource, các phần mềm của bên thứ 3 thì version sử dụng phải đảm bảo không được EOL/EOS và có thời gian hỗ trợ tối thiểu đáp ứng theo yêu cầu của Viettel.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_11	Tuân thủ quy định về hạ tầng triển khai	Sản phẩm khi hoàn thành phát triển phải hoạt động được trên nền tảng ảo hóa/container (trừ BigData, DB bao gồm cả NoSQL, các ứng dụng hiệu năng cao,...). Các TH đặc biệt phải có báo cáo và kết luận của Chủ tịch Hội đồng kiến trúc công nghệ của TCT. (*Ghi chú: Trong TH đặc biệt mà sản phẩm bắt buộc phải đi kèm theo phần cứng riêng biệt thì phải nêu rõ lý do trong bộ CTKT).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_12	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo cơ chế cân bằng tải: Có các cơ chế phân tải để tăng khả năng xử lý: cơ chế load balancer cho phép nhiều máy cùng xử lý các tác vụ giống nhau đối với các tác vụ có tần suất sử dụng lớn; cơ chế xử lý song song trên nhiều	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		tiến trình khác nhau trên cùng máy chủ để nâng cao hiệu năng hệ thống.		
PCN_13	Đảm bảo cơ chế cân bằng tải	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp tự động phát hiện và điều tiết lưu lượng thông qua bộ cân bằng tải (LB) hoặc Reverse Proxy hoặc công cụ tương đương (có khả năng giám sát tính sẵn sàng và điều chỉnh lưu lượng tải theo các mode tối thiểu gồm: simple round robin, Least-Loaded Round Robin, Weighted Round Robin)."	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_14	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải có giải pháp phân tầng (layer) độc lập: tầng giao diện, tầng nghiệp vụ, tầng dữ liệu,…Design độc lập dữ liệu: đảm bảo dữ liệu và nghiệp vụ một module không bị ảnh hưởng khi dữ liệu và nghiệp vụ của các module khác thay đổi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_15	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Đối với các module phục vụ trực tiếp khác hàng: Khi restart module không được ảnh hưởng đến khách hàng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_16	Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo rõ ràng và độc lập về Design: Có giải pháp đảm bảo tài nguyên dùng chung không bị xung đột: Connection: DB connection, FTP connection, File hander, Socket connection (WS,…)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_17	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có khả năng dễ dàng scale về phần cứng, app, database mà không cần phải có thời gian downtime hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_18	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống có cơ chế cho phép thí điểm áp dụng tính năng mới trên tập thuê bao/giao dịch cấu hình riêng (tập thuê bao/giao dịch có chọn lọc) khi	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		nâng cấp hệ thống để đánh giá trước khi áp dụng diện rộng cho toàn bộ khách hàng.		
PCN_19	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Web/webservice có cơ chế cho phép cách ly riêng node ứng dụng ra khỏi cụm đang hoạt động để nâng cấp, sau khi hoàn thành thì join lại để tiến tới zezo downtime đối với các hệ thống quan trọng trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_20	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cần có mô tả rõ các số lượng/cấu hình phần cứng cần thiết cho các mức số lượng thuê bao, CCU tăng trưởng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_21	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Cung cấp công cụ upcode tự động	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_22	Khả năng vận hành	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng vận hành: Cung cấp cơ chế switch online không gây downtime hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_23	Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo khả năng mở rộng hệ thống: Hệ thống tự động nâng cấp khi có phiên bản mới (có thông báo và xác nhận của người dùng)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_24	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các module trong cùng một dịch vụ giao tiếp nhiều hoặc giữa ứng dụng và DB không đặt tại nhiều tổng trạm khác nhau. (* Ghi chú: + Với hệ thống đặt trên hạ tầng Viettel Cloud: Loại yêu cầu là M. + Các TH còn lại: Loại yêu cầu là O/KĐG).	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_25	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các chức năng báo cáo không sử dụng chung database với hệ thống cung cấp dịch vụ. Có thể tách dạng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		schema hoặc mức vật lý/instance. Hạ tầng cung cấp cho ứng dụng không dùng chung với ứng dụng khác (có thể chung hạ tầng vật lý nếu sử dụng ảo hóa).		
PCN_26	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Các Ứng dụng, CSDL có sự phân cách sử dụng tài nguyên	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_27	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Bộ cài có thể cài đặt trên các thiết bị khác nhau như máy tính, điện thoại, máy tính bảng, appstore	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_28	Khả năng cài đặt phần mềm	Sản phẩm khi phát triển phải Khả năng cài đặt phần mềm: Có tài liệu sizing và test case đầy đủ hỗ trợ công tác CPM - Capacity and Performance Management. Sizing và design có mô tả cụ thể các metric phục vụ VHKT: CPU, Ram, IOPS, latency, TPS, QPS	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_29	Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Đảm bảo yêu cầu về Design triển khai: Có thể chuyển cho bên thứ 3 cài đặt.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_30	Tính bảo mật - ATTT	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo Tính bảo mật - ATTT: Đảm bảo tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_31	Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai	Sản phẩm khi phát triển phải Cho phép giới hạn được tài nguyên triển khai: Có giải pháp thực hiện giới hạn tài nguyên dùng chung cho nhiều ứng dụng về RAM, CPU, IOPS... tránh việc xung đột tài nguyên giữa các tiến trình.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_32	Đảm bảo về tính dự phòng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo tương thích với hạ tầng phần cứng nhằm đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 849/QĐ-CNVTQĐ ban hành ngày 28/06/2024 v/v Quy định đảm bảo dự phòng hệ thống Công nghệ thông tin trong Tập đoàn Công nghiệp	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Viễn thông Quân đội hoặc văn bản mới thay thế/tương đương.		
PCN_33	Đảm bảo tính dự phòng (*Ghi chú: đối với sản phẩm phần mềm được hiểu là các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng)	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo có tính dự phòng. - Đối với sản phẩm: các module có tính dự phòng về dung lượng, kết nối và hiệu năng. - Đối với sản phẩm có thiết bị phần cứng đi kèm (bắt buộc) thì ngoài mức độ dự phòng về module, các thiết bị phần cứng đi kèm cũng phải đảm bảo dự phòng 1+1 về phần cứng và kết nối.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_34	Tính tin cậy	Yêu cầu ứng dụng phải có cấu hình ngưỡng kiểm soát đầu vào, đầu ra để tự bảo vệ trong trường hợp đột biến đầu vào. Có cơ chế bảo vệ Database: Giới hạn số lượng connection vào DB được cấu hình trên từng module của ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_35	Tính tin cậy	Cho phép cấu hình ngưỡng kiểm soát được TPS của các Service Có cơ chế tự bảo vệ và tự động từ chối tiếp nhận thêm các giao dịch nếu vượt quá ngưỡng theo từng module như cho phép giới hạn khả năng xử lý của ứng dụng, số lượng yêu cầu xử lý được trong 1 khoảng thời gian. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải Có cơ chế kiểm soát và xử lý timeout, lỗi khi giao tiếp giữa các hệ thống, giữa các module trong hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_36	Tính tin cậy	Những yêu cầu quá thời gian timeout thì giải phóng, reject những yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_37	Tính tin cậy	Có cơ chế cô lập các module đang bị lỗi (không phân tải vào các module chậm, treo, down), từ chối không tiếp nhận đầu vào khi	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		vượt ngưỡng xử lý của hệ thống. Không làm gián đoạn toàn bộ 100% dịch vụ		
PCN_38	Tính tin cậy	Đối với mô hình xử lý request trên queue, hệ thống tự động từ chối yêu cầu khi chạm ngưỡng đầy queue và gửi cảnh báo cho quản trị hệ thống	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_39	Tính tin cậy	Cho phép triển khai chế độ thay đổi từ FIFO sang LIFO. Chiến lược này dựa trên giả thiết ở các dịch vụ tương tự web search, khi thời gian chờ quá 10s thì nhiều khả năng người dùng đã từ bỏ và làm mới trình duyệt, việc xử lý yêu cầu cũ không còn ý nghĩa nữa.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_40	Tính tin cậy	Cung cấp cơ chế phân loại mức độ quan trọng của từng tác vụ. Khi cao tải các tác vụ có mức quan trọng thấp sẽ tự động bị từ chối trước. Đảm bảo mỗi lượt retry được chuyển hướng tới node xử lý khác với node đang cao tải	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_41	Tính tin cậy	Cung cấp khả năng từ chối yêu cầu, theo ít nhất một trong các ngưỡng sau: + Thiết lập ngưỡng tài nguyên/ người dùng. Ví dụ: Mỗi người dùng chỉ đáp ứng một lượng tải nhất định như Google quy định mỗi người dùng Gmail được phép tiêu thụ tối đa 4000 CPU/ giây). + Thiết lập ngưỡng phản hồi trên client. Ví dụ: Ứng dụng mobile tự động nhận diện số lượng yêu cầu được phản hồi/ số lượng yêu cầu phát sinh, nếu quá ngưỡng thì tự động từ chối yêu cầu.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_42	Tính tin cậy	Hỗ trợ chế độ cung cấp dịch vụ xuống cấp/ Graceful Degradation. Đây là khả năng của hệ thống để tiếp tục hoạt động mặc dù gặp phải sự cố hoặc vấn đề. Khi hệ thống gặp sự cố hoặc tải đầu vào tăng cao, hệ thống sẽ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		không dừng hoàn toàn mà thay vào đó sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ dưới một hình thức giới hạn hoặc với chất lượng thấp hơn (cung cấp dịch vụ với mức chất lượng thấp hơn, chi phí ít hơn như: chỉ tiếp nhận, gửi thông báo về yêu cầu đã được tiếp nhận hoặc rút gọn không gian tìm kiếm)		
PCN_43	Tính tin cậy	Sản phẩm khi phát triển phải đáp ứng và phù hợp với cơ chế dự phòng của toàn bộ hệ thống (trong trường hợp sản phẩm đi kèm với phần cứng bắt buộc). Trong trường hợp xảy ra sự cố, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường khi hệ thống thực hiện các cơ chế dự phòng (active-stanby,...), cơ chế lật mặt tự động.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_44	Tính tin cậy	Cho phép thiết lập kịch bản hành động (ví dụ: restart tiến trình, failover...) khi phát hiện tiến trình không phản hồi/chậm phản hồi/cao tải	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_45	Khả năng phục hồi	Thời gian khôi phục hệ thống khi bị tấn công hoặc hệ thống bị lỗi (*cơ sở để các đơn vị chủ dịch vụ xây dựng phương án sao lưu dữ liệu*) bao gồm: - RTO: (*là khoảng thời gian tối đa mà hệ thống, ứng dụng, hoặc quy trình kinh doanh cần phải được khôi phục sau một sự cố để tránh những hậu quả không thể chấp nhận được. Nói cách khác, RTO là giới hạn thời gian mà một tổ chức có thể chịu được khi dịch vụ hoặc hệ thống bị gián đoạn*) - RPO: (*là khoảng thời gian tối đa mà tổ chức có thể chấp nhận mất dữ liệu, tính từ thời điểm xảy ra sự cố trở về trước. RPO quyết định mức độ thường xuyên của việc sao lưu dữ liệu để đảm bảo khi xảy ra sự cố, dữ liệu mất đi là ít nhất có thể*).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_46	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_47	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo toàn bộ tác động lên hệ thống đều được ghi log đầy đủ (bao gồm cả log đăng nhập/ thoát và log nghiệp vụ). Ghi chú: Đối với các hệ thống bàn giao mức baseline chưa thể đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ yêu cầu; cho phép bàn giao kèm điều kiện giải trình giải trình chi tiết chứng minh hệ thống đảm bảo đủ dung lượng lưu trữ đến khi từ bàn giao đến khi bàn giao toàn bộ. Chính sách ghi log file của hệ thống: Có thể thiết lập ghi log theo ngày, theo dung lượng, theo số lượng file log, cắt log, xóa log. Đảm bảo dung lượng file log không quá 100Mb, lưu log online tối thiểu 30 ngày trên server phân vùng ứng dụng, tối thiểu 90 ngày với file log nén và 6 tháng lưu trên server log tập trung (dạng file nén). Đối với log giao dịch (log đăng nhập, log xử lý giao dịch...) đảm bảo lưu log theo chuẩn chung, phải chỉ ra được ai tác động gì và tác động từ đâu. Cấu trúc log ứng dụng theo Phụ lục PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng Log phải thể hiện được ứng dụng có đang hoạt động hay không: Trong thời gian nhất định bắt buộc ghi ra log trạng thái process nếu không có giao dịch. - Không được ghi log nhạy cảm. Trường hợp có ghi log nhạy cảm phải mã hóa thông tin. - Các bảng Log trên DB phải có cơ chế tự mở rộng, tự quay vòng. - Đối với ứng dụng do đơn vị phần mềm	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		code: Phải có 3 loại log, cụ thể: + Log full (log nghiệp vụ) của toàn bộ tính năng format theo PL14_Mau bieu Dinh dang Log ứng dụng + Log exception: Không quy định cấu trúc nhưng phải chỉ tường minh Exception là gì? Class, hàm xử lý & dữ liệu đầu vào của giao dịch. + Log KPI (trong trường hợp ứng dụng có tiến trình import log KPI vào bảng KPI_LOG). Trường hợp đã ghi log trực tiếp vào DB thì không cần có log này. Log phải thể hiện được KPI: số lượng yêu cầu (TPS, TPM, number of requests), tốc độ xử lý từng khối (các khối trong module, chờ db phản hồi) & tỷ lệ giao dịch thành công, số lượng response/request. Không bật chế độ debug, phải định nghĩa bộ mã lỗi trong log khi ứng dụng hoạt động bất thường. - Đối với ứng dụng Open Source: Không cần format log theo chuẩn Tập đoàn nhưng đảm bảo 2 tiêu chí sau: + Ghi log thể hiện được trạng thái của ứng dụng open Source (đang làm việc hay treo) + Log phải thể hiện được KPI tốc độ xử lý & tỷ lệ giao dịch thành công.		
PCN_48	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Phải thiết lập các tham số giới hạn dung lượng log tạo ra trên mỗi hệ thống, tối thiểu gồm: Giới hạn số lượng file log tối đa và giới hạn kích thước file log tối đa nhằm hạn chế hiện tượng quá tải lưu trữ. Ví dụ Đối với hệ thống sử dụng Log4j cần thiết lập tham số: + MaxBackupIndex: Giới hạn số file log tối đa được ghi dựa	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		+ MaxFileSize: Giới hạn kích thước file log tối đa tùy theo tính chất ứng dụng		
PCN_49	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đẩy log/ file dữ liệu ra vùng lưu trữ tập trung	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_50	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế phản hồi thông báo cho người dùng trong các tình huống khi vượt ngưỡng, khi hệ thống bị lỗi.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_51	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Quản lý lỗi/cảnh báo/log: Cung cấp các cảnh báo dựa trên các tham số thiết lập trước (điều chỉnh được); Toàn bộ các cảnh báo/lỗi/log được phân loại/lọc để dễ dàng theo dõi; Các cảnh báo được cung cấp với độ trễ <1 phút. Hỗ trợ cảnh báo bằng âm thanh, email, sms; Lưu log hệ thống, tiến trình và log tác động của người dùng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_52	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Đảm bảo ứng dụng ghi log theo quy định thiết lập, quản lý, lưu trữ và khai thác log hệ thống, thiết bị, ứng dụng CNTT	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_53	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log được ghi trên tất cả các Module trong hệ thống. Giữa các Module phải có cơ chế ghi log để nhận dạng, liên kết được từng giao dịch trên các Module với nhau (ví dụ như ID của giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_54	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Có cơ chế đặt log theo từng mức để bật/tắt, theo dõi kiểm tra khi cần (ví dụ như chế độ Information, chế độ Debug, chế độ trace chi tiết một giao dịch).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_55	Đảm bảo tiêu chuẩn ghi, lưu logs (***Khả năng chịu lỗi***) - Chỉ tiêu đáp ứng cơ chế tự bảo vệ của phần mềm	Log phải được ghi có cấu trúc để có thể dễ import được vào các hệ thống quản lý log tập trung, sử dụng các format log tiêu chuẩn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_56	Khả năng hạn chế lỗi người dùng	Có tính năng kiểm tra dữ liệu, cung cấp các ràng buộc để người dùng không thể lựa	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		chọn sai Có tính năng preview kết quả trong một số trường hợp cần thiết (vd: review văn bản trước khi trình ký trên voffice) Hỗ trợ cảnh báo thời gian thực (vd: kiểm tra trùng password) Tuân thủ theo các thông lệ Có tính năng xác nhận đối với các tác vụ quan trọng, đảm bảo người dùng hiểu đúng trước khi thực hiện		
PCN_57	Tính tự mô tả	Sản phẩm có khả năng thể hiện các thông tin một cách hợp lý khi người dùng cần, khiến cho người dùng có thể hiểu ngay tính năng đó mà không cần phụ thuộc quá nhiều vào tài liệu hướng dẫn.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_58	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Đảm bảo bản chạy của ứng dụng và dữ liệu khách hàng an toàn, không mất trong mọi trường hợp. + Bản chạy ứng dụng phải được backup định kỳ hàng ngày, lưu trữ tối thiểu 3 version gần nhất. + Thông tin dữ liệu khách hàng, file/media: Backup sang hệ thống backup định kỳ (tối thiểu mức tháng nếu dữ liệu không có dự phòng, mức ngày với dữ liệu không có dự phòng) + Thời gian lưu trữ: Đối với dữ liệu backup cấu hình & system log: Lưu tối thiểu 30 ngày; Đối với dữ liệu file/media: Lưu lâu dài (không xác định thời gian, trừ trường hợp có quy định riêng). + Việc xây dựng các module phải chỉ ra các Phân vùng ổ đĩa backup và phải nằm trên hệ thống ổ đĩa lưu trữ khác với phân vùng chứa dữ liệu (khác storage, khác server).	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_59	Đảm bảo yêu cầu về Backup	Cho phép thiết lập tự động sao lưu dữ liệu định kỳ theo nhiều mức và theo các cơ chế sao lưu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_60	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống - Có cơ chế tự động kết nối lại database khi mất kết nối. - Có cơ chế tự động kết nối lại đến module khác trong luồng xử lý nghiệp vụ. - Ứng dụng chạy dạng OS service (có khả năng tự bật khi OS restart) và khi ứng dụng down phải có cơ chế tự động khôi phục. - Luồng nghiệp vụ lỗi được hiểu là down ứng dụng hoặc ứng dụng vẫn chạy nhưng không có kết nối nên không xử lý nghiệp vụ.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_61	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có cơ chế đảm bảo đồng bộ dữ liệu giữa các module, phân hệ trong các hệ thống khác nhau trong cùng 1 luồng nghiệp vụ. Có khả năng tự rollback/retry để đảm bảo tính đồng bộ tự động mà không cần tác động thủ công.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_62	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Mô tả rõ cơ chế đồng bộ trong luồng nghiệp vụ, cơ chế retry, cơ chế tự khắc phục lỗi mất đồng bộ trong luồng nghiệp vụ đó.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_63	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Giới hạn số lượt retry được phép thực hiện theo + Tính trên request. Ví dụ: tối đa 1 request được retry 3 lần + Tính trên client. Ví dụ: một client được phép retry tối đã 10% số lượng request + Giám sát số lần retry trên từng tác vụ, khi số lượng retry tăng đến một ngưỡng, có thể thiết lập chế độ phản hồi lỗi: "Quá tải, không thử lại"	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_64	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Có khả năng khôi phục lại dịch vụ/dữ liệu khi bị lỗi: Có giải pháp retry theo yêu cầu nghiệp vụ trong các trường hợp mất kết nối bên trong và bên ngoài hệ thống.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_65	Đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán	Cho phép khôi phục dữ liệu từ các bản sao lưu gần nhất.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_66	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Sản phẩm khi phát triển tuân thủ tiêu chuẩn Cloud-Native theo Quyết định số 2112/QĐ-VTS ban hành ngày 23/03/2023 và Bộ tiêu chuẩn Kiến trúc công nghệ phần mềm (TC.VTS.R&D.02 ban hành ngày 01/04/2023)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_67	Đảm bảo tiêu chuẩn Cloud Native	Đạt tối thiểu mức độ trung bình (level 3) về mức độ áp dụng CICD theo hướng dẫn HD.CNVTQĐ.CNTT.35 hoặc văn bản thay thế tương đương: Văn hóa & cách thức tổ chức: - Xóa dần ranh giới dev/ops, DBA,CM,Operations dần trở thành một phần của team hoặc ít nhất thường xuyên làm việc với team - Áp dụng agile cơ bản; - Mỗi team một backlog; Công việc được sắp xếp thứ tự ưu tiên - Release sau mỗi sprint - Có thực hiện đánh giá định kỳ 6 tháng các vấn đề về bảo mật. Thiết kế & Kiến trúc (Design & Architecture): - Quản lý API - Quản lý Library - File config ETL jobs được lưu trong SCM - File config được tự động test và chuyển giao đến "ETL Tools" khi commit - Áp dụng Feature Toggle (Feature Hiding/Feature Flag) - Phân rã microservices từ module, Áp	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		dụng Branch by Abstraction Quản lý Source (SC): - Code base được đánh phiên bản - Thực hiện committest - Luôn đảm bảo bản build từ nhánh tích hợp về cơ bản là chạy được (đảm bảo commit test) - Đối với Dev done nghĩa là code đã pass unit test và automated functional test Quản lý dữ liệu (Data Management): - Thay đổi tới datastore được kiểm soát và đánh phiên bản - Feature engineering thực hiện thủ công - Chỉ thực hiện Feature engineering khi cần huấn luyện lại mô hình ML Kiểm thử (Test + QA): - Có môi trường test tương tự production - Độ phủ unit test đảm bảo 50% code base - Review chéo code - Test liên tục trong quá trình làm, không dồn về cuối - Định kỳ quét, phân tích chất lượng source code tĩnh - Kiểm thử hiệu năng, bảo mật thủ công - Kiểm thử chức năng tự động(với tất cả các luồng nghiệp vụ chính), Tester không cần tập trung chính vào kiểm thử hồi quy - Thực hiện quét ATTT Build: - Điều khiển việc build qua cấu hình trên Source Control, tự động kích hoạt build khi commit, không dùng cơ chế polling từ CI Server - Bản Build được quản lý bởi công cụ, đánh phiên bản tự động - Chỉ build 1 kiểu, tạo ra 1 kết quả duy nhất không phụ thuộc vào mục đích sử dụng bản		

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		build cho môi trường test/production) Quản lý Cấu hình (Configuration management): - Toàn bộ cấu hình được quản lý trong SCM (scripted config changes) Quản lý huấn luyện ML model (Model Training Management): - Không sử dụng "Automated ML Pipeline", model retraining được thực hiện thủ công - Lưu trữ và đánh phiên bản cho tất cả các ML model sau mỗi lần huấn luyện Triển khai (Deployment): - Tự động deploy lên môi trường test - Nhấn nút (push button) để deploy lên môi trường production sau khi kiểm thử thành công (đảm bảo pass unit test, automation test, security test) trên môi trường staging Thông tin & báo cáo (Info & Report): - Có chỉ tiêu đánh giá cơ sở - Đo lường các chỉ tiêu - Báo cáo chất lượng được lập lịch để báo cáo định kỳ - Team + những người liên quan xem được báo cáo - Người ngoài dự án có thể đăng ký (subscribe) nhận kết quả build - Có thể xem được lịch sử báo cáo - Có thể trace thông tin đến pipeline		
PCN_68	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có bản Design các công nghệ đặc thù (storm, dpdk, sr-iov...) với version tương ứng	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_69	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có tài liệu đánh giá tính sẵn sàng với cloud native, như: khả năng Containerize và khả năng tích hợp với Container Orchestration Engine (như Kuberenetes)	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ha da ky; 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_70	Đảm bảo về tài liệu kiến trúc	Có đầy đủ các tài liệu về Design kiến trúc, mô hình triển khai, mô hình phân rã chức năng, hướng dẫn vận hành hệ thống. Biểu diễn dưới dạng các diagram, đầu vào, đầu ra và chuẩn giao tiếp. Có tài liệu đặc tả yêu cầu hoặc tài liệu Phân tích yêu cầu phần mềm.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_71	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Hệ thống tuân thủ theo các tiêu chuẩn giám sát dịch vụ theo phụ lục. Toàn bộ Lisence, KPI, tham số sizing, năng lực của hệ thống phải được giám sát. Việc giám sát thực hiện tập trung đẩy cảnh báo giám sát lên NOCPRO. Nội dung chi tiết các tiêu chí cần giám sát tối thiểu trong "PL_VHKT.08_Checklist danh gia Giam sat". Hệ thống giám sát do đơn vị phát triển đưa ra và được tích hợp lên hệ thống nocpro.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_72	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển đảm bảo hỗ trợ việc quản trị qua giao diện dòng lệnh (SSH, Telnet,…) và hỗ trợ giao thức SNMP ver2c trở lên.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_73	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp đầy đủ các công cụ hỗ trợ vận hành, giám sát, cảnh báo hệ thống: cung cấp các giao diện, web service để có thể chủ động giám sát tình trạng của dịch vụ (health check chủ động)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_74	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Cung cấp công cụ tập trung cho phép xuất toàn bộ các trạng thái của các tiến trình, hệ điều hành trong vòng 1 tháng phục vụ cho công tác kiểm tra hệ thống khi có lỗi xảy ra.	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_75	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Đối với từng Module trong hệ thống, giám sát online được các thông số tại từng thời điểm: số lượng giao dịch tải đầu vào/khả năng đáp ứng, thời gian xử lý từng giao dịch/KPI cho phép, tổng số giao dịch xử lý	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		lỗi/tổng giao dịch vào, tổng số giao dịch xử lý thành công/tổng giao dịch vào.		
PCN_76	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Quản trị hệ thống có thể thay đổi được các tham số nghiệp vụ hệ thống, ngưỡng đáp ứng của hệ thống, đa ngôn ngữ, tiền tệ…	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_77	Tiêu chuẩn giám sát ứng dụng	Sản phẩm khi phát triển phải có khả năng tích hợp linh hoạt cho phép sẵn sàng tích hợp với các hệ thống giám sát, quản lý tập trung (Đối với các sản phẩm phục vụ nội bộ trong TĐ là hệ thống AOM, MM, IIM,… của VTNet)	M	ĐẠT: Đáp ứng các tiêu chí theo Checklist KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng các tiêu chí theo Checklist
PCN_78	Tiêu chuẩn KPI	Toàn bộ các tính năng chính của hệ thống phải có quy định KPI về tốc độ xử lý và tỷ lệ giao dịch thành công. Các con số này phải phân biệt vào đo được trên từng module xử lý khác nhau. Có quy định KPI và đưa KPI lên hệ thống báo cáo, giám sát KPI. Có cấu hình test/đo KPI tự động trên các công cụ như jmeter, SoapUI… của toàn bộ các chức năng đo KPI phục vụ test, kiểm thử hiệu năng sau khi nâng cấp.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_79	Tiêu chuẩn KPI	Hệ thống đo KPI có giao diện phục vụ việc theo dõi giám sát toàn bộ KPI cho các giao dịch chính của ứng dụng thể hiện được ngưỡng trên dưới và cảnh báo khi KPI sụt giảm hoặc tăng vọt so với ngưỡng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_80	Tiêu chuẩn KPI	Có các báo cáo KPI phân tích xu thế chất lượng hệ thống để cảnh báo sớm. Cho phép so sánh KPI với giá trị trước 5 phút, 1 tiếng, thời gian cùng ngày, thời gian cùng tuần	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_81	Tiêu chuẩn KPI	Đảm bảo các tiêu chí tích hợp KPI, KQI tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) ban hành ngày 30/09/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_82	Các tiêu chuẩn khác	- Sử dụng VSA tập trung quản lý, phân quyền người dùng: + Với hệ thống là nội bộ Tập đoàn, đăng nhập người dùng cán bộ nhân viên Viettel bắt buộc phải xác thực SSO (hệ thống xác thực và đăng nhập tập trung của Tập đoàn). + Với hệ thống cho khách hàng ngoài, không yêu cầu xác thực SSO (SSO: single sign on - hệ thống đăng nhập tập trung của Tập đoàn). - Thời gian khởi động (start) khôi phục toàn bộ dịch vụ trong trường hợp sự cố hạ tầng hàng loạt kể từ thời điểm khắc phục <10p: Trong trường hợp lỗi mạng, lỗi hạ tầng ... Ảnh hưởng đến toàn bộ các node ứng dụng thì thời gian khởi động (start) hoàn toàn dịch vụ không quá 10p kể từ khi khắc phục. - Ứng dụng trong suốt với người sử dụng. Người sử dụng không cần sử dụng user ứng dụng trong quá trình VHKT: Cần tích hợp lên hệ thống NIAM trước khi bàn giao, hoặc có giải pháp khác đảm bảo. - Đảm bảo không có tiến trình chạy ngầm hoặc đặt job chạy trên database, crontab trên server nhưng không giám sát được: Toàn bộ các thành phần của ứng dụng phải giám sát được.	O	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_83	Các tiêu chuẩn khác	Quản lý tập trung cho việc thực hiện toàn bộ các công việc cấu hình, tác động hệ thống bao gồm: Start, stop tiến trình, cấu hình tham số tiến tình, ứng dụng.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_84	Các tiêu chuẩn khác	Có module tập trung để quản trị, khai báo các thay đổi trong hệ thống (ví dụ như OSS của viễn thông, CMS...). Trên giao diện này cho phép: + Thay đổi, cấu hình được các tham số như chính sách, danh mục, các ngưỡng trên	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		các module,... + Reload các tham số cấu hình hệ thống như sản phẩm, gói cước, chương trình khuyến mại, và dữ liệu danh mục mà không cần phải khởi động lại hệ thống. + Cấu hình, hiển thị được toàn bộ các cảnh báo, lỗi trên toàn bộ hệ thống. Cho phép tạo định nghĩa và phân loại mức độ các cảnh báo. + Giám sát được hoạt động ứng dụng online, nhìn cảnh báo online qua màn hình, âm thanh, email, sms. + Có các báo cáo về KPI chi tiết, tổng hợp. + Có giao diện, giao thức cho phép các hệ thống khác truy nhập vào để lấy các thông tin như cảnh báo,...		
PCN_85	Yêu cầu đảm bảo quản trị dữ liệu nhạy cảm (DLNC)	Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập theo Điều 7 Quy định 2187/QĐ-CNVTQĐ về Dữ liệu nhạy cảm hoặc văn bản thay thế tương đương. Đối với hệ thống chứa DLNC - Hệ thống phải có đầy đủ danh sách quản trị viên, bao gồm IP, user và quyền hạn truy cập.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_86	Khả năng tương thích	Hệ thống hỗ trợ các loại trình duyệt phổ biến như Firefox và Chrome	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_87	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của trình duyệt: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới của trình duyệt không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_88	Khả năng tương thích	Hỗ trợ ứng dụng máy khách PC trên hệ điều hành tối thiểu Windows, Viettel OS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky, 08/01/2026 06:38:54

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_89	Khả năng tương thích	Hỗ trợ sử dụng được trên nền tảng di động Android và IOS (Việc để Loại yêu cầu là M/O tùy vào Design có giao diện Mobile/ PC/ Trình duyệt hay không)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_90	Khả năng tương thích	Hỗ trợ phiên bản mới của hệ điều hành mobile: Thời gian hệ thống cần nâng cấp đáp ứng các phiên bản mới không quá 2 tuần.	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
PCN_91	Khả năng tương thích	Hệ thống Website yêu cầu Design tương thích đa thiết bị (PC, Tablet, Mobile...)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về kiến trúc KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu kiến trúc
2	***Tính khả dụng***			
2.1	**Trải nghiệm người dùng (UX)**			
PCN_92	Đảm bảo trải nghiệm người dùng của sản phẩm tuân thủ theo Quy trình đảm bảo chất lượng sản xuất phần mềm (QT.VTS.QLCL.16.1.1) có hiệu lực từ ngày 01/10/2024 hoặc văn bản thay thế tương đương.	Sản phẩm đảm bảo tuân thủ theo PL06.QT.VTS.QLCL.16.1.1_Quy dinh danh gia tieu chi UX và các phụ lúc khác có liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm trong Quy trình QT.VTS.QLCL.16.1.1.	M	**ĐẠT**: Khi sản phẩm Tỉ lệ Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist và Không Fail 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. **KHÔNG ĐẠT:** + Khi sản phẩm Pass < 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist + Khi sản phẩm Pass >= 80% Theo phụ lục 06.1: UX Checklist nhưng Fail một trong 3 tiêu chí: UX_09; UX_23; UX_25. - Lưu ý: Nếu sản phẩm Fail tiêu chí UX_25 - Critical interaction issue (chứa lỗi rất nghiêm trọng/sản phẩm hỏng), bộ phận đánh giá UX có thể kết luận sản phẩm Không đạt UX mà không cần kiểm tra các tiêu chí khác.
3	**Độ khả dụng**			
PCN_93	Xác định độ khả dụng hệ thống theo guideline phân loại mức độ quan trọng hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin số GL.CNVTQĐ.CNTT.03 hoặc văn bản tương đương. *** Đơn vị cung cấp thông tin: Chu kỳ đánh giá (tuần/tháng/năm) và thời gian**	(Dựa trên thông số tính toán, đơn vị cung cấp độ khả dụng tại đây) - Chu kỳ đánh giá: 06 tháng - Thời gian downtime cho phép: 01 giờ - Mức độ khả dụng của hệ thống: ≥ 99,8%	M	ĐẠT: Đáp ứng CTKT KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	downtime của hệ thống để xác định độ khả dụng của hệ thống cho phép.			
4	**Yêu cầu về chất lượng mã nguồn**			
PCN_94	Tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn	Source code tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng mã nguồn tại HD.00.CNTT.22 văn bản tương đương, thay thế hiện hành.	M	Không còn lỗi Blocker, Critical.
5	***Tính hiệu quả***			
5.1	***Thời gian xử lý.*** *(Thời gian xử lý của các nhóm chức năng/chức năng hệ thống)*			
PCN_95	**Thời gian xử lý:** - Thời gian xử lý của giao dịch tính từ khi người dùng gửi yêu cầu giao dịch đến khi người dùng nhận kết quả trả về từ hệ thống. - Thời gian xử lý của chức năng là giá trị 95th tốc độ xử lý của giao dịch trên chức năng đó.	Ngoài các chức năng có yêu cầu đặc thù về tốc độ xử lý, tối thiểu tất cả các chức năng hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phản hồi theo bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ CNTT (TC_CNVTQĐ_CNTT_25 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành) của Tập đoàn hoặc tiêu chuẩn TC.VTS.QLCL.01 của TCT GPDN hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành. Đối với các sản phẩm dịch vụ Video và Call VoIP thực hiện theo bộ tiêu chuẩn chất lượng hiệu năng cho sản phẩm/dịch vụ Video và Call VoIP (TC.VTS.QLCL.19 hoặc văn bản thay thế tương đương hiện hành). Kịch bản kiểm thử với các tiêu chí đánh giá hiệu năng hệ thống cụ thể như sau:	M	
	Trường hợp test 01: 180 CCU			
PCN_96	Tìm kiếm danh sách API	-Tên chức năng: Tìm kiếm danh sách API - Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 2300 bản ghi	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		+ CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%		
PCN_97	Thêm mới API	- Tên chức năng: Thêm mới API - Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 2300 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_98	Danh sách các application	- Tên chức năng: Danh sách các application - Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 600 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_99	Danh sách Agent	-Tên chức năng: Danh sách Agent - Thời gian xử lý đối với chức năng ≤ 10s, với 30 CCU - Tỷ lệ giao dịch thành công >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 200 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_100	Thêm mới Agent	- Tên chức năng: Thêm mới Agent - Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 200 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%		
PCN_101	Xem chi tiết Agent	- Tên chức năng: Xem chi tiết Agent - Thời gian xử lý (s): <= 5s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 200 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
	Trường hợp test 02: 180 CCU			
PCN_102	Thống kê Số lượng API liên thông theo ngày	- Tên chức năng: Thống kê Số lượng API liên thông theo ngày - Thời gian xử lý (s): <=10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 18.200 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_103	Thống kê Số lượt truy vấn API theo ngày	- Tên chức năng: Thống kê Số lượt truy vấn API theo ngày - Thời gian xử lý (s): <=10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 18.200 bản ghi + CPU 95th percentile <=75%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		+ RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%		
PCN_104	Biểu đồ theo dõi hiệu năng CPU	- Tên chức năng: Biểu đồ theo dõi hiệu năng CPU - Thời gian xử lý (s): <=10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: không có bảng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_105	Biểu đồ theo dõi lượng sử dụng bộ nhớ	- Tên chức năng: Biểu đồ theo dõi lượng sử dụng bộ nhớ - Thời gian xử lý (s): <=10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: không có bảng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_106	Biểu đồ theo dõi số Dự án tích hợp	- Tên chức năng: Biểu đồ theo dõi số Dự án tích hợp - Thời gian xử lý (s): <=10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: 100 bản ghi + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_107	Biểu đồ thống kê số server hoạt động	- Tên chức năng: Biểu đồ thống kê số server hoạt động - Thời gian xử lý (s): <= 10s - Số lượng người dùng đồng thời (CCU): 30 - Tỷ lệ giao dịch thành công: >=98% - Số bản ghi trong cơ sở dữ liệu: không có bảng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu + CPU 95th percentile <=75% + RAM 95th percentile <= 90% + HDD 95th percentile <=80%	M	Kết quả Đạt:Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
5.2	**Khả năng đáp ứng:** Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được *(Số lượng người dùng/số lượng giao dịch đồng thời trên hệ thống* *Số tác vụ được thực hiện thành công trong 1 khoảng thời gian xác định)*			
PCN_108	Thông lượng hệ thống có thể đáp ứng được Năng lực về người dùng hoặc giao dịch hoặc dữ liệu mà hệ thống có thể đáp ứng được	Có đề xuất tài nguyên, tài liệu tính toán đảm bảo tải, tài nguyên đáp ứng theo yêu cầu	**M**	Kết quả Đạt: Hệ thống đáp ứng theo mục CTKT Kết quả Không đạt: Hệ thống thực hiện sai, khác so với mục CTKT
PCN_109	- Số người dùng tối đa hệ thống đáp ứng được.	Năm 2026 dự kiến hệ thống cung cấp dịch vụ cho 1785 người dùng.	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
PCN_110	- Số lượng người dùng đồng thời (CCU)	- Hệ thống có thể đáp ứng được 180 số người dùng đồng thời các chức năng của hệ thống.	M	ĐẠT: Hệ thống đáp ứng theo mục Yêu cầu KHÔNG ĐẠT: Hệ thống không đạt bất kì một YCKT nào
6	***Tính bảo mật:*** Đảm bảo tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn, hạ tầng, hệ Quản trị CSDL - Tuân thủ quy định ATTT, ANM cho các sản phẩm	Sản phẩm khi xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chí về tính bảo mật liên quan đến mức mã nguồn/hạ tầng/hệ quản trị CSDL - Đảm bảo sản phẩm sau khi phát triển phải tuân thủ toàn bộ các quy định về		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
	phần mềm theo Điều 34, 35, 36 của Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ Quyết định ban hành "Quy chế quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội"	ATTT và ANM cho các sản phẩm phần mềm theo Quyết định số 4631/QĐ-CNVTQĐ (hoặc văn bản thay thế, tương đương)		
6.1	***Chỉ tiêu phi chức năng ứng dụng***			
PCN_111	Lỗi phân quyền (Broken Access control)	Sản phẩm không có lỗi về phần quyền khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng leo thang đặc quyền, chiếm quyền giữa các tài khoản trong hệ thống. Kiểm tra các loại quyền: quyền dữ liệu, quyền thực thi chức năng, quyền truy cập	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_112	Xác thực (Authentication)	Sản phẩm không có lỗi về xác thực khi thực hiện việc: Kiểm tra khả năng xác thực, định danh người dùng trước khi truy cập vào dữ liệu hệ thống, thực thi các chức năng.	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_113	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra: - Sử dụng thư viện, Framework phiên bản cũ có lỗ hổng ATTT	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_114	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Sử dụng tài khoản mặc định hoặc cấu hình mặc định của thư viện, framework (không xác thực, không xóa bỏ các thư mục thừa không sử dụng)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_115	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Directory listning	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_116	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		hiện việc kiểm tra việc: CORS misconfiguration		
PCN_117	Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration)	Sản phẩm không có Lỗi sai cấu hình bảo mật (Secure misconfiguration) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Debug enable (Strace trace / Error message)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_118	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: SQL/NoSQL Injeciton	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_119	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Cross-Site Scripting (XSS)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_120	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Command Inection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_121	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: LDAP injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_122	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: XML Injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_123	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Template Injection (SSTI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_124	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Server-Side Request Forgery (SSRF)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_125	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: CSRF injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_126	Lỗi Chèn mã thực thi (Injection)	Sản phẩm không có Lỗi Chèn mã thực thi (Injection) khi thực hiện việc kiểm tra việc: Code injection	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_127	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Local file include (LFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_128	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Remote File include (RFI)	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_129	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Path tranversal / Directory tranversal	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_130	Lỗi tương tác với file	Sản phẩm không có Lỗi tương tác với file khi thực hiện việc kiểm tra việc: Lỗi Upload file không hợp lệ	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_131	Insecure Deserialization	Sản phẩm không có Insecure Deserialization khi thực hiện việc kiểm tra việc: Kiểm tra lỗi liên quan đến việc Deserialization dữ liệu không an toàn	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
PCN_132	Xử lý business logic	Sản phẩm không có Xử lý business logic khi thực hiện việc kiểm tra việc: - Đảm bảo ATTT trong xử lý business logic (công trừ tiền, nghiệp vụ hệ thống) - Đảm bảo ATTT khi sử dụng SMS/OTP: giới hạn số lần nhập mã sai; chỉ sinh mã mới khi mã cũ hết hiệu lực; giới hạn số SMS theo từng SĐT/ngày	M	Thực hiện đánh giá "ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu về an toàn KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu an toàn"
7	***Chỉ tiêu về Quản trị dữ liệu (Chỉ tiêu áp dụng cho các hệ thống từ mức Quan trọng được xác định theo Guideline phân mức độ quan trọng hệ thống UDCNTT số GL.CNVTQĐ.CNTT.03. Chỉ tiêu này không bắt buộc áp dụng với đối tượng là KH ngoài Viettel, căn cứ thực hiện theo HĐ cung cấp sản phẩm)***			
7.1	***Quản trị dữ liệu***			
PCN_133	Xác định dữ liệu trọng yếu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định dữ liệu trọng yếu và chủ sở hữu của dữ liệu	M	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*
PCN_134	Mô hình vận hành hoạt động Quản trị dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Xác định được các vai trò:	O	*ĐẠT: Đáp ứng CTKT* *KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng CTKT*

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		- Chủ sở hữu dữ liệu (Data owner) và Chủ sở hữu ứng dụng (Application owner) - Quản trị nghiệp vụ dữ liệu (Business Data Steward) - Quản trị kỹ thuật dữ liệu (Technical Data Steward)		
7.2	***Bảo mật dữ liệu***			
PCN_135	Khả năng phân cấp bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân cấp bảo mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_136	Khả năng phân loại bảo mật	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo danh mục dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_137	Khả năng phân loại dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân loại theo thuộc tính bí mật	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_138	Định nghĩa các vai trò (role) và phân quyền dữ liệu tương ứng	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được phân quyền theo vai trò	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_139	Làm mờ - masking dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Đảm bảo dữ liệu được mã hóa, làm mờ theo các theo quy định của đơn vị hoặc các yêu cầu nghiệp vụ liên quan	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_140	Sử dụng và chia sẻ dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log các luồng chia sẻ dữ liệu: nguồn, đích, thời gian, tần suất, hình thức chia sẻ, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_141	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log tác động truy cập dữ liệu gồm thông tin IP, tài khoản, thời gian, dữ liệu truy cập, phân cách nhau bởi dấu '|', mỗi phiên một dòng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_142	Khả năng giám sát & cảnh báo	Sản phẩm khi phát triển có Ghi log và có cảnh báo giao dịch bất thường: số lượng tài khoản truy cập dữ liệu vượt ngưỡng, số lượng giao dịch biến động bất thường…	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.3	***Chất lượng dữ liệu***			
PCN_143	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Toàn vẹn dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_144	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_145	Tính chính xác (Dữ liệu đúng với thực tế và đảm bảo chính xác cho các mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu thỏa mãn theo logic tính toán khác bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_146	Tính đầy đủ (Dữ liệu thu thập theo yêu cầu phải đầy đủ về số lượng so với nguồn)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Đảm dữ liệu luôn đầy đủ, không có giá trị null	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_147	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán ở các bảng khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_148	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán trong cùng 01 bản ghi	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_149	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Dữ liệu nhất quán giữa các bản ghi khác nhau trong cùng bảng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_150	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu nhóm đối tượng nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_151	Tính nhất quán (Không có sự mâu thuẫn của cùng một đối tượng dữ liệu trên một tập dữ liệu hay giữa các tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Xu hướng dữ liệu cả dataset nhất quán theo thời gian	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_152	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_153	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian có dữ liệu trong bảng đúng thời gian quy định theo từng nhóm đối tượng	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_154	Tính kịp thời (Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời đáp ứng cho mục đích sử dụng)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Thời gian của bảng phải thỏa mãn thời gian quy định trong 1 khoảng thời gian so với bảng nguồn	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_155	Tính duy nhất (Không tồn tại dữ liệu trùng lặp trong một tập dữ liệu)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Không có bản ghi trùng khóa chính trong dataset	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_156	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Loại dữ liệu của các trường phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_157	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_158	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Format định dạng của trường dữ liệu phải tuân theo theo format định dạng của một trường dữ liệu khác	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_159	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_160	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong cùng bảng dữ liệu	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_161	Tính hợp lệ (Dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ đúng định dạng, loại dữ liệu, miền giá trị theo Design)	Sản phẩm khi phát triển phải đảm bảo: Giá trị trường dữ liệu nằm trong phạm vi hợp lệ của trường dữ liệu khác, trong các bảng dữ liệu khác nhau	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.4	***Quản lý Siêu dữ liệu***			
PCN_162	Khả năng lưu trữ siêu dữ liệu (Đảm bảo mỗi đơn vị có 1 giải pháp lưu trữ kho siêu dữ liệu)	Xây dựng kho lưu trữ dữ liệu trọng yếu gồm 2 chức năng: - Bảng thuật ngữ nghiệp vụ - Từ điển dữ liệu	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
PCN_163	Kiến trúc siêu dữ liệu (Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc theo bộ tiêu chuẩn Siêu dữ liệu)	Kho siêu dữ liệu của đơn vị có thể lựa chọn các kiến trúc: - Kiến trúc tập trung - Kiến trúc phân tán - Kiến trúc hỗn hợp - Kiến trúc hai chiều	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_164	Đặc tả siêu dữ liệu (Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính cần có)	Phải đảm bảo lưu trữ đủ các thuộc tính: Thông tin đối tượng dữ liệu, Thông tin hệ thống, Thông tin luồng dữ liệu, Thông tin thuật ngữ nghiệp vụ	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_165	Quy ước đặt tên (Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên)	Phải có quy tắc đặt tên (ứng với các hệ thống tập trung & các hệ thống phát triển mới), việc đặt tên phải tuân theo quy tắc đặt tên	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
PCN_166	Định nghĩa dữ liệu (Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn)	Định nghĩa dữ liệu phải được đặt theo tiêu chuẩn	KĐG	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
7.5	***Lưu trữ và vận hành dữ liệu***			
PCN_167	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có quyền DBA trên DB trừ user người quản trị	M	Đáp ứng checklist
PCN_168	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Không tồn tại user có các quyền SYS: SELECT any tables, Delete any tables, Insert any tables, Drop any tables, update any tables trên hệ thống	M	Đáp ứng checklist
PCN_169	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Khoá tất cả các tài khoản mặc định không sử dụng trên DB. Đối với các tài khoản mặc định cần sử dụng, phải thực hiện đổi mật khẩu	M	Đáp ứng checklist
PCN_170	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua	M	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		việc kiểm tra: Không sử dụng các tài khoản root trên OS (*nix) để cài đặt DB.		
PCN_171	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Mỗi user trên DB phải thiết lập ngưỡng giới hạn session xác định	M	Đáp ứng checklist
PCN_172	Giám sát và truy cập CSDL	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Giám sát và truy cập CSDL thông qua việc kiểm tra: Đảm bảo đưa DB lên hệ thống giám sát cảnh báo (cảnh báo được các thông số quan trọng của DB)	M	Đáp ứng checklist
PCN_173	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_174	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Thực hiện backup hàng ngày, lưu tối thiểu 03 bản/03 ngày Bản backup phải lưu ở disk group khác hoặc lưu ở FTP, hay server khác	M	Đáp ứng checklist
PCN_175	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Với các hệ thống DBQT, RQT: phải có DB DR. DB DR phải đặt ở site khác với site của DB chạy chính	M	Đáp ứng checklist
PCN_176	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các tablespace lớn, lưu dữ liệu log phải chia partition và tự động truncate dữ liệu cũ (xoay vòng dữ liệu)	M	Đáp ứng checklist
PCN_177	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	O	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		thông qua việc kiểm tra: Định dạng tên partition đối với các bảng đánh partition theo thời gian DATAyyyy, DATAyyyymm hoặc DATAyyyymmdd tùy theo loại partition theo năm, tháng hay ngày		
PCN_178	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Drop tất cả các bảng không sử dụng, các bảng của user cá nhân cần đặt	M	Đáp ứng checklist
PCN_179	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Toàn bộ các object không có trong định nghĩa trong tài liệu Design CSDL phải xóa khỏi hệ thống (trừ các object mặc định của hệ thống).	M	Đáp ứng checklist
PCN_180	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu tải phải đo đếm và giám sát được, có kpi iops < 80%	M	Đáp ứng checklist
PCN_181	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Các phân vùng lưu trữ dữ liệu có hiệu suất sử dụng dung lượng nhỏ hơn 80%, đối với dữ liệu chính của cơ sở dữ liệu phải được lưu trữ trên SAN	M	Đáp ứng checklist
PCN_182	Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Sao lưu, duy trì, lưu trữ và dọn dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Phân vùng lưu trữ dữ liêu, backup, log là các phân vùng khác nhau	M	Đáp ứng checklist
PCN_183	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Đối với DB	O	Đáp ứng checklist

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
		hệ thống ĐBQT, RQT: Phải có DB DR. DB DR phải đặt tại site khác với site của DB chạy chính. Năng lực DR tương đương với primary Có biên bản chứng minh năng lực của DR thông qua các kịch bản kiểm thử chạy hoàn toàn trên DR.		
PCN_184	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Database chạy cơ chế dự phòng active-active, ứng dụng kết nối đảm bảo khả năng load balance và fail-over trên database	M	Đáp ứng checklist
PCN_185	Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu	Sản phẩm khi phát triển được đánh giá việc Khả năng tự sửa lỗi và khôi phục dữ liệu thông qua việc kiểm tra: Lịch định kỳ kiểm thử khả năng khôi phục có phân loại tần suất thực hiện của các hệ thống dịch vụ theo mức độ quan trọng ví dụ: - Các hệ thống CNTT mức độ Đặc biệt quan trọng (Critical) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 1 lần/ năm - Các hệ thống CNTT quan trọng mức cao (High) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 2 năm/ lần - Các hệ thống CNTT quan trọng mức độ trung bình và thấp (Medium và Low) được kiểm thử khôi phục tối thiểu 3 năm / lần	M	Đáp ứng checklist
III	***Chỉ tiêu về cam kết, dịch vụ và các yêu cầu khác***			
III.1	***Yêu cầu tài liệu bàn giao VHKT***			
YCK_1	Tài liệu database design	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục II.3). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL13 (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ) hoặc biểu mẫu BM.03.QT.VTS.CNTT.02 (QT.VTS.CNTT.02).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Chỉ tiêu kỹ thuật	Loại yêu cầu (M: bắt buộc / O: lựa chọn)	Kết quả mong muốn (Đạt và Không đạt)
YCK_2	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục IV. Tài liệu hướng dẫn sử dụng). *Biểu mẫu tài liệu tham khảo BM.06.QT.VTS.CNTT.02_Tai lieu Huong dan su dung (QT.VTS.CNTT.02).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_3	Tài liệu kiểm thử và SLA	Đảm bảo các nội dung theo PL01. Checklist đánh giá Tài liệu (mục V. Tài liệu kiểm thử và SLA) *Biểu mẫu tài liệu tham khảo PL16_Mau bieu Testcase (quy định 1033/QĐ-CNVTQĐ).*	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
YCK_4	Tài liệu LLD (Low Level Design)	Tài liệu LLD (Low Level Design)	M	ĐẠT: Đáp ứng chỉ tiêu KHÔNG ĐẠT: Không đáp ứng chỉ tiêu
III.2	**Unit test**	Code coverage tối thiểu 50% đối với code mới (Chỉ tính với đầu việc phát triển)	M	Đạt: Đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật. Không đạt: Không đáp ứng theo chỉ tiêu kỹ thuật.

1.2.4.3. Sản phẩm bàn giao

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm/ Tài liệu bàn giao	Số lượng
1	Phần mềm Hệ thống Trục chuyển mạch Y tế	Mã nguồn (SourceCode) tương ứng với SourceCode mới nhất đang triển khai trên Server khách hàng đã qua kiểm thử nội bộ, UAT và đảm bảo các yêu cầu Chức năng, ATTT ứng dụng, Mã nguồn, UIUX, Hiệu năng, Unit test theo quy định của Viettel	Ghi 03 đĩa
	Tài liệu bàn giao	Tài liệu Database Design	
		Tài liệu Hướng dẫn sử dụng (User Guide)	
		Tài liệu kiểm thử và SLA	
		Tài liệu LLD (Low Level Design)	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm/ Tài liệu bàn giao	Số lượng
		Chuyển giao các tài liệu khác (nếu có)	

1.2. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1.2.1. *Giải pháp và phương pháp luận;*

1.2.2. *Kế hoạch công tác.*

1.3. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU, DỰ THẦU VÀ HỢP ĐỒNG

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)	Biểu mẫu đính kèm	X	
2	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
3	Mẫu số 02A.1. Bản cam kết tính hợp lệ (áp dụng với Nhà thầu là tổ chức)			X
4	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
5	Mẫu số 02B.1. Bản cam kết tính hợp lệ (áp dụng với Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
6	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
7	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm		X
8	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
9	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Biểu mẫu đính kèm		X
10	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
11	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
12	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
13	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
14	Mẫu số 07. Hợp đồng cung dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
15	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
16	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
17	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
18	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
19	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
20	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X
21	Mẫu số 16. Thư chấp thuận E-HSDT và trao Hợp đồng		X	
22	Mẫu số 17: Ủy quyền			X
23	Mẫu số 18: Mẫu hợp đồng		X	

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 01A

PHẠM VI CUNG CẤP

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phát triển các tính năng phần mềm thuộc Hệ thống giải pháp dữ liệu y tế - giai đoạn 02	Theo quy định tại Chương III	01	Gói	TP. Hà Nội	Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 110 (Một trăm mười) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian bàn giao sơ bộ: Trong vòng 80 (Tám mươi) ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành các nội dung công việc để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 02A

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày:___ *[Nhà thầu điền thông tin]*

Tên gói thầu: ___ *[Nhà thầu điền thông tin]*

Kính gửi: ___ *[Tên Chủ Đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ *[Nhà thầu điền thông tin]*, Mã số thuế: ___ *[Nhà thầu điền thông tin]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Nhà thầu điền thông tin]* số E-TBMT:___ *[Nhà thầu điền thông tin]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Nhà thầu điền]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Nhà thầu điền thông tin* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ____ *[Nhà thầu điền thời gian hiệu lực của E-HSDT phù hợp với quy định tại Mục 17.1 E-CDNT]*

Bảo đảm dự thầu[*]: ___ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu phù hợp với quy định tại Mục 18.2 E-CNDT]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu[(2)]: ____ *[ghi thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu phù hợp với quy định tại Mục 18.2 E-CDNT]*.

[*] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 02A.1

BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ

(Kèm theo đơn dự thầu đối với Nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ___

Tên gói thầu: [*Nhà thầu điền tên gói thầu*].

Kính gửi: [*Nhà thầu điền tên Chủ đầu tư*].

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___, Mã số thuế: ___ cam kết:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; Đối với hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; Đối với hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Có tên trong Danh sách ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngắn.

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy chế LCNT khác khi tham dự gói thầu này;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT của E-HSMT;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng [(2)].

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng."

434998_Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 02B

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân)

Ngày:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ *[Đối với nhà thầu là cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* số E-TBMT:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Hệ thống tự động tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Bảo đảm dự thầu[*]: ___ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu[(2)]: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

[*] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 02B.1

BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ

(Kèm theo đơn dự thầu đối với Nhà thầu là cá nhân)

Ngày: ___

Tên gói thầu: [*Nhà thầu điền tên gói thầu*].

Kính gửi: [*Nhà thầu điền tên Chủ đầu tư*].

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___, Mã số thuế: ___ cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

2. Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự [(1)];

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy chế LCNT khác khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT của E-HSMT;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng[(2)].

Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng."

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH[(1)]

Ngày: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc Dự án/khoản đầu tư: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ [(2)]____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[(2)]____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ *Hệ thống tự động trích xuất]* với số E-TBMT:__ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[(3)]:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia và ký các văn bản quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây [(4)]:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh *(Hệ thống tự động trích xuất)*	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)]

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 04A

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-CDNT]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là_____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc Dự án/khoản đầu tư____ *[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___ [(2)] ngày, kể từ ngày____ tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[(4)] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu rút E-HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CNDT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 04B

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-CDNT]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là____ *[ghi tên nhà thầu][(2)]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ____ *[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* theo Thư mời thầu/ E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[(3)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[(4)].

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[(5)] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-CDNT**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 05A

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN (1)

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng(3)	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II(2)			
1. Loại dịch vụ	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện(3)	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
3. Quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 06A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại, nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	*[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
…		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 06B

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	**Tên**	**Căn cước công dân/Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Fax/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 06C

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN(1)

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	…	…	…
2				
…	…			

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 QCLCNT.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ(1)

Tên nhà thầu: _____
Ngày: _____
Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương II

☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ:_____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 08

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ *(nhà thầu điền nội dung này)*		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) [2]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 09A

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[(1)]

STT	Tên nhà thầu phụ[(2)]	Phạm vi công việc[(3)]	Khối lượng công việc[(4)]	Giá trị % ước tính[(5)]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ[(6)]
1					
2					
3					
4					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Tổng Giám đốc Nguyễn Mạnh Hồ đã ký, 08/01/2026 06:38:54
Tổng Giám đốc Nguyễn Tùng_ 09:30 08/01/2026
Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 09B

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU(1)

STT	Tên công ty con, công ty thành viên(2)	Công việc đảm nhận trong gói thầu(3)	Giá trị % so với giá dự thầu(4)	Ghi chú
1				
2				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

434998_Dao Nguyen Tung_09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 10A

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C.

Cột (8): Nhà thầu điền

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 11A

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1						
2						
...						
Tổng cộng: *[Hệ thống tự tính]*						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5 thầu): Nhà điền tương ứng với Mẫu số 01A.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

Mẫu số 12

BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo(1)	□	□
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Quy chế LCNT mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây(2)	□	□

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào "Có" nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn "Có" thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 16

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[điền tên Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___ năm___ của _____ *[điền tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[điền tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____ *[điền tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì điền tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là _____ *[điền giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là___ *[điền thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm[2]____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Chương IV của E-HSMT với số tiền___ và thời gian hiệu lực___ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian hiệu lực]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___[3] mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư…) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 17

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* thuộc Dự án/khoản đầu tư____*[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* do ____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng ....][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng,… và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 18

MẪU HỢP ĐỒNG
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------oOo---------

HỢP ĐỒNG PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

Số: .....

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ký giữa hai Bên ngày tháng năm ;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,*

Hôm nay, ngày ……. tháng ……..năm ……, tại Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ: TỔNG CÔNG TY GIẢI PHÁP DOANH NGHIỆP VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Địa chỉ:_____Số 1 đường Trần Hữu Dực, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: 0100109106-476 _____

Đại diện là ông: _____

Chức vụ:_____

(Theo Giấy ủy quyền số ... ký ngày …… tháng ... năm ….).

BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ: .....

Địa chỉ:_____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tài khoản: _____

Mã số thuế:_____

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.*

Bên thuê dịch vụ và Bên cung ứng dịch vụ sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên"

Sau khi bàn bạc, các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng phát triển phần mềm với các nội dung sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "Hợp đồng" là sự thỏa thuận giữa Bên thuê dịch vụ và Bên cung ứng dịch vụ, được thể hiện bằng văn bản này, được hai Bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

1.2. "Giá trị hợp đồng" là tổng số tiền mà Bên thuê dịch vụ phải trả cho Bên cung ứng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng.

1.3. "Dịch vụ"/ "Phần mềm"/"Hệ thống"/"Sản phẩm" là các hạng mục thuộc phạm vi cung cấp quy định tại Hợp đồng này mà Bên cung ứng dịch vụ phải cung cấp cho Bên thuê dịch vụ.

1.4. "KPI" là bộ chỉ số đánh giá thực hiện công việc do Bên thuê dịch vụ ban hành, áp dụng cho việc đánh giá hiệu quả đối tác thuê ngoài phát triển phần mềm.

1.5. "Ngày" là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.6. "Ngày làm việc" là ngày dương lịch, trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi cung cấp của Hợp đồng

Bên thuê dịch vụ đồng ý thuê và Bên cung ứng dịch vụ đồng ý thực hiện phát triển phần mềm theo danh mục, số lượng, giá cả, tiêu chuẩn và/hoặc chỉ tiêu, yêu cầu kĩ thuật quy định tại các phụ lục đính kèm.

Các Phụ lục và tài liệu là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

Điều 3. Thành phần của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý:

3.1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);

3.2. Biên bản thương thảo Hợp đồng;

3.3. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ của Bên cung ứng dịch vụ (nếu có);

3.4. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi (nếu có);

3.5. Thỏa thuận bảo mật thông tin được ký bởi hai Bên

3.6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê dịch vụ

4.1. Yêu cầu Bên cung ứng dịch vụ viết giải pháp, phát triển, kiểm thử và thực hiện các yêu cầu phi chức năng phần mềm tại địa điểm do Bên thuê dịch vụ chỉ định theo phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 01và theo đúng tiến độ thực hiện như quy định trong Hợp đồng.

4.2. Theo quyết định của Bên thuê dịch vụ cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan, cần thiết đảm bảo cho Bên cung ứng dịch vụ đủ điều kiện để thực hiện công việc.

4.3. Yêu cầu, hướng dẫn Bên cung ứng dịch vụ trong quá trình triển khai công việc. Yêu cầu Bên cung ứng dịch vụ báo cáo tiến độ công việc hàng tuần hoặc hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu.

4.4. Phối hợp với Bên cung ứng dịch vụ nghiệm thu kỹ thuật sau khi các công việc đã được thực hiện, các kết quả đã được chuyển giao, đáp ứng yêu cầu đề ra trong Phụ lục.

4.5. Phối hợp với Bên cung ứng dịch vụ, cử cán bộ có kinh nghiệm mô tả bài toán nghiệp vụ cho Bên cung ứng dịch vụ để Bên cung ứng dịch vụ nắm được yêu cầu công việc Bên thuê dịch vụ giao. Giải đáp thắc mắc về nghiệp vụ cho Bên cung ứng dịch vụ, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công việc Bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện theo Hợp đồng.

4.6. Thông báo các quy định của Bên thuê dịch vụ có liên quan đến công việc để Bên cung ứng dịch vụ tuân thủ và đảm bảo chất lượng công việc theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ.

4.7. Có quyền yêu cầu Bên cung ứng dịch vụ thay đổi nhân sự trong trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu của Bên thuê dịch vụ.

4.8. Có quyền tạm dừng dịch vụ trong trường hợp Bên thuê dịch vụ phát hiện hoặc có bằng chứng cho thấy việc tiếp tục sử dụng Dịch vụ của Bên cung ứng dịch vụ xâm phạm quyền và lợi ích của bên thứ ba hoặc có thể dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện của bên thứ ba. Trong trường hợp này, Bên thuê dịch vụ có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên cung ứng dịch vụ đã không thực hiện. Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên thuê dịch vụ có quyền yêu cầu và trong trường hợp đó, Bên cung ứng dịch vụ sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên thuê dịch vụ những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này.

4.9. Thanh toán cho Bên cung ứng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng.

4.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cung ứng dịch vụ

5.1. Cam đoan và bảo đảm rằng:

(i) Bên cung ứng dịch vụ có đầy đủ năng lực, quyền hạn, thẩm quyền và các chấp thuận cần thiết để ký kết và thực hiện Hợp đồng này;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(ii) Việc thực hiện và tuân thủ các Điều khoản của Hợp đồng này không mâu thuẫn với hoặc cấu thành vi phạm theo bất kỳ Điều khoản nào của:

- Bất kỳ thỏa thuận nào đã được ký kết bởi Bên cung ứng dịch vụ; hoặc
- Các giấy phép, chứng nhận thành lập, Điều lệ của Bên cung ứng dịch vụ; hoặc
- Bất kỳ lệnh, phán quyết, nghị định hoặc quy định nào hoặc bất kỳ sự hạn chế nào mà Bên cung ứng dịch vụ bị ràng buộc.

(iii) Bên cung ứng dịch vụ đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tham vấn, thông báo, báo cáo và đã đạt được các chấp thuận, phê duyệt cần thiết cho việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Bên cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật liên quan;

(iv) Thực hiện đầy đủ các thủ tục, các trách nhiệm của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân/ Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân/ Bên Xử lý dữ liệu cá nhân đối với chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật; đảm bảo có đủ cơ sở để hai bên thực hiện các hoạt động theo Hợp đồng này là hợp pháp. Bên thuê dịch vụ có thể thay mặt Bên cung ứng dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân để phục vụ cho việc thực hiện Hợp đồng này hoặc cho các mục đích liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, quản lý Hợp đồng. Bằng việc ký kết Hợp đồng này, Bên cung ứng dịch vụ cũng như những cá nhân có liên quan đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Chính sách Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên thuê dịch vụ được quy định và cập nhật tại từng thời điểm tại https://solutions.viettel.vn/. Bên cung ứng dịch vụ cam kết chỉ thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân theo đúng Hợp đồng giữa Bên cung ứng dịch vụ và Bên thuê dịch vụ và tuân thủ đúng quy định pháp luật, quy định của Bên thuê dịch vụ/Viettel về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

(v) Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc bên thứ ba liên quan đến các vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện bao gồm nhưng không giới hạn phạm vi liên quan đến Hợp đồng này, Bên cung ứng dịch vụ đảm bảo cung cấp cho Bên thuê dịch vụ hồ sơ, tài liệu, căn cứ để chứng minh Bên cung ứng dịch vụ đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bên cung ứng dịch vụ chịu trách nhiệm trong trường hợp có khiếu nại, khiếu kiện do hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc vi phạm quy định của Hợp đồng của mình gây ra.

(vi) Không có bất kỳ cản trở, cam kết nào có thể hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng này;

(vii) Trong quá trình đàm phán và ký kết Hợp đồng này, tất cả các thông tin được Bên cung ứng dịch vụ cung cấp là đúng, chính xác và đầy đủ hoặc không gây hiểu lầm quan trọng cho Bên thuê dịch vụ.

5.2. Đảm bảo nhân sự thực hiện Hợp đồng có đủ năng lực, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc, theo đúng quy định của Hợp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đồng. Thay đổi nhân sự trong trường hợp Bên thuê dịch vụ cho rằng nhân sự không đáp ứng yêu cầu của Bên thuê dịch vụ.

5.3. Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật, hạ tầng để thực hiện yêu cầu công việc theo quy định của Hợp đồng.

5.4. Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn ATTT hiện hành của Bên thuê dịch vụ.

5.5. Tiến hành viết giải pháp, phát triển, kiểm thử và thực hiện các yêu cầu phi chức năng phần mềm tại địa điểm do Bên thuê dịch vụ chỉ định theo phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 01,theo đúng tiến độ thực hiện và KPI như quy định trong Hợp đồng.

5.6. Hoàn thành đúng tiến độ công việc do Bên thuê dịch vụ đưa ra, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, bàn giao đầy đủ sản phẩm, mã nguồn phần mềm, tài liệu theo quy định của Hợp đồng.

5.7. Bên cung ứng dịch vụ phải nỗ lực hết sức để hoàn thành KPI trong thời hạn đã thỏa thuận nêu tại Hợp đồng. Trường hợp Bên cung ứng Dịch vụ không hoàn thành KPI, Bên cung ứng dịch vụ sẽ chịu mức phạt vi phạm tương ứng theo quy định tại Điều 14 Hợp đồng này.

5.8. Thực hiện theo các yêu cầu, hướng dẫn của Bên thuê dịch vụ trong quá trình triển khai công việc. Báo cáo tiến độ công việc theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ.

5.9. Bảo hành hệ thống phần mềm theo đúng quy định tại Điều 12 của Hợp đồng.

5.10. Phối hợp với Bên thuê dịch vụ nghiệm thu kỹ thuật sau khi các công việc đã được thực hiện, các kết quả đã được chuyển giao và đáp ứng yêu cầu đề ra trong Phụ lục.

5.11. Đảm bảo phần mềm được phát triển không vi phạm bản quyền của bất kỳ bên thứ ba nào và chỉ dùng riêng cho Bên thuê dịch vụ.

5.12. Không có hành vi xâm phạm hoặc gây thiệt hại dưới mọi hình thức tới sản phẩm, tài sản sở hữu trí tuệ, thương hiệu và uy tín của Bên thuê dịch vụ.

5.13. Không được có bất kỳ hành vi nào hoặc không để bất cứ bên thứ ba nào đăng nhập trái phép hoặc tìm cách đăng nhập trái phép hoặc gây thiệt hại hoặc thay đổi (không được sự đồng ý của Bên thuê dịch vụ) cho Hệ thống/dữ liệu của Bên thuê dịch vụ.

5.14. Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm phản hồi các văn bản do Bên thuê dịch vụ gửi theo thời hạn được ghi trong văn bản đó. Nếu Bên cung ứng dịch vụ không phản hồi trong thời hạn đó được hiểu là Bên cung ứng dịch vụ hoàn toàn đồng ý với các nội dung của văn bản do Bên thuê dịch vụ gửi. Bên cung ứng dịch vụ đảm bảo thực hiện theo đúng nội dung của văn bản.

5.15. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổng giá trị Hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

6.1. Tổng giá trị Hợp đồng là: ..... VNĐ *(Bằng chữ: ...../.)*

Cụ thể :

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Phát triển các tính năng phần mềm thuộc Hệ thống giải pháp dữ liệu y tế - giai đoạn 02	Gói	01		
Tổng cộng		***Bằng chữ: ...../.***			

Ghi chú: Dịch vụ phần mềm là đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Tổng giá trị Hợp đồng trên đây là giá trọn gói đã bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, chi phí tài liệu, hỗ trợ kỹ thuật, chỉnh sửa phát sinh, bảo hành và bất kỳ các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí khác (nếu có). Bên thuê dịch vụ không phải trả bất kỳ chi phí nào ngoài tổng giá trị Hợp đồng nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế theo quy định của pháp luật có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Bên cung ứng dịch vụ xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh tương ứng.

6.2 Thời hạn và phương thức thanh toán

6.2.1. Thời hạn thanh toán:

- Đợt 1: Bên thuê dịch vụ tạm ứng cho Bên cung ứng dịch vụ **30%** giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền **.....VNĐ** *(Bằng chữ: .....đồng./.)* trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên thuê dịch vụ nhận đủ bộ hồ sơ tạm ứng của Bên cung ứng dịch vụ bao gồm: Bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bảo đảm tạm ứng, Văn bản đề nghị tạm ứng.

- Đợt 2: Bên thuê dịch vụ thanh toán cho Bên cung ứng dịch vụ đến **95%** giá trị của Hợp đồng và khấu trừ hết tiền tạm ứng. Số tiền thực thanh toán sau khi đã khấu trừ hết tiền tạm ứng là: **.....VNĐ** *(Bằng chữ: .....đồng./.)* trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên thuê dịch vụ nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán bao gồm bản gốc của:
  - Văn bản đề nghị thanh toán;
  - Biên bản bàn giao phần mềm;
  - Biên bản nghiệm thu tổng thể;
  - Bảo lãnh bảo hành;
  - Hóa đơn tài chính hợp lệ;
  - Các tài liệu khác theo quy định của Hợp đồng.
- Đợt 3: Bên thuê dịch vụ thanh toán cho Bên cung ứng dịch vụ nốt giá trị còn lại của hợp đồng tương ứng với số tiền **.....VNĐ** *(Bằng chữ: .....đồng./.)* trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên thuê dịch vụ nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán bao gồm bản gốc của:
  - Văn bản đề nghị thanh toán;
  - Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

6.2.2. Phương thức thanh toán

Bên thuê dịch vụ thanh toán cho Bên cung ứng dịch vụ toàn bộ giá trị Hợp đồng theo phương thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam theo thông tin tài khoản như sau:

+ Công ty .....
+ Số tài khoản: ……..
+ Tại: Ngân hàng ……..

Điều 7. Loại Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 8. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện gói thầu: 110 (Một trăm mười) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

8.2. Thời gian bàn giao sơ bộ: Trong vòng 80 (Tám mươi) ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Bên cho thuê bàn giao phần mềm thành một hoặc nhiều đợt theo yêu cầu của Bên thuê, mỗi đợt không quá 30 ngày.

Các chỉ tiêu và yêu cầu danh sách chức năng phần mềm được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng.

8.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, do điều kiện thực tế hoặc lý do bất khả kháng theo quy định tại Điều 15 của Hợp đồng mà một Bên muốn thay đổi thời gian nêu trên thì phải gửi văn bản đề nghị cho Bên kia, Bên nhận được đề nghị sẽ tiến hành phân tích ảnh hưởng của thay đổi đối với toàn bộ quá trình thực hiện Hợp đồng. Trường hợp, Bên nhận được đề nghị chấp thuận thì các Bên sẽ thống nhất về các vấn đề thay đổi (kế hoạch triển khai, tiến độ thực hiện Hợp đồng). Các chi phí phát sinh do thay đổi do lỗi của Bên nào thì Bên đó phải chịu trách nhiệm thanh toán trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng.Trường hợp hai Bên không thể thống nhất về các vấn đề thay đổi nêu trên thì tiến độ thực hiện Hợp đồng sẽ tuân theo quy định của Hợp đồng.

Điều 9. Bàn giao và nghiệm thu

9.1. Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm bàn giao sơ bộ theo quy định của Hợp đồng bao gồm: sản phẩm bàn giao và các tài liệu theo quy định của Hợp đồng này. Trường hợp bên cung ứng dịch vụ bàn giao đầy đủ sản phẩm và tài liệu theo quy định Hợp đồng, đại diện giao nhận của hai Bên sẽ ký kết ***Biên bản bàn giao sơ bộ (PAC)***.

9.2 Sau khi hai Bên ký kết PAC, theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ, hai Bên cùng phối hợp cài đặt phần mềm trên môi trường kiểm thử do Bên thuê dịch vụ chỉ định. Bên cung ứng dịch vụ phải chuẩn bị kịch bản kiểm thử và đảm bảo các điều kiện cần thiết khác, bao gồm nhưng không giới hạn: các chỉ tiêu kỹ thuật về chức năng, hiệu năng, an toàn thông tin, tính tương thích. Sau khi phần mềm được cài đặt, theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ hai Bên sẽ tiến hành đánh giá kiểm thử hệ thống trên môi trường kiểm thử và dữ liệu giả lập, kiểm tra về tính năng, hoạt động của hệ thống. Nếu kết quả cho thấy hệ thống hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng thì hai Bên sẽ ký kết ***Biên bản bàn giao phần mềm (HOC).***

9.3 Kể từ ngày hai Bên ký kết HOC, Bên thuê dịch vụ bắt đầu vận hành chạy thử phần mềm tại địa điểm cài đặt do Bên thuê dịch vụ chỉ định trong vòng tối đa 10 (mười)

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ngày. Nếu kết quả chạy thử cho thấy phần mềm hoạt động tốt, ổn định, các chức năng đáp ứng theo đúng quy định của Hợp đồng và/hoặc đáp ứng theo yêu cầu của Bên Thuê dịch vụ thì hai Bên sẽ ký ***Biên bản nghiệm thu tổng thể (FAC)*** đồng thời với điều kiện Bên thuê dịch vụ chỉ kí Biên bản nghiệm thu tổng thể với Bên cung ứng dịch vụ sau khi Bên thuê dịch vụ hoàn thành nghiệm thu với khách hàng của Bên thuê dịch vụ.

9.4 Trong quá trình bàn giao, nghiệm thu: Nếu kết quả công việc do Bên cung ứng dịch vụ thực hiện không đáp ứng được yêu cầu của Hợp đồng thì Bên thuê dịch vụ có quyền từ chối nghiệm thu, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm chỉnh sửa lại cho phù hợp với quy định của Hợp đồng. Thời hạn chỉnh sửa theo yêu cầu cụ thể của Bên thuê dịch vụ tại thời điểm gửi yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên mà kết quả công việc vẫn không đáp ứng quy định của Hợp đồng thì được xác định là Bên cung ứng dịch vụ vi phạm toàn bộ Hợp đồng và phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại theo quy định của Hợp đồng. Đồng thời, theo quyết định của Bên thuê dịch vụ, Bên thuê dịch vụ có quyền hủy bỏ toàn bộ Hợp đồng và yêu cầu Bên cung ứng dịch vụ hoàn trả toàn bộ các khoản thanh toán (nếu có) mà Bên cung ứng dịch vụ đã nhận được. Bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ gỡ bỏ phần mềm và đảm bảo nguyên hiện trạng ban đầu khi chưa thực hiện việc cài đặt trong hệ thống của Bên thuê dịch vụ. Mọi chi phí liên quan đến việc chỉnh sửa hoặc trả lại sản phẩm lỗi sẽ do Bên cung ứng dịch vụ chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 10. Bản quyền Hệ thống

10.1. Bên cung ứng dịch vụ cam kết và đảm bảo không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào trong quá trình thực hiện công việc cho Bên thuê dịch vụ. Trong trường hợp xảy ra vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ, Bên cung ứng dịch vụ sẽ chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện và bồi thường (nếu có).

10.2. Sau khi Bên cung ứng dịch vụ bàn giao kết quả công việc cho Bên thuê dịch vụ theo quy định của Hợp đồng này, Bên thuê dịch vụ sẽ sở hữu toàn bộ bản quyền, quyền kinh doanh và tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan khác đối với toàn bộ Hệ thống phần mềm, mã nguồn phần mềm và tài liệu đi kèm do Bên cung ứng dịch vụ cung cấp cho Bên thuê dịch vụ theo Hợp đồng. Bên cung ứng dịch vụ không được chuyển giao, lắp đặt Hệ thống phần mềm mà Bên cung ứng dịch vụ gia công cho Bên thuê dịch vụ cho bất kỳ một bên thứ ba nào khác mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên thuê dịch vụ.

10.3. Bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ chấm dứt vô điều kiện và ngay lập tức việc sử dụng Hệ thống phần mềm ngay khi chấm dứt Hợp đồng này (cho dù là vào ngày hết hạn Hợp đồng hoặc trong trường hợp chấm dứt trước thời hạn) hoặc bất kỳ lúc nào và bất kỳ lý do nào theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ, trừ trường hợp do Bên thuê dịch vụ yêu cầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

10.4. Nếu một Bên thứ ba khiếu nại do bản quyền của họ bị xâm phạm bởi công việc mà Bên cung ứng dịch vụ thực hiện cho Bên thuê dịch vụ, Bên cung ứng dịch vụ sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu các chi phí trực tiếp hay gián tiếp do việc vi phạm bản quyền này gây ra, không ngoại trừ các chi phí cho việc thực hiện các lựa chọn sau đây theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ :

a. Lấy được văn bản xác nhận từ Bên thứ ba để Bên thuê dịch vụ có thể sở hữu Phần mềm mà không gặp phải bất kỳ hạn chế hay vấn đề khó khăn nào; hoặc

b. Sửa đổi các phần vi phạm bản quyền để Phần mềm đó không còn vi phạm bản quyền nữa mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên thuê dịch vụ; hoặc

c. Thay thế Phần mềm này bằng Phần mềm khác không vi phạm bản quyền với điều kiện được Bên thuê dịch vụ đồng ý; hoặc

d. Lấy lại Phần mềm có liên quan đến việc vi phạm bản quyền và hoàn trả lại tất cả các chi phí có liên quan và/hoặc các khoản tiền mà Bên thuê dịch vụ đã thanh toán.

Bên thuê dịch vụ trong khả năng của mình, sẽ phải kịp thời thông báo cho Bên cung ứng dich vụ, trong trường hợp có một Bên thứ ba trực tiếp hoặc gián tiếp khiếu nại về việc Phần mềm được cung cấp theo Hợp đồng của Bên cung ứng dịch vụ vi phạm bản quyền. Bên cung ứng dịch vụ sẽ phải trả cho Bên thuê dịch vụ tất cả các chi phí phát sinh nếu có.

Trong trường hợp, Bên cung ứng dịch vụ có vi phạm hoặc chậm trễ hoặc từ chối trách nhiệm giải quyết các khiếu nại về việc vi phạm bản quyền từ Bên thứ ba làm ảnh hưởng đến uy tín và kế hoạch kinh doanh của Bên thuê dịch vụ, Bên thuê dịch vụ (được quyền xem xét tùy vào mức độ vi phạm và từng trường hợp) có quyền gửi Bên cung ứng dịch vụ giấy đòi tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại và Bên cung ứng dich vụ phải chịu phạt bằng tám phần trăm (8%) giá trị Hợp đồng bị vi phạm và bồi thường thiệt hại (không cần chứng minh tổn thất) cho Bên thuê dịch vụ.

Điều khoản này vẫn có hiệu lực sau thời điểm Hợp đồng hết hiệu lực.

Điều 11. Bảo mật thông tin

Ngoại trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác và/hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật, mỗi Bên không được công bố hoặc cố tình tiết lộ cho bất kỳ một Bên thứ ba nào nội dung của Hợp đồng, và/hoặc các trao đổi giữa các Bên liên quan tới việc thương thảo hay thực hiện Hợp đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.

Điều khoản này vẫn có hiệu lực sau thời điểm Hợp đồng hết hiệu lực.

Điều 12. Bảo hành

12.1. Bên cung ứng dịch vụ phải có trách nhiệm bảo hành hệ thống phần mềm cho Bên thuê dịch vụ tại địa điểm do Bên thuê dịch vụ yêu cầu trong thời gian 12 tháng kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

12.2. Các dịch vụ bảo hành bao gồm việc sửa lỗi chức năng hệ thống do Bên cung ứng dịch vụ phát triển. Bên cung ứng dịch vụ không chịu trách nhiệm bảo hành đối với bất kỳ hỏng hóc hoặc tình huống nào xảy ra do nguyên nhân là lỗi chương trình khác, phần mềm hệ thống, phần mềm hệ điều hành, phần mềm mạng hoặc những lỗi do môi trường, vận hành, dữ liệu và lỗi phần cứng.

12.3. Sau khi nhận được yêu cầu bảo hành bằng văn bản hoặc điện thoại, fax, thư điện tử của Bên thuê dịch vụ, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm cử cán bộ, chuyên gia kỹ thuật của Bên cung ứng dịch vụ để nghiên cứu và đề xuất biện pháp khắc phục lỗi Hệ thống trong vòng hai tư (24) giờ kể từ khi Bên cung ứng dịch vụ nhận được yêu cầu của Bên thuê dịch vụ. Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm hoàn thành khắc phục lỗi trong thời hạn do Bên thuê dịch vụ thông báo tại từng thời điểm hoặc do hai Bên thỏa thuận.

12.4. Trong trường hợp nhận được thông báo cần hỗ trợ về các vướng mắc gặp phải trong quá trình sử dụng chức năng do Bên cung ứng dịch vụ cung cấp cho Bên thuê dịch vụ, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm trả lời hoặc hướng dẫn sử dụng ngay khi nhận được thông báo, yêu cầu hỗ trợ.

12.5. Bên cung ứng dịch vụ cam kết hỗ trợ kỹ thuật miễn phí, chỉnh sửa những phát sinh do thay đổi nghiệp vụ trong thời hạn bảo hành với điều kiện những phát sinh đó không làm thay đổi cấu trúc hoặc địa điểm triển khai Hệ thống.

Điều 13. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bảo đảm tạm ứng, Bảo lãnh bảo hành

Trong trường hợp các loại bảo đảm dưới đây được thực hiện bằng biện pháp nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng thì Bên cung ứng dịch vụ cam kết chịu trách nhiệm về việc các nội dung được hai bên thống nhất về bảo đảm sẽ được quy định đầy đủ tại thư bảo lãnh.

13.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm nộp cho Bên thuê dịch vụ một bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 02% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương với số tiền là: ..... VNĐ *(Bằng chữ: ...../.)*.
- Bảo đảm thực hiện Hợp đồng được thực hiện bằng biện pháp bằng đặt cọc bằng tiền mặt/séc bảo chi hoặc ký quỹ, hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật của Việt Nam để đảm bảo trách nhiệm thực hiện Hợp đồng của Bên cung ứng dịch vụ.
- Bảo đảm thực hiện Hợp đồng là loại vô điều kiện và không hủy ngang, có hiệu lực kể từ ngày phát hành và kéo dài đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành cộng thêm 15 ngày. Trong trường hợp Hai bên ký phụ lục gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm gia hạn thời gian của bảo đảm tương ứng với Phụ lục gia hạn đã ký. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn thuộc trách nhiệm của Bên cung ứng dịch vụ
- Bên thuê dịch vụ có quyền rút bảo đảm thực hiện Hợp đồng nếu Bên cung ứng dịch vụ từ chối thực hiện Hợp đồng sau khi Hợp đồng có hiệu lực, hoặc vi phạm các cam kết trong Hợp đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Nếu Bên cung ứng dịch vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng Hợp đồng hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên thuê dịch vụ thì số tiền Bảo đảm thực hiện Hợp đồng đó sẽ phải được trả ngay cho Bên thuê dịch vụ khi có yêu cầu của Bên thuê dịch vụ. Tất cả các chi phí đối với việc Bảo đảm này phải do Bên cung ứng dịch vụ chịu.

13.2. Bảo lãnh tạm ứng

- Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm nộp cho Bên thuê dịch vụ một bảo lãnh tạm ứng có giá trị 30% *(Bằng chữ:.....)* giá trị hợp đồng tương ứng số tiền **..... VNĐ** *(Bằng chữ: ...../.)*, do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
- Bảo đảm tạm ứng là loại vô điều kiện và không hủy ngang, có hiệu lực từ ngày Bên cung ứng dịch vụ nhận được tiền tạm ứng theo quy định của Hợp đồng cho đến khi Bên thuê dịch vụ thu hồi hết tiền tạm ứng theo quy định của Hợp đồng cộng thêm 15 ngày. Trong trường hợp Hai bên ký phụ lục gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm gia hạn thời gian của bảo đảm tương ứng với Phụ lục gia hạn đã ký. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn thuộc trách nhiệm của Bên cung ứng dịch vụ
- Bên thuê dịch vụ có quyền rút bảo đảm tạm ứng trong trường hợp Bên cung ứng dịch vụ sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích thực hiện hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, thực hiện không đúng quy định của hợp đồng hoặc Bên cung ứng dịch vụ không hoàn tiền, trả tiền tạm ứng trong trường hợp Bên cung ứng dịch vụ vi phạm, không thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng trái quy định trong Hợp đồng và pháp luật.
- Tất cả các chi phí đối với việc Bảo lãnh này do Bên cung ứng dịch vụ chịu.

13.3 Bảo lãnh bảo hành

- Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể, Bên cung ứng dịch vụ phải cung cấp cho Bên thuê dịch vụ một bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành vô điều kiện và không hủy ngang áp dụng cho phạm vi Bảo Hành ("Bảo lãnh Bảo hành") có trị giá là 05% tổng giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền là: ..... VNĐ *(Bằng chữ: ...../.)*.
- Bảo lãnh Bảo hành có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết thời gian bảo hành theo quy định của Hợp đồng và cộng thêm 15 (mười lăm) ngày.
- Bảo lãnh Bảo hành sẽ tự động được giải toả sau mười (10) ngày kể từ ngày hết hạn Bảo lãnh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Bên thuê dịch vụ có quyền rút bảo lãnh bảo hành nếu Bên cung ứng dịch vụ từ chối thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ bảo hành theo Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên thuê dịch vụ hoặc vi phạm các cam kết bảo hành.
- Trước ngày hết hạn Bảo lãnh bảo hành, nếu có bất cứ số tiền phạt và bồi thường thiệt hại nào mà Bên cung ứng dịch vụ chưa thanh toán thì Bên thuê dịch vụ được quyền rút bảo lãnh bảo hành. Trường hợp số tiền bảo lãnh bảo hành không đủ thanh toán cho các khoản nêu trên thì Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành thêm 01 (một) tháng nữa hoặc theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn Bảo lãnh bảo hành sẽ do Bên cung ứng dịch vụ chịu. Bảo lãnh bảo hành sẽ chỉ được giải tỏa nếu tất cả số tiền phạt và bồi thường thiệt hại đã được Bên cung ứng dịch vụ thanh toán
- Tất cả các chi phí liên quan đến Bảo lãnh Bảo hành sẽ do Bên cung ứng dịch vụ chịu.
- Địa điểm bảo hành: theo yêu cầu của Bên thuê dịch vụ.

Điều 14. Phạt vi phạm Hợp đồng và Bồi thường thiệt hại

14.1. Bên vi phạm Hợp đồng ngoài việc phải trả các khoản phạt theo quy định dưới đây thì còn phải bồi thường những thiệt hại phát sinh thực tế và trực tiếp cho bên kia do hành vi vi phạm Hợp đồng gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ do Các Bên thoả thuận và xác định trên cơ sở thực tế. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tiền bồi thường thiệt hại sẽ bao gồm thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm gây ra, kể cả tiền lãi phải trả cho ngân hàng hoặc các khoản thu nhập trực tiếp và thực tế không thu được do bị vi phạm Hợp đồng.

14.2. Bên thuê dịch vụ (được quyền xem xét tùy vào mức độ vi phạm và từng trường hợp) có quyền gửi Bên cung ứng dịch vụ giấy đòi tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại khi Bên cung ứng dịch vụ vi phạm Hợp đồng theo các mức được quy định dưới đây. Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm trả tiền phạt và bồi thường trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền phạt hoặc bồi thường.

. Trường hợp Bên cung ứng dịch vụ vi phạm các quy định của Hợp đồng thì phải chịu mức phạt bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Đối với các nghĩa vụ không xác định giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, hai Bên thống nhất: Trường hợp Bên cung ứng dịch vụ vi phạm các nghĩa vụ này được hiểu là vi phạm toàn bộ hợp đồng và phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng. Trong các trường hợp thuộc điều này, Bên thuê dịch vụ theo quyết định của mình có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

14.4 Nếu Bên thuê dịch vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 6 nêu trên thì Bên thuê dịch vụ phải chịu phạt 0,1% giá trị thanh toán bị chậm cho mỗi ngày chậm thanh toán nhưng tổng số tiền phạt vi phạm không vượt quá 8% giá trị thanh toán bị chậm.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

14.5 Nếu một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương chấm dứt theo quy định Hợp đồng hoặc của pháp luật thì phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng.

.6 Bên thuê dịch vụ được khấu trừ các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại, lãi suất chậm trả từ các khoản thanh toán phải trả cho Bên cung ứng dịch vụ hoặc từ các khoản bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo đảm tạm ứng, bảo đảm bảo hành.

Điều 15. Bất khả kháng

15.1. "Bất khả kháng" là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được làm ảnh hưởng tới việc thực hiện Hợp đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của mỗi bên hoặc các bên. Sự kiện Bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, dịch bệnh, thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà các Bên không thể biết trước được vào thời điểm giao kết và thực hiện Hợp đồng, hệ thống của mỗi Bên hoặc các Bên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác và các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.

15.2. Trường hợp một Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng ("Bên bị ảnh hưởng"), Bên bị ảnh hưởng sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại ("Bên không bị ảnh hưởng") bằng văn bản về sự kiện bất khả kháng, bằng chứng về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng, khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và những hậu quả có thể xảy ra liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và thường xuyên thông báo về quá trình khắc phục, giải quyết sự kiện bất khả kháng.

15.3. Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thực hiện mọi nỗ lực và các biện pháp cần thiết để giảm thiểu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình.

15.4. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra thì nghĩa vụ của các Bên theo Hợp đồng tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt hoặc bị loại bỏ.

15.5. Trừ quy định tại Khoản 15.6 Điều này, Bên bị ảnh hưởng sẽ không bị coi là vi phạm các quy định của Hợp đồng hoặc chịu trách nhiệm đối với Bên còn lại do việc chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ của mình (quy định này chỉ áp dụng đối với những nghĩa vụ không thể thực hiện được do ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng). Trường hợp Sự kiện Bất khả kháng kéo dài hơn ba mươi [30] ngày thì một Bên có quyền gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên còn lại. Trong trường hợp này, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày gửi văn bản thông báo. Khi Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều này, các Bên có nghĩa vụ hợp tác để giải quyết các nghĩa vụ còn tồn đọng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

15.6. Trường hợp Bên bị ảnh hưởng không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 15.2 và 15.3 Điều này thì các quy định tại Khoản 15.5 Điều này sẽ không được áp dụng và các bên có nghĩa vụ tuân thủ theo các quy định Hợp đồng.

15.7. Khi kết thúc sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia biết, nếu không thông báo kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chuyển nhượng, chuyển giao Hợp đồng

16.1. Các Bên cam kết và đảm bảo sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp pháp để Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực đối với người kế thừa quyền sở hữu của Mỗi Bên.

16.2. Không bên nào được chuyển nhượng hoặc chuyển giao cho một bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

Điều 17. Chấm dứt hiệu lực hợp đồng

17.1 Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng đã được hoàn thành và hai Bên đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.
- Theo thỏa thuận của hai Bên. Trong trường hợp đó, hai Bên sẽ thoả thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp đồng.
- Bên thuê dịch vụ đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên cung ứng dịch vụ vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng và không thực hiện khắc phục được những vi phạm trên trong thời gian hợp lý được nêu trong Thông báo của Bên thuê dịch vụ;
- Bên thuê dịch vụ được quyền chấm dứt Hợp đồng khi thông báo cho Bên cung ứng dịch vụ trước ngày dự kiến chấm dứt.
- Bên cung ứng dịch vụ bị phá sản, giải thể;
- Các trường hợp khác quy định trong Hợp đồng và theo quy định của pháp luật

17.2 Trong trường hợp Bên thuê dịch vụ đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo khoản 17.1 Điều này, Bên thuê dịch vụ có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên cung ứng dịch vụ đã không thực hiện. Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên thuê dịch vụ có quyền yêu cầu và trong trường hợp đó, Bên cung ứng dịch vụ sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên thuê dịch vụ những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên cung ứng dịch vụ vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành cho việc thực hiện phần Hợp đồng đó.

17.3 Trong trường hợp Bên thuê dịch vụ đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo khoản 17.1 Điều này, Bên thuê dịch vụ không phải chịu bất cứ chi phí hay nghĩa vụ bồi thường nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên thuê dịch vụ được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

17.4 Để tránh nhầm lẫn, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ bảo hành của Bên cung ứng dịch vụ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Điều 18. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

18.1 Hợp đồng được điều chỉnh và giải thích theo các quy định hiện hành của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

18.2 Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp đồng, hai Bên sẽ cố gắng giải quyết bằng con đường thương lượng

18.3 Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu Bên kia giải quyết tranh chấp thì hai Bên sẽ đưa yêu cầu ra Toà án có thẩm quyền tại nơi có trụ sở chính của Bên thuê dịch vụ để giải quyết theo luật định, phán quyết của Toà án sẽ là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc đối với các Bên.

18.4 Án phí và mọi chi phí có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp theo quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu.

Điều 19. Điều khoản chung

19.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được đại diện hợp pháp của hai Bên ký kết và Bên thuê dịch vụ nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên cung ứng dịch vụ.

19.2 Hợp đồng có tính ràng buộc và có hiệu lực pháp luật đối với Các Bên cũng như các tổ chức kế thừa quyền lợi và trách nhiệm của Các Bên theo Hợp đồng.

19.3 Các bên thống nhất chỉ áp dụng cách tính thời hạn hiệu lực đối với các loại bảo đảm theo quy định trong Hợp đồng này

19.4 Nếu bất kỳ một hoặc một số quy định trong Hợp Đồng bị coi là vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không có hiệu lực thi hành theo pháp luật Việt Nam thì tính hiệu lực, hợp pháp và hiệu lực thi hành của các qui định còn lại của Hợp Đồng sẽ không bị ảnh hưởng hoặc suy giảm bằng bất kỳ cách thức nào.

19.5 Hai bên thống nhất các điều khoản về cam kết chất lượng dịch vụ, bảo mật thông tin, sở hữu trí tuệ, bảo hành, bảo lãnh bảo hành, phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại, luật áp dụng và giải quyết tranh chấp sẽ duy trì hiệu lực áp dụng kể cả khi Hợp đồng đã thanh lý hoặc chấm dứt trong bất kỳ trường hợp nào.

19.6 Trong trường hợp Hợp đồng này được Bên sử dụng dịch vụ ký bằng chữ ký số (CA), Bên cung ứng dịch vụ chấp thuận và cam kết thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này.

19.7 Hợp đồng chấm dứt hiệu lực sau khi Hai Bên hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ đối với nhau và tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ	ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ DỊCH VỤ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 160/QĐ-VTS
Ngày ban hành: 08/01/2026

PHỤ LỤC 01:
YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ SẢN PHẨM BÀN GIAO

(Đính kèm Hợp đồng số ……..ký ngày tháng năm)

Chi tiết tại Chương III. Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT

434998 _Dao Nguyen Tung_ 09:30 08/01/2026
Tong Giam doc Nguyen Manh Ho da ky; 08/01/2026 06:38:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

PHỤ LỤC 02:
KPI ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM

(Đính kèm Hợp đồng số .....ký ngày tháng năm)

TT	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Ý nghĩa	Cách thức đánh giá	Giá trị ngưỡng dưới (L1)	Giá trị ngưỡng trên (L2)	Điểm tối đa	Cách tính
1	Tiến độ	Tính yêu cầu, mốc bàn giao đúng hạn	Đánh giá tính đúng hạn các yêu cầu, mốc bàn giao của đối tác cho Viettel	X = Tổng số mốc giao cho đối tác có kết quả hoàn thành đúng hạn/Tổng số mốc giao cho đối tác theo HĐ trong chu kì (tháng/quý...) - Tỉ lệ mốc hoàn thành đúng hạn theo hợp đồng = 100% - Tỉ lệ mốc hoàn thành tại từng milestone: Không có ngưỡng, ĐVSX tự đánh giá sắp xếp các đối tác	80%	100%	35	- Nếu X < L1. Điểm đạt=0. - Nếu L1 ≤ X ≤ L2. Điểm đạt = 35 * Số mốc đúng tiến độ/ Tổng số mốc cần hoàn thành trong chu kì - Cộng 2 điểm cho 1 ngày vượt tiến độ (phải đảm bảo các tiêu chí chất lượng). Điểm cộng tối đa 10 điểm
2	Chất lượng	Tỉ lệ yêu cầu, mốc bàn giao đáp ứng tiêu chuẩn ATTT	Đánh giá chương trình ứng dụng, source code của đối tác bàn giao theo các tiêu chuẩn ATTT tập đoàn Viettel đã ban hành (kiểm tra bằng công cụ và kiểm tra thủ công…)	X = Tổng số mốc hoàn thành đáp ứng tiêu chuẩn ATTT/Tổng số mốc cần hoàn thành trong chu kỳ (tháng/quý...). - Mỗi yêu cầu, mốc hoàn thành đối tác bàn giao không được vi phạm lỗi theo tiêu chuẩn ATTT - Tỉ lệ đáp ứng tiêu chuẩn ATTT = 100%	80%	100%	15	- Nếu X < L1. Điểm đạt = 0. - Nếu L1 ≤ X ≤ L2. Điểm đạt = 15 * Số mốc hoàn thành đáp ứng chất lượng / Tổng số mốc cần hoàn thành trong chu kỳ
3		Tỉ lệ yêu cầu, mốc bàn giao đáp ứng tiêu chuẩn mã nguồn	Đánh giá chương trình ứng dụng, source code của đối tác bàn giao theo các tiêu chuẩn mã nguồn Tập đoàn Viettel đã ban hành (kiểm tra bằng công cụ SonarQ)	X = Tổng số mốc hoàn thành đáp ứng tiêu chuẩn Mã nguồn/Tổng số mốc cần hoàn thành trong chu kỳ (tháng/quý...). - Mỗi yêu cầu, mốc hoàn thành đối tác bàn giao không được vi phạm lỗi theo tiêu chuẩn - Tỉ lệ đáp ứng tiêu chuẩn Mã nguồn = 100%	80%	100%	15	- Nếu X < L1. Điểm đạt = 0. - Nếu L1 ≤ X ≤ L2. Điểm đạt = 15 * Số mốc hoàn thành đáp ứng chất lượng / Tổng số mốc cần hoàn thành trong chu kỳ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Ý nghĩa	Cách thức đánh giá	Giá trị ngưỡng dưới (L1)	Giá trị ngưỡng trên (L2)	Điểm tối đa	Cách tính
4		Tỉ lệ yêu cầu, mốc bàn giao đảm bảo chất lượng chức năng chương trình	Đánh giá, kiểm thử chất lượng chương trình ứng dụng, source code, tài liệu ngay sau khi đối tác bàn giao có đáp ứng yêu cầu chức năng, còn phát sinh lỗi theo tài liệu giải pháp Viettel cung cấp không?	X = Tổng số yêu cầu, mốc hoàn thành đáp ứng chất lượng chức năng chương trình/Tổng số yêu cầu, mốc cần hoàn thành trong chu kỳ (tháng/quý...). - Mỗi yêu cầu bàn giao, mốc hoàn thành được xem là đáp ứng chất lượng nếu không phát sinh quá 10 lỗi/tháng lập trình - Tỉ lệ yêu cầu, mốc hoàn thành đáp ứng chất lượng chức năng chương trình = 100% - Mỗi loại lỗi được phân loại theo 03 mức: Cao (critical/blocker), Trung bình (major) và Thấp (minor). - Quy đổi lỗi: 01 Cao = 02 Trung bình = 04 Thấp.	80%	100%	20	- Nếu X < L1. Điểm đạt = 0. - Nếu L1 ≤ X ≤ L2. Điểm đạt = 20 * Số mốc hoàn thành đáp ứng chất lượng / Tổng số mốc cần hoàn thành trong chu kỳ
5		Tỉ lệ lỗi lọt sau triển khai	Đánh giá mức độ lọt lỗi phát sinh trong thời gian bảo hành hệ thống, đối với phần chức năng do đối tác thực hiện ghi nhận trên hệ thống quản lý IBM hoặc hệ thống quản lý GNOC, email, văn bản, báo cáo,….	X = Tổng số hệ thống đáp ứng tỉ lệ lỗi lọt sau triển khai/Tổng số hệ thống đã triển khai do đối tác thực hiện outsource trong chu kỳ đánh giá. - Mỗi hệ thống triển khai được xem đáp ứng chỉ tiêu lỗi lọt nếu phát sinh không quá 1 lỗi/tháng - Tỉ lệ hệ thống đáp ứng lỗi lọt sau triển khai = 100%	80%	100%	5	- Nếu X < L1. Điểm đạt = 0. - Nếu L1 ≤ X ≤ L2. Điểm đạt = 5 * Tổng số hệ thống đáp ứng tỉ lệ lỗi lọt sau triển khai/Tổng số hệ thống đã triển khai do đối tác thực hiện outsource trong chu kỳ đánh giá.
6	Hỗ trợ xử lý lỗi, sự cố	Tỉ lệ sự cố, lỗi sau triển khai được hỗ trợ kịp thời	Đánh giá khả năng hỗ trợ đáp ứng xử lý lỗi, ứng cứu sự cố.	X = Tổng số lỗi, sự cố đáp ứng thời gian hỗ trợ/Tổng số lỗi, sự cố phát sinh trong chu kỳ. - Thời gian hỗ trợ: Thời gian tính từ thời gian đầu mối Viettel gửi thông tin yêu cầu cho đối tác qua mail hoặc điện thoại để	80%	100%	5	- Nếu X < L1. Điểm đạt = 0.- Nếu L1 ≤ X ≤ L2. Điểm đạt = 5 * Tổng số lỗi, sự cố đáp ứng thời gian hỗ trợ/Tổng số lỗi, sự cố phát

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Ý nghĩa	Cách thức đánh giá	Giá trị ngưỡng dưới (L1)	Giá trị ngưỡng trên (L2)	Điểm tối đa	Cách tính
				yêu cầu phối hợp xử lý sự cố hoặc khắc phục lỗi phát sinh. - Mỗi lỗi, sự cố được xem đáp ứng thời gian hỗ trợ nếu: + Nếu cần phối hợp ứng cứu thông tin thì đối tác trong vòng 4h phải cử nhân sự sang Viettel hỗ trợ, từ khi Viettel thông báo.+ Nếu phát sinh lỗi sau triển khai thì: ++Trong vòng 1 ngày từ khi Viettel thông báo lỗi: đối tác phải có đầu mối tiếp nhận lỗi để xử lý ++ Trong vòng 2 ngày từ khi Viettel thông báo lỗi: đối tác phải có thông tin giải pháp khắc phục và kế hoạch xử lý lỗi sau triển khai. - Tỉ lệ sự cố, lỗi sau triển khai được hỗ trợ kịp thời = 100%				sinh trong chu kỳ.

- **Giảm trừ giá trị hợp đồng do Bên cung ứng dịch vụ không đạt KPI chất lượng sản phẩm:**

Bên thuê dịch vụ thực hiện đánh giá Bên cung ứng dịch vụ theo bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đối tác thuê ngoài được quy định tại Phụ lục này. Trường hợp Bên thuê dịch vụ đánh giá Bên cung ứng dịch vụ không đạt KPI chất lượng và có bằng chứng rõ ràng về việc không đạt KPI theo quy định tại Phụ lục này, ngoài việc yêu cầu Bên cung ứng dịch vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, Bên thuê dịch vụ sẽ gửi công văn thực hiện biện pháp giảm trừ giá trị hợp đồng theo quy định cụ thể dưới đây:

Trung bình: KPI tổng thể (≥70% và <80%): Trường hợp Bên cung ứng dịch vụ không đáp ứng theo mức quy định ở trên, mức giảm trừ áp dụng đối với trường hợp này là 5% giá trị phần hợp đồng không đáp ứng.

Kém: KPI tổng thể (≥60% và <70%): Trường hợp Bên cung ứng dịch vụ không đáp ứng theo mức quy định ở trên, mức giảm trừ áp dụng đối với trường hợp này là 8% giá trị phần hợp đồng không đáp ứng.

Không đạt: KPI tổng thể (<60%): Trường hợp Bên cung ứng dịch vụ không đáp ứng theo mức quy định ở trên, Bên thuê dịch vụ có quyền hủy hợp đồng và Bên cung ứng dịch vụ sẽ phải hoàn trả lại cho Bên thuê dịch vụ các khoản đã tạm ứng theo quy định của Hợp đồng (nếu có), ngoài ra phải bồi thường thiệt hại cho Bên thuê dịch vụ theo quy định tại khoản 14.1 Hợp đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm